

Kinh lời vàng

Tác giả: Dương tú Hạc
Dịch giả: HT Thích Trí Nghiêm

---o0o---



Mục Lục

Lời tựa

PHẦN THỨ NHẤT - QUY Y

CHƯƠNG I TÍN NGƯỠNG

CHƯƠNG II NIỆM PHẬT

CHƯƠNG III SÁM HỐI

PHẦN THỨ HAI - NGÔN HÀNH

CHƯƠNG I : TU THIỆN PHÁ ÁC

CHƯƠNG II TỰ LỢI

- a. Chế tâm
- b. Thật ngữ
- c. Nhân thọ
- d. Cần tiến
- e. Sắc dục
- f. Hổ trên
- g. Lìa các trộm cướp
- h. Rượu có nhiều lỗi

i. Điều hòa bốn đại

CHƯƠNG III: LỢI THA

- a. Biết ơn trả ơn
- b. Vua Tôi Chủ Tớ
- c. Khen ngợi hiếu lành
- d. Đạo thầy trò
- e. Bằng hữu thiện ác
- f. Đạo vợ chồng
- g. Từ là cội gốc
- h. Người thăm bệnh

CHƯƠNG IV: TAM BẢO

- a. Phật bảo
- b. Pháp Bảo
- c. Tăng bảo
- d. Cứu khổ cho vui

PHẦN THỨ BA - NHƠN QUẢ

CHƯƠNG I: MUÔN VẬT TRONG VŨ TRỤ

- a. Thật tướng của muôn vật
- b. Muôn vật sanh khởi

CHƯƠNG II: CHÚNG SANH

- a. Vô thường
- b. Thân người
- c. Tâm người
- d. Tội ác
- e. Nghiệp báo
- f. Luân hồi
- g. Công hạnh và từng bậc giải thoát

CHƯƠNG III: PHẬT ĐÀ

- a. Từ Bi
- b. Trí tuệ
- c. Cứu tế
- d. Pháp thân
- e. Niết bàn

PHỤ LỤC 26 Điều Duyên khởi

Đôi nét về HT. Thích Trí Nghiêm

LỜI TỰA

Quyển **Kinh Lời Vàng** này nguyên danh là " Phật Giáo Thánh Kinh " do nữ Phật tử Dương Tú Hạc biên trước bằng Hán Văn (người Trung Hoa). Nữ Phật tử đã dày công trích yếu trong ba tạng giáo điển: Kinh, Luật, Luận, những đoạn cốt yếu cao siêu, thích ứng, thiết thực, rõ ràng và dễ hiểu.

Trích yếu ba tạng gồm có 175 bộ vừa Kinh, Luật, Luận. Tổng số được mười vạn lời.

Những bộ Kinh vĩ đại nhất của Phật Giáo đều có mặt ở trong này là như : bộ Đại Bát Nhã 600 quyển, bộ Tạp Thí Dụ 80 quyển, bộ Hoa Nghiêm 80 quyển. Riêng bộ Hoa Nghiêm được trích dẫn đến 80 lần.

Một công trình biên khảo ngàn ấy giáo điển tập thành một quyển Kinh tổng hợp đầy đủ năm Thừa giáo lý từ thấp lên cao. Nội dung phân khoa chia mục trình bày thứ tự theo phương pháp khoa học rất dễ hiểu, khiến cho độc giả sau khi đọc xong tiện bề thu thập ghi nhớ, tránh được nỗi phiền phức phải lần quần trong rừng giáo lý.

Còn về nội dung hay dở thế nào, lẽ dĩ nhiên xin độc giả gắng đọc rồi sẽ biết.

Muốn thay cho lời tựa này được đầy đủ ý kiến, dịch giả xin dịch hai bức thư bằng Hán văn sau đây : Một của dịch giả xin phép biên giả để dịch in, một của biên giả phúc đáp vui lòng đồng ý.

Thích Trí Nghiêm

Phật lịch 2506

**Nha Trang ngày 20 tháng 10 năm Nhâm Dần
(Tức ngày 16 tháng 11 năm 1962)**

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

Tôi Tỳ Kheo hiệu TRÍ NGHIÊM kính gửi thư này đến Dương Tú Hạc nữ Phật tử, vui lòng xem xét.

Thưa Bà.

Tình cờ tôi gặp được quyển " [Phật Giáo Thánh Kinh](#) " sau khi tôi xem xong bài tựa mới biết Bà đã nhiều năm lăm công, say sưa với ba Tạng Giáo lý mà biên chép thành. Và sau khi đọc kỹ trọn quyển, tôi nhận thấy nội dung Giáo lý và lối phân khoa chia mục rất có giá trị, từ xưa đến nay những kẻ biên chép Giáo lý chưa từng sánh kịp. Do đó nên tôi muốn phiên dịch và ấn hành để truyền bá Giáo lý của Đức Phật Đà. vậy nên tôi mới gửi thư này đến xin Bà vui lòng cho tôi được mãn nguyện.

Thưa Bà.

Sở dĩ tôi muốn làm việc này, không phải tôi, vì tôi mà là vì lợi ích cho kẻ khác, cũng như ý nguyện của Bà vậy.

Nguyên do tôi thấy bài tựa của Bà ở đầu Kinh có 4 điều chí nguyện, trong điều thứ 4 có nguyện rằng : " Tôi xuất bản quyển Kinh này với ý định là muốn sau khi phát hành thu được tài chánh vào, còn dư ít nhiều để làm món tiền cơ sở mà kiến thiết " Quan Âm Cô nhi viện ". Vì lòng tôi rất thương yêu các em cô nhi đáng thương ấy v.v..."

Thật quý hóa quá ! Như thế là đã bộc lộ tinh thần muốn hướng Phật Giáo về với sự nghiệp từ thiện, cứu tế xã hội rất rõ rệt.

Thưa Bà.

Hiện nay tại Việt Nam chúng tôi cũng đã có một cơ sở Cô Nhi Viện của Hội Phật Giáo Việt Nam hiện đặt tại thị xã Tuy Hoà thuộc tỉnh Phú Yên. Hiện nay tại Viện đã có hơn một trăm em cô nhi bạc phước năm ngo ngoe la khóc ngày đêm thật đáng thương.

Viện này hiện do Tỉnh Hội Phật Giáo Phú Yên quản trị, và nhờ các Ni cô thường trực chăm sóc.

Về việc tài chánh để chi độ hằng ngày thì rất là thiếu thốn, cũng bởi một phần vì thời cuộc gây nên.

Vì lẽ trên nên tôi muốn dịch quyển Kinh này sang tiếng Việt văn, và đem bản dịch cho Cô nhi Viện nói trên ấn hành mà kiếm chút ít của để góp một phần tài chánh làm cơ sở mà nuôi các em cũng y như ý nguyện của Bà vậy.

Nếu được Bà hoan hỉ việc này là Bà đã ban cho hàng ngàn vạn lon sữa cam lồ pháp nhũ, các em được hân hạnh sung sướng bú mút ngày đêm. Thế thì tôi làm việc này cũng chỉ là thi hành chí nguyện của Bà chớ có khác chi đâu ?

Lại nữa, nếu được Bà đồng ý thì có hai điều lợi ích : Một là truyền bá Giáo lý của Đức Phật, hai là cứu độ những đứa con bạc phước của loài người. Vậy là chúng ta phụng thờ lòng Từ bi của Phật bằng cách cứu người như Ngài đã làm !

Và còn một điều nữa tôi xin thưa luôn : Nếu được Bà vui lòng cho tôi toàn quyền dịch in thời thật là muôn phần tốt đẹp, hoặc giả cho trong phạm vi hữu hạn thì cũng tốt vậy.

Sau khi gửi thư này, tôi trông đợi lời phúc đáp của Bà.

Đến đây vì giấy hẹp lời quê nên không viết được nữa. Tôi xin thành tâm cầu nguyện:

TAM BẢO gia hộ : Thiện tín họ Dương, Phật tử chân chánh, thân tâm dũng mãnh, Phước Huệ song tu, Lòng Từ rộng lớn. Thọ Bồ Tát giới, Tu Bồ Tát hạnh, chúng sanh khắp nhờ, Phước Quả vô biên. Kính cầu :

Đạo an
Nay kính thư

Ký tên : THÍCH TRÍ NGHIỆM

Thư Phúc Đáp của bà Dương Tú Hạc

Kính Ngài TRÍ NGHIỆM Thượng Nhon

Vâng đọc bức thư Pháp giáo đề ngày 20 tháng 10 âm lịch do Pháp sư Siêu Trần chuyển đến Đệ tử lấy làm vui sướng vô cùng.

Ngài là người Đức trọng Đạo cao, được bốn chúng trong nước Đệ tử kính mến từ lâu; Nhưng riêng Đệ tử chỉ vì nhân duyên còn lận đận nên chưa có thể vượt non qua bể, đến hầu Pháp với Ngài, thật nghĩ cảm cho kẻ phước mỏng này.

Đệ tử, vì nghiệp nặng chướng dày, đã tự mình cam lòng làm kẻ tín đồ Cơ đốc giáo hơn 20 năm trời rồi mới gặp cơ duyên quay về cửa Phật.

Sau khi vào cửa Phật, được nhờ các bậc Sư hữu chỉ mê khai ngộ cho đội ba phen mà chỉ mới mừng tượng con đường của kiếp " Nhon sanh đại đạo " là thế nào !

Rồi Đệ tử liền phát tâm lập chí đóng cửa xem Kinh, mới nhận thấy Phật Pháp là vĩ đại, Kinh Tạng uyên thâm là dường nào; tất cả các môn học của thế gian không làm sao

sánh kịp. Do đó mới đem chỗ tâm đắc trong thời xem Kinh, trích yếu chép ra biên thành quyển **Phật Giáo Thánh Kinh** này.

Quyển Kinh này toàn lấy pháp thế gian và xuất thế gian của Đức Phật đã nói mà làm tài liệu cho trung tâm tư tưởng để biên trước với mục đích giải trừ kỹ nghệ nguyên tử cho xã hội nhân dân tiện bề đối với " PHẬT HỌC " mà học Phật nghiên cứu và tu trì.

Lại gặp duyên may, lúc bấy giờ có ông Bộ trưởng Quốc Gia Giáo Dục là **Trương Kỳ Quân** được Ông xem đọc kỹ càng ba phen và ông công nhận là quyển sách rất hay từ trước đến nay chưa từng có. May hơn nữa, là ông đã vui lòng cho một số tiền để xuất bản quyển sách. Ấy là một nhân duyên to tát mà **Phật Giáo Thánh Kinh** được ra chào đời. Được xuất bản vào mùa Phật Đản, từ năm Dân Quốc thứ 46 (tức năm 1957).

Qua năm Dân quốc thứ 47 thì Đệ tử tự nguyện nhận lãnh chức Viện Trưởng **cho Dục Ấu Viện** do bộ Tư lệnh Không Quân sáng lập. Viện này vừa mới sáng lập với mục đích là chỉ thu dưỡng những con em của ngành Không quân mà thôi. Kể đến nay đã được 5 năm, tất cả công việc của Viện cũng được thuận lợi đẹp lòng và khả quan. Ấy cũng là nhờ nguyện lực Bất khả tư nghĩ vậy.

Nay nhơn Ngài có quan tâm đến quyển sách, nên mới đem tình cảnh như trên mà lược bày cho Ngài hiểu.

Còn về việc biên chép quyển sách này nếu Ngài chẳng cho là vụng về mà phát tâm dịch sang chữ Việt và đem cho Cô nhi viện của quý xứ ấn hành để góp phần cơ sở tài chánh mà nuôi các em, ấy là một nghĩa cử cao cả. Đệ tử rất tán đồng không có gì trở ngại chỉ xin sau khi in xong gởi cho vài quyển để làm kỷ niệm mà thôi, rất mong.

Cuối thư Đệ tử xin kính chúc Tâm Bồ Đề Ngài ngang với tâm Phật, công đức vô lượng.

Nay phụng phúc đáp. Kính cầu.

PHẬT AN
Đệ tử DƯƠNG TỬ HẠC **đảnh lễ**

Dục Ấu Viện Không Quân Đài Bắc ngày 15-12-1962(tức là ngày 19 tháng 11 năm Nhâm Dần)

Kinh lời vàng

Tác giả: Dương tú Hạc
Dịch giả: HT Thích Trí Nghiêm

---o0o---

PHẦN THỨ NHẤT

QUY Y

CHƯƠNG I

TÍN NGƯỠNG

Quay về nương dựa nên gọi là quy y. Hành tướng quy y như con theo cha mẹ, nương dựa phục tùng; như dân nương nhờ vua, như người yếu nương nhờ kẻ mạnh. Nương Phật như thầy, nên gọi là quy y Phật. Nhờ pháp như thuốc, nên gọi là quy y Pháp. Nương Tăng là bạn, nên gọi là quy y Tăng.

Kinh Đại Thừa Nghĩa

Như người có tay, vào trong núi báu, tự do lấy ngọc; người có lòng tin cũng vậy, vào trong Phật pháp, tự do lấy của báu vô lậu.

Kinh Hoa Nghiêm

Như người không tay tuy đến núi báu, không lấy được gì. Người không lòng tin, dầu gặp Tam bảo cũng không ích gì.

Kinh Tâm Địa Quán

Phật pháp như biển cả, phải có lòng tin mới vào được.

Luận Trí Độ

Vào biển Phật pháp, lấy lòng tin làm gốc; qua sông sanh tử, lấy giới pháp làm thuyền.

Kinh Tiểu Địa Quán

Ví như nhà vua, tạo lâu đài nơi bên thành, xây đắp chắc chắn, khiến không thể hư nát; bề trong quốc gia yên ổn, bề ngoài ngự phòng oán địch. Phật tử cũng vậy, phải kiên cố lòng tin tưởng đức Như Lai, khi lòng tin đã vững vàng thì quyết không theo những kẻ sa môn ngoại đạo phạm chí ác ma và ác thế gian. Ấy là đã xây dựng được lòng tin như lâu đài bền chắc. Là Phật tử phải bỏ điều ác, điều xấu mà tu các pháp lành.

Kinh Trung A Hàm

Người có lòng tin mà không hiểu giáo lý thì dễ tăng trưởng vô minh mờ ám, người hiểu giáo lý mà không lòng tin thì dễ tăng trưởng tà kiến. Cho nên lòng tin và hiểu biết phải cùng đủ mới làm cội gốc tu hành.

Kinh Niết Bàn

Tin chơn lý thường trú gọi là lòng tin.

Kinh Lăng Nghiêm

Vì muốn đến niết bàn, nên tin Phật pháp, cần phải nghe mới được trí huệ, chẳng phải buông lung mà thông suốt; được như vậy thì lo gì đời này không vào được cảnh giới cao tốt.

Kinh Tăng Nhứt A Hàm (văn Ba lị)

Lòng tin làm nhơn cho nghe pháp, nghe pháp làm nhơn cho lòng tin.

Kinh Niết Bàn

Đến bạn lành, được nghe pháp mầu nhiệm là được pháp các bậc thánh tôn yêu quý. Đức Như Lai trí tuệ hơn hết, trùm khắp hư không, nói ra giáo pháp, duy có Phật mới có thể hiểu thấu được. Vậy nên các người cần phải nghe nhiều hiểu rộng chánh pháp, mới tin nổi lý chơn thiệt chánh pháp của Ta. Được làm thân người trong cõi người rất khó, mà được gặp giáo pháp Như Lai lại càng khó hơn. Vậy nên nghe được giáo pháp phải tinh tấn tu trì.

Kinh Vô Lượng Thọ Như Lai Hội

Nhơn duyên được nghe chánh pháp, là gần gũi bạn lành; hơn duyên gần gũi bạn lành đó là lòng tin vậy. Phát được lòng tin có hai hơn duyên là: nghe pháp và suy nghĩ nghĩa lý của pháp.

Kinh Niết Bàn

Nói lòng tin có 4 món: một là lòng tin cội gốc, nghĩa là ưa nghĩ pháp chơn như; hai là tin đức Phật có vô lượng công đức, thường nhớ gần gũi, cúng dường, cung kính phát khởi căn lành để cầu xin nhất thế trí; ba là tin Pháp có nhiều lợi ích, thường nhớ tu hành cho rốt ráo; bốn là tin Tăng hay tu hành hạnh lợi mình và người, thường ưa gần gũi các vị Bồ tát cầu học hạnh như thật.

Luận Khởi Tín

Lòng tin lại có 2 món: một là từ nghe mà sanh, hai là từ nghĩ mà sanh. Những người từ nghe sanh mà chẳng từ nghĩ sanh, thì gọi là lòng tin chẳng đầy đủ. Còn có 2 món nữa: một là tin có Đạo, hai là tin có chứng Đạo. Lòng tin người nào chỉ tin có Đạo mà chẳng tin có các người chứng Đạo, ấy gọi là lòng tin chẳng đầy đủ.

Kinh Niết Bàn

Nếu có chúng sanh rõ tin Phật trí cho đến thắng trí, rồi tu các công đức để hồi hướng lòng tin. Những chúng sanh này ở trong hoa bầy báu, tự nhiên hóa sanh: xếp bằng mà ngồi trong chùng giây lát, thân thể sáng rực, trí tuệ công đức như các Bồ tát đầy đủ trọn vẹn.

Kinh Vô Lượng Thọ

Có lòng tin mới là Phật tử, vậy nên kẻ trí phải thường gần gũi người có lòng tin.

Kinh Bảo Tích

Nếu cầu Bồ đề để làm lợi ích chúng sanh, ấy là những kẻ vì chúng sanh hơn hết vậy; hạng này còn không thể so sánh huống là bậc trên nữa. Vậy nên đã được nghe các pháp này, kẻ trí thường sanh tâm vui pháp sẽ được đại phước không lường và mau được chứng đạo vô thượng.

Kinh Xuất Sanh Bồ Đề Tâm

Hoặc có người nói: Quả vô thượng chánh đẳng chánh giác, do lòng tin làm nhen. Thật ra chánh nhen của bồ đề (tức chánh đẳng giác) tuy còn nhiều vô lượng, nhưng nếu nói lòng tin, tức đã bao quát hết rồi vậy.

Kinh Niết Bàn

Bồ đề Tâm là con đường lớn, vì có thể đưa người được vào cõi Nhất thế trí.

Bồ đề Tâm là con mắt sáng, vì có thể xem thấy hết thấy đường chánh nẻo tà.

Bồ đề Tâm là mặt trăng sáng, vì soi rõ các tịnh pháp đều viên mãn.

Bồ đề Tâm là nước sạch, vì rửa sạch tất cả dơ bẩn phiền não.

Bồ đề Tâm là ruộng tốt, vì nuôi dưỡng chúng sanh trong sạch.

Bồ đề Tâm là hạt giống tất cả đức Phật, vì có thể sanh tất cả pháp các đức Phật.

Kinh Hoa Nghiêm

Đại tín tâm tức là Phật tánh, Phật tánh tức là Như Lai.

Kinh Niết Bàn

Trăng Bồ đề trong mát, soi rọi rạo hư không, chúng sanh tâm nước sạch, bóng Bồ đề hiện ngay.

Kinh Hoa Nghiêm

(Văn Ba-li): Đức Phật biết mở giây sanh tử cho tất cả chúng sanh: Ngài đích thân đối với thần nhen, chỉ rõ pháp hiểu biết, khiến họ thấy hoặc nghe, đều được an tâm. Đức Phật thật là bậc Đạo nhen, là Thiện nhen, là Quyết định nhen, là Vô lậu nhen, vì Ngài thấu suốt thân mệnh, chính là bậc Đại nhen trí tuệ cao cả vậy.

Kinh Tăng Nhứt A Hàm

(Cũng kinh này) Tỳ kheo nương Phật pháp mà sanh lòng tin: tin Đức Như Lai là: Thế Tôn, đấng Chánh giác, Minh hạnh Túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng Phu, Thiên nhơn sư. Ngài chứng quả an lành không bệnh; tu nhẫn nại và tinh tấn mức trung đạo, chứng quả chẳng hư nguy, chẳng mê hoặc. Đứng như thật đối trước các bậc sư chủ: Chỉ rõ đạo nghĩa, an trụ tinh tấn, bỏ pháp bất thiện, phát khởi thiện pháp, nương thiện pháp mà quyết định gắng gỏi bền chắc. Thế mới thành tựu bậc trí huệ chứng Vô thượng trí vậy.

(Văn Ba lị) Ta, tuy trong một nháy mắt, cũng chẳng rời trí lực sâu sắc của Phật Đà mà tỏ rõ nói pháp; nói pháp không ái và không phiền não của Phật Đà; với kẻ khác không còn so sánh. Ta chẳng phân biệt ngày, đêm, lấy con mắt tâm xem thấy hết. Ta tự tin rằng thoát qua là hết đêm, cho nên trong giây lát chẳng bỏ rời. Ta tin và thích, tâm và niệm, khiến ta quy y Phật giáo vậy. Những người trí huệ cao cả như thế chẳng luận là nơi chỗ nào ta cũng vẫn đến quy y. Dầu cho thân ta già, sức ta yếu, không thể đi đến chỗ ấy được, nhưng tâm ta quyết định thường đi đến chỗ ấy. Thế thì tâm ta và tâm kẻ ấy phù hợp vậy.

Kinh Tiểu A Hàm

Hết lòng muốn thấy Phật, chẳng tiếc gì thân mạng, khi Ta và chúng Tăng, đồng đến núi Linh Thứu.

Kinh Pháp Hoa

Phật dạy: Nếu có Bồ Tát đem vui thắng ý, đến chỗ Ta phát khởi ý nghĩ như gặp cha, người kia sẽ được vào trong hàng ngũ Như Lai, như Ta không khác gì.

Kinh Bửu Tích

(Văn Ba lị) Thừa Thế Tôn: Nếu pháp này chỉ có Thế Tôn thành tựu, mà Tỳ kheo chẳng đặng thành tựu, hay Tỳ kheo đặng thành tựu mà Tỳ kheo ni chẳng đặng thành tựu; hoặc Tỳ kheo ni đặng thành tựu mà các người tại gia Ưu bà tắc, Ưu bà di và các người còn dục lạc chẳng đặng thành tựu, thời pháp ấy chẳng được hoàn toàn. Nhưng pháp này đức Thế Tôn được thành tựu, Tỳ kheo, Tỳ kheo ni đều được thành tựu. Hơn nữa, những người tại gia nam nữ và các kẻ còn dục lạc thầy đều được thành tựu, cho nên ta tin pháp này là hoàn toàn.

Kinh Trung A Hàm

(Văn Ba lị) Vì muốn đến Niết Bàn, tin, vâng các Thánh pháp, nghe, cầu được trí huệ, tinh tấn hay thông suốt.

Kinh Tạp A Hàm

Đứng đầu tất cả hạnh là đức tin, vì cội gốc các đức vậy.

Kinh Phạm Võng

Tất cả các công đức, đức tin là sứ mạng; trong các cửa báu, cửa đức tin đứng đầu.

Kinh Đại Trang Nghiêm

Tin là nguồn Đạo, mẹ công đức, nuôi lớn tất cả các pháp lành, dứt trừ lưới nghi, thoát dòng ái, mở chỉ Niết Bàn, đạo Vô thượng; tin lòng trong sạch không dơ bẩn, dứt trừ kiêu mạn gốc cung kính, là cửa thứ nhất trong kho Pháp, là tay trong sạch lãnh các hạnh; tin hay huệ thí tâm không tham; tin hay vui mừng vào Phật pháp; tin hay thêm lớn trí công đức; tin hay quyết đến cõi Như Lai; tin khiến các căn lành sáng suốt; tin sức bền chắc không thể hư; tin hay dứt hẳn gốc phiền não; tin hay hướng về Phật công đức; tin đối cảnh giới không tham lam, xa lìa các nạn, được không nạn; tin hay vượt khỏi các đường ma, thị hiện đạo Vô thượng giải thoát; tin chẳng phá hư giống công đức; tin hay nuôi lớn cây Bồ đề; tin hay thêm ích trí tối thượng; tin hay thị hiện tất cả Phật.

Kinh Hoa Nghiêm

Nếu có chúng sanh nào, chưa phát tâm Bồ đề, một khi nghe tên Phật, quyết định thành Bồ đề.

Kinh Hoa Nghiêm

Nếu người trồng căn lành, nghi thời hoa chẳng nở; lòng tin được trong sạch, hoa nở liền thấy Phật.

Luận Thập Trụ Tỳ Bà Sa

Bồ tát đối sanh tử, khi đầu tiên phát tâm, một bề cầu Giác đạo, bền chắc chẳng khá lay. Kia một niệm công đức, sâu rộng không ngần mé, Như Lai phân biệt nói, trọn kiếp không thể hết.

Kinh Hoa Nghiêm

Tất cả tâm chúng sanh đều phân biệt hết, tất cả cõi vi trần hễ còn tính được số; mười phương cõi hư không, mây lông cũng lường được, Bồ Tát sơ phát tâm, rốt ráo chẳng lường được.

Kinh Hoa Nghiem

Như đấng Đại Phước rất cao kia, chẳng bằng phần mười sáu Đạo tâm; nếu muốn cầu phước như Tu Di, như cát sông Hằng ở cõi Phật, thầy đều tạo chúa, xây các tháp chẳng bằng Đạo tâm mười sáu phần.

Kinh Xuất Sanh Bồ Đề Tâm

Công đức Bồ Đề tâm, nếu có chất hẵn hỏi, khắp cả cõi hư không, không thể dung chứa hết.

Kinh Bảo Tích

Nếu được nghe một câu pháp chưa từng nghe, sanh lòng rất vui mừng, còn hơn được bao nhiêu ngọc báu đầy trong tam thiên đại thiên thế giới.

Kinh Hoa Nghiem

Đức Phật bảo Ngài Di Lặc rằng: Nghe danh hiệu Đức Phật kia, vui mừng nhảy nhót, cho đến một niệm. Phải biết người ấy ắt được lợi lớn. Ấy là đủ công đức cao tốt.

Kinh Vô Lượng Thọ

Đức Phật dạy: Nghe pháp hay chẳng quên, thấy kinh được rất mừng, ấy bạn lành ta vậy.

Kinh Vô Lượng Thọ

Ví như vàng Diêm phù đàn, chỉ thua ngọc Như ý, hơn tất cả các ngọc. Bồ Đề tâm như vàng Diêm phù đàn, cũng như vậy, chỉ thua Nhất thế trí, hơn tất cả các công đức.

Kinh Hoa Nghiem

Ví như chim Ca lãng tần già, khi còn nằm trong trứng, đã có thể lực mạnh, các loài chim chẳng bằng. Vị Đại Bồ tát cũng in như vậy. Còn ở trứng sanh tử, đã phát tâm bồ đề, công đức rất thể lực, hàng Thanh văn Duyên giác làm gì so sánh kịp.

Kinh Hoa Nghiem

Ví như hoa cây Ba Lợi Chất Đa, xông áo một ngày, hoa Chiêm Bồ, hoa Bà Sư, tuy xông ngàn năm, chẳng hay sánh nổi. Hoa Bồ đề tâm cũng lại như vậy, đem công đức xông một

ngày, mùi thơm thâu mùi phương cõi Phật, hàng Thanh văn Duyên giác, dùng trí vô lậu xông các công đức đến trăm ngàn kiếp cũng chẳng làm sao kịp được.

Kinh Hoa Nghiêm

Nghe Pháp khởi lòng tin, vui mừng không nghi ngại, chóng thành Đạo vô thượng; ngang hàng các Như Lai.

Tâm trong sạch như đồ đựng nước, hình bóng thường hiển hiện. Nhưng tâm chúng sanh như bản như đồ bị nứt, thì chẳng thấy hình bóng Như Lai Pháp Thân.

Nếu hay tin, biết trừ kiêu mạn, phát tâm liền được thấy Như Lai, nếu còn dua vạy tâm chẳng sạch, ức kiếp tìm cầu khó gặp thay.

Kinh Hoa Nghiêm

Kiêu mạn, si tê, biếng nhác, khó tin nổi pháp này, nhờ đời trước thấy Phật, như vậy ưa nghe Pháp.

Kinh Vô Lượng Thọ

Vua Di Lan hỏi ngài Na Tiên Tỳ Kheo rằng: "Người chưa chứng đạo Niết bàn làm sao biết Niết bàn là vui?" Na Tiên đáp: "Người sống chưa từng chặt tay, chân, mà có thể biết được nỗi đau khổ là vì thấy người bị chặt tay chân họ rên la; các vị Tiên Thánh, đã chứng được đạo Niết Bàn họ bảo thật vui. Do đó ta tin thật có vui vậy."

Kinh Na Tiên Tỳ Kheo

Hết nghi được chánh trí, Chúa cứu đời cao tột, Thế Tôn nói giả danh: tính, hạnh, trụ bờ đề.

Kinh Hoa Nghiêm

CHƯƠNG II

NIỆM PHẬT

Đức Phật bảo Ca Diếp Bồ tát: "Nếu có trai lành gái thiện nào, thường hay chăm lòng chuyên cần niệm Phật, hoặc nơi núi rừng, hoặc nơi xóm làng, hoặc ngày đêm, hoặc ngồi nằm, các đức Phật Thế Tôn thường thấy người này như hiện trước mắt.

Kinh Niết Bàn

Đức Phật bảo A Nan và bà Vi Đề Hy: "Các Phật Như Lai lấy pháp giới làm thân, cho nên vào trong tâm tưởng của tất cả chúng sanh; vậy nên các người mỗi khi tâm tưởng Phật, tâm này tức là 32 tướng tốt và 80 vẻ đẹp. Tâm này phải làm Phật vì tâm này là Phật. Các đức Phật là biến chánh biến tri, từ tâm tưởng mà sanh ra.

Nếu ai biết niệm Phật, thì phải biết người này là hoa sen báu trong loài người, Đức Quan Thế Âm Bồ tát, Đức Đại Thế Chí Bồ tát là bạn thù thắng của người ấy, và thường ở đạo tràng sanh trong nhà các đức Phật.

Kinh Quán Vô Lượng

Nếu ai hay chăm lòng niệm Phật luôn, thẳng ngòi chánh định, quán tướng sắc thân Phật, nên biết người này lòng như lòng Phật cùng Phật không khác. Tuy còn ở trong phiền não mà chẳng bị các điều ác che lấp, sang qua đời sau họ sẽ rớt những trận mưa đại pháp.

Kinh Quán Phật

Nếu người trì Phật danh, chẳng sanh tâm khiếp sợ, có trí huệ mà chẳng dua vạy, thường ở ngay trước các đức Phật.

Kinh Thập Nhị Phật Danh

Nếu có người, ngày ngày xưng tụng danh hiệu Như Lai, những chúng sanh ấy có thể xa lìa chốn tối tăm, lần lửa đốt được các phiền não. Như vậy xưng niệm nam mô Phật, thì ngữ nghiệp chẳng luống công. Như vậy ngữ nghiệp gọi là tay cầm cây đuốc lớn hay soi phá các phiền não tối tăm.

Kinh Bảo Tích

Quy y, cung kính nhớ tưởng Phật chắc được ra khỏi sanh tử, đến Niết bàn. Cho đến, hoặc có trai lành gái thiện, ít nhất một phen xưng: "nam mô Phật đà đại từ bi" thì trai lành gái thiện này hết ngăn mé sanh tử, căn lành không cùng tận, sanh ở trong cõi trời thường hưởng quả giàu vui. Cuối cùng vào cảnh giới Niết bàn.

Kinh Bát Nhã

Vua Tịnh Phạn đại vương thưa Phật rằng: "Công đức niệm Phật tướng trạng ra sao?" Đức Phật thưa lại vua cha rằng: "Nhu đám rừng cây y lan, chu vi rộng chừng 40 do tuần mà chỉ có một cây ngưu đàn chiên đàn tuy đã có rễ, mộng mà chưa mọc khỏi đất. Loại y lan chỉ có hôi thúi mà không mùi thơm; nếu ai ăn phải hoa, trái nó thì phát cuồng mà chết mất. Về sau mộng rễ chiên đàn dần dần sanh trưởng thành cây, mùi thơm ngào ngạt liền át mùi thúi rừng y lan thay đều thơm đẹp. Chúng sanh nghe tha? đều cho là hiếm có.

Đức Phật lại thưa với Phụ vương rằng: "Tất cả chúng sanh còn ở trong sanh tử, thành tâm niệm Phật cũng chính như thế. Chỉ hay chăm niệm luôn chẳng dứt, quyết định sanh ngay cõi Phật. Đã được vãng sanh tức có thể cải biến tất cả điều ác trở thành đại từ bi như gỗ trầm hương chiên đàn biến cải mùi hôi rừng y lan."

Kinh Quán Phật Tam Muội

Vua Di Lan hỏi ngài La Hớn Na Tiên Tỳ Kheo rằng: "Nói người làm ác đến trăm năm, đến khi sắp chết nếu biết niệm Phật, chết rồi sanh về cõi trời. Lời nói này tôi không tin nổi.

Lại nữa, một lâ? sát sanh, chết đọa vào địa ngục, tôi cũng không tin nổi." Ngài Na Tiên trả lời: "có người cầm cục đá nhỏ để trên mặt nước, đá ấy nổi hay chìm?" Vua trả lời: "Chìm." Ngài nói: "như đem trăm cục đá lớn để trên thuyền, chiếc thuyền ấy chìm hay không?" Vua nói: "chẳng chìm." Ngài nói: "trăm hòn đá lớn trong thuyền, nhờ thuyền nó chẳng chìm. Người tuy có tội lớn, nếu một khi biết niệm Phật, thì nhờ Phật chẳng đọa địa ngục, lại được sanh lên trời, sao lại chẳng tin nổi? Hòn đá nhỏ chìm ngập như người làm ác chẳng biết niệm Phật, chết đọa địa ngục sao lại chẳng tin?" Nhà vua khen: "Hay quá, ngài nói hay quá."

Kinh Na Tiên Tỳ Kheo

Ví như có người được món thuốc bất khả hoại, tất cả kẻ oán địch không thể làm hại được, bực đại Bồ tát cũng lại như vậy. Được Bồ đề tâm là món pháp được bất khả hoại, tất cả

phiền não và các thứ ma là kẻ oán địch đều chẳng làm gì. Ví như có người được viên ngọc trụ thủy, dùng làm chuỗi đeo thân, mang đi vào trong nước sâu không thể bị chìm ngập; được bồ đề tâm là viên ngọc trụ thủy bửu châu, vào trong biển sanh tử không bị chìm đắm. Và ví như vàng kim cương, chìm nằm trong nước lâu trăm ngàn kiếp cũng không thể bị hư hoại biến khác. Tâm bồ đề cũng như vậy, ở trong sanh tử lâu vô lượng kiếp, cũng không thể bị các nghiệp phiền não làm tổn giảm hay tiêu diệt được.

Ví như món thuốc hay, chữa lành tất cả bệnh, tâm bồ đề diệt hết các bệnh phiền não của chúng sanh. Ví như các thứ sữa trâu, ngựa và dê đựng chung một bát, rồi cho trộn sữa sư tử vào, thì các thứ sữa kia lọt chun ra ngoài bát và tan biến mất hết. Đức Như Lai dùng sữa sư tử bồ đề tâm trộn hòa vào trong các thứ sữa phiền não nghiệp chướng đã chứa lâu từ vô lượng kiếp tức khắc đều tiêu diệt mất.

Kinh Hoa Nghiêm

Đức Phật bảo A Nan: Thợ bắt cá vì muốn được cá nên gắn mỗi lưới câu thả vào ao nước cho cá nuốt mồi: cá đã nuốt mồi, tuy còn ở dưới ao nhưng chẳng bao lâu sẽ bị bắt lên. Nay A Nan, tất cả chúng sanh đối với các đức Phật được sanh lòng kính tin trông các căn lành, tu hạnh bố thí, cho đến phát tâm được một niệm kính tin, tuy còn bị các nghiệp ác bất thiện ngăn che đọa trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Các Đức Phật Thế Tôn lấy Phật nhãn xem các chúng sanh này vì đã phát tâm thù thắng, nên cứu vớt ra khỏi địa ngục. Đã cứu vớt xong, đem để trên bờ Niết bàn.

Kinh Đại Bi

Người tu nhưt hạnh tam muội, nên ở chỗ vắng lặng, bỏ các loạn ý, buộc tâm nơi Phật lý, tưởng niệm một đức Phật, niệm niệm nối nhau, chẳng cho trễ nãi, chùng trong một niệm tức hay thấy mười phương Phật, được đại biện tài.

Kinh Văn Thù Bát Nhã

CHƯƠNG III

SÁM HỐI

Gây điều ác rất nặng, hối lỗi lần mòn mỏng, thường hối chẳng trễ nãi, nhỏ hẩn được gốc tội.

Kinh Tăng Nhứt A Hàm

Người có nhiều lỗi, mà chẳng tự hối, mau dứt lòng ác, tội dồn đến thân, như nước về biển, lần thành sâu rộng. Nếu người có lỗi, tự biết tội lỗi, cải ác tu thiện, tội tự tiêu dứt, như bệnh xuất hạng, lần bớt mạnh vậy.

Kinh Tứ Thập Nhị Chương

Như áo bẩn trăm năm, đem ngâm một ngày, giặt là sạch sẽ. Cũng như thế đã nhóm chứa các nghiệp bất thiện lâu trăm ngàn kiếp, vì nhờ sức Phật pháp khéo thuận suy nghĩ một ngày một thời đều tiêu diệt hết.

Kinh Đại Tập

Phạm lỗi mà chẳng phải ác, hay ăn năn làm lành, là sáng soi thế gian như mặt trời không mây.

Kinh Pháp Cú

Tiền tâm làm ác như mây che trời, hậu tâm làm lành như đuốc tiêu tối.

Kinh Vị Tăng Hữu

Có tội biết quấy, cải lỗi được lành, tội ngày tiêu diệt, sau gặp được đạo.

Kinh Tứ Thập Nhị Chương

Nếu người gây tội nặng, gây rồi rất tự trách, sám hối chẳng tái phạm, la nhỏ được gốc tội.

Kinh Nghiệp Báo Sai Biệt

Ví như có hoa vàng ngàn cân, chẳng bằng một lượng vàng thật, gây tội tuy nhiều chẳng bằng chút đức. Đối với Phật làm điều giả dối, đồng như người mù vì mình chẳng thấy, tưởng người ta cũng chẳng thấy mình làm việc ác. Cho nên đối trước Phật và đại chúng mà sám hối, vì tội vốn không có tự tánh, được gặp duyên lành quyết tiêu diệt vậy.

Kinh Niết Bàn

Tất cả biển nghiệp chướng, đều bởi vọng tưởng sanh, nếu người muốn sám hối, vững ngôi niệm thiết tướng, các tội như sương mù, huệ nhật năng tiêu tan.

Kinh Quán Phổ Hiền

Nếu ai sám hối đúng như pháp, bao nhiêu phiền não đều tiêu trừ, in như kiếp hỏa phá thế gian, cháy hết tu di và đại hải, sám hối hay đốt cháy củi phiền não, sám hối được vãng sanh đường trời; sám hối hay được vui Tứ thiên, sám hối mưa ngập ma ni bảo, sám hối được sống lâu Kim cang, sám hối được vào cung thường vui, sám hối được ra ngục tam giới, sám hối được nở hoa Bồ đề, sám hối được Phật kiến đại viên, sám hối khiến người đến chỗ báu.

Kinh Tâm Địa Quán

Người muốn sám hối phải cầu thỉnh chư Phật và tụng kinh, chăm lòng thành khẩn và phát nguyện, nguyện cầu tiêu trừ tất cả các nghiệp chướng nơi thân và tâm, với trong mỗi niệm, các tội được tiêu trừ.

Kinh Quán Phổ Hiền

Nhờ bốn pháp hoàng thế, gây dựng đạo bồ đề. Ta xưa đã gây các ác nghiệp, đều do vô thi tham, sân, si, từ thân, miệng, ý phát sanh ra, tất cả ta nay đều sám hối.

Kinh Hoa Nghiêm

Kinh lời vàng

Tác giả: Dương tú Hạc
Dịch giả: HT Thích Trí Nghiêm

---o0o---

PHẦN II

NGÔN HÀNH

--- o0o ---

CHƯƠNG I

TU THIÊN – PHÁ ÁC

--- o0o ---

Lời nói, việc làm, trung thực đức tin; trong ngoài phải thuận hợp với nhau.

Kinh Vô Lượng Thọ

Dùng nhiều ví dụ để rộng nói ngôn giáo.

Kinh Pháp Hoa

Kỳ Bà nói: bề tôi này nghe Phật thường nói tu một niệm lành phá được trăm điều ác.

Phật dạy: Đại vương, ví như chút kim cương, có thể phá núi tu di; cũng như lửa có thể đốt cháy tất cả; như chút thuốc độc, có thể hại mạng chúng sanh. Chút lành cũng vậy, tuy gọi chút lành, kỳ thật là lớn, vì sao vậy? Vì có thể phá đại ác vậy.

Đừng khinh ác nhỏ cho là không tội, giọt nước tuy ít chứa dồn đầy lu.

Kinh Niết Bàn

Vững tâm chánh ý, trai giới trong sạch trong một ngày đêm, hơn ở bên cõi vô lượng thọ tu hành trăm năm, sao thế? Vì bên nước Phật kia vô vi tự nhiên nghĩa là các điều lành đều chứa nhóm, không có mây may điều ác vậy.

Ở cõi này tu hành mười ngày đêm hơn ở các cõi nước các đức Phật khác tu hành ngàn năm. Tại vì sao? Vì các cõi các đức Phật kia nhiều kẻ làm lành mà ít người làm ác, phước đức tự nhiên, không có điều kiện tạo ác vậy.

Kinh Vô Lượng Thọ

Đức Phật bảo vua Ba Tư Nặc: Hỡi Đại vương, nay phỏng có người thân tín đến bảo với nhà vua rằng có bốn núi lớn ở bốn phương sắp sập, sẽ đê hại nhân dân thì nhà vua có kế và phương sách chi để đối phó không?

Vua thưa: Thưa Thế Tôn, nếu quả có việc ấy xảy ra, thật không nơi lánh nạn. Nhưng chi chuyên tâm trì giới và tu bố thí mà thôi.

Phật khen: Hay thay Đại vương, ý Ta nói bốn núi là muốn chỉ bốn món sanh, lão, bệnh, tử của chúng sanh. Nó thường hay đến cướp mất mạng người, làm sao chẳng tu giới và bố thí được. Vua nói: Thưa đức Thế Tôn, trì giới và bố thí được những quả báo gì?

Phật đáp: sanh về cõi người hoặc cõi trời được hưởng nhiều vui sướng.

Kinh Niết Bàn

Rõ biết lỗi phiền não, chẳng chạy theo phiền não, hay nhẫn chịu ác khổ, chẳng sanh lòng sợ hãi, ai đủ bốn pháp này, chẳng làm điều ác, ưa tu pháp lành, phân biệt lành dữ, gần gũi chánh pháp, thương xót chúng sanh, rõ biết kiếp trước, đủ năm món này chẳng bị lay động.

Nếu nghe người chê, thì an nhẫn lòng, hoặc nghe người khen, thì nên hồ thẹn; tu đạo chẳng kiêu thấy người chia lìa, khiến họ hòa hiệp, nêu điều hay của người, che việc dở của người, đừng nói xấu của người. Đối với phiền não nên nghĩ như kẻ oán; đối với thiện

pháp, nên tương như người thân thuộc. Tuy cúng dường cha mẹ, thầy bạn chẳng nên
nhon đó mà khởi kiêu mạn.

Kinh Ưu Bà Tác Giới

Phật bảo Xá Lợi Phất: Bồ tát đối tất cả chỗ, thà chịu mất thân mạng, xa lìa các hạnh tà
dục, xa lìa lời giả dối, hai lưỡi, xa lìa lời thù ghét, giận dữ, tà kiến, thường trọn nên hạnh
trong sạch hơn hết.

Kinh Bồ Tát Chánh Pháp

Người có được hành vi công quả, chỉ bởi bỏ dục lạc thế gian mà sanh.

Kinh Tăng Nhứt A Hàm (Văn Ba Li)

Phước nghiệp như trái chín, chẳng phải nhờ cúng thần mà được. Duy người nào cỡi xe trì
giới, được sanh trên trời. Phải biết tất cả việc do làm mà thành, chớ chẳng phải nhờ cúng
cầu mà được.

Kinh Tạp Bảo Tạng

--- o0o ---

Kinh lời vàng

Tác giả: Dương tú Hạc
Dịch giả: HT Thích Trí Nghiêm

---o0o---

PHẦN II

NGÔN HÀNH

Chương II

TỰ LỢI

A. CHẾ TÂM

Đức Phật dạy: Người thường bị mắt đối gạt, bị tai đối gạt, bị mũi đối gạt, bị miệng đối gạt, và bị thân đối gạt.

Kinh A Hàm Chánh Hạnh

Nếu chuyên niệm phân biệt kỹ sáu căn là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý; cùng sáu cảnh trần là sắc, thanh, hương, vị xúc, và pháp thì quyết chẳng đọa vào ác đạo.

Mắt xem sắc hoặc tốt hay xấu, thấy tốt thì ưa, xấu thì ghét. Tai nghe tiếng, hoặc hay hay dở, nghe hay là ưa, dở là ghét. Mũi, lưỡi, thân, ý cũng giống như thế.

Ví như sáu loại thú tánh tình chẳng giống nhau; nếu có người bắt các con: chó, chồn, khỉ, lợn, rắn và chim, lấy giầy trói chum, lại để một chỗ, rồi thả nó ra. Bấy giờ trong ý mỗi con muốn chạy mỗi nơi: Chó muốn chạy rong trong làng xóm; khỉ muốn chạy lên núi chuyền cây trên rừng, chồn muốn chạy vào hang trong những ngôi má xưa; lợn muốn bò xuống nước; rắn muốn bò vào hang; và chim muốn bay giữa trời hư không. Vì sáu con tánh hạnh khác nhau nên ý muốn chẳng đồng.

Lại có người cũng bắt sáu con này trói chum để nằm chung một chỗ, chẳng cho bay chạy đi đâu cả, khi ấy mặc cho chúng cựa quậy dẫy dụa, nhưng chẳng xa lìa chỗ nằm.

Sáu tình thức của người cũng giống như thể; nó đều có chỗ sở thủ riêng nên công dụng chẳng đồng, chỗ nhận thấy có khác, có tốt có xấu. Khi ấy các Tỳ kheo trói buộc sáu tình thức để chung một nơi. Vậy nên các Tỳ kheo phải tinh tấn tu niệm chẳng cho tâm ý rối loạn. Bây giờ tỳ ma ba tuần có muốn quấy rối cũng chẳng làm gì được. Do đó các công đức lành thấy đều trọn nên.

Kinh Tăng Nhất A Hàm

Ngày xưa, khi đức Phật còn tại thế, có một người Đạo nhơn, ở gốc cây bên sông học đạo trong khoảng 12 năm ròng mà chẳng trừ được lòng tham dục; tâm ý thường chạy tán loạn, cứ nhớ năm món dục, liền suy nghĩ muốn được mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, miệng nếm vị, thân cọ xát và ý duyên pháp. Hễ thân động là ý chạy, không có chút yên nghĩ.

Khi ấy đức Phật quán biết kẻ Đạo nhơn kia đã đến lúc độ được, nên Ngài liền đi đến nơi gốc cây nọ cùng với ông ta ngủ lại một đêm. Trong giầy lát có con rùa từ dưới sông bò lên đi đến gần cây, lát sau lại có con chó nước đói đang đi kiếm ăn, may gặp rùa liền muốn ăn thịt. Rùa liền thụt đầu, đuôi và bốn chân giấu kín trong mai, chó nước không thể hại được. Chó bỏ đi xa xa, rùa ta lộ đầu, chân thông thả bò đi. Thế là chó nước chẳng làm gì được, rùa được thoát nạn.

Khi ấy Đạo nhơn thấy vậy mới hỏi Phật rằng: có phải con rùa nó nhờ có mai hộ mạng nên chó nước chẳng ăn được không?

Phật đáp: Phải. Ngài tiếp: Ta nghĩ người đời chẳng bằng rùa này. Họ chẳng biết vô thường buông lung sáu tình nên bị ngoại ma làm hại. Khi mà thân hình này hư hoại, thân thức xa lìa, sanh tử không ngừng, trôi lăn năm đạo, khổ não trăm ngàn; ấy đâu chẳng phải đều bởi tâm ý gây nên. Cho nên tự phải cố gắng siêng năng cầu an vui diệt độ. Nhơn đó Phật liền nói kệ tóm tắt:

Giấu căn như rùa, phòng ý như thành, chiến với ma dữ, không lo bại trận.

Kinh Pháp Cú

Nắm căn tâm làm chủ. Nên các người phải khéo ngăn ngừa; tâm là đáng sợ hơn hết, sợ hơn rắn độc, ác thú, giặc cướp và lửa dữ.

Đức Phật dạy: Này các Tỳ kheo! Đã được an trụ giới pháp, phải ngăn ngừa năm căn, chớ cho buông lung vào nơi ngũ dục. Ví như người chặn trâu cầm gậy chặn giữ chẳng cho buông lung ăn hại mạ người; nếu thả năm căn chẳng những chỉ năm dục không bờ mé

khôn ngăn. Cũng như ngựa dữ; chẳng dùng giây cương, nó sẽ lôi người sa vào hầm hố. Lại như bị cướp hại, khô chỉ một đời, giặc hại năm căn, khổ lụy nhiều kiếp, bị hại rất nặng lẽ nào chẳng cẩn thận lắm thay. Vậy nên người trí ngăn mà chẳng theo, giữ như giữ giặc chẳng cho chạy rong. Nếu sẩy chạy rong trong chùng giây lát liền thấy tai hại. Trong năm căn này, tâm làm chủ, vậy nên các người phải khéo chế phục.

Kinh Di Giáo

Đức Phật bảo các Sa môn rằng: cẩn thận chớ vội tin ý người, ý thức quyết chẳng khá tin.

Kinh Tứ Thập Nhị Chương

Động tác của thân đều do tâm mà khởi, cho nên trước phải điều khiển tâm, chớ khổ lo nơi thân, vì thân không tri giác như cây đá, tại sao cứ theo tâm mà làm khổ thân?

Kinh Phật Bản Hạnh

Người nào tâm buông lung sau không khởi ăn năn, tội lỗi tâm buông lung, nặng hơn núi Tu di.

Kinh Nhãn Nhục

Cất trăm ngôi chùa Phật, chẳng bằng cứu sống một người, cứu sống người khắp mười phương thiên hạ, chẳng bằng một ngày tu tâm.

Kinh Ma Ý

Thà tự mổ bụng, chẻ xương, quyết chẳng theo tâm làm ác. Duy có lực sĩ mới chẳng bị nhiều sức mạnh khác. Ai tự mình tu tâm được, thì hơn kẻ lực sĩ kia. Phật phấn đấu với tâm đã bao kiếp nhiều không kể xiết, chẳng dám theo tâm, đem hết sức mạnh tu hạnh tinh tấn mà tự thành Phật vậy.

Kinh Niết Bàn

Phải tự quyết đoán, thẳng thân chánh hạnh, làm nhiều điều lành, tu mình sạch thân, rửa trừ lòng nhớ, nói, làm trung tín, trong ngoài hợp nhau, khéo hay tự độ, rồi mới cứu người, siêng năng sáng suốt cầu nguyện, chứa nhiều căn lành.

Kinh Vô Lượng Thọ

Người chánh mắt, người chánh tai, người chánh mũi, người chánh miệng, người chánh thân và người chánh ý.

Kinh Chánh Hạnh

Phật dạy: Các người Tỳ kheo, tâm dua vậy, với Đạo trái nghịch, vậy nên phải dùng tâm ngay thẳng. Phải biết tâm dua vậy chỉ để dối gạt. Người vào Đạo thời không làm vậy. Vậy nên các người hãy dùng tâm đoan chánh ngay thẳng làm gốc.

Kinh Di Giáo

Ví như quân ra trận, đông hàng trăm vạn nhờ các vị danh tướng mà thắng địch; kẻ Đạo nhơn uốn dẹp tâm ý, phụng Đạo tu pháp, thuận tu giới cấm, thân ý trong sạch, thi ân bố đức, trừ bỏ giận dữ, kiêu xa, tranh cãi, chuyên tinh tu Đạo, giống như những vị danh tướng điều khiển binh cơ.

Kinh Tứ Tụ Xâm

Một lòng ngăn ý, vững thân chánh hạnh, siêng làm việc lành, chẳng bị điều ác, siêng mình độ thoát, được nhiều phước đức.

Kinh Vô Lượng Thọ

Ngồi giữa đám đông, chẳng hổ với người, được nhiều người trọng kính là nhờ tâm mình trong sạch ngay thẳng vậy.

Kinh Chánh Hạnh

Thí dụ một người có bốn bà vợ; bà thứ nhất được chồng mến yêu, đi đứng nằm ngồi làm lụng nghỉ ngơi không hề rời nhau; ăn uống, đồ mặc thường được chồng sắm sửa cho trước hết; lạnh nóng đói khát, xem sóc tùy thời, chịu theo ý muốn của vợ, chưa bao giờ cùng nhau cãi miêng.

Người vợ thứ hai, đi ngồi nói năng, thường ở hai bên tả hữu, chồng gặp thì vui, xa chút thì buồn.

Bà vợ thứ ba, thỉnh thoảng gặp nhau, khốn đốn cùng cực mới nghĩ đến nhau.

Người vợ thứ tư, bị chồng sai sử phục vụ có việc thì đến, mà chưa từng săn sóc giúp đỡ, thường hay bỏ qua.

Đến khi người chồng sắp chết, kêu vợ thứ nhất bảo: người phải đi theo ta đi? Vợ trả lời: tôi không thể đi theo anh được. Chồng nói: ta rất yêu mến người thường chịu thuận theo ý muốn của người, tại sao chẳng đi theo ta? Vợ nói: anh tuy có lòng yêu mến tôi thật, nhưng tôi không thể nào đi theo anh được mà.

Chồng liền kêu bà thứ hai bảo: mình đi theo tôi đi? Vợ đáp: Anh yêu mến chị cả sao không bắt chị ấy đi theo anh, tôi đâu có đi theo anh được. Chồng buộc: ta ngày trước tìm người khổ thật không thể tả: chịu lạnh, chịu nóng, chịu đói khát... nay sao chẳng chịu đi theo ta? Bà ta nói: bởi lòng anh tham dục mới cố gắng tìm cầu đến tôi, chứ tôi đâu có cần anh, nay anh sao lại đem việc gian khổ mà bảo với tôi?

Anh chồng lại kêu vợ thứ ba mà rằng: mình nên đi theo tôi đi. Vợ nói: tôi đã chịu ơn huệ của anh, nay anh đến phút cuối cùng... tôi xin tiễn đưa anh đến ngoài thành mà thôi, chắc không thể đi xa hơn đến chỗ anh ở được.

Sau cùng chàng kêu vợ thứ tư nói: thôi mình đi theo ta đi. Chị trả lời: tôi đã xa lìa cha mẹ tôi đến đây hầu hạ anh, để anh sai khiến... thì việc chết, sống, khổ vui phải có mặt với nhau. Giờ đây tôi xin theo anh đi cho đến chỗ.

Ba người trước là những người thích hợp với ý chồng, mà không thể đi theo được; duy người thứ tư khổ cực, xấu xí chẳng hợp ý chồng lại chịu đi theo.

Đức Phật nói: bốn thí dụ trên, vợ thứ nhất dụ cho thân người. Người đời ưa mến xác thân hơn con vợ cả, nhưng đến khi chết nó nằm tro nơi đất, chẳng chịu đi theo. Vợ thứ hai dụ cho của cải. Khi được thì vui chẳng được thì buồn, đến khi chết của cải hoàn lại cho đời, nào có chịu đi theo. Vợ thứ ba là dụ cho cha mẹ, vợ con anh em, bạn bè và tôi tớ. Lúc sanh thời lấy ân nghĩa, tình ái cùng nhau tương mến, đến khi chết, họ chỉ khóc lóc sa lệ

tiễn đưa tới ngoài thành, nghĩa địa là cùng. Rồi từ giã người chết, ai về nhà nấy; thương nhớ có lâu lắm cũng không quá mười ngày, rồi nhóm nhau ăn uống quên mất người chết.

Vợ thứ tư dụ cho chính là tâm ý của con người. Trong thiên hạ ai mà không có tự ái bảo thủ ý mình: buông tâm thả ý, tham dục, giận dữ, chẳng tin chánh đạo. Đến khi chết, chỉ có tâm ý chịu đi theo, để phải đọa vào ác đạo. Cho nên phải tự mình thẳng tâm chánh ý.

Kinh A Hàm

Tâm ý vốn sạch, bị lỗi làm dơ, lấy nước trí huệ rửa trừ tâm dơ.

Kinh Văn Thù Sư Lợi Vấn

Người rèn sắt bỏ sét làm thành món đồ, đồ ấy được tinh xảo. Người ưa học Đạo, bỏ tâm như bản, hạnh liền trong sạch.

Kinh Tứ Thập Nhị Chương

Ai do tâm sanh, trở lại hại tâm; sắt hay sanh sét, sét lại tiêu sắt.

Kinh Bột

Như người chậm chậm thong thả tinh tiến, rửa trừ tâm dơ, như thợ luyện vàng; ác do tâm sanh, lại hại tự thân, như sắt sanh sét trở lại ăn sắt.

Kinh Pháp Cú

Nước Ba Tư Nại có một cư sĩ tên là Cúc Đề, sanh hạ một trai tên là Ưu Bà Cúc Đề. Khi đã trưởng thành, vì nhà nghèo nên làm nghề nấu nướng. Người cha cho của cải khiến mở tiệm buôn bán. Bấy giờ có ngài La Hán tên Đa Thế Bệ, đến nhà thuyết pháp giáo hóa, dạy tu phép kể niệm: lấy một mớ đá đen, trắng làm cái bàn toán. Hễ nghĩ một niệm lành thì hạ xuống một hòn đá trắng, mà khởi một niệm ác thì hạ xuống một hòn đá đen.

Ưu Bà Cúc Đề vâng theo lời dạy. Tùy niệm thiện, ác chính lúc khởi lên, liền hạ xuống một hòn đá trắng hoặc đen. Ban đầu đen nhiều hơn, trắng rất ít; dần dần tụ tập, đen trắng ngang nhau. Rồi chăm tu chẳng gián đoạn thì hẳn không có hòn đen nào cả, mà chỉ toàn hòn trắng. Khi ấy niệm thiện đã thắng hẳn liền chứng được Sơ quả.

Kinh Hiền Ngụ

Người hàng phục ý mình không nổi, lại muốn hàng phục ý người khác. Phải hàng phục ý mình trước đã, mới có thể hàng phục được ý người.

Kinh Tam Huệ

Người trí lấy huệ luyện tâm, tìm xét các lỗi, như kim khí còn quặng luyện vài trăm lần mới thành vàng ròng; cũng như biển cả ngày đêm sôi động mới có ngọc báu. Người cũng như vậy, tu tâm đêm ngày chẳng dứt, mới chứng được đạo quả.

Kinh Xuất Diệu

B. THẬT NGŨ

Phật dạy: các đệ tử! Các người nên bỏ những lời vô nghĩa, thường tự giữ gìn lời nói; nói phải biết thời, nói phải thuận pháp. Những lời nói ngoài việc lợi ích cho người, dù là nói chơi cũng không nên nói.

Kinh Hoa Nghiêm

Những người thế gian, khi còn sống, lưỡi tự nhiên sanh ra cái búa sắt nghĩa là cái miệng nói những lời độc ác, rồi quay lại hại thân mình.

Kinh Khởi Thế Nhơn Bản

Chẳng đặng nói dối bằng chứng cho người, khiến họ phạm pháp; chẳng đặng truyền nói lời dữ, khiến họ cùng nhau cãi cọ tranh giành; chẳng đặng nói lời làm hại ý người; đừng chẳng nghe nói nghe, chẳng thấy nói thấy.

Kinh A Hàm Chánh Hạnh

Ngày xưa có con ba ba gặp phải thời nắng khô, nước các ao hồ cạn hết, tự mình không thể đi đến những ao còn nước được. Bấy giờ có con hạc rất to bay đậu gần bên, ba ba liền lại cầu xin nhờ hạc cứu giúp cho. Hạc dùng mỏ kẹp ba ba, tha bay đi. Bay qua nơi thị trấn, xóm làng, ba ba chẳng biết hỏi rằng: đây là chỗ gì sao chẳng đậu lại đây? Hạc muốn trả lời mới hả mỏ ba ba rớt xuống đất; bị người bắt ăn thịt. Những người ngu dại chẳng cần thận nơi miệng lưỡi cũng như thế.

Kinh Cựu Tập Thí Dụ

Lời nói thiệt, chẳng cần bố thí trì giới hay học vấn đa văn gì cả mà chỉ tu thiệt ngữ vẫn được phước không lường.

Luận Trí Độ

Thiệt ngữ Đồng tử hỏi Phật rằng: thiệt là gì? Phật đáp: thiệt có ba là chẳng dối Phật, chẳng dối mình và chẳng dối chúng sanh. Lại hỏi: nói thế nào là thiệt? Phật đáp: chẳng nói nhiều, giữ gìn lời nói và chẳng nên nói lời thô, ấy là thật ngữ.

Kinh Đại Tập

Nói phô những lời giả dối, làm não hại tất cả chúng sanh; kẻ ấy thường như bị giam trong tối tăm, tuy còn sống mà đồng như người chết.

Kinh Chánh Pháp Niệm Xứ

Các đệ tử! Các ngươi nên bỏ lời nói dối, thường nói lời chơn thiệt, lời chắc chắn, dù là trong mộng cũng chẳng nên nói dối.

Kinh Hoa Nghiêm

Vọng ngữ có 10 tội:

1. Hơi miệng thúì hôi
2. Các vị thiện thần tránh xa, ác quỷ dễ làm hại
3. Dù có nói thiệt, người chẳng chịu tin
4. Kẻ trí dư luận, thường chẳng tham dự
5. Thường bị chê bai, tiếng tăm xấu xa đồn khắp thiên hạ
6. Người chẳng kính trọng, khi có việc sai khiến họ chẳng vâng theo
7. Thường lắm lo buồn
8. Trông nghiệp nhơn chê bai
9. Thân hư mạng chết, phải đọa địa ngục
10. Nếu được sanh làm người, thường bị chê bai

Luận Trí Độ

Bỏ vọng ngữ, được người đời hoặc thấy hoặc nghe thấy đều tin kính; dù phải nghèo cùng không của cải cũng được tất cả người đời cúng dường như vua. Trong tất cả loài người, người thật ngữ là ánh sáng rực rỡ; giống như ánh sáng mặt trăng rực rỡ hơn các vì sao; trong các thứ ngọc, ngọc thiệt ngữ là quý hơn hết; trong tất cả thuyền để độ qua giòng sanh tử, chiếc thuyền thiệt ngữ là hơn hết; muốn xa lìa các hạnh tà ác, xa lìa vọng ngữ là hơn hết; trong các thứ đèn, đèn thiệt ngữ là sáng hơn hết; những kẻ giỏi dẫn đường đi trong ác đạo, kẻ dẫn đường thiệt ngữ là giỏi hơn hết; tất cả vật thọ dụng trong đời, vật thiệt ngữ là hơn hết; hết thầy các món thuốc trị bệnh, món thuốc thiệt ngữ là hay hơn hết; trong tất cả các thể lực mạnh mẽ, thể lực thiệt ngữ là mạnh hơn hết; trong các nơi nương về, nương về thiệt ngữ là hơn hết; tất cả bạn tri thức, bạn thiệt ngữ là hơn hết.

Nếu mọi người biết thu lấy của thiệt ngữ thì trong thế gian không ai đọa vào cảnh nghèo nàn và tàn ác, được sanh ngang với các bậc trời.

Kinh Chánh Pháp Niệm Xứ

Đức Phật bảo A Nan: Người sanh thế gian, tai họa sanh từ miệng, nên phải giữ miệng lắm hơn đề phòng lửa dữ; lửa dữ đốt cháy của thế gian, miệng dữ đốt cháy của bảy bậc thánh. Tất cả chúng sanh họa từ miệng sanh ra, nên biết miệng là dao búa giết thân vậy.

Kinh Báo Ân

Nói ác, mắng chửi, kiêu mạn khinh người. Các điều ác ấy khởi ra là ganh ghét oán hận sanh ngay. Nói lời khiêm tốn, tôn kính người, bỏ oán, nhẫn ác, là ganh ghét, oán hận tự dứt. Là người sanh ở đời, búa tạc trong miệng, sở dĩ giết thân do lời nói dữ.

Khen kẻ ác, được kẻ ác khen lại, hai bên đều là ác. Ưa dùng miệng đấu nhau, về sau đôi bên đều không yên.

Nên đừng nói lời cộc cằn, nói phải sợ quả báo, đưa lời ác đi, tai họa trả lại, dao gậy đến thân. Thốt ra lời nói lành, như đánh chuông khánh, thân không nghị luận, suốt đời an vui.

Kinh Pháp Cú

Ưa miệng dữ, hai lưỡi, để moi móc lỗi của người. Người bất thiện như vậy, không việc ác nào mà họ không làm.

Kinh Hoa Thủ

Phật dạy: bỏ hai lưỡi, không có ác tâm phá hoại, khiến cho những người tranh đấu ly tán, được hòa hiệp lại. Và bỏ lời nói ác khẩu thô bạo cộc cằn biết nó là hại mình hại người nên xa lìa.

Kinh Hoa Nghiêm

Làm lời nhiều lẽ thì người ta sợ tránh, lời hai lưỡi đâm thọc là thứ nhất. Người nào bỏ nói hai lưỡi, người ấy đời này hưởng được quả báo tốt, bè bạn, bà con, anh em, vợ con và tôi tớ thấy đều gần gũi thuận hòa, vững vàng chắc chắn không ai phá hoại được.

Kinh Chánh Pháp Niệm Xứ

C. NHẪN THỌ

Bồ tát nhẫn chịu tất cả điều ác. Với chúng sanh, tâm bình đẳng, chẳng lay động như chốn đại địa.

Kinh Hoa Nghiêm

Nếu lấy tranh đấu để ngăn tranh đấu chắc chắn không thể ngăn được, duy có nhẫn nhục mới có thể ngăn được. Đó là phương pháp thật cao cả.

Kinh Trung A Hàm

Như có người bạo ác, với việc phi lý, mà cứ phi báng nhau mãi. Có người trí lấy lời chân thật an ủi nhẫn chịu mới có thể trừ được.

Kinh Chư Pháp Tập Yếu

Sanh Văn phạm chí đến xin thưa Phật rằng: đệ tử của Ngài với đệ tử của kẻ khác có điểm nào đặc biệt không? Và có công đức chi hơn?

Đức Phật đáp: có. Hai hạng đệ tử xuất gia và tại gia của Ta có những điểm đặc biệt: kinh doanh việc gì nếu thất bại, họ vẫn không buồn rầu khóc lóc, cũng chẳng phát điên cuồng. Hay họ bị những điều đói khát lạnh nóng, mưa gió, ép bức, hoặc bị roi gậy đánh đập, hay bị mắng nhiếc độc ác, họ cũng có thể nhẫn nại được cả, ấy là những điều mà kẻ khác không thể chịu được vậy. Đệ tử của Ta có những công đức như vậy đó. Ông Phạm Chí nghe rồi xin thọ giáo liền quy y Tam bảo thành kẻ Ưu bà tắc.

Kinh Tập A Hàm

Đức Thế Tôn dạy: thà lấy gươm bén mổ bụng, lột da, hay gieo mình vào lửa, quyết không làm ác; thà đầu đội núi Tu di chịu để cho tan thân, hoặc nhảy xuống biển cả cho các trạnh nuốt thây, cẩn thận đừng làm ác.

Kinh Nhẫn Nhục

Tuy nghe nhiều tiếng xấu, người tu khổ hạnh phải nhẫn nhục, chẳng nên tự nói khổ, cũng chẳng nên sanh lòng buồn. Nghe tiếng xấu mà sợ hãi, đây là loại thú rừng núi, là chúng sanh tánh tình vội vã, chẳng thành pháp xuất gia. Người tu hành phải đủ sức nhẫn nhục tiếng xấu ba bậc: thượng, trung, hạ để vững tâm an trụ. A? là pháp xuất gia vậy.

Do một lời nói của kẻ khác, không thể khiến người thành đũa giặc cướp và cũng do lời nói của họ không thể khiến người chúng A la hán. Như người tự biết mình thời chư thiên cũng biết người vậy.

Kinh Tỳ Kheo Tỳ Nữ Nhon Ó Danh

Bồ tát bị mắng nhiếc lâu trăm ngàn kiếp, chẳng sanh lòng giận dữ, hay được khen ngợi trăm ngàn đời cũng chẳng đặng sanh tâm vui mừng. Ấy là vì đã liễu đạt lời nói người đời là lẽ sinh diệt của tiếng tăm như chiêm bao, như tiếng vang.

Luận Trí Độ

Do quán năm nghĩa để dứt lòng giận dữ:

1. Quán tất cả chúng sanh từ nhiều kiếp đến nay, đối với ta đã có ân huệ
2. Quán tất cả chúng sanh thường tiêu diệt từng mỗi niệm
3. Quán có pháp mà không có chúng sanh thì đâu có năng tổn và sở tổn
4. Quán tất cả chúng sanh đều đã chịu khổ, sao lại làm cho khổ thêm
5. Quán tất cả chúng sanh là con mình, làm sao sanh tâm tổn hại được

Luận Nhiếp Đại Thừa

Đứa dữ nghe người lành, cố tâm đến phá rối, người tự phải cầm dứt, chớ giận trách làm chi; nó đến phá rối mình, là nó tự chuốc lấy dữ.

Kinh Tứ Thập Nhị Chương

Kẻ Sa môn tu hành, lấy nhẫn làm đầu; phải như nước trong, không chút nhơ bẩn. Nước đối với thầy người chết, chó chết, rắn chết, và đồ đại tiểu tiện đều rửa tẩy, nhưng nước vẫn trong sạch. Cần phải trì tâm như cầm chổi quét đất, quét sạch chỗ dơ; chổi đối với thầy người chết, chó chết, rắn chết và đồ đại tiểu tiện thầy đều quét sạch, nhưng chổi chẳng hư hao, cũng như sức mạnh và ánh sáng của gió, lửa đối với thầy chết, chó chết, rắn chết và đồ đại tiểu tiện đều thổi bay, đốt cháy. Nhưng sức mạnh và ánh sáng của gió, lửa vẫn chẳng hao mòn.

Nếu người muốn đến giết mình, mắng mình, mình cũng chẳng nên giận; hay đến khen mình hoặc cười mỉa mình, mình chẳng nên giận; hoặc họ đến phá mình chẳng cho phụng sự Phật pháp, cũng chẳng nên giận dữ. Cần phải từ tâm chánh ý thì tội diệt phước sanh.

Kinh Tiên Ý

Nhẫn có 10 điều:

1. Quán cái ta và tướng mạo của ta
2. Quán nghĩ chùng tánh
3. Phá từ kiêu mạn
4. A? đến chẳng trả thù
5. Quán tướng vô thường
6. Tu từ bi
7. Tâm chẳng buông lung
8. Bỏ các việc đói khát khổ vui
9. Dứt trừ giận dữ
10. Tu tập trí huệ

Nếu người nào có thể hoàn thành được 10 sự kiện này, phải biết người ấy đã tu được hạnh nhẫn nhục.

Kinh Bảo Tích

Ngài Thiện Thuận Tỳ kheo từ nước Xá Vệ khởi hành, vì muốn các chúng sanh được lễ Phật nghe pháp, nên Ngài đem một số đông người cùng đi đến chỗ Phật.

Bây giờ vua nước ấy nghi Tỳ kheo này chắc có mưu mô muốn chiếm đoạt ngôi vua hay là cớ người gì đây? Vua sai bốn người lực sĩ chặn đường Tỳ kheo rồi mắng chửi đủ thứ và đánh đập nữa. Nhưng Ngài thản nhiên chẳng giận dữ gì cả. Khi ấy vua lại thay bốn lực sĩ khác đến khuyên bảo Tỳ kheo rằng: "Sao Ngài chẳng trả thù bọn người đánh mắng kia? Nếu Ngài ra tay thì chúng tôi giúp sức." Ngài vẫn thản nhiên chẳng nghe lời.

Bây giờ vua lại lập kế khác đưa vàng bạc và của báu cho bốn người ấy và đến bảo Ngài rằng: "Người sẵn có phương tiện đông người sao chẳng cướp lấy của cải bọn kia? Người thì hành đi, lỡ xảy ra điều gì trăm sẽ giúp sức." Tỳ kheo lúc lắc đầu tâu: Tôi tuy nghèo cùng không thể tự sống, nhưng những của "chẳng cho" thì quyết chẳng lấy. Vua nghe Ngài nói lời ấy cảm mến bãi mưu.

Kinh Bảo Tích

Bồ tát thường hay tu pháp nhẫn nhục, khiêm nhường, cung kính, vui vẻ, chẳng hại mình hại người, chẳng tự cao, chẳng tăng bốc người, chẳng khen ngợi mình, chẳng khen ngợi người. Bồ tát chỉ nghĩ như vậy: "Ta phải thường thuyết pháp để xa lìa tất cả ác, dứt hẳn tâm tham; sân, si, kiêu mạn, tán loạn, bĩn xĩn, ganh tị, dua nịnh. Chỉ biết lấy pháp đại nhẫn nhục mà an lập."

Bồ tát vì muốn thành tựu pháp thanh tịnh nhẫn nhục dù có chúng sanh thốt ra những lời độc ác mắng chửi, khinh ướ và tay cầm dao gậy đánh đập hủy hại. Bồ tát chẳng sanh lòng giận dữ. Nên nghĩ như vậy: "Nếu Ta vì khổ này mà sanh lòng giận dữ chẳng tự điều phục, chẳng gìn giữ, chẳng hiểu rõ, chẳng yên lặng và chẳng chơn thật thì làm sao khỏi tâm vui mừng đặng mà giải thoát được."

Người nào quan sát được như vậy gọi là Bồ tát tu hạnh không giận dữ.

Kinh Hoa Nghiêm

Không hủy nhục tất cả chúng sanh, gọi là nhẫn nhục rốt ráo; tự thân bị thương tổn cũng chẳng sân, gọi là gần gũi rốt ráo; nói pháp khiến phát tâm Bồ đề, gọi là chơn thật rốt ráo. Trọn nên được cả ba món này thì gọi là trọn nên hạnh nhẫn nhục rốt ráo vậy.

Kinh Bát Nhã

Sau khi đức Như Lai nhập diệt, nếu có người hủy báng Phật, Pháp, Tăng các người chẳng nên giận dữ lo rầu, mà nên nghĩ thế này: "Nếu ta sanh lòng giận dữ thì chẳng phải sa môn." Chẳng phải hạnh sa môn là chẳng tùy thuận đạo pháp vậy.

Kinh Hoa Thủ

Tự mình ngăn giận, như ngừng xe chạy, là người lái giỏi bỏ tới vào sáng.

Giận dữ chẳng thấy pháp, giận dữ chẳng biết đạo; nếu hay trừ giận dữ, phước lành thường thuận thân.

Kinh Pháp Cú

Nhẫn, hay sanh việc hòa bình giữa mình và người; nghĩa là tự mình chẳng bị tội lỗi do giận dữ làm ô nhiễm tức là mình hoà bình; đã không ôm lòng hờn giận, chẳng làm khổ kẻ khác tức là người hòa bình vậy.

Luận Nhiếp Đại Thừa

Bấy giờ có vị Ma Già thiên tử hỏi Phật bằng lời kệ: Giết gì được ngủ yên, giết gì được vui vẻ, và giết người hạng nào, được Cù Đàm ngợi khen?

Khi ấy đức Thế Tôn cũng đáp lại bằng kệ: Nếu giết kẻ giận dữ, được an ổn ngủ nghỉ, nếu hay giết giận dữ, khiến người được vui mừng, giết gốc độc giận dữ, thì được Ta khen ngợi. Người giết giận dữ rồi, đêm dài không lo sợ.

Kinh Tạp A Hàm

Đức Phật bảo đại chúng: Nhẫn hơn hết trên đời, nhẫn là Đạo an vui, nhẫn hộ thân cô độc, là Hiền Thánh ưa vui, nhẫn hay làm bạn thân, nhẫn thêm đẹp tiếng khen, nhẫn giàu sang được lâu, nhẫn được đủ tướng tốt, nhẫn hay được oai lực, nhẫn soi biết thế gian, nhẫn hay thành nghề khéo, sức nhẫn phục oán địch, sức nhẫn dẹp lo rầu, nhẫn được tướng mạo tốt, nhẫn được đông họ hàng, nhẫn đời lấy báo tốt, nhẫn được đến đạo lành, kẻ nhẫn được sống lâu, kẻ nhẫn được ba ngôi, nhẫn chẳng hại chúng sanh, nhẫn xa lìa trộm cướp, tà dâm, vọng ngữ, lưỡng thiệt, ý ngữ, tham dục, và giận dữ... nhẫn mới thành tựu: bố thí, trì giới, tinh tấn, thiền định và trí huệ. Chính là Phật Pháp vậy.

Kinh Đại Tập

Phật dạy: nếu có Bồ tát an trụ lòng từ nhẫn có 10 món lợi ích, những gì là mười?

1. Lửa không thể cháy
2. Dao không thể cắt
3. Độc không thể trúng
4. Nước không thể trôi
5. Được quý thân hộ
6. Được thân tướng trang nghiêm
7. Đóng các đường ác
8. Tùy sở thích sanh về Phạm thiên
9. Ngày đêm thường yên
10. Thân chẳng lìa vui sướng

Kinh Nguyệt Đăng Tam Muội

Nhẫn nhục là đức cả; vì khổ hạnh trì giới chẳng so sánh bằng. Ai tu được nhẫn nhục, mới được gọi là bậc đại nhơn có sức mạnh.

Kinh Di Giáo

Phật dạy: kẻ nhẫn là nhiều sức mạnh vậy, vì chẳng ôm lòng ác, lại thêm khỏe mạnh. Người nhẫn không ác, chắc được người khác tôn trọng.

Kinh Tứ Thập Nhị Chương

Ánh sáng nhẫn nhục mạnh hơn sức mạnh của mặt trời trăng; rồng voi, tuy gọi rất mạnh, sánh với nhẫn nhục muôn phần chẳng kịp một; ánh sáng bày báu kẻ phàm quý trọng, nhưng hay rước khổ, vì gây tai họa; báu của nhẫn nhục thủy chung được yên.

Bồ thí mười phương, tuy được phước lớn, phước chẳng bằng nhẫn. Ôm nhẫn tu trì, đòi đòi không oán, lòng dạ an nhiên, trọn không độc hại.

Đòi không chỗ nương, duy nhẫn đáng nương, là nhà yên ổn, chẳng sanh tai quái. Nhẫn, áo giáp thân, chẳng bị đao binh. Nhẫn là đại thuyền, vượt qua bể khổ. Nhẫn là thuốc hay cứu sống nhiều mạng. Chí hướng kẻ nhẫn muốn gì chẳng được!

Kinh Nhẫn Nhục

Khi đức Phật đang ngự tại nước Ca Tỳ La Vệ có người tên Sai Ma Kiệt hỏi Phật rằng: "Bồ tát tu hạnh gì mau chứng Đạo vô thượng chánh chơn, đủ 32 tướng tốt; và đến khi lâm chung, tâm chẳng tán loạn, chẳng đọa; và đối với tất cả pháp không bị ngăn ngại?"

Phật đáp: Hạnh của Bồ tát lấy nhẫn nhục làm gốc. Nhẫn nhục có 4 món:

1. Khi bị mắng chửi làm tỉnh chẳng trả thù
2. Khi bị đánh đập chẳng giận hờn
3. Có kẻ giận dữ đến, mình lấy lòng từ nghinh tiếp
4. Có kẻ khinh hủy đến, chẳng nghĩ điều ác của họ

Kinh Bồ Tát Sanh Địa

Nhẫn nhục là chánh nhơn của Bồ đề: vô thượng chánh đẳng chánh giác kết quả của nhẫn nhục vậy.

Kinh Ưu Bà Tắc Giới

Tinh tu đức nhẫn nhục, hiển hiện Bồ đề Phật.

Kinh Hoa Nghiêm

D. CÀN TÁN

Này các Tỳ Kheo! Nên siêng tu tinh tấn thì việc gì cũng dễ. Vậy nên các người phải siêng tinh tấn; ví như chút nước thường chảy thì có thể xoi mòn đá. Nếu tâm kẻ tu hành thường khi biếng trễ, ví như dùi cây lấy lửa chưa nóng mà nghỉ, dầu muốn được lửa, lửa vẫn khó được.

Kinh Di Giáo

Như hai người đồng sắp đi đến một chỗ, một người cưỡi con ngựa hay và một người cưỡi con ngựa dở; tuy cưỡi ngựa dở, vì khởi hành trước nên được đến trước. Những người tin, hiểu sớm siêng tu tinh tấn, được trước đến Niết bàn.

Luận Tỳ Bà Ta

Đệ tử Phật tên Bạc Cự La nói: Tôi từ khi xuất gia đến nay, đã tám mươi năm qua, chưa từng ngủ nghỉ: hông chẳng dính chiếu, lưng chẳng dựa vào đâu.

Kinh Bạc Cự La

Xưa có kẻ nhạc sĩ, biết đủ điệu nhạc, đến nhà trưởng giả xin trâu. Ông trưởng giả vì chẳng muốn cho trâu nên bảo anh rằng: Nếu anh đánh nhạc được luôn ngày đêm chẳng nghỉ đủ một năm tròn thì tôi cho trâu.

Anh thưa: Tôi đánh được, xin Ông cũng nghe luôn; trưởng giả nói: Tôi nghe luôn chớ sao! Anh ta nghe thế rất vui mừng, chăm lòng đánh luôn 3 ngày 3 đêm không chút nghỉ tay. Trưởng giả chán quá nghe không nổi nữa liền sai người nhà đem trâu ra cho.

Tỳ kheo tu đạo cũng cần như vậy. Được quả báo bất tất phải trải qua nhiều kiếp, hễ tinh tấn càng mạnh được quả báo càng sớm.

Kinh Tạp Thí Dụ

Bồ tát siêng tu hơn hết là siêng tu tinh tấn. Cho nên chẳng bị các món phiền não này làm rối loạn là: tham dục, giận dữ, ngu si, khinh dễ, não hại, ganh ghét, hiềm hận, dua dục, không hổ, không trên.

Bồ tát thường nghĩ như vậy: "Ta chẳng muốn não hại các chúng sanh cho nên tu tinh tấn; thấy vì muốn phân biệt tất cả chúng sanh mà tu tinh tấn; vì muốn biết tất cả chúng sanh chết đây sanh kia nên tu tinh tấn; vì muốn biết thật pháp của các đức Phật nên tu tinh tấn; vì muốn biết các pháp bình đẳng để làm phương tiện khéo léo nên tu tinh tấn; vì muốn biết ba đời bình đẳng nên tu tinh tấn; vì muốn chúng được pháp các đức Phật nên tu tinh tấn; vì muốn biết đại trí huệ và phương tiện khéo léo của các đức Phật nên tu tinh tấn; vì muốn biết tất cả Phật pháp để rộng vì chúng sanh phân biệt nên tu tinh tấn."

Bồ tát tu hạnh tinh tấn như vậy, hoặc có người hỏi: nếu có người tuy chịu khổ trong đại địa ngục trải lâu vô lượng vô số kiếp để khiến chúng sanh được Niết bàn rốt ráo chăng?

Bồ tát trả lời: Ta thấy vì tất cả chúng sanh trong thế gian mà chịu khổ ở địa ngục; sau khi chịu khổ Ta được hưởng vui vì ta thay cho tất cả chúng sanh mà chịu khổ để khắp khiến chúng sanh được Niết bàn rốt ráo. Nhiên hậu ta mới trọn nên vô thượng Bồ đề. Được như thế mới gọi là hạnh vô tận của Bồ tát.

Bồ tát tu tập các hạnh mà không sanh lòng mỏi mệt, thể lực mạnh mẽ không ai chế phục được, như thể mới đầy đủ tất cả trí huệ.

Kinh Hoa Nghiêm

Có 10 món tinh tấn Bồ tát có thể tu:

1. Vì muốn chúng sanh được giải thoát nên mặc áo giáp tinh tấn để phá trừ các chướng ngại
2. Chăm nghĩ sức mạnh tinh tấn
3. Xa lìa chấp trước "có" và "không" mà tu tinh tấn
4. Vì muốn lợi ích chúng hữu tình mà tu tinh tấn
5. Vì muốn được bồ đề gia hạnh mà tu tinh tấn
6. Vì muốn nối liền nhau mà tu tinh tấn
7. Vì muốn trong sạch mà tu tinh tấn
8. Vì kẻ khác không làm được mà tu tinh tấn
9. Chẳng theo tà giáo của kẻ khác mà tu tinh tấn
10. Vì không có tâm ngạo mạn mà tu tinh tấn

Bồ tát siêng năng tu tinh tấn chẳng những vì mình chứng được quả vô thượng chánh đẳng chánh giác mà còn vì muốn làm lợi ích cho tất cả chúng hữu tình nữa.

Kinh Trì Cái Bồ Tát Sở Vấn

Có vị Sa môn ở nước La Duyệt Kỳ, Ngài ngồi mà thề rằng: "Nếu ta chẳng chứng Đạo thì quyết không đứng dậy. Khi muốn buồn ngủ, ta có cái dùi nhọn dài tám tấc, lấy chốt hai bên hông đau không thể ngủ." Trải qua một năm Ngài chứng được Đạo.

Kinh Pháp Cú Thí Dụ

Phật dạy: các người tỳ kheo! Ngày thời siêng năng tu tập các pháp lành, chớ bỏ sai thời; đầu đêm, cuối đêm cũng đừng luống bỏ. Giữa đêm tụng kinh, do mình làm chùng đổi, đừng vì nhơn duyên ngủ nghỉ, luống qua một đời, không được chút gì. Phải nhớ lửa vô thường, đốt các thế gian, phải sớm cầu tự độ, đừng nên ngủ nghỉ.

Các giấc phiền não, thường rình giết người lắm hơn kẻ oan gia. Đâu nên ngủ nghỉ mà chẳng tự kinh ngộ vậy? Rắn độc phiền não, còn ngủ trong tâm người, ví như rắn hổ mun, còn ngủ trong nhà người, người phải lấy cái móc trì giới, mau trừ nó đi; rắn ngủ đã chạy khỏi, mới nên yên ngủ. Nếu nó chưa chạy khỏi mà ngủ là người không biết xấu hổ vậy.

Kinh Di Giáo

Buông lung chính là gốc của các điều ác, chẳng buông lung mới nguồn của các điều lành.

Kinh Niết Bàn

Lỗi buông lung là nặng nhứt trong các lỗi. Người ngu ưa buông lung nên thường bị các khổ não. Nếu ai xa lìa buông lung thì thường được an vui. Tất cả các khổ não buông lung làm cội gốc, cho nên muốn khỏi khổ não cần phải bỏ buông lung.

Kinh Chánh Pháp Niệm Xứ

Đức Phật bảo chàng Lê Xa Tử ở thành Tỳ Xá Li rằng: buông lung chẳng phải đạo pháp đi đến Niết bàn. Buông lung có 13 lỗi:

1. Ưa làm những nghiệp đời bất thiện
2. Ưa nói những lời vô ích
3. Ưa ngủ nghỉ cho lâu
4. Ưa nói chuyện đời
5. Ưa gần gũi bạn ác
6. Thường biếng nhác trễ nải
7. Thường bị người khinh dễ
8. Dầu có được nghe cũng liền quên
9. Ưa ở chỗ hẻo lánh
10. Các căn chẳng điều phục được
11. Tham chẳng biết đủ
12. Chẳng ưa ở chỗ vắng lặng
13. Chỗ thấy biết bất chánh

Nếu người nào buông lung tuy gần Phật và các đệ tử Phật cũng như xa cách.

Kinh Niết Bàn

Phật dạy: Con người biếng nhác hại cho các hạnh nghiệp: tại gia mà biếng nhác áo cơm chẳng no đủ, sản nghiệp chẳng phát đạt; xuất gia mà biếng nhác không thể thoát khỏi khổ sanh tử. Tất cả việc đều nhờ tinh tấn mà hưng khởi: tại gia tinh tấn thời áo cơm đầy đủ, gia nghiệp phát đạt, xa gần khen ngợi. Xuất gia tinh tấn thời trọn nên 37 phẩm trợ đạo, dứt nguồn sanh tử, được đến thành Niết bàn an vui.

Kinh Bồ Tát Bốn Hạnh

Khi Đức Phật ngự tinh xá Kỳ Viên, có kẻ đệ tử tên Nhị Thập Úc, siêng năng học tập cả đêm không ngủ và chuyên cần tu các đạo pháp. Rồi ông tự nghĩ: "Đối với giới luật, ta là đứng đầu, nhưng các môn lậu tâm, chưa được giải thoát. Nhà cha mẹ ta rất giàu có, ta nay thôi muốn xả giới về nhà chỉ tu phước nghiệp bố thí cũng được."

Bấy giờ Đức Phật dùng tha tâm trí quán biết ý nghĩ của Nhị Thập Úc; Ngài liền sai kẻ thị giả gọi đến dạy rằng: "Này Nhị Thập Úc! Ta nghe ngươi khi còn tại gia chơi đàn cầm hay lắm; nếu giảy đàn thẳng, tiếng nó hay không?" "Dạ thưa Thế Tôn, không hay."

Phật lại hỏi: "Nó dùn, tiếng có hay không?"

"Dạ thưa cũng không hay."

Phật hỏi nữa: "Vừa vừa không thẳng không dùn thì như thế nào?"

"Dạ thưa Thế Tôn: tiếng nó mới thật là hay."

Nhơn đó Phật dạy: "Này ngươi, khi tinh tấn lắm tâm loạn, mà lúc chẳng tinh tấn, tâm sanh biếng nhác; nếu được vừa vừa bực trung thì quyết được Đạo giải thoát."

Kinh Trung A Hàm

Ngài Cần Thủ Bồ tát nói kệ rằng: như dùi cây lấy lửa, chưa có mà ngừng nghỉ, sức lửa liền dứt mất, biếng nhác cũng như thế.

Kinh Hoa Nghiêm

Trong hai mươi năm ngài Xá Lợi Phất thường siêng năng tu tập phép chỉ quán, đi, đứng, ngồi, nằm, Ngài chánh niệm quan sát không hề loạn động.

Kinh Niệm Phật Tam Muội

Đức Phật nói với A Nan rằng: Di Lặc phát tâm trước Ta 42 kiếp, rồi Ta mới phát tâm tu Đạo, vì nhờ sức đại tinh tấn mà Ta vượt qua 90 kiếp, được thành Đạo vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Kinh Di Lặc Sở Vấn

Trong sáu Độ ba món trước là thuộc về giới học, thiền định thuộc về tâm học, bát nhã thuộc về huệ học duy có tinh tấn là biến khắp tất cả các món.

Luận Du Già Sư Địa

Khi đức Phật Đê Sa ra đời, Bồ tát chấp mười ngón tay, quì xuống một gối, đọc một bài kệ khen ngợi công đức của Phật luôn cả bảy ngày đêm liền được siêu chín kiếp.

Luận A Tì Đạt Ma

Những người tu đạo, ví như một người chiến với vạn người. Khi mặc áo giáp ra cửa thành, trong tâm hoặc khiếp sợ, hoặc nửa đường mà lui, hoặc chết tại trận, hoặc thắng trận mà về. Sa môn học đạo, cần phải kiên quyết giữ gìn tâm ý, tinh tiến dũng nhuệ, chẳng sợ gì hết, phá diệt các ma, mau chóng được Đạo quả.

Kinh Tứ Thập Nhị Chương

Lấy tâm buộc tâm, lấy tâm trụ tâm, tâm chuyên một cảnh, thứ lớp không hở, thì được định tâm. Tâm thường yên lặng.

Kinh Bảo Vân

Chăm lòng học đạo pháp, phát tâm đại dũng mãnh, quyết được đến Bồ đề.

Luận Đại Thừa Trang Nghiêm Kinh

E. SẮC DỤC

Sắc dục là xiềng cùm của đời vậy, phàm phu say đắm, không thể tự cứu. Sắc dục là bệng nặng nhất của đời vậy, phàm phu khốn khổ đến chết chẳng khỏi. Sắc dục là tai họa của đời vậy, phàm phu gặp nó, lâm nguy khó tránh.

Người tu Phật pháp đã được bỏ rồi, lại còn nghĩ vẫn, như được phóng thích, lại muốn vào ngục lại, cũng như bệnh lành, lại muốn đau lại cho nên bị người trí quở trách chính đó là điên.

Kinh Nhật Minh Bồ Tát

Đệ tử tại gia nên lia tà dâm, với vợ hầu của mình cũng là đủ rồi; với đàn bà khác, chẳng nên sanh một niệm bất chính.

Kinh Hoa Nghiêm

Với vợ mình, còn cho là chẳng đủ, lại ưa phạm đến vợ người ta, ấy là người không biết hổ thẹn, chịu nhiều khổ mà không có chút vui vì đời này và đời sau, bị quả báo khổ buộc ràng.

Kinh Ni Kiền Tử

Phải biết tà dâm có sáu điều tai biến:

1. Chẳng giữ được tự thân
2. Chẳng giữ được vợ con
3. Chẳng giữ được gia thuộc
4. Vì họ nghi, nên sanh xấu
5. Kê oan gia được cơ hội
6. Các khổ đoanh vây

Đã có những điều ác này, thời sự nghiệp phé bỏ: của chưa làm ra được thời chẳng được, của đã làm ra được thời tiêu mất, và của cái đã sẵn có chứa để từ lâu cũng tiêu hao hết.

Kinh Thiện Sanh Tử

Xâm phạm đến vợ con của người, bị chồng hoặc kẻ lân nhơn biết được, đến khi bị luy dao gây đánh chém thương tổn thân mạng, hoặc cắt đầu, chân, hoặc bị pháp luật nã bắt giam ngục bị trọng hình.

Chết xong bị đọa hỏa ngục đốt cháy, được tái sinh làm người khuê môn bị rối loạn; xa cách pháp lành, thường ôm lòng hãi sợ chẳng được yên.

Phật dạy: dâm là hạnh bất tịnh, mê hoặc mất chánh đạo, hại mạng mà chết non, bị tội vì ngoan si, chết lại đọa ác đạo, cho nên đừng dâm loạn.

Đức Phật nói tà dâm có 10 tội:

1. Bị nguy hại với vợ hay chồng mình
2. Vợ chồng bất hòa thường đánh cãi luôn
3. Các điều ác ngày càng tăng thêm, điều lành càng tiêu mòn
4. Tắm thân chẳng giữ được, vợ con bị côi cút
5. Cửa cải ngày càng hao mòn
6. Có xảy ra các việc xấu, thường bị người nghi
7. Giòng họ, bè bạn chẳng ai ưa mến
8. Thường bị oán vì gieo nghiệp nhơn xấu
9. Chết đọa địa ngục
10. Được tái sinh làm người, gái thời bị cảnh chồng chung, trai thời vợ chẳng trinh chánh

Luận Trí Độ

Vua Ưu Đà Diên thưa Phật rằng: tôi bị đàn bà lừa dối, muốn hại, thưa Thế Tôn! Tôi cho người đàn bà này là rất độc. Xin Ngài trừ khử đàn bà độc hại này đi.

Đức Phật bảo vua rằng: nhà vua muốn hỏi tội người đàn bà thì trước phải hỏi tội kẻ trượng phu đã. Trượng phu có 4 điều lỗi nên bị đàn bà dối gạt:

1. Vì say mê buông lung, chẳng biết gần gũi Sa môn, để lãnh thọ giới pháp thanh tịnh mà tu phước nghiệp; kẻ đã thọ giáo pháp của Ta cũng chẳng tin cho vững, ưa các thứ tà ác là đàn bà múa hát giỡn cợt, chỉ chăm học đòi theo đũa ngu si.
2. Cha mẹ vì muốn lợi lạc cho con, mà làm những việc khó làm, phải chịu những đồ bất tịnh; và lại vì muốn con mau trưởng thành nên đối với khó nhọc cho bú mớm, nuôi dưỡng quên bề mỗi mệt; và nhờ của cải chính mình phải gian nan khó nhọc mới được, đem sắm dụng cụ cho con chẳng biết nhàm chán. Nhưng người con bị đàn bà...dối với song thân già yếu ngặt nghịch và coi rẻ. Rồi có bấy nhiêu của cải bị lãng phí tiêu hao, thậm chí khiến cha mẹ không chỗ nương nhờ, đến nỗi đuổi cha mẹ ra khỏi nhà.
3. Bị tà kiến, chẳng đối tượng việc hủy hoại thân thể, tự dối gạt mình, như say đắm đàn bà là gốc.
4. Làm việc phải thời keo rít tiền của, mà gái thời bất kể là bao. Nhưng có bị đàn bà khinh dễ, lẩn át, hủy nhục, đánh đập, mắng trách, cũng vẫn vui chịu lấy. Hoặc khi

đàn bà bị chút buồn lo, thì liền nghĩ làm thế nào cho người yêu được vui vẻ. Làm trai mà bị đàn bà dùng lời nói dối gạt đến như nước này thì thật chẳng biết nói sao!

Nếu kẻ nam nhi chon chính thì làm sao bị đàn bà lừa gạt? Nhà vua nghe rất vui mừng. Xin quy y Tam bảo, làm kẻ ưu bà tắc.

Kinh Bảo Tích

Ông Ma Nhon Đề ở nước Câu Diên Di đem con gái đến chỗ Phật, thưa Phật rằng: Đứa con tôi dung mạo tuyệt đẹp, thế gian vô song địch, các vị Quốc vương, hào tộc đến cầu hôn mà tôi đều từ chối không gả. Nhưng tôi nhận thấy Ngài là bậc Đại nhân nhan sắc rực rỡ nguy nga đời chưa từng thấy nên tôi xin hiến cháu này lên Ngài. Phật dạy: cái đẹp của đứa gái này ở chỗ nào? Ma Nhon Đề đáp từ đầu cho đến chân, xem cho chu tất không chỗ nào chẳng đẹp, Phật nói: Làm thay, đồ con mắt thịt! Ta xem thấy, từ đầu đến chân, không một chỗ nào đẹp cả. Ta thấy: ở đầu người có tóc, tóc chỉ là một thứ lông, lông ấy cũng như lông ngựa, lông voi; dưới tóc là sọ, sọ chỉ một thứ xương đầu, cũng giống như xương đầu heo của các nhà đồ tể hàng heo. Trong đầu? có não, não giống như đất bùn, nó tanh hôi nhú mũi, nó rơi xuống đất, chẳng ai dám đụng tới. Còn hai con mắt là hai ao nước, đưa tay dụi vào nước mắt tuôn chảy. Trong hai lỗ mũi, có dây mũi dài, trong miệng có đàm nhớt; trong bụng có gan phổi v.v...toàn là những vật tanh hôi. Trường vị, bàng quan đựng toàn cứt, đái hôi thúi khó tả. Hai tay, hai chân là xương với xương kề nhau như trụ cột. Gân, da co dãn nhờ hơi thở mà chuyển động, không khác gì con người máy bằng gỗ. Nếu mổ xẻ nó ra từng đốt rời rã, đầu chân nằm ngổn ngang. Tất cả loài người đều như vậy cả.

Vậy thì có chi là đẹp mà người bảo vô song. Ta không dùng vợ, thôi người đem nó về đi. Ma Nhon Đề nghe Phật nói thế xấu hổ vội dắt con chạy về mà chẳng kịp bái từ.

Kinh Xuất Diệu

A Nan đi khát thực rồi, đang khi cầm bình bát đi dọc theo mé sông, chợt thấy một cô gái gánh nước. A Nan đến xin nước với cô, cô liền cho nước rồi đi theo sau A Nan, đến chỗ Ngài ở, nàng mới trở về nhà. Về nhà, nàng thưa mẹ tên là Ma Đăng rằng: Thưa mẹ khi nào mẹ gả con lấy chồng đừng gả cho người nào khác. Hôm nay đi gánh nước ở sông, con gặp một ông Sa môn, ông lại xin nước, con cho và hỏi tên, ông cho biết là A Nan. Con được A Nan làm chồng thời mẹ gả, bằng không thời con chẳng ưng ai hết.

Bà mẹ đi dò hỏi, mới biết A Nan là đệ tử Phật.

Bà về nhà bảo với con rằng: A Nan thờ Đạo Phật làm sao làm chồng con được? Nàng nghe thế buồn rầu khóc lóc bỏ ăn.

Bà mẹ vốn rành nghề ma thuật, mời A Nan về nhà cúng cơm, nàng rất vui sướng. Bấy giờ bà thưa với A Nan rằng: con gái tôi nó muốn làm vợ ông.

A Nan nói: tôi giữ giới không cưới vợ. Bà ta buộc: con tôi chẳng được ông làm chồng thì nó tự tử. A Nan nói: đức Phật thầy tôi chẳng cho phép tôi gán đàn bà.

Bà mẹ liền vào trong nhà, đem chuyện ấy thuật lại với con. Nàng khóc rống và bảo mẹ rằng: xin mẹ đóng kín cửa lại đừng cho ông ra đi, tối nay con bắt làm chồng. Bà già nghe lời con đóng cửa, rồi dùng phép thuật mà trói A Nan lại; trời vừa tối, nàng trang điểm thân thể rất đẹp rồi đi vào nhà trong. Ngài A Nan chẳng đến giường ngủ. Bà ta đốt một đồng lửa, rồi đến nằm phụng chèo áo A Nan mà rằng: Nếu ông không vì con gái tôi làm chồng nó, thì tôi vất ông vào đồng lửa này. Ngài A Nan rất khổ tâm, chẳng biết làm sao, chỉ biết niệm Phật mà thôi.

Bấy giờ đức Phật quán biết A Nan lâm nạn liền đến cứu đem về. Khi thấy A Nan ra đi nàng khóc kêu liên miên.

Sáng ngày nàng đi tìm cho được, khi thấy A Nan đang mang bình bát đi khát thực thì nàng đi theo sau xem thấy bộ đi, gương mặt của A Nan, mặc dù Ngài đã cố tâm đi tránh, mà nàng vẫn theo luôn.

Khi A Nan về đến nơi và thưa với Phật rằng: con gái của mẹ Ma Đãng nó đi theo sau lưng tôi luôn cả ngày nay. Đức Phật sai người gọi đến và hỏi: người đi theo A Nan để xin thứ gì? Nàng thưa: tôi nghe A Nan không vợ, tôi cũng không chồng, nên tôi muốn xin làm vợ. Phật nói: A Nan là kẻ trọc đầu, còn người có tóc, nếu người có thể cạo tóc, thì Ta sẽ cho A Nan làm chồng người. Nàng thưa: tôi có thể cạo tóc, Phật nói: phải trở về nhà xin với mẹ người đã, cạo đầu xong rồi sẽ lên đây...

Nàng về nhà thuật lại lời Phật dạy và xin mẹ cho cạo đầu. Bà nói: từ khi sanh con, mẹ ưa cái đầu tóc con lắm, nhưng vì sao con quyết lấy ông Sa môn làm chồng? Chớ ý mẹ muốn gả con cho những kẻ giàu sang trong nước là hơn. Nàng quả quyết: đầu tôi có chết vẫn xin làm vợ A Nan mà thôi. Bà nói: thiệt mày làm nhục nhà giòng họ tao quá. Bất đắc dĩ bà phải hạ dao cắt tóc.

Xong, nàng mới đến chỗ Phật và thưa: tôi đã cắt tóc rồi. Phật hỏi: Người yêu cái gì của A Nan? Dạ thưa tôi yêu con mắt, lỗ mũi, cái miệng, cái tai, tiếng nói và cả bộ tịch đi đứng của A Nan. Đức Phật dạy: trong hai con mắt thời có nước ghen, trong hai lỗ mũi thời có cứt mũi, trong hai lỗ tai thời có cứt ráy, trong miệng thời có đàm dãi và trong bụng là đầy cứt đái, toàn là những thứ tanh hôi như nhớp bất tịnh. Mà đã thành vợ chồng thì tất phải có khi trần truồng xấu xí và do đó mà đẻ con. Đã có con thì nó phải chết. Mà khi nó chết thì kêu khóc thảm thê.

Thế thì đối với cái thân có ích đâu mà yêu mến. Nàng liền suy nghĩ, lúc mà hai thân trần truồng xấu xí thời trong lòng hết nghĩ bậy, tức thì chứng được A La Hán.

Bấy giờ Phật biết nàng đã chứng Đạo nên Ngài bảo: Thôi ngươi đứng dậy đi đến chỗ A Nan đi! Nàng xấu hổ quá liền đến quỳ trước Phật cúi đầu thưa rằng: con vì ngu si nên theo A Nan, nay con đã tỉnh ngộ như người đi trong tối được ánh sáng đèn lửa, như kẻ đi được sáng mắt, như người già yếu được gậy. Nay Phật cho tôi chứng được Đạo, tâm tôi được khai ngộ như vậy.

Khi ấy đức Phật bảo các Tỳ kheo rằng: trong đời quá khứ cách nay chừng 100 đời, con gái của bà Ma Đăng này đã cùng với A Nan thành vợ chồng, thương mến nhau lắm. Ngày nay đôi lứa gặp nhau như anh gặp em. Như vậy đạo Phật ai được nghe, quyết định có lợi ích chớ?

Kinh Ma Đăng Nữ

Phàm phu trọng sắc dục, đành chịu làm tôi mọi, trọn đời chạy rong theo, bị đủ điều khổ sở.

Kinh Nhứt Minh Bồ Tát

Phật dạy: dù là vì lợi dưỡng, cũng đừng nên làm nghề mãi dâm, vì chẳng phải lối sanh sống chân chính.

Kinh Phạm Võng

F. HỒ TRÊN

Trên đời có hai pháp nhiệm mầu ủng hộ cho thế gian chính là HỒ và TRÊN vậy. Nếu không có hai pháp này thế gian không thể phân biệt được là cha mẹ, anh em, vợ con, bạn bè, tôn trưởng và kẻ lớn người nhỏ, thời đồng với các loại cầm thú có khác gì.

Kinh Tăng Nhất A Hàm

Lấy nước hồ trên rửa tẩy nhớp trần lao, thời thân tâm đều thành món đồ trong sạch.

Kinh Tâm Địa Quán

Hồ trên là đồ áo mặc để gìn giữ các điều lành.

Kinh Đại Vân

Đồ mặc hồ trên đối với các món trang sức nó là thứ nhứt. Hồ trên như cái móc sắt nó ngăn chặn những điều phi pháp cho người. Vậy nên các Tỷ kheo thường phải biết hồ trên, đừng chút nói bỏ. Nếu bỏ rời hồ trên thì mất các công đức; người có hồ trên thì có pháp lành, bằng không cũng với cảm thú không khác chi mấy. Đời nếu có người hiểu biết hồ trên, người ấy tiến bộ dễ dàng, như giục ngựa hay.

Kinh Bột

Hồ trên có hai thứ: Một là tự tánh, hai là nhơn duyên. Tự tánh là biết mình đã làm những điều phi pháp, lo sợ quả báo sanh lòng hồ trên. Nhơn duyên là đối với những việc ác đã làm sợ người đời biết mà sanh hồ trên.

Thứ hồ trên tự tánh chẳng phải do nhơn duyên mà được. Hồ trên tóm tắt có 3 món:

1. Việc chẳng nên làm mà làm sanh lòng hồ trên
2. Việc nên làm mà chẳng làm sanh lòng hồ trên
3. Tự lòng mình sinh nghi mà hồ trên
4. Bị lỗi mà che dấu sợ người biết mà hồ trên

Kinh Thiện Giới

Ai ôm lòng hồ trên thì các tội lỗi tiêu diệt, được trong sạch như xưa.

Kinh Niết Bàn

G. LIA CÁC TRỘM CƯỚP

Đệ tử phải xa lìa các điều trộm cướp, những đồ vật giúp sống nên vừa đủ; vật của người ta chẳng cho thì chẳng nên lấy.

Kinh Hoa Nghiem

Trộm cướp có 10 tội:

1. Người chủ có vật thường giận
2. Thường bị người nghi ngờ
3. Không lúc nào chẳng tính mưu gian
4. Phường ác nhọn đến làm bạn, người hiền tránh xa
5. Phá hủy tướng lành nơi thân
6. Bị tội với Quan
7. Của cải bị Quan tịch thu
8. Gây nghiệp nhọn bản cùng
9. Chết đọa địa ngục
10. Đòi sau được làm người khổ mạt kiếp, khi làm được của bị người xúm dùm chung; hoặc bị giặc lấy hay lửa cháy tiêu. Hoặc là đưa con bất hiếu phá hủy tan tành.

Luận Trí Độ

Chẳng ăn trộm của cải của người ta là giàu to. Vì chẳng bị quan vua tịch thu, nước lửa chảy trôi, hay giặc trộm cướp lấy, không có kẻ oan gia, không có ác tử mà được nhiều người ưa mến. Đi đến đâu cũng không khó, vì đã dứt hẳn những điều lo sợ.

Kinh Hải Long Vương

Nếu gặp thấy vật rơi nơi đường xá, hoặc vàng bạc hay những của báu; lượm rồi xướng rằng: "vật này là của ai?" Nếu có người nói: "vật ấy là của tôi", thì phải gạn hỏi hình tướng, nếu đúng sự thật nên trả lại họ. Nếu không người đến nhận thời cứ sau mỗi bảy ngày là đem vật ấy ra mà xướng như vậy nữa. Và sau cũng không có người chủ nhận thì đem gởi cho vua, quan, quận, huyện hay các cơ quan hữu trách; những cơ quan ấy cũng chẳng thấy chủ đến nhận lãnh thì mới đem ủng hộ cho Phật pháp.

Kinh Chánh Pháp Niệm Xứ

Nếu lượm được những vật thuộc loại khăn áo, phải xướng lên cho người hay đến nhận, bằng không người nhận thời treo chỗ cao, cho người ta dễ thấy. Nếu có người nói: "vật

này của tôi", thì nên hỏi họ: "người làm mất vật này ở chỗ nào?" Họ nói đúng sự thật thì trả lại cho họ, bằng chẳng đúng, phải giữ lại sau thời gian ba tháng, khi lượm được nơi vườn tháp thì đem cúng cho tháp dùng, mà lượm được vườn Tăng thì đem cúng cho tứ phương Tăng dùng.

Nếu như lượm được vật quý giá như vàng bạc hay chuỗi anh lạc thì không nên vội xướng rõ, người lượm được phải coi kỹ hình dáng hoặc số lượng của vật rồi mới đưa ra, có người nhận, phải hỏi cho đúng sự thật, rồi trước đông người mà trả lại họ, chớ không nên ở chỗ kín mà cho lại.

Luật Tăng Kỳ

Sống không biết hổ, như chim ăn dơ mắt mày chịu nhục, gọi là sống dơ. Liêm si tuy khổ, giữ nghĩa thanh bạch, tránh nhục chẳng dối, gọi là sống sạch.

Kinh Pháp Cú

Thà nên giữ Đạo, nghèo hèn mà chết, chẳng nên vô Đạo, giàu sang mà sống.

Kinh Lục Độ Tập

Phật dạy: Các Tỳ kheo! Đa dục là khổ, sống chết mệt nhọc, bởi tham dục sanh: ít dục vô vi mới giác ngộ thân tâm tự tại.

Kinh Bát Đại Nhơn Giác

Phật dạy: Hỡi các Tỳ kheo! Phải biết, những người đa dục, vì cầu lợi nhiều, khổ não cũng nhiều; những người thiếu dục, không cầu không dục, không có khổ não. Cho nên ai muốn lìa khổ, cần phải tu tập hạnh thiếu dục. Huống chi hạnh thiếu dục có thể sanh các công đức. Những người tu hạnh thiếu dục thì không đua dục chịu theo ý người để cầu cạnh, nhất là chẳng bị các căn lôi kéo. Người tu thiếu dục, tâm địa坦然 nhiên, không có lo sợ, gặp việc cô thừa, thường chẳng thiếu thốn. Hễ tu thiếu dục là có Niết bàn.

Kinh Di Giáo

Người tham, chừa đẽ nhiều, đợc mấ cũng chẳng vừa. Tâm vô minh điên đảo, thường mưu xâm lãn người, đời hiện nhiều oán ghét, chết rồi đọa ác đạo. Cho nên người trí, phải tu trí túc.

Kinh Ni Kiên Tử

Nếu người lòng tham không biết nhàm đủ, chỉ biết cầu cho nhiều, tội ác càng tăng thêm. Bỏ tất chẳng thế, thường nghĩ tri túc, an phận nghèo mà giữ Đạo giác ngộ. Duy huệ là sự nghiệp.

Kinh Bát Nhơn Giác

Người xuất gia có 4 chứng bệnh cho nên chẳng đợc bốn đạo quả Sa môn: 4 chứng bệnh là gì? Là bốn thứ ác dục:

1. Tham ăn uống
2. Tham áo mặc
3. Tham đồ ngủ
4. Tham của đời

Gọi là bốn thứ ác dục, là bệnh của kẻ xuất gia, có bốn món thuốc hay, có thể trị lành những thứ bệnh ấy là: áo mặc bằng giẻ rách, có thể trị đợc bệnh ác dục của Tỳ kheo về áo mặc; đi khát thực, có thể trị đợc bệnh ác dục về tham ăn; ngủ dưới gốc cây, có thể trị đợc bệnh ác dục về đồ ngủ; thân tâm vắng lặng, có thể trị đợc bệnh ác dục về của đời của Tỳ kheo.

Do bốn vị thuốc này chữa đợc bốn chứng bệnh kia, nên gọi là Thánh hạnh. Như thế mới gọi là tu thiếu dục tri túc.

Người thiếu dục, chẳng tìm cầu, chẳng tham lầy. Người tri túc, khi đợc ít, tâm vẫn thản nhiên, không chút hối hận.

Kinh Niết Bàn

Hỡi các Tỳ kheo! Nếu muốn giải thoát các điều khổ não, nên quán tri túc. Pháp tri túc, tức là chỗ giàu vui yên ổn vậy. Người tri túc, tuy nằm trên đất, vẫn đợc an vui; người bất tri túc, dù ở thiên đờng, cũng chẳng vừa ý.

Người bất tri túc, tuy giàu mà nghèo; người tri túc tuy nghèo mà giàu. Người bất tri túc, thường bị năm đục lồi cuốn, làm cho người tri túc động lòng thương xót, ấy là tri túc.

Kinh Di Giáo

Trong lúc tìm cầu giàu sang, rất khổ, đã được rồi giữ cũng khổ, về sau bị mất lo rầu lại càng khổ hơn. Xét trong ba thời đều không có vui.

Kinh Bách Duyên

Không luận kẻ sang người hèn, kẻ nghèo người giàu, lớn nhỏ trai gái, đều chung lo tiền của, trăm nghìn ngàn lo, sai khiến lương tâm không lúc yên nghỉ. Có ruộng lo ruộng, có nhà lo nhà; có trâu ngựa lục súc, tôi tớ tiền của, áo cơm đồ vật, thầy đều lo cả.

Càng lo nghĩ lại càng sâu khổ. Hoặc có khi bị tai nạn phi thường như nước lửa trộm cướp, cháy, trôi, dụt lấy đi mất, lại càng lo khổ hơn nữa, rồi lại bo bo không lúc nào giải thoát; giận hờn kết chặt nơi lòng, phiền não không thể bỏ.

Nhưng khi thân mạng chết, thì bỏ lại cho đời chỉ mô? mình mình đi, chẳng đem thứ gì theo được! Sang trọng giàu mạnh, không ai không có các thứ lo khổ này.

Kinh Vô Lượng Thọ

Ông Cấp Cô trưởng giả hỏi Phật rằng, thưa Thế Tôn: Thế gian hành nghiệp sanh sống có bao nhiêu thứ? Phật đáp: kể có 10 thứ:

1. Phi pháp vô đạo mà cầu tài, dù được, không thể tự an dưỡng, không thể an dưỡng cha mẹ, vợ con, tôi tớ và cúng dường Sa môn.
2. Phi pháp vô đạo mà cầu tài, được tài, tự an dưỡng, an dưỡng cha mẹ, vợ con, tôi tớ mà chẳng cúng dường Sa môn
3. Phi pháp vô đạo cầu tài, được tài, tự an dưỡng, an dưỡng cha mẹ, vợ con, tôi tớ và cúng dường Sa môn.
4. Đúng pháp và phi pháp cầu tài, được tài, chẳng tự an dưỡng, chẳng an dưỡng cha mẹ, vợ con, tôi tớ cũng chẳng cúng dường Sa môn
5. Đúng pháp và phi pháp cầu tài, tự an dưỡng, an dưỡng cha mẹ, vợ con, tôi tớ mà chẳng cúng dường Sa môn
6. Đúng pháp và phi pháp cầu tài, được tài, có thể tự an dưỡng, an dưỡng cha mẹ, vợ con, tôi tớ và cúng dường Sa môn

7. Đứng pháp cầu tài, chẳng tự an dưỡng, chẳng an dưỡng cha mẹ, vợ con, tôi tớ và cũng chẳng cúng dường Sa môn
8. Đứng pháp cầu tài, tự an dưỡng, an dưỡng cha mẹ, vợ con tôi tớ mà chẳng cúng dường Sa môn
9. Đứng pháp cầu tài, tự an dưỡng, an dưỡng cha mẹ, vợ con, tôi tớ và cúng dường Sa môn
10. Đứng pháp cầu tài, tự an dưỡng, được an dưỡng cha mẹ, vợ con tôi tớ và cúng dường Sa môn. Đối với của cải không đắm nhiễm, không bị ràng buộc. Thấy kẻ bị tai họa bố thí chẳng tiếc lần.

Trong 10 hạng hành nhưn, hạng sau cùng là cao thượng hơn hết vậy.

Kinh Trung A Hàm

Phật dạy: cầu tài có 6 món phi đạo:

1. Đánh bạc cầu tài lợi là phi đạo
2. Phi thời cầu tài lợi là phi đạo
3. Uống rượu buông lung cầu tài lợi là phi đạo
4. Gân gũi với bạn ác mà cầu tài lợi là phi đạo
5. Vì vui đàn hát cầu tài lợi là phi đạo
6. Biếng nhác cầu tài lợi là phi đạo

Kinh Trung A Hàm

Trong việc bảo hộ tài sản cho người sẽ bị nguy hiểm bởi 4 điều. Bốn điều nguy hiểm đó là:

1. Vua chúa nước ngoài
2. Giặc cướp
3. Nạn lửa cháy
4. Nạn nước trôi

Kinh Tăng Nhứt A Hàm (văn Ba lị)

H. RƯỢU CÓ NHIỀU LỖI

Rượu là gốc của các điều ác vậy. Nếu ai có thể dứt trừ được thì xa lìa các tội lỗi.

Kinh Niết Bàn

Uống rượu, làm khổ não chúng sanh nên gọi nó là nhơn gây tội. Nếu người khi uống rượu thời các cửa bất thiện mở ra, vì có thể hại các thiện pháp, như lập vườn cây trái, mà không làm rào giậu.

Luận Thành Thật

Nếu tự tay mình bung rượu cho người uống, vì khiến người uống rượu, cho nên bị tội không tay năm trăm đời, huống chi mình uống. Chẳng nên dạy khiến tất cả người và chúng sanh uống rượu, huống chi mình uống?

Kinh Phạm Võng

Phàm người uống rượu có 6 điều lỗi:

1. Mất của
2. Sanh bệnh
3. Đánh lộn
4. Tiếng xấu đồn khắp
5. Sanh sân si dữ tợn
6. Trí huệ ngày càng mòn mỏi

Đức Phật dạy: Với người thế gian ưa uống rượu say thì bị 36 tội lỗi. Những lỗi gì đến 36?

1. Người uống rượu say, con chẳng kính cha. Tôi chẳng kính vua, vua tôi cha con không còn kẻ trên người dưới
2. Nói năng bị nhiều sai lầm
3. Say thì nói nhiều lời, nói đâm thọc hai bên
4. Nói phô những việc tư riêng cần dấu kín của mình và người
5. Say thì mắng trời chửi đất chẳng biết kiêng cũ
6. Say thì nằm giữa đường không thể về nhà, mà có cầm giữ vật gì thì quên mất
7. Say thì đi đứng không chính được
8. Say thì khi ngược khi cúi chân đi hoành hành, hoặc sa hầm hố
9. Say thì té rồi đứng dậy thân thể bị thương
10. Có mua, bán bị lầm lộn, hay ưa đụng chạm bậy bạ
11. Say thì bỏ phế công việc làm ăn chẳng lo sanh sống
12. Đã có bao nhiêu của cải tiêu hao hết

13. Say thì chẳng nghĩ việc đời lạnh của vợ con gia đình
14. Say thì la mắng bất kể, chẳng sợ pháp luật
15. Say là cởi áo tuột quần trần truồng mà chạy
16. Say thì đi bậy vào nhà người, lôi kéo vợ con người ta, nói năng bậy bạ tội lỗi không thể tả được
17. Say thì gây lỗi với láng giềng, rồi muốn đánh lộn
18. Say thì nhào trộn kêu la làm kinh động làng xóm
19. Say thì giết quấy gà heo
20. Say thì đập đánh phá tan nát đồ đạc trong nhà
21. Say thì coi rẻ người nhà như kẻ tù tội, ăn nói ngang ngược
22. Làm bạn với phường ác nham
23. Say thì xa bỏ bực Hiền thiện
24. Khi tỉnh say thân thể như đau bệnh
25. Say thì ói mửa ra những thứ dễ gớm, vợ con thấy ghét gớm chẳng ngó
26. Say thì ý muốn chạy nhảy, gặp phải với cọp cũng chẳng sợ tránh
27. Say thì chẳng kính kinh sách Thánh hiền, chẳng kính Đạo sĩ Sa môn gì cả
28. Say thì đâm lung chẳng biết kiêng nể
29. Say thì như người điên, người ta thấy tránh chạy hết
30. Say như người chết chẳng còn biết gì cả
31. Say hoặc bị ghê mặt, hoặc bị bệnh rượu mặt mày vàng nóng
32. Thiên long quý thần đều cho rượu là ác
33. Những kẻ thân hậu trí thức ngày càng xa dần
34. Ngồi chồm hồm mà đưa mắt xem kẻ qua lại
35. Sau khi chết phải vào địa ngục thái sơn, thường nuốt nước đồng lỏng, cháy ruột, chảy xuống lỗ đít, cứ như vậy cầu sống cũng khó mà cầu chết cũng khó, chịu ngàn vạn năm như vậy
36. Khi từ địa ngục ra, được sanh làm người ngu si chẳng biết gì cả

Nay ta thấy có những người ngu si không hiểu biết gì hết, là chính bởi bị quả báo đời trước ưa uống rượu gây nên vậy. Như vậy rất rõ ràng. Rượu cũng đáng cho người ta cần thận chứ!

Kinh Phân Biệt Thiện Ác Sở Khởi

Chẳng dặng uống, ném, ngửi rượu. Từ nay về sau, kẻ nào tôn ta làm thầy, tuy ít cho đến một chút xiu rượu dính trên đầu cọng cỏ cũng chẳng nên nhỏ vào miệng.

Kinh Sa Di Ni Giới

I. ĐIỀU HÒA BỐN ĐẠI

Phật dạy các Tỳ kheo, đi bộ có 5 công đức. Những gì là 5?

1. Chạy giỏi
2. Có sức mạnh
3. Trừ ngủ
4. Ăn uống dễ tiêu mà chẳng sanh bệnh
5. Làm cho người tu dễ được định ý, làm cho được định ý và lâu lắm

Kinh Thất Xứ Tam Muội

Các Tỳ kheo! Thường ngày phải rưới nước và quét trong nhà; trong nhà nếu có mùi hôi thì xoa bột hương; nếu còn hôi thì lấy hương treo bốn góc vách trong nhà.

Luật Tứ Phần

Đức Thế Tôn bảo các Tỳ kheo rằng: Cát nhà tắm có 5 món công đức:

1. Ngăn gió
2. Lành bệnh
3. Trừ sạch đất nơ
4. Thân thể nhẹ nhàng
5. Được mập trắng

Kinh Tăng Nhứt A Hàm

Mai, chiều phải súc miệng; phương pháp súc miệng là đổ nước vào miệng rồi ba phen trộn trạo, gọi là pháp tịnh khẩu.

Những người miệng hôi, phải nhâm nhánh dương chi. Nhâm dương chi có 5 sự lợi ích:

1. Miệng chẳng đắng
2. Chẳng hôi miệng
3. Trừ gió
4. Đề phòng bệnh nóng
5. Trừ đàm nhớt

Nhâm xong, lấy nước rửa rồi vắt đi.

Luật Thập Tụng

Phật dạy: Này các đệ tử! Đầu tóc dài, móng tay dài, áo quần dơ chẳng biết phải lúc nói năng nhiều; gọi là năm món hủy nhục pháp của Tỳ kheo vậy.

Tất cả Đạo, tục bậy chúng, khi dùng nước uống phải lọc, lọc xong người có con mắt tỏ xem thấy chỉ tay trong bàn tay là dùng được.

Luật Tăng Kỳ

Nước để cách đêm, xem thấy có sanh vi trùng, nếu chẳng lọc thì đừng uống.

Kinh Chánh Pháp Niệm Xứ

Người vì lúc ăn quá no nên thân thể nặng nề sanh biếng nhác, mất lợi ích lớn của đời này và đời sau; ngủ mê tự chịu khổ, lại làm phiền người khác và mê muội khó thức dậy, cho nên phải biết thời và độ lượng mà ăn vừa thôi.

Kinh Ni Kiên Tử

Nếu ăn no quá thì hơi thở gấp, thân đầy trăm đường mạch máu chẳng điều hoà, tâm bị ngăn ngại, ngồi nằm không yên. Trái lại ăn giảm ít, thời thân thể ốm, tâm bị treo ý nghĩ ngợi không được bền.

Kinh Tăng Nhứt A Hàm

Với tất cả chỗ mà đại, tiểu bậy bạ, thì đọa vào địa ngục bậy bạ 500 đời. Hai mươi tiểu kiếp, phải tay ôm chỗ đất đại tiểu thú hôi cho đến chết.

Kinh Ưu Bát Kỳ Vương

Chẳng nên hi, khạc trước chỗ đông người. Muốn hi khạc phải đến chỗ khuất, đừng cho người ta nhòm góm.

Kinh Tỳ Ni Mâu

Muốn cất cầu tiêu, không nên cất ở phía Đông, mà phải đặt ở phía Bắc; còn đường gió phải khai về hướng Nam, hoặc Tây Đông. Người đi cầu, chẳng nên lặng thính mà vào, phải gõ cửa rồi mới vào. Nếu bên trong có người phải trả lời bằng cách gõ lại.

Nếu muốn khạc nơi đất phải để cái bình một chỗ, để vào trong bình ít đất cát hoặc vôi, rồi mới khạc trong bình, phải thường thường đem đổ, đừng cho sanh mùi hôi. Lấy nước sạch rửa bình cho sạch, úp xuống phơi khô rồi mới dùng lại.

Luật Tăng Kỳ

Người bị đau có 10 nguyên nhân:

1. Ngồi lâu mà chẳng nằm
2. Ăn không tiêu
3. Lo sầu
4. Quá mệt
5. Dâm lung
6. Giận dữ
7. Đến lúc đại tiện mà nhịn không đi
8. Đến lúc tiểu tiện mà nhịn không đi
9. Ngăn hơi ợ
10. Ngăn hơi thoát ở hậu môn

Kinh Y (Trị Bệnh)

Thân người do bốn đại hòa hợp mà thành, bốn đại này là đất, nước, gió, lửa, một món chẳng điều hòa là một trăm bệnh sanh ra, mà cả bốn món chẳng điều hòa là bốn trăm bốn bệnh đồng thời phát sanh.

Kinh Ngũ Vương

Có chúng sanh bị bệnh vì không uống thuốc men và không có người chăm sóc mà phải chết, gọi là hoạnh tử, và phạm pháp luật phải tội xử tử, gọi là hoạnh tử. Lại say mê săn bắn, buông lung, dâm dăng, nhậu rượu say sưa vô độ mà bị hại gọi là hoạnh tử. Lại nữa, bị nước trôi, lửa cháy, cũng là hoạnh tử. Kế nữa, bị sư tử, hổ lang, độc trùng ác thú mà chết cũng gọi là hoạnh tử. Lại nữa, bị đói khát mà chết cũng là hoạnh tử. Thêm nữa, bị thuốc độc hay bùa chú ếm đỏi mà chết cũng là hoạnh tử. Và nhào đầu xuống gộp đá mà chết, cũng là hoạnh tử.

Kinh Dược Sư Như Lai Bốn Nguyên

Chúng sanh bị chết ngang có 9 nguyên nhơn:

1. Khi ăn những món chẳng nên ăn
2. Ăn uống không độ lượng
3. Chẳng biết mùa Đông mùa Hè, hay khi đến nước khác chẳng biết phong tục mà ăn những món không tiêu
4. Những món ăn trước chưa tiêu mà ăn thêm vào nữa và chẳng uống thuốc
5. Đến khi đại tiểu tiện mà chẳng chịu đi
6. Khi chẳng giữ ngũ giới
7. Khi gân gũ kẻ ác
8. Khi đi vào núi rừng sâu thẳm, hoặc đến chỗ đấu tranh
9. Khi những nơi chỗ đáng tránh mà chẳng tránh

Nếu ai tránh được 9 nguyên nhơn này thì được hai phước báo: một là sống lâu; hai là vì nhờ sống lâu nên được nghe chánh pháp mà tu hành.

Kinh Cửu Hoạnh

Người bệnh mà trọn đủ 9 điều sau đây chắc sẽ chết ngay:

1. Biết món ăn không lợi mà vẫn ăn
2. Chẳng biết độ lượng
3. Đồ ăn còn nằm trong chưa tiêu mà nuốt thêm vào
4. Ăn chưa tiêu mà học mửa ra
5. Đã tiêu, đáng lẽ cho nó ra mà cố giữ lại
6. Ăn chẳng tùy theo bệnh
7. Ăn tùy theo bệnh mà chẳng độ lượng
8. Tâm thường trễ nải
9. Không có trí huệ, ấy vậy

--- o0o ---

Kinh lời vàng

Tác giả: Dương tú Hạc
Dịch giả: HT Thích Trí Nghiêm

---o0o---

Chương III

LỢI THA

A. BIẾT ƠN TRẢ ƠN

Đức Phật bảo các ông trưởng giả Diêu Đức, Dũng Mãnh, Thiện Pháp ở trong thành Vương Xá rằng: Nay các trưởng giả! Ta sắp nói pháp mâu nhiệm, vì muốn lợi ích cho những ai chưa biết ơn đức trong đời vị lai. Ôn trong thế gian và xuất thế gian có 4 thứ:

1. Ôn cha mẹ
2. Ôn chúng sanh
3. Ôn quốc vương
4. Ôn Tam bảo

Bốn ơn này tất cả chúng sanh, bình đẳng công đội.

Kinh Tâm Địa Quán

Người nào biết ơn, tuy còn ở trong sanh tử mà căn lành chẳng hư. Kẻ chẳng biết ơn, căn lành diệt mất. Vậy nên các đức Phật khen ngợi những người biết ơn trả ơn.

Kinh Đại Phương Quảng Bát Tư Nghì Cảnh Giới

Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ kheo rằng: nếu có chúng sanh nào biết trả ơn, người ấy đánh kính. Ôn nhỏ còn chẳng quên, huống chi ơn lớn. Kẻ ấy dầu cách đây trăm ngàn do tuần cũng chẳng khác gì gần bên ta. Ta thường khen ngợi. Trái lại có chúng sanh chẳng biết trả ơn, ơn lớn còn chẳng nhớ huống là ơn nhỏ; dầu có gần Ta, Ta cũng chẳng gần, dầu cho mặc áo Tăng ở hai bên ta, hữu gần Ta đi nữa, người ấy vẫn như xa ta.

Kinh Tăng Nhứt A Hàm

Người biết ơn sẽ phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác, người trả ơn cũng sẽ dạy chúng sanh phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Kinh Đại Phương Tiện Phật Báo Ân

Nếu có ai hỏi rằng: ai là người biết ơn và có thể đã trả ơn? Nên đáp ngay với họ rằng: Đức Phật là người biết ơn và đã trả ơn vậy. Vì sao thế? Vì tất cả trong thế gian người biết ơn và đã trả ơn, không ai hơn Phật vậy.

Kinh Bát Nhã

Chẳng nghe vị Địa thần đã nói sao? "Ta, chở cỡi đại địa có tất cả sự vật và sức nặng của núi Tu di nữa mà ta chẳng nhàm chán nhưng đối với 3 hạng người ta thường ngán lắm.

1. Kẻ ôm tâm phản nghịch muốn mưu hại vị nhơn vương
2. Kẻ bỏ ơn tôn thân bất hiếu với cha mẹ
3. Kẻ bác bỏ không cho có nhơn quả, hủy báng Tam bảo, phá pháp luân Tăng, trở ngại người làm lành. Những người như vậy trong một giây lát ta cũng không muốn chở họ."

Kinh Hoa Nghiêm

B. VUA – TÔI – CHỦ – TỚ

Làm vua trị hóa là khôn khéo dạy khiến bề tôi. Cha dạy con, anh dạy em, chồng dạy vợ, nhà cửa trong ngoài thân thuộc bằng hữu dạy bảo lẫn nhau, phải đạo làm lành, phụng kính trì giới, mỗi người giữ lấy trên dưới kính nhau, không luận sang hèn trai gái tu giới thanh tịnh thấy đều vui vẻ; phải lễ hòa thuận, vui vẻ hiếu hiền, cùng nhau răn dạy.

Kinh Đại A Di Đà

Nước không vua, như thân không đầu, khó mà sống lâu.

Kinh Tự Ái

Ơn của Quốc vương, vì Quốc vương là kẻ phước đức cao cả hơn hết, tuy cũng là người sanh ở nhơn gian mà được tự tại, nên các vị Thiên tử ở cõi trời ba mươi ba thường giúp sức ủng hộ vậy. Với cả cõi nước sơn hà đại địa và cả ngàn mé biển cả, đều thuộc Quốc vương, phước đức cao hơn tất cả phước của chúng sanh. Vậy nên vị Đại thánh vương, lấy chánh pháp mà trị hóa, có thể khiến chúng sanh đều được an vui; ví như các tòa cung điện, cây cột là cột gốc; nhơn dân no ấm, vua là cột gốc, vì là của vua vậy.

Quốc vương, nếu chẳng lấy chánh pháp mà trị hóa để làm chỗ nương nhờ cho nhơn dân. Nếu lấy chánh pháp mà trị hóa thời những kẻ xâm lăng ở ngoại nước, kẻ phản nghịch ở trong nước, và những ác quỷ, đ?#243;i khát cùng những khủng bố mưa gió bất thời không thể có được.

Quốc vương xem nhơn dân như con, ngày đêm chẳng rời lòng lo ủng hộ, thì ơn ủng hộ ấy đáng gọi là lớn vậy.

Vì quốc vương có 10 đức:

1. Soi tỏ: lấy mắt trí huệ soi khắp thế gian vậy
2. Trang nghiêm: lấy đại phước trí trang nghiêm nước vậy
3. Ban vui: lấy đại an lạc cho nhơn dân vui vậy
4. Dẹp oán: hành phục tất cả oán địch vậy
5. Liạ sợ: có thể đẩy lui các tai nạn, hết khủng bố vậy
6. Dùng người hiền: là tập trung các bậc Hiền sĩ cùng giúp việc nước vậy
7. Đặt pháp luật: là nhơn dân ở yên trong cõi nước vậy
8. Trị an: là lấy chánh pháp duy trì thế gian vậy
9. Nghiệp chủ: là các sự nghiệp đều thuộc Quốc vương vậy
10. Nhơn chủ: là các sự nghiệp đều thuộc Quốc vương vậy

Tất cả các vị Quốc vương đều nhờ phước đời trước mới được trọn nên 10 món phước đức thù thắng như vậy.

Nếu có nhơn dân nào siêng tu lòng thành, để giúp rập cho vị vua có nhơn đức, tôn trọng như Phật, ấy đời hiện nay yên ổn giàu vui. Cầu muốn việc chi đều được vừa lòng là nhờ ơn đức của Thánh vương rộng lớn như vậy.

Kinh Tâm Địa Quán

Vua như cha mẹ, thương mến bình đẳng, người dân như con, trọn bề trung hiếu.

Kinh Phật Vị Thắng Quang Thiên Tử Thuyết Vương Pháp

Vua lấy lòng lành xem tất cả nhân dân đã như con, thời tất cả nhân dân đối với nhà vua như cha mẹ.

Kinh Thắng Quân Vương Sở vấn

Dân lấy vua làm mạng, vua lấy Pháp làm thân. Thế đạo được hòa bình, Phật Pháp bắt đầu từ đây.

Trong nước có vua, được mọi sự yên ổn; vậy nên nhà vua phải lấy sự an vui của tất cả chúng sanh mà làm gốc.

Những kẻ xuất gia tại gia thành tâm tu đạo đều nhờ chánh quốc được duy trì và diễn hóa khắp nơi. Nếu nhà vua bất lực, công hạnh chẳng thành, chánh pháp bị diệt mất, thời còn đâu giúp ích? Vậy nên, tu tất cả công đức, một trong sáu phần thuộc về nhà vua. Câu nguyện cho nhà vua được phước như quả núi, bền vững khó mà sụp đổ.

Kinh Hoa Nghiêm

Vua Nghiêm Xí hỏi Ni Kiên Tử rằng: "Các ông vua sao gọi tên vua?" Đáp rằng: "Này Đại vương! Vua là cha mẹ của nhân dân vậy. Hay y Pháp mà nhiếp hộ chúng sanh được an vui vậy, nên gọi là vua. Đại Vương nên biết, vua mà nuôi dân như mẹ nuôi con đờ, dờ khô bỏ ướ, không đợi nó đòi. (Khi mẹ con cùng ngủ, con đá, dờ con đến chỗ khô, mẹ nằm chỗ ướ!) Tại sao? Đại Vương phải biết, ngôi vua mà được bền vững lấy dân làm cõi nước. Lòng dân chẳng an, nước sẽ nguy vậy. Vậy nên làm vua, thường phải thương dân nghĩ đến dân, như mẹ nghĩ niệm đến đứa con đờ, lòng chẳng lúc nào rời bỏ được. Phải biết việc vui, khổ của người dân trong nước, tùy thời mà thi hành, biết mùa lụt mùa hạn, biết khi gió khi mưa, biết lúc được mùa mất mùa, biết khi no khi đói, biết có biết không, biết kẻ buồn người vui, biết kẻ già người trẻ, kẻ bệnh người mạnh, biết đứa ngục tù, người kiện tụng, biết kẻ có tội, người không tội, biết tội nhẹ tội nặng.

Nếu đối với các bậc Vương tử, đại thần, bách quan, biết kẻ nào có công người nào không công v.v...Biết như vậy gọi là bất ly tâm.

Đại vương! Phải biết, nhà vua với trong nước thì biết như vậy rồi, dùng thế lực mà ủng hộ. Kẻ đáng thưởng phải thưởng kịp thời, kẻ đáng phạt phải cân nhắc cho kỹ lưỡng. Những kẻ quan lại cũng phải biết thời, chẳng nên cướp đoạt quyền lợi của dân; nghiêm cấm tham lam bạo ngược. Người dân được yên vui, ấy là nhiếp hộ. Mới đáng gọi là vua."

Vua lại hỏi nữa rằng: "Lấy những pháp gì gọi là Vương luận, khiến các Tiểu vương nương nơi luận pháp kia mà trị nước an dân, gọi là như pháp có thể nhiếp hộ chúng sanh?"

Ngài Ni Kiền Tử đáp: "Đại vương! Bỏ các tâm điên đảo tham lam, bỏ các tâm điên đảo giận dữ, bỏ các tâm điên đảo ngu si rồi: y đối trị, y thiệt thế, y sai biệt, y lợi ích. Y đối trị và thiệt thế là pháp bị đối trị vậy; có chỗ gọi nó là cội gốc bất tham, bất sân và bất si. Làm sao có thể phát khởi được pháp bị trị và hay trị? Pháp bị trị ấy là tâm buông lung và tâm vô từ. Còn pháp hay trị là nhà vua phải tu pháp hạnh có tâm chẳng buông lung và tâm đại từ bi, nhận biết thân mạng và sự vật giúp sống đều là vô thường, tự quan sát bản thân thấy các tội lỗi hiểu biết đúng sự thật mà thọ dụng các vật cần thiết giúp cho sự sống.

Nhà vua tu pháp hạnh tuy được tự tại tự do nhưng chẳng nên làm những điều phi pháp; được như vậy gọi là tâm chẳng buông lung.

Đại vương! Phải biết y cứ theo phép vương luận, thì chẳng nên được của, có được cũng chẳng nên lấy, tuy là được của hợp lý mà phi thời cũng chẳng nên lấy. Nếu y theo thời tiết được của hợp lý đối với kẻ nghèo cùng khốn khổ cũng chẳng nên lấy. Đến như những nạn gươm giáo, nạn giặc giã, nạn phản nghịch, nạn hại nhau; lúc có những nạn như thế thời nhà vua nên khởi từ tâm chẳng sợ nguy hiểm đến bản thân mà hộ các chúng sanh.

Với kẻ nghèo cùng cho họ cơm áo. Với kẻ bạo ác, dạy họ pháp lành, ấy gọi là từ tâm.

Đại vương! Phải biết: y cứ theo hai pháp này, mới gọi là nhà vua tu pháp hạnh, chính là để hộ trì cho chúng sanh, là có tâm bất phóng dật, tâm đại từ bi vậy.

Kinh Ni Kiền Tử

Vua hỏi Đại sư rằng: "Vua tu pháp hạnh đã có tâm từ bi, làm sao có thể trị những chúng sanh còn ác?"

Đáp rằng: "Nhà vua tu pháp hạnh nếu cần trị chúng sanh làm ác trước phải khởi từ tâm lấy trí huệ xem xét và suy nghĩ 5 pháp, nhiên hậu mới trị. Những gì là năm?"

1. Y sự thật, chớ nên y bất thật
2. Y theo thời, chẳng nên y bất thời

3. Y nghĩa, chẳng nên y vô nghĩa
4. Dùng lời mềm dịu chớ nên dùng lời xằng xóm
5. Y từ tâm, chớ nên y sân tâm mà trị."

Nhà vua hỏi thêm Ngài Ni Kiên Tử rằng: "Vua tu pháp hạnh làm sao trị những chúng sanh khởi nghịch?"

Đáp rằng: "Này Đại Vương! Nhà Vua tu pháp hạnh, trước lấy điều lành mà dạy, đúng như pháp mà chỉ vẽ, nếu nghe theo mệnh lệnh mà bỏ nghịch tâm, xin lỗi xin tội với vua, thời Vua đại ân xá, tha thứ trọng tội, cho an trí ở một nơi nào trong nước mà chẳng nên diệt mạng, chẳng đoạt của và cũng chẳng cần đuổi ra khỏi nước. Vì sao thế? Vì muốn khiến Vua biết có ba điều: 1. Có đức tin. 2. Có ơn. 3. Có đại lực, để khiến cho những kẻ chưa hàng phục phải hàng phục; kẻ đã hàng phục chẳng dám tái phạm, kẻ muốn phản nghịch chẳng dám manh khởi.

Đại Vương phải biết những kẻ có tội mà được khởi tội lại được phục chức vị cũ thời nơn dân được yên ổn vậy. Những nhà Vua đúng như pháp mà trị hóa thời được phước vô lượng, tiếng tăm đồn khắp. Nếu kẻ bị tội được mệnh lệnh Vua mà chẳng chịu phục tội thời phải trị cho xứng đáng, nhưng đừng giết chết hay làm tổn hại thân thể mà chỉ nên tịch thu tài sản và đày ra khỏi nước, để làm gương cho kẻ khác chẳng dám khởi nghịch tâm mà thôi.

Đại Vương phải biết! Như vậy là Vua tu pháp hạnh mà trị tội những kẻ khởi nghịch.

Kinh Ni Kiên Tử

Nếu có vị Hiền Vương sáng sớm dậy, trước vào Đạo tràng, kính lễ Thánh Hiền cầu nguyện phước lành, cúng lạy Tổ tông, trả đền ân đức; dạy dân hiểu kính thăm ích cho muôn dân.

Xong rồi mới lâm Triều cùng với các Đại thần mà lo việc nước, và phê chuẩn, xong hai việc này rồi mới dùng bữa. Dùng bữa xong mới đi tắm rửa, và dạo chơi hoa viên.

Đến buổi chiều, bày hội đàm luận ở Vương cung, mời các vị Sa Môn, Bà La Môn có Đại trí huệ trong nước đến diễn thuyết Chánh pháp cho Vua nghe và Vua hỏi han các điều thiện ác, chánh tà và việc gì đáng làm, việc gì chẳng đáng làm. Rồi mới triệu tập các vị Cฤu Thần có tài đức, và những kẻ ẩn dật có kiến thức cao xa, nhà Vua dò hỏi việc quốc chánh để cho họ bình luận việc đắc việc thất. Như vậy là Vua tự tỉnh thức, phước đức của Vua càng tăng thêm rồi mới hàng phục các nước láng giềng, được bày tôi tôn kính, trong ngoài một lòng.

Kinh Hoa Nghiêm

Hễ lên ngôi quốc vương phải tu 5 điều:

1. Lãnh trị muôn dân không có oan uổng, những lạm
2. Nuôi dưỡng tướng sĩ tùy thời thăng thưởng
3. Tu niệm pháp lành, phước đức nối liền
4. Phải tin những lời can gián của bậc trung thân chánh trực, đừng nghe kẻ sàm nịnh mà thương tổn đến bậc chánh trực quốc sĩ.
5. Phải tiết độ việc tham dục, tâm chẳng buông lung

Tu năm điều này tiếng thơm khắp bốn biển, phước lộc tự đến. Trái lại chẳng tu năm điều này thì các pháp luật chẳng thi hành được, nhơn dân nghèo cùng mưu loạn, tất nhiên tướng sĩ phải mệt nhọc thể lực suy yếu; bấy giờ các vị phước thần không ủng hộ, bởi Vua mà hỏng việc lớn; các bậc trung thân chẳng can gián; tâm nhà Vua càng buông lung, việc nước phế bỏ, thời nhơn dân lăm điều oán thán.

Kinh Pháp Cú Thí Dụ

Đức Phật nói: Ngày xưa nước Ca Thi có ông Vua tàn ác, làm những điều phi pháp khiến trăm họ khốn khổ. Bấy giờ có vị Hiền giả muốn can gián nhà Vua bằng cách dạy chim anh vũ nói rằng: "Làm Vua mà có bảy điều phi pháp thì thân Vua nguy vậy:

1. Say mê nữ sắc, chẳng kính bậc chơn chánh
2. Say rượu, chẳng thương quốc dân
3. Tham cờ bạc, chẳng tu lễ kính
4. Săn bắn sát sanh, không lòng từ bi
5. Ưa nói lời dữ, chẳng nói lời lành
6. Nặng sưu dịch, lại thêm hình phạt biếm trích
7. Cướp đoạt của dân chẳng nhằm nghĩa lý

Bảy điều phi pháp thân Vua nguy khốn."

Lại nữa:

1. Gần gũi những kẻ gian ác tà nịnh
2. Chẳng tin những kẻ hiền lương
3. Háo chiến nước người, chẳng nuôi nhơn dân

Ba việc phi pháp này là nước nguy vậy. Nếu Vua chẳng trừ bỏ các phi pháp nói trên, thì trong một mai chiều sẽ khuynh quốc, bại thân.

Là kẻ làm Vua, cả nước đều nhờ, như chiếc cầu muôn người nhờ qua lại; như cái cân, đối với kẻ thân người sơ đều công bình; như mặt trời, soi khắp thế gian; như mặt trăng, cho muôn vật mát mẻ; như cha mẹ, ơn lành nuôi dưỡng thương mến; như trời che khắp tất cả; như đất chở nuôi muôn vật; như lửa đốt trừ ác hoạn và như nước thấm nhuần muôn dân.

Nhà vua nghe chim anh võ nói như trên, rất hổ trên, về sau tu chánh hạnh. Do đó mà chánh giáo được thịnh hành trong nước. Và cũng nhờ đó mà tiếng xấu tiêu diệt, từ đây trở đi bà phu nhon và các bề tôi đều trung thành cung kính nhà Vua, muôn dân đều vui mừng.

Kinh Tạp Bảo Tạng

Chủ nhà xem sóc tôi tớ có 5 điều:

1. Phải thường cấp cho cơm áo, mền mùng
2. Đau ốm phải mời thầy thuốc trị chữa
3. Chẳng nên đánh đập quấy quá
4. Nó có của riêng chẳng nên cướp lấy
5. Khi phân chia vật gì phải bình đẳng

Tôi tớ đối với chủ nhà cũng có 5 điều:

1. Phải dậy sớm, đừng để chủ nhà gọi
2. Việc nên làm tự động làm ngay
3. Phải yêu tiếc vật của chủ
4. Khi chủ đi, về phải lo đưa, đón
5. Phải khen ngợi điều hay của chủ, chẳng nên nói việc xấu

Kinh Lục Phương Lễ

Chủ nhà đối với những kẻ tôi tớ giúp việc: Sai khiến cho vừa sức; thường cho cơm áo; cho vật ngon; ban lời dạy; khi đau ốm cho nghỉ việc. Ấy là năm điều mà chủ nhà cần có vậy.

Làm khéo, làm khéo mà nên việc, biết phục thiện, tối đến ngủ, sáng dậy sớm, học tập, làm việc siêng, chủ nhà nghèo cũng đừng khinh, những lúc thiếu thốn, cũng chẳng bỏ nhau, và đi ra khỏi cửa thời khen ngợi chủ nhà. Ấy là 10 điều mà kẻ tôi tớ cần phải có. Chủ tớ được như vậy thế thời việc lành chẳng suy bại.

Kinh Thiện Sanh Tử

C. KHEN NGỢI HIẾU LÀNH

Điều lành cao tốt chẳng gì bằng hiếu. Điều cực ác là bất hiếu vậy.

Kinh Nhãn Nhục

Đặng ngọc báu cao từ dưới đất lên đến cõi trời 28, lấy đem bỏ thí cho người được phước báo chẳng bằng cúng dường cha mẹ.

Kinh Mạt La Mạt

Thờ cúng trời đất quỷ thần chẳng bằng hiếu thảo với cha mẹ, cha mẹ là hai vị Thần sống cao tốt vậy.

Kinh Tứ Thập Nhị Chương

Gặp đời không có Phật, nếu biết khéo phụng sự cha mẹ tức là phụng sự Phật vậy.

Kinh Đại Tập

Quả báo công đức thỏa thuận cúng dường cha mẹ ngang với công đức của vị Bồ Tát nứt sanh bồ xứ vậy.

Kinh Tăng Nhất A Hàm

Đức Phật nói: Chẳng những ngày nay Ta mới khen ngợi hạnh từ hiếu mà trong vô lượng kiếp về trước Ta cũng khen ngợi nhiều rồi!

Kinh Tạp Bảo Tạng

Nương nhờ ơn nuôi dưỡng của hai vị Từ Phụ và Bi Mẫu cho nên tất cả các con trai gái đều được an vui. Thế là ơn cha cao như núi Chúa, ơn mẹ sâu như bể cả.

Kinh Tâm Địa Quán

Dù cho có người một vai công cha, một vai công mẹ, đến trọn đời mà chẳng phút xa lìa, và cung cấp áo cơm thuốc men, các món cần dùng. Như thế cũng chưa có thể gọi là đã trả xong ơn sâu nặng với cha mẹ.

Kinh Bốn Sự

Cha mẹ với con có 5 điều:

1. Khiến con bỏ ác làm lành
2. Lấy sách vở dạy cho con
3. Cho con trì kinh giới
4. Cưới vợ cho con
5. Gia tài phải để lại cho con hết.

Kinh Lục Phương Lễ

Phật nói: Ông cha mẹ thương con, Ta ở đời này lâu đến một kiếp nói cũng khó hết. Ta nay chỉ nói một phần ít thôi. Nay ông Trưởng giả: nếu có người giàu có mời một trăm Thầy Bà La Môn tịnh hạnh, một trăm vị Thần tiên và 100 người bè bạn đến vào trong ngôi nhà làm bằng bảy thứ ngọc sang trọng mà bày tiệc cúng dường đầy đủ trăm ngàn món ăn ngon tốt bực, nơi phòng nghỉ, treo chuỗi anh lạc và dùng các giường mùng, mền gối và trăm thứ ngọc báu để trang hoàng; lại dùng thứ thuốc bạch được để trị bệnh. Nuôi như thế mãi trăm ngàn kiếp mà chẳng bằng phát khởi một niệm lòng hiếu thuận dùng chút ít vật chất cúng dường cha mẹ và theo bên hầu hạ.

Bà mẹ hiền thương con, thật không biết lấy vật gì để so sánh cho cân xứng vậy. Từ khi con vào thai, trải qua thời gian mười tháng những lúc mẹ đi, đứng, ngồi, nằm, chịu trăm điều khổ não mà miệng mẹ không thể nói ra. Muốn những đồ uống ăn hay áo mặc, dù có được mẹ cũng chẳng mừng vì lòng lo lắng không khi nào dứt, chỉ lo nghĩ đứa con sắp sanh sao cho hoàn hảo là hơn thôi. Nếu khi đẻ khó thời như trăm ngàn mũi dao đồng thời đâm cắt toàn thân; nếu khi sanh đẻ được an lành, bà mẹ với các thân thuộc cùng chung vui sướng in như kẻ nghèo được ngọc báu; sự đau khổ trong mười tháng của mẹ do một tiếng khóc đầu tiên của đứa con khi mới lọt lòng mà nỗi khổ ấy mẹ liền quên mất và vui

sương như nghe âm nhạc. Con lấy nơi bụng ngực của mẹ làm chỗ ngủ, lấy hai cò vế là chỗ dạo chơi và do nước giếng cam lồ nơi ngực mẹ chảy ra mà nuôi lớn. Ôi! Ôn đức của mẹ, núi cao biển sâu cũng chẳng thể sánh kịp. Nếu đứa con nào biết tùy thuận nghe theo những lời dạy bảo của từ mẫu mà không trái nghịch thời được các chư thiên hộ niệm, phước đức vô cùng. Nếu có kẻ trai lành gái thiện nào muốn trả ơn cha mẹ, trải qua thời gian một kiếp, cứ mỗi ngày ba lần từ cắt thịt nơi thân đem nuôi cha mẹ cũng chưa có thể gọi là đã trả ơn được một ngày vậy.

Kinh Tâm Địa Quán

Người trong thế gian ai giàu hơn hết ai nghèo hơn hết? Bị mẫu sống còn gọi là giàu có; Bị mẫu qua đời gọi là nghèo khổ. Khi còn bị mẫu gọi mặt trời trưa; bị mẫu qua đời gọi mặt trời lặn. Khi còn bị mẫu, gọi đêm trăng sáng, bị mẫu qua đời là đêm không trăng. Vậy nên các người siêng năng tu tập hiếu thuận nuôi dưỡng hai đấng Từ thân. Những người như vậy, được phước ngang như phước cúng như Phật không chút hơn kém.

Kinh Tâm Địa Quán

Phàm là con thảo phải lấy năm việc kính thuận cha mẹ. Những gì là năm?

1. Cúng dường đầy đủ đừng để thiếu thốn
2. Phàm làm việc gì, phải trước thưa cha mẹ
3. Cha mẹ có làm, kính thuận chẳng nghịch
4. Chánh lệnh cha mẹ, chẳng dám chống trái
5. Cha mẹ có làm, chánh nghiệp chẳng dứt

Kinh Trường A Hàm

Con thờ cha mẹ phải có năm điều:

1. Phải lo sanh kế
2. Dậy sớm sai khiến tôi tớ lo làm cơm nước cho kịp thời
3. Chẳng nên làm cha mẹ lo thêm
4. Phải nhớ ơn cha mẹ
5. Khi cha mẹ có bệnh, phải lo sợ liền mời thầy chữa thuốc kịp thời

Kinh Lục Phương Lễ

Đạo làm con đối với cha mẹ có năm việc:

1. Lo gia sự
2. Lo trả nợ nần
3. Phải hiểu lời dạy
4. Cúng dường
5. Làm sao cho cha mẹ vui

Kinh Thiện Sanh Tử

Cung phụng đồ ăn uống và châu báu chưa đủ trả được ơn cha mẹ. Hướng dẫn cha mẹ xoay về chánh pháp mới là báo hiếu.

Kinh Bất Tư Nghì Quang

Nếu cha mẹ không tin, khuyên phát khởi lòng tin; nếu chưa có giới pháp, khuyên thọ trì giới pháp; nếu tánh tình bủn xỉn, khuyên tu hạnh bố thí; nếu không trí huệ, khiến kia tu trí huệ. Làm con được như thế, mới được gọi là trả ơn.

Luật Tỳ Na Da

Bây giờ đức Thế Tôn bảo Ưu bà Di rằng: Ngày trước Ta đi xuất gia, Ta có tâm thề với Phụ Vương Ta rằng, khi nào chúng được Phật đạo sẽ trở về độ cha mẹ. Thế là nay Ta đã chúng được Phật đạo và công đức thành tựu, quyết phải trở về nước, chẳng dám trái lời tâm hứa ngày trước.

Kinh Phổ Diệu

Khi vua Tịnh Phạn lâm bệnh nặng, Ngài nghĩ muốn thấy mặt các con một lần chót.

Bây giờ đức Phật ở tại thành Vương xá cách chừng năm mươi do tuần. Phật mới bảo A Nan, Nan Đà và La Vân liền dùng thần túc mà về vương cung. Rồi ngài phóng hào quang sáng rực soi khắp thân Phụ vương thì bịnh tình được thuyên giảm chút ít; và Ngài lại lấy

tay sờ trên trán Phụ vương mà an ủi rằng: Phụ vương là người tu tịnh giới, đã diệt sạch tâm phiền não cấu nhiễm; nay Phụ vương nên vui mừng và nghĩ nhớ lời kinh pháp.

Đức Phụ vương nghe nằm chấp tay đem tâm mà kính lễ! Liền lát sau Ngài thăng hà. Các Thích tộc và triều đình lo việc tẩn liệm vào quan tài và đem quan tài tôn trí trên tòa sư tử.

Đức Phật và ngài Nan Đà nghiêm chỉnh đứng trước linh xa; ngài A Nan và La Vân đứng sau linh xa. A Nan quỳ thưa Phật rằng: cho tôi xin gánh quan tài Bá phụ; La Vân cũng xin với Phật cho mình gánh quan tài ông nội. Đức Thế Tôn nói lời an ủi: con người sau này đều là hung bạo, bất hiếu chẳng biết trả ơn dưỡng dục của cha mẹ, Ta vì chúng sanh bất hiếu ấy mà bày ra phương pháp để giáo hóa. Rồi Như Lai đích thân gánh quan tài phụ vương và tự tay bung lư hương đứng trước mà đi đến nơi Lăng mộ!

Đức Như Lai kiếp trước ở trong sanh tử, thời gian như vậy nhiều như số vi trần không thể nghĩ bàn được, và trong hình loại tất cả chúng sanh chịu đủ mọi thân hình. Vì chịu nhiều thân hình nên tất cả chúng sanh đã từng làm cha mẹ đức Như Lai, và Như Lai cũng đã từng làm cha mẹ tất cả chúng sanh. Vì từng làm cha mẹ tất cả chúng sanh nên thường tu những khổ hạnh khổ tu, hay bỏ những vật khó bỏ. Siêng tu tịnh tấn, trì giới, bố thí, đa văn, thiền định, trí huệ cho đến đầy đủ tất cả muôn hạnh, chẳng nghĩ chẳng thôi, tâm không mệt mỏi. Vì hiếu dưỡng cha mẹ, biết ơn trả đức nên ngày nay được chóng thành tựu quả vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Kinh Đại Phương Tiện Phật Báo Ân

Phật bảo A Nan rằng: Đời trước, khi Ta làm con là nhon hiếu; khi làm vua là từ dục; khi làm dân là kính phụng. Do đó mà tự gây nên đáng cao cả trong ba cõi.

Kinh Viêm Tử

D. ĐẠO THẦY TRÒ

Kẻ Thiện tri thức nói lời đúng pháp, đúng như lời nói mà làm. Thế nào gọi là nói đúng pháp, và đúng như lời nói mà làm? Nghĩa là tự mình chẳng sát sanh, chẳng dạy người khác sát, cho đến tự mình tu chánh kiến và dạy người cũng tu chánh kiến; nếu ai được như vậy, mới được gọi là chơn chánh Thiện tri thức. Lại nữa tự tu đạo Bồ Đề và dạy người cũng tu Bồ Đề, vì nghĩa ấy nên gọi là Thiện tri thức. Hoặc là tự có thể tu hạnh tín, giới, bố thí, đa văn, trí huệ và cũng có thể dạy người tu hành tín, giới, bố thí, đa văn, trí huệ, vì những lẽ đó mà gọi là Thiện tri thức. Kẻ thiện tri thức cần phải có pháp lành. Pháp lành gì? Là việc mình tự chẳng cầu vui cho mình mà thường vì cầu vui cho chúng sanh.

Khi thấy người có lỗi mình chẳng nên nói điều dở mà thường nói điều trọn lành. Bởi những nghĩa đó mà gọi là Thiện tri thức.

Kinh Niết Bàn

Nếu ai gán gửi Ác tri thức, đời này chẳng được tiếng tăm tốt, bởi vì gán gửi bạn bè xấu, đời sau sẽ đọa ngục A Tỳ. Ai mà gán gửi Thiện tri thức, hiện tại đâu chẳng được chúng lợi thể gian, đời sau sẽ được hết nhân khổ.

Kinh Phật Bốn Hạnh

Cần cầu kẻ Thiện tri thức, thân tâm đừng sanh mệt mỏi, thấy Thiện tri thức đừng sanh lòng nhàm chán; học hỏi với Thiện tri thức, đừng sợ khó nhọc; gán gửi Thiện tri thức đừng thối lui, cúng dường Thiện tri thức đừng cho gián đoạn; tùy thuận theo lời dạy dỗ của Thiện tri thức mà đừng chống trái; những công đức của Thiện tri thức, đừng sanh lòng nghi; khi Thiện tri thức diễn nói, phải quyết định mở cửa lòng xuất ly mà nghe; nhân thấy Thiện tri thức tùy thuận theo hạnh phiền não, đừng sanh lòng hiềm quái. Đối với Thiện tri thức phải lòng tin vững chắc đừng biến đổi. Tại sao? Vì Bồ tát nhờ Thiện tri thức mà được học hỏi các hạnh Bồ Tát. Do đó mới được thành tựu tất cả công đức của Bồ tát và được xuất sanh đại nguyện cùng là trí huệ quang minh rực rỡ. Và cũng nhờ đó mới được dẫn phát thiện căn Bồ tát và chứng được Đạo quả Như Lai bồ đề, để nhiếp lấy hạnh mẫu nhiệm và sức tự tại cùng là xuất sanh sức đại từ đại bi của Bồ tát vậy.

Này Thiện nam tử! Bồ tát nhờ sự giúp đỡ của Thiện tri thức mà chẳng sa đọa ác thú; nương nhờ sự thành tựu của Thiện tri thức mà được tự tại thọ sanh; nương nhờ sức mạnh của Thiện tri thức mà phá tan nghiệp báo; nhờ mặc áo giáp nhẫn nhục của Thiện tri thức mà chẳng bị một lời nói xấu ác; và nương nhờ sự sanh trưởng của Thiện tri thức mà tiêu diệt được các tội lỗi kiêu mạn vậy.

Kinh Hoa Nghiêm

Đức Phật dạy: kẻ nào biết ơn thầy, khi có thầy thì lo phụng sự; khi vắng thầy thì lo suy nghĩ những lời thầy đã dạy bảo; giống như kẻ hiếu tử nghĩ nhớ cha mẹ, và như người đói khát nhớ nghĩ đến việc uống ăn.

Kinh Trang Tâm

Là kẻ Sư trưởng cần lấy 5 điều mà đối xử với đệ tử:

1. Tùy thuận theo phép điều ngự
2. Dạy những điều mà trò chưa biết
3. Tùy theo sự nghe biết của trò mà khiến cho hiểu thấu căn lành
4. Chỉ kẻ hiền lành cho trò kết bạn
5. Đem hết chỗ hiểu biết của mình mà dạy trao cho trò không nên lẩn tiếc

Kinh Trường A Hàm

Thầy dạy đệ tử có 5 điều:

1. Khiến trò mau hiểu
2. Dạy trò giỏi hơn đệ tử của kẻ khác
3. Phải dạy trò biết rồi nhớ mãi chẳng quên
4. Phải giải nói các điều nghi nan cho trò hiểu rõ
5. Muốn khiến trí huệ của trò cao hơn mình

Kinh Lục Phương Lễ

Hay khiến học hay dạy bảo, khiến học siêng năng đem về đạo lành, cho trò làm với kẻ hiền hữu. Ấy là năm điều mà thầy đối với trò vậy.

Kinh Thiện Sanh Tử

Đệ tử kính phụng sư trưởng cũng có 5 điều:

1. Phải hầu hạ
2. Lễ kính cúng dường
3. Tôn trọng trên đầu cổ
4. Những lời thầy dạy bảo phải cung kính tùy thuận, chớ không được chống trái
5. Khi đi theo thầy nghe được điều gì hay, khéo nhớ giữ gìn, chớ bỏ lãng quên

Kinh Thiện Sanh Tử

Đệ tử thờ thầy phải có 5 điều:

1. Kính mến là khó gặp
2. Phải nhớ ơn thầy
3. Nghe theo lời dạy
4. Nghĩ nhớ chẳng nhàm
5. Khi đi theo sau hầu hạ phải khen ngợi điều hay của Người

Kinh Lục Phương Lễ

Lóng nghe cho chắc, ưa học hỏi, siêng làm việc, không phạm lỗi, cúng dường thầy. Ấy là năm điều đệ tử thờ thầy vậy.

Kinh Thiện Sanh Tử

Phàm là kẻ đệ tử, mỗi khi thấy thầy tức thì đứng dậy.

Luật Căn Bản Tỳ Na Da

Đệ tử theo thầy đi, chân chẳng nên đạp nơi bóng thầy.

Kinh Sa Di Giới Luật

Đệ tử, khi tham học với thầy phải tránh 6 chỗ:

1. Chẳng nên đứng trước mặt
2. Chẳng nên đứng sau lưng
3. Chẳng nên đứng quá xa
4. Chẳng nên đứng quá gần
5. Chẳng nên đứng chỗ cao hơn chỗ thầy
6. Chẳng nên đứng hướng trên gió

Luật Thiện Kiến Tỳ Bà Ta

Phật dạy: đũa ác muốn hại kẻ hiền, như ngựa miệng lên trời khạc nhổ, khạc chẳng đến mà rơi lại nơi mình. Lại như kẻ đứng đầu gió lấy chân quấy bụi, bụi chẳng đến người mà đã dơ thân mình. Người hiền không thể hủy hoại lại diệt mình.

Có người nghe Phật giảng Đạo, tu Đại nhơn từ, họ cố ý đến mắng Phật, Phật làm thinh không phản ứng. Họ mắng đã rồi thôi.

Phật hỏi: người đem lễ vật cho người ta, người ta không nhận lễ vật ấy trở về người chớ sao? Người kia đáp: phải. Phật nói: khi nãy người mắng Ta mà Ta không nhận, người tu đem họa ấy về nơi thân người: giống như vang ứng theo tiếng, như bóng hiện theo hình, quyết không sai một mảy. Người cẩn thận chớ làm ác.

Kinh Tứ Thập Nhị Chương

A Nan thưa Phật rằng: người đời và đệ tử Phật khinh rẻ bực Thầy và họ đem ác tâm đến bực Thầy và người đạo đức thì tội ấy thế nào?

Phật bảo A Nan rằng: là con người thời phải ưa mến đức của người khác và vui mừng điều lành của họ, chẳng nên ganh tị. Còn như đem ác tâm đến bực Thầy và người đạo đức thì cũng như đem ác tâm đến Phật không khác chi cả. Ví phỏng đem cái cung nặng một vạn tạ bắn vào thân mình chừng có đau hay không? A Nan thưa: thật đau lắm đau lắm. Phật nói: người có ác ý đem đến người đạo đức cũng là bực Thầy hãy còn đau hơn gấp mấy lần cái mũi tên kia bắn vào thân mình.

Là kẻ đệ tử chẳng nên khinh dễ bực Thầy và đem ác ý đến kẻ đạo đức. Người có đạo đức phải xem họ như Phật chớ chẳng nên ganh tị hủy báng. Người có giới đức cảm động đến các Thiên long quỷ thần không một vị nào chẳng cung kính.

Thà lao mình vào đồng lửa, cẩn thận chớ nên ganh tị và hủy báng kẻ thiện nhơn, tội ấy chẳng phải nhỏ nhen, cho nên phải cẩn thận lắm.

Kinh A Nan Vấn Sự Phật Cát Hung

Đệ tử có 5 việc mới nên quả mắng:

1. Bất tín
2. Biếng nhác
3. Ác khẩu
4. Tâm không biết xấu hổ
5. Gân gũ ác tri thức

Phật nói: chỉ phạm một trong năm món vừa kể trên cũng nên quả mạng.

Có Tỳ kheo thưa Phật rằng: quả mạng cách nào? Phật đáp: có 5 pháp:

1. Chẳng nói năng với hấn
2. Chẳng dạy trao gì hết
3. Cho thọ dụng chẳng đồng đều
4. Chẳng dạy cho việc lành
5. Chẳng cho ở chung một nhà

Trong 5 pháp này tùy theo trường hợp mà dạy quở.

Luật Hữu Bộ Căn Bản Tỳ Nai Da

A Nan thưa Phật rằng: bực Thầy có quyền la mắng đệ tử, tội nhỏ cho là to, chừng như Thầy có lỗi hay không?

Phật đáp: không nên không nên! Đạo nghĩa Thầy trò phải lấy đạo cảm hóa tự nhiên, phải cùng nhau có lòng tin cậy thân hậu; xem trò như mình, việc chi mình chẳng muốn làm, đừng trách sao trò không làm. Phải lấy đạo đức rộng dạy: kính trọng, lễ phép cho trò, phải thuận hòa trung tiết, không nên đem lòng oán trách kiện cáo cùng nhau. Kẻ đệ tử cùng Thầy hai bên đều chân thành: bực Thầy cho ra bực Thầy, kẻ làm trò cho đáng kẻ làm trò thì mới được.

Kinh A Nan Vấn Phật Sự Cát Hung

E. BẢNG HỮU THIỆN ÁC

Đức Thế Tôn với ngài trưởng lão Nan Đà cùng nhau đi vào trong thành Ca tỳ la bà tộ. Đi đến gần một nhà buôn cá. Phật bảo Nan Đà rằng: Ngươi vào trong nhà buôn cá kia xin lấy một nắm cỏ tranh mà họ thường tú trên cá chết.

Nan Đà vâng lời làm theo. Rồi đức Phật bảo Nan Đà cầm theo một lát rồi sẽ vắt nó đi. Nan Đà y lời cầm đi theo một đôi rồi mới vắt xuống đất.

Bấy giờ đức Phật bảo Nan Đà: ngươi ngửi tay ngươi coi có nghe mùi chi không? Nan Đà thưa: dạ có mùi bất tịnh hôi tanh. Phật liền dạy Nan Đà rằng: Thiết đúng vậy đó. Nếu người nào gần gũi với bọn ác tri thức giao kết làm bè bạn trong chừng giây lát thời ác nghiệp nhiễm thành thói quen, tiếng xấu người ấy bị đồn khắp.

Đức Thế Tôn lại cùng với trưởng lão Nan Đà đi gần đến nhà làm nhang, Ngài bảo Nan Đà: Người vào nhà kia xin một bao nhang đem đây. Nan Đà vâng lời vào nhà xin lấy một chiếc bì họ đã đựng nhang cầm ra. Phật bảo: Người cầm một lát rồi sẽ vất nó đi. Nan Đà y lời cầm một lát rồi vất xuống đất.

Bấy giờ Phật mới bảo Nan Đà: Người tự nghĩ tay người coi có nghe mùi chi chãng? Nan Đà thưa rằng: Dạ thưa Thế Tôn! Tay con có mùi thơm ngạt ngào thật không thể tả được. Đức Phật bảo: Thật vậy! Nếu ai gần gũi với kẻ Thiện tri thức thường tự tùy thuận thấm nhuần đạo đức của họ thời được tiếng tăm tốt đẹp.

Kinh Phật Bốn Hạnh

Chỗ đất có miếng giấy cũ, Phật bảo Tỳ kheo lại nhặt. Tỳ kheo vâng lời lại nhặt lấy. Phật hỏi miếng giấy chi vậy? Dạ thưa miếng giấy bao hương, tuy bị bỏ đã lâu mà mùi hương vẫn còn thơm.

Thầy trò đi một đỗi nữa lại gặp một khúc giây. Phật bảo Tỳ kheo lại nhặt, rồi Phật hỏi giây chi đó? Dạ thưa giây chi không biết, mà người ta dùng buộc cá, nên có mùi tanh hôi.

Phật nói: hai vật ấy trước kia sạch sẽ chãng có mùi gì mà vì nhơn duyên nên mới có thơm, thúí khác nhau. Gần kẻ hiền minh thời hấp thụ được nhiều đạo nghĩa, mà bạn với đứá ngu ám thời tai họa chắc đến thân. Cũng in như 2 vật giấy kia đựng hương thời thơm mà buộc cá thời hôi; nó thấm nhiễm dần dần mà tự nó nào có hay biết.

Kinh Pháp Cú Thí Dụ

Phật dạy: Nay Thiện Sanh! Làm bạn với đứá trộm, có bốn điều ác: tham của người khác; cho ít trong nhiều, vì sợ nên học tập, vì lợi nên học tập.

Bạn với đứá vọng ngữ, cũng có 4 điều: bày tỏ việc riêng của người, việc riêng của mình dẫu mất, trước mặt khen hay, sau lưng chê dỡ.

Bạn với đứá tin tà giáo, cũng có bốn điều: nó dạy mình sát sanh, dạy ăn trộm, dạy tà dâm và dạy mình dối trá.

Trái lại bạn với kẻ đồng tâm, khi khổ vui có mặt với nhau có bốn điều lành: họ cho mình của báu, cho điều lợi, cho của nhà sẵn có, cho lời nói trung thật.

Bạn với kẻ siêng năng sự nghiệp cũng có bốn điều lành: lấy lợi làm sự nghiệp, lấy sức mạnh làm sự nghiệp, hoặc mình có bụng lung thì họ can gián, và lấy điều lành làm sự nghiệp.

Và lại bạn với kẻ nhơn từ cũng có bốn điều lành: được họ khuyên dạy thành tín, thành giới, thành văn và thành thi.

Kinh Thiện Sanh Tử

Phật dạy: Ác tri thức có 4 bọn:

1. Bên trong ôm oán tâm, mà bên ngoài gắng gượng làm ra vẻ bạn tri thức
2. Trước mặt nói tốt mà sau lưng nói xấu
3. Lúc mình có việc gấp, đối trước mặt bộ sàu khổ mà sau lưng thì vui mừng
4. Bề ngoài giả làm như thân hậu mà bề trong toan mưu gây oán

Thiện tri thức cũng có 4 thứ:

1. Bề ngoài hình như không tốt, mà bên trong có ý tốt
2. Thăng thần can gián ngay trước mặt mà sau lưng thì vẫn nói điều tốt của bạn
3. Những khi đau ốm, hoặc bị huyện quan đòi hỏi, hay phải đi chinh chiến thì lo lắng tìm hết cách che chở giải cứu.
4. Thấy kẻ nghèo cùng không nở bỏ qua, thường nghĩ tìm phương tiện khiến cho được giàu có

Ác tri thức cũng có 4 thứ:

1. Khó can gián hiểu dụ khiến họ làm lành vì họ cố ý lân la với kẻ ác
2. Muốn khiến họ đừng bề bạn với kẻ ưa rượu mà họ cố ý lân la với bọn nghiện rượu
3. Muốn khiến họ tự giữ mình, nhưng họ lại càng sanh đa sự
4. Muốn khiến họ làm bạn với kẻ hiền, mà họ cố ý với kẻ ác

Thiện tri thức cũng có 4 thứ:

1. Thấy kẻ nghèo cùng quần bách, khiến cho họ có phương sanh kế
2. Không khi nào tranh cãi cùng nhau
3. Thường hỏi thăm tin tức với nhau
4. Thường nghĩ nhớ nhau những lúc gặp gỡ

Thiện tri thức cũng có 4 thứ nữa:

1. Bị quan nã bắt đem giầu kín thì tìm cách giải cứu
2. Khi bị đau ốm thì đến thăm viếng giúp đỡ
3. Khi bạn chết chóc đến xem sóc tẩm liệm
4. Bạn đã qua đời, về sau cứ nghĩ nhớ mãi!

Thiện tri thức lại có 4 điều:

1. Muốn đấu tranh là ngăn cản ngay
2. Muốn làm bạn với ác tri thức là can gián liền
3. Chẳng muốn làm việc để sanh sống thì khuyên nhủ nên làm việc để sanh sống
4. Chẳng biết kinh giáo đạo lý thì dạy cho hiểu biết, và sanh lòng tin vui mừng

Ác tri thức cũng có 4 bọn:

1. Bị thiệt chút ít quyền lợi là nổi sân to
2. Mình có việc gấp mượn nhờ đi đâu đó, mà chẳng chịu đi
3. Thấy bạn có việc gấp liệu bề tránh mắt
4. Thấy người bạn bị chết chóc, bỏ lơ chẳng hề ngó tới

Đức Phật dạy: nên chọn lựa bạn lành mà theo; mà kẻ ác nên tránh xa. Ta nhờ nương theo bạn lành nên mới được thành Phật.

Kinh Lục Phương Lẽ

Đừng làm việc chung với kẻ ác tri thức và đờn ngu, mà phải giao kết với kẻ thiện tri thức và người trí. Con người vốn không phải ác nếu gần gũi? kẻ ác về sau thành người ác, thời tiếng xấu đồn khắp thiên hạ. Mà thiện tri thức thì trái lại. Cho nên cần phải gần gũi.

Kinh Tăng Nhất A Hàm

Ông Bột nói rằng: (tiên thân Phật Thích Ca) bạn có bốn thứ cần phải biết: có thứ như hoa, có thứ như cân, có thứ như núi và có thứ như đất. Sao gọi như hoa, là khi tươi đẹp lấy cắm trên đầu, lúc héo xấu thời vất bỏ; khi giàu sang thì phụ họa mà lúc nghèo hèn thì bỏ lơ, ấy là bạn như hoa. Sao gọi như cân? Nghĩa là vật nặng là thấp xuống, mà vật nhẹ thời cao lên, ấy là bạn như cái cân. Sao gọi như núi? Ví như loại chim thú tập trung đậu trên quả núi vàng thời lông vẩy của chúng nó đều sáng vàng rực rỡ; nghĩa là mình được sanh trọng cũng khiến cho bạn được vinh hiển, giàu sang chung cùng vui vẻ; ấy là bạn như núi. Sao gọi là bạn như đất? Là trăm giống và của báu tất cả đều bao cấp cho bạn, thí cấp dưỡng hộ ân hậu rất đậm đà, ấy là bạn như đất vậy.

Kinh Bột

Vị Đại Bồ Tát xem kẻ ác tri thức như con voi dữ hay loại ác thú không hơn không kém. Vì sao thế? Vì đều là loại hại thân thể vậy. Đại Bồ tát đối với voi dữ hay thú dữ, tâm không sợ hãi, chứ đối với ác tri thức tâm sanh khiếp sợ. Tại sao thế? Vì voi dữ hay thú dữ chỉ có thể hại thân mà không thể hại tâm, còn ác tri thức hại luôn cả thân tâm. Voi dữ hay thú dữ chỉ hại một thân chớ ác tri thức hại vô lượng thiện thân, vô lượng thiện tâm. Voi dữ hay thú dữ chỉ hay phá hại cái thân như nhóp bặt tịnh mà thôi, còn ác tri thức phá hoại tịnh thân lẫn tịnh tâm. Voi dữ hay thú dữ phá hoại thân xác thịt, còn ác tri thức phá hoại pháp thân. Bị voi dữ giết chẳng đọa ba ác đạo, mà bị ác tri thức giết quyết đọa ba ác đạo. Voi dữ hay thú dữ chỉ là kẻ oán của thân, còn ác tri thức là kẻ oán của thiện pháp.

Vậy nên Bồ tát thường phải xa lìa bọn ác tri thức mới được.

Kinh Niết Bàn

Tim bè bạn khắp nơi, không được vừa ý mình, thôi gắng giữ tâm ta, đừng bạn với kẻ ngu. Khắp nơi tìm bè bạn, không được vừa ý ta, thà khéo giữ tâm mình, chẳng làm bạn kẻ ác.

Luật Tứ Phần

Nếu ai gần gũi với bạn trí huệ và hiền lành thời có thể khiến cho nội tâm và ngoại thân đều được trong sạch. Thế mới gọi là bậc trượng phu chơn thiện.

Kinh Đại Trang Nghiêm

Bạn hiền là nền tảng của muôn phước; đời hiện tại này khỏi nạn lao ngục quan vua; sau khi chết đóng bít được cửa tam đồ ác đạo vậy. Có thể lên trời đắc Đạo, ấy là đều nhờ sức giúp đỡ của Hiền hữu vậy.

Kinh Hoan Dụ

Bạn lành đủ 7 pháp mới thành thân hữu:

1. Việc khó làm hay làm được
2. Cái khó cho hay cho được
3. Việc khó nhẫn hay nhẫn được
4. Việc kín cho biết lẫn nhau
5. Che đậy lẫn nhau
6. Gặp khổ chẳng bỏ nhau
7. Nghèo hèn chẳng khinh bỏ nhau

Luật Tứ Phần

Bằng Hữu có 3 yếu pháp:

1. Thấy có lỗi lầm thời hiểu dụ can gián cho nhau
2. Thấy có việc tốt thời hết lòng vui mừng
3. Bọn lâm nạn đang ở trong cảnh nguy khốn cùng thời chẳng bỏ nhau

Kinh Nhon Quả

Bạn bè: chẳng nên nhon một lời nói của kẻ khác mà liền bỏ nhau, khi nghe một lời nói của kẻ khác cần phải quan sát kỹ càng đã.

Luật Căn Bốn Tỳ Nại Da

Người đời với thân thuộc và bằng hữu phải có 5 điều:

1. Thấy họ làm những việc tội ác, đem nhau riêng chỗ vắng vẻ mà can gián, hiểu dụ, quở trách và ngăn cản
2. Khi họ có chút việc gấp phải mau chạy đến cứu giúp
3. Có nói lời chi riêng với mình, thời mình không nên nói lại với kẻ khác
4. Phải lễ kính lẫn nhau
5. Có vật gì quý, nên biếu cho nhau ít nhiều để cùng hưởng cho vui

Bè đối với bạn: Lấy chánh tâm mà kính nhau, đừng ôm lòng hờn giận, không nên có ý gì khác; biếu nhau vật quý, ân hậu đậm đà; ấy là năm việc mà bè cần phải có.

Khiến họ về với mình, quở trách những điều kiêu ngạo, buông lung che đậy việc riêng của họ, thường cúng dường và đem những lời nói tận tâm bảo cho nhau; ấy là năm điều mà Bạn cần phải có.

Việc giao tế của bè bạn được như thế, thời thiện pháp làm gì suy đồi được.

Kinh Thiện Sanh Tử

F - ĐẠO VỢ CHỒNG

Người thế gian : cha con, chồng vợ, anh em, gia thất, bà con nội ngoại phải kính mến nhau, không nên tham tiếc; lời nói, sắc mặt thường tỏ hòa thuận, đừng nên chống trái nhau.

Kinh Vô Lượng Thọ

Nếu người có thể giữ được lòng tin thời trong nhà an hòa, phước tự nhiên đến, chớ chẳng phải Thần Thánh nào trao cho vậy.

Kinh A Nan Phân Biệt

Chồng đối với vợ có 5 điều:

1. Khi ra vào phải kính mến.
2. Cho uống ăn và sắm cho áo mền và đồ trang sức theo thời đại.
3. Phải sắm cho vàng bạc và chuỗi ngọc.
4. Trong nhà có bao nhiêu của cải giao hết cho vợ cất giữ.
5. Khi đi ra ngoài chẳng nên đem theo những đứa dĩ thỏa.

Vợ thờ chồng có 5 điều:

1. Chồng đi về phải ra đón tiếp.
2. Chồng đi vắng phải lo nấu nướng, quét dọn đợi chồng về.
3. Chẳng nên ngoại tình với kẻ khác dù là tâm nghĩ, chồng mắng chửi chẳng đặng mắng lại và tỏ vẻ bất bình.
4. Phải nghe lời dạy dỗ của chồng, có món gì chẳng đặng giấu riêng.

5. Khi chồng ngủ nghỉ phải lo dọn cát rồi mới đi nằm.

Kinh Lục Phương

Là chồng phải lấy 5 điều nuôi, khiến vợ được an, năm điều là: chánh tâm kính mến, ý chẳng hờn giận, không nên ngoại tình, thường cho ăn mặc, thường cho trang sức.

Khéo làm việc, khéo làm nên, vâng lời dạy bảo, dậy sớm, nghỉ tối, mọi việc phải bắt chước, đãi khách quân tử, thưa hỏi khách quân tử, về mặt hòa nhã, lời nói thuận thỏa, ghé, bàn, giường chiếu ngay thẳng, đồ uống ăn sạch sẽ, nghĩ việc bổ thí, cúng dường cho chồng. Mười bốn điều này là người vợ phải có. Chồng vợ hòa mục thời thiện pháp chẳng suy đồi.

Kinh Thiện Sanh Tử

Người vợ trinh thảo và hiền lương lanh lợi là bậc mẫu nghi đủ bề khôn khéo nuôi con. Bấy con ấy quyết sẽ thành những bậc đại nhân vật.

Kinh Tăng Nhứt A Hàm (Văn Ba Li)

Khi Đức Phật ở Tịnh xá Kỳ thọ. Ông Trưởng Giả Cấp Cô Độc cưới dâu cho con. Người dâu đẹp đẽ đoan chánh vô song, nhưng phải tánh kiêu ngạo, khinh mạng chẳng vâng kính cha mẹ chồng và chồng. Bây giờ ông Trưởng giả tự nghĩ : "Phải con dâu ngạo mạn làm sao mà dạy dỗ nó! Nếu đánh đập là chẳng phải điều lành, mà bỏ qua, chẳng dạy dỗ thì càng ngày nó càng thêm nhiều tội lỗi. Duy thỉnh Đức Phật nhờ Ngài dạy bảo giùm". Sáng ngày ông đi đến Phật, thỉnh Phật về nhà nhờ giáo hóa con dâu mới tên là Ngọc Da. Đức Phật đến Trưởng giả rồi Ngài bảo rằng : "Này Ngọc Da nữ ! Phàm làm đàn bà con gái đừng cậy sắc đẹp mà sanh lòng kiêu mạn, hình dung đoan chánh đẹp đẽ chẳng phải thật đẹp đẽ, mà tâm tánh đoan chánh đẹp đẽ được người kính mến mới thật là đẹp đẽ chơn thật vậy".

Phép làm đàn bà con gái có 5 điều :

1. Khuya mới ngủ, sớm lo dậy, để lo việc gia sự, hoặc có món ngon vật lạ trước đem dâng lên cha mẹ và chồng.
2. Phải xem sóc và giữ gìn đồ đạc trong nhà.
3. Phải cẩn thận lời nói và nhẫn nại, có giận thì chút thôi...
4. Dè dặt cẩn thận, thường lo sợ việc mình không chu đáo thế.

5. Nhất tâm cung kính phụng sự cha mẹ chồng và chồng và hết lòng hiếu thảo.

Lỗi nữa làm dâu có 5 phép :

1. Làm vợ như làm mẹ, mến chồng như mẹ thương con vậy.
2. Làm vợ như làm tôi, là thờ chồng như bề tôi thờ vua vậy.
3. Làm vợ như em gái, là thờ chồng như em gái thờ anh cả vậy.
4. Làm vợ như đày tớ, là thờ chồng như tớ gái vậy.
5. Làm vợ của chồng, là xem nhau đồng tâm hiệp ý, tuy hình thể khác nhau mà không sanh lòng kiêu mạn. Công việc trong, ngoài tốt đẹp, gia đình giàu có; tiếp đãi khách tử tế, tiếng tốt được đồn khen.

Trái lại làm dâu có 3 điều xấu :

1. Chưa tối mà đi ngủ, mặt trời mọc mà chưa dậy, đối với chồng giận dữ, trợn mắt, hiềm ghét, và mắng chửi.
2. Cơm ngon tự ăn, mà cơm dở đem dọn cho cha mẹ và chồng, trang điểm cho đẹp đối gạt.
3. Chẳng lo nghĩ việc sanh song mà đi dạo xóm luận nói những chuyện xấu tốt, hay dở của người ta và hay cãi cọ, đánh lộn, ganh ghét dòng họ. Làm dâu như thế bị thiên hạ khinh dể lắm.

Nàng Ngọc Da nghe Phật dạy một hồi mới sanh lòng xấu hổ mà thưa rằng : Con thực ngu si quá, chẳng biết gì Chánh pháp nên những việc con đã làm đều là sai quấy; nay con xin Ngài tha lỗi cho. Rồi nàng thọ Tam Quy và Ngũ giới với Phật".

Kinh Ngọc Da

Nước Câu Lưu có người Bà la Môn tên Ma Ha Mật, nhà rất giàu có và trí huệ hơn người; ông ta làm quan đến chức Quốc Sư. Nhưng bị lòng xan tham chẳng tin Phật Pháp. Ông ta sanh hạ bảy đứa con gái, nhan sắc đẹp đẽ vô song, lại thêm nhà giàu có, ngọc vàng trang sức đầy đủ trang nghiêm. Bấy giờ có ông bạn tên là Phân nho Đạt đến báo Bà la Môn rằng : "Anh đem mấy đứa con gái của anh vào trong thành cho người xem; nếu có người chê xấu, thì anh đưa tôi năm vàng, mà nếu không có một ai chê xấu, thì tôi đền anh năm trăm vàng". Hai ông bèn dẫn bảy đứa con gái đi dạo khắp trong nước, thời gian đến chín mươi ngày mà không một ai chê xấu nửa lời. Bấy giờ hai ông nghe tin Đức Phật thuyết pháp tại Tịnh Xá Kỳ Viên, liền rủ nhau dẫn đến nơi Phật mà thưa rằng : "Ngài hay dạo đi khắp các nước, Ngài đã từng thấy có những người con gái nào xinh đẹp như vậy không ?" Phật quở thẳng rằng : "Mấy đứa gái này chẳng có chút gì đẹp cả". Bà la Môn nói : "Toàn quốc không một ai chê con tôi xấu mà sao Ngài lại chê nó xấu ?". Phật đáp : "Người đời họ xem cái đẹp của năm căn năm cảnh cho là đẹp. Còn Ta cho là cái thân chẳng tham tron láng, cái miệng chẳng nói lời ác, tâm ý chẳng nghĩ điều ác điều ác mới là đẹp vậy".

Kinh Thất Nữ

Phật nói : đàn bà có 5 thể lực :

1. Nhan sắc;
2. Thân tộc,
3. Đất ruộng,
4. Con trai,
5. Tự giữ mình.

Mà khinh d người chồng. Nhưng người chồng chỉ có 1 thể lực giàu sang là có thể địch lại năm món kia.

Kinh Tăng Nhất A Hàm

Ông An Na Phán Kỳ trưởng giả cưới vợ cho con, người dâu nhan sắc đẹp như sắc bông đào. Nàng là con gái của một Đại thần triều vua Ba Tư Nặc; bởi vậy mà nàng ý thể nhà cha nên chẳng thèm cung kính cha mẹ và chồng, cũng không biết tin Tam Bảo. Trưởng giả đến nhờ Phật dạy bảo cho. Sáng ngày Phật đến nhà trưởng giả và bảo rằng : "Nay cô dâu mới ! Phép về làm vợ người có 4 việc :"

1. Vợ như mẹ.
2. Vợ như bà con.
3. Vợ như kẻ thù.
4. Vợ như đày tớ.

Làm vợ như mẹ là đối với chồng thừa sự cúng dường chẳng thiếu món gì cả. Vợ như người bà con là xem chồng không có tâm tăng giảm, phải khổ vui cùng hưởng. Còn làm vợ như kẻ địch là đối với chồng ôm lòng giận dữ ganh ghét, chẳng biết vâng thờ gì cả. Mà làm vợ như đày tớ là người vợ hiền lương, với chồng nhân nhẹn chẳng dám nói lời trả treo, thường vó tâm lòng thương mến vậy. Người khéo thờ chồng khi chết sanh lên cõi Trời, mà tệ ác với chồng chết đọa địa ngục. Nàng Thiện Sanh nữ nghe Phật dạy rất xấu hổ và thưa rằng : "Thưa Thế Tôn! Con từ nay xin làm vợ như làm đày tớ vậy". Và nàng quy y Tam Bảo làm Ưu Bà Di.

Kinh A Na Phán Kỳ Hóa Thất Tử

Khi Đức Phật ở nước Xá Vệ bây giờ có nhà vấn sâu rộng tên là Bà Tư Nị Ca, gia tư tại thôn trưởng Đề cách thành Xá Vệ về phía tây hơn 20 dặm. Ông này có lòng thâm tín Phật Giáo và sanh hạ được một con gái đầu lòng tên Am Đề Giá, đã gả lấy chồng và đã theo chồng; nhưng có việc trở về nhà, vừa lúc Phật sắp đến nhà ông này mà Ngài đã nhận lời mời bữa trước. Khi Phật đến, cả nhà đều ra nghênh tiếp, duy có cô Đề Giá không ra rước vì đợi người chồng về. Một lát sau người chồng về cô rất vui mừng rồi hai vợ chồng cùng nhau ra l Phật. Đức Phật mới bảo với Ngài Xá Lợi Phất rằng : "Khi Thầy trò mình đến cô này không ra vì chưa có mặt chồng đợi khi chồng về hai người mới ra l. Thế là cô này đã hiểu l phép lắm vậy !"

Kinh Sư Tử Hẩu Liễu Nghiã

Ông A Nan Phán Kỳ Trưởng giả ở thành Xá Vệ kết bạn thâm giao với Ông Mãn Tài Trưởng giả ở thành Mãn Phú. Nguyên do họ A có lập một sở nhà hàng buôn bán lớn bên thành Mãn Phú, thì ngược lại họ Mãn cũng có sở nhà hàng bên thành Xá Vệ khuếch trương buôn bán tương đương và cũng vì thế mà việc giao hảo giữa hai Ông lại càng thâm mật.

Họ A có một con gái út, họ Mãn muốn hỏi về làm dâu, nhưng họ A còn lưỡng lự chưa quyết, vì đôi bên khác tín ngưỡng. Họ A nghĩ bụng: e việc này nên thưa Phật. Thì Phật bảo cứ gả cho họ đi. Thế là hai Ông trưởng giả định ngày thành hôn. Đến ngày ấy cô út lo tắm rửa, xoa dầu thơm, và trang điểm vàng ngọc rồi lên xe hoa về nhà chồng, tức là nhà Ông cha chồng Mãn Tài tại thành Mãn Phú.

Nhưng chiếu theo luật của Quốc gia này thì không được cưới người nước ngoài về làm dâu, nếu ai phạm phải thì chịu phạt bằng cách cúng dường một bữa ăn cho sáu ngàn ông Phạm Chí Bà La Môn. Vậy nên, cũng như ngày rước dâu bày luôn tiệc phạt cúng dường cho sáu ngàn ông Phạm Chí. Các Ông Phạm Chí để trần nửa cái thân mà đi vào nhà họ Mãn. Lúc các Ông đến cửa thì Trưởng giả bảo cô dâu mới ra l bái các Ngài. Cô dâu bắt tuân lệnh cha chồng và nói : "Tôi không thể l những kẻ trần mình; Đức Phật Thầy tôi thường dạy chúng tôi rằng : Kẻ nào chẳng biết hổ trên là những kẻ chẳng biết phân biệt cha mẹ, anh em, tôn tộc và bà con dòng họ; các ông Bà La Môn kia là những kẻ không biết hổ trên nên tôi không muốn lạy. Khi ấy các Bà La Môn nghe nổi sân si bỏ tiệc ra về. Ông Mãn Tài rất buồn rầu, thường lên lầu cao nằm mà bực tức. Bây giờ có ông Phạm Chí tên Tu Bạt đến thăm thấy ông Mãn buồn phiền mới hỏi thì ông Mãn cho biết vì việc mới xảy ra. Ông Tu Bạt nói : "Bực thầy của cô dâu mới này oai đức cao cả lắm ông đừng buồn làm chi để tôi thuật chuyện chính tai nghe mắt thấy cho ông nghe : "Có một lần tôi đi đến ao A Nậu thần giữ ao không cho tôi vào, một lát sau tôi thấy có ông niên thiếu Tỳ kheo đến thì Thần ao ra nghinh đón và mời ngồi trên một Tòa bằng vàng mà l bái rất cung kính. Đó là đệ tử mà còn như thế, huống chi bực Thầy... Ông Mãn nghe rất vui mừng và đòi cô dâu lên hỏi : Nay ta muốn mời thầy của ngươi về nhà cung phụng mà ta không hiểu phép thỉnh mời như thế nào. Cha nhờ con thỉnh hộ. Nàng vâng lời và rất vui

mừng. Tắm rửa sạch sẽ rồi thường lên lầu cao đốt hương hướng về Phật làm lễ mà thỉnh cầu : Cúi xin đức Thế Tôn chứng giám; Con nay về nước người hiện đang bị nạn; cúi xin Ngài đến cứu khổ.

Bây giờ Phật dạy A Nhã Câu Lân đi hầu tả, Xá Lợi Phất đi hầu hữu, A Nan mang bình bát đi hầu sau, và một ngàn hai trăm năm mươi vị đi chung quanh Ngài và thẳng đến nhà ông Trưởng giả Mãn Tài. Đến cửa, Trưởng giả và cô dâu ra lễ rước Phật cùng chư Tăng. Bây giờ sáu ngàn Phạm Chí thấy Phật vào nước mình và bảo với nhau rằng : "Nay Sa Môn Phật đã vào nước mình thì chúng mình không thể ở đây được nữa, nên bỏ xứ mà đi cho rồi, vì Phật đã hiện thân thông rất mau nhiệm, chúng ta không thể bì kịp... rồi họ bỏ nước đi hết".

Đức Phật thuyết pháp cho gia đình ông Mãn và cả một số đông đảo nghe. Có người đã được tỉnh ngộ và đa số đều quy y Tam Bảo và thọ trì Ngũ giới.

Kinh Tăng Nhứt A Hàm

Vua Ưu Đà Diên nước Câu Chiên Di có hai bà phu nhân. Bà thứ nhất tên là Xá Ma, có lòng thâm tín Phật Pháp, bà thứ tên Đế Nữ tánh tình đũa nịnh, thường đến chỗ Vua mà sàm tấu và bài báng rằng bà phu nhân thứ nhất cùng với Phật làm việc phi pháp. Vua nghe thế nổi sân nộ dữ tợn liền lấy cung tên đem bắn bà phu nhân thứ nhất. Lúc ấy vì bà thương hại nhà Vua nên bà liền vào Thiên đình từ ái. Vì thế mà tên bắn không trúng, Vua bắn liên tiếp ba phen mà vẫn không trúng. Vua cả kinh hỏi Bà tại sao ? Hay người là Trời là Rồng gì chẳng mà ta bắn không trúng ? Bà đáp : "Tôi không phải là Trời là Rồng gì cả, mà tôi chỉ có lòng tin Phật được nghe Chánh pháp và tôi tu trì ngũ giới. Nay tôi vì lòng thương Đại vương nên nhập Từ ái Tam muội Thiên định đầu cho Đại vương tuy có ác tâm cũng không thể hại được lòng từ bi của tôi. Nhà Vua nghe hết sức ăn năn đã tin lời sàm tấu của đệ nhị phu nhân, và ông liền vội vã chạy đến chỗ Phật rồi tự thuật lại chuyện vừa xảy ra và cầu xin ăn năn sám hối. Rồi quy y Tam Bảo làm kẻ Ưu Bà Tắc.

Kinh Bảo Tích

Bà phu nhân cùng các tỳ nữ của Đại Thọ Khẩn Na La thưa Phật rằng : "Bạch Đức Thế Tôn chúng con đã phát tâm vô thượng Đạo mà làm thế nào cho Đạo tâm ấy mau thành tựu, cúi xin Ngài rủ lòng thương chỉ dạy cho".

Đức Phật bảo phu nhân cùng các tỳ nữ rằng : "Các người đã phát tâm Bồ Đề rất thù thắng ở trong tam giới, trừ được phiền não tức chóng thành tựu quả Bồ Đề. Dưới đây có mấy điều các người cần học tập :

1. Gần gũi với Phật.
2. Lià kẻ tà kiến quyết mau thành tựu Bồ Đề.

Lại nữa :

1. Giữ thân giới,
2. Giữ khẩu giới.
3. Giữ ý giới quyết mau thành tựu Bồ Đề.

Lại nữa :

1. Đem tâm vô vi tu bồ thí.
2. Chẳng nên dối trá mà tu hạnh trì giới.
3. Đem tâm cung kính hướng về các bậc Thánh Hiền.
4. Nghe được Chánh pháp thành tựu Bồ Đề.

Lại nữa :

1. Chẳng tham ăn.
2. Chẳng tham yến ẩm.
3. Chẳng tham kẻ trượng phu.
4. Chẳng tham đồ trang sức.
5. Chẳng tham đi du ngoạn.
6. Chẳng tham giỡn cười.
7. Chẳng tham kẻ ca nhạc sĩ, ca hát đánh nhạc.
8. Chẳng tham những kẻ nhảy múa, và giao hội rượu trà.

Thế là mau thành tựu bồ đề.

Lại nữa :

1. Chẳng nên nói ngã kiến.
2. Chẳng nên nói chúng sanh kiến.
3. Chẳng nên nói thọ giả kiến.
4. Chẳng nên nói nhơn kiến.
5. Chẳng nên nói đoạn vô kiến.
6. Chẳng nên nói thường hữu kiến.
7. Chẳng nên nói chấp trước hữu kiến.
8. Chẳng nên nói chấp trước vô kiến.
9. Phải khôn khéo hiểu pháp nhơn duyên sanh.

Thế là mau thành tựu bồ đề.

Lại nữa :

1. Thương các chúng sanh.
2. Chẳng nên tham mến của người ta.
3. Chẳng nên nghĩ nhớ trai thanh niên con của người ta.
4. Giả sử có phải mất mạng cũng đừng nói dối.
5. Chẳng nên nói hai lưỡi.
6. Chẳng nên nói lời thô ác.
7. Chẳng nên nói thêu dệt.
8. Chẳng nên sanh khởi vô minh phiền não.
9. Chẳng nên khởi giận dữ.
10. Chẳng nên khởi ngu si.

Thế là mau thành tựu Bồ đề.

Lại nữa : Thiện nữ nhơn ! Nên quan sát ngũ uẩn pháp như sau : Quan sát sắc uẩn như bọt nước, chẳng nên tham tửu sắc. Quan sát thọ uẩn như bong bóng nước, chẳng tham lạc thọ, chẳng bỏ rời khổ thọ, và đối với bất khổ bất lạc thọ, chẳng nên sanh ngu si. Quan sát tưởng uẩn như chớp sáng, chẳng nên khởi tưởng tượng phân biệt trai gái. Quan sát hành uẩn như cây chuối, biết các hạnh chẳng chắc thiết, chẳng nên chấp đắm các pháp. Quan sát thức uẩn như huyn, đừng cho tâm thức đắm chìm các pháp.

Phu nhơn cùng các người ! Cứ quan sát như vậy, và tu hành ngay đi, thời được nam thân mau được thành tựu quả Bồ đề

Bấy giờ bà Phu nhơn và các kẻ dâm nữ của vua Đại Thọ Khản Na La vui mừng nhảy nhót l Phật mà lui.

Kinh Đại Thọ Khản Na La Vương Sở Vấn

Bà Vô Cấu Quang nghe đức Phật thuyết pháp, liền khi ấy phát tâm Bồ đề, đồng thời trong pháp hội cũng có 75 bà vợ của các ông cư sĩ cũng đồng phát tâm Bồ đề.

Bấy giờ ngài Xá Lợi Phất hỏi các bà kia rằng : "Chồng của các người đã cho phép các người tu phạm hạnh này chưa ?". Các bà đáp : "Chúng tôi đã từng hỏi chồng chúng tôi như thế này : chúng ta từ đâu đến đây và ngày mai sẽ đi đến xứ nào ?" Mà chồng chúng tôi không thể trả lời được. Cho nên chúng tôi tu phạm hạnh của chúng tôi chớ không cần hỏi y kiến các ông ấy làm gì. Bởi vì nay chúng tôi được nghe Phật thuyết pháp; Phật là bậc cha mẹ, là Đấng Sở Tôn, là bậc Đại sư và Đấng Phước Điền của chúng tôi vậy". Rồi các bà làm l Phật.

Bấy giờ 75 ông chồng kéo đến thấy vợ mình đang làm l Phật, các ông trở lại chỗ ngài Xá Lợi Phất xin hỏi nguyên do. Xá Lợi Phất cho biết là các bà ấy đã lãnh thọ Phật pháp; từ nay các bà trì cấm giới tu phạm hạnh, vì thế mà bà làm l Phật đó.

Bấy giờ 75 ông cũng đều xin làm đệ tử Phật. Đức Phật nhận cho ngay.

Bà Vô Cấu Quang về đến nhà mẹ bảo mẹ nên phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác và quy y Phật. Nếu mẹ phát tâm thời đó là con đã trả ơn cho mẹ rồi vậy. Bà mẹ nói với con rằng : mẹ đã phát tâm từ lâu con không biết chớ khi mẹ mang thai con, mẹ không sanh khởi lòng xan tham, phá giới, giận dữ, biếng nhác, loạn niệm, ác huệ, tham tâm và ngu si, tà kiến. Mẹ thường vui mừng chánh pháp, cho nên thân tâm được an vui. Và thường chiêm bao thấy Phật và các đệ tử Phật đến thuyết pháp cho mẹ nghe.

Kinh Chuyển Nữ Thân

G - TỪ LÀ CỘI GỐC

Những kẻ có căn lành, lòng từ là cội gốc.

Kinh Niết Bàn

Từ tâm tức là nhơn duyên của tất cả sự an vui. Rời bỏ từ bi thời chẳng còn có pháp lành.

Kinh Ưu Bà Tắc Giới

Bồ tát là nhà đại thí chủ, có bao nhiêu của cải bình đẳng thí cho chúng sanh mà không hối tiếc. Chẳng mong quả báo, chẳng cầu danh vọng, chẳng cầu sanh về chỗ hơn, chẳng cầu lợi dưỡng. Mà Bồ tát chỉ muốn cứu độ tất cả chúng sanh, muốn thu lấy lợi ích cho chúng sanh, muốn học theo bốn hạnh của các đức Phật, muốn thọ trì bốn hạnh của các đức Phật, muốn hiển hiện bốn hạnh của các đức Phật, và muốn khiến tất cả chúng sanh lia tất cả khổ, được vui rất ráo.

Kinh Hoa Nghiêm

Người trí tu hạnh bố thí chẳng vì mong trả ơn, chẳng vì cầu được việc, chẳng vì hộ kẻ xan tham, chẳng vì sanh các cõi trời hưởng vui, chẳng vì tiếng tốt lưu bố ra ngoài, chẳng vì sợ hãi nổi khổ ba ác đạo, chẳng vì cầu việc chi hết, chẳng vì chẳng dùng, chẳng vì tục lệ của gia truyền, chẳng vì để gần gũi.

Người trí tu bố thí : vì lòng thương xót, vì muốn khiến kẻ kia được an vui, vì muốn họ cũng sanh lòng bố thí, vì muốn cùng các bậc thánh nhơn mà tu đạo, vì muốn phá hoại phiền não và vì muốn vào cõi Niết bàn đoạn hữu vậy.

Người không của tự nói không có của là không thiệt. Tại sao ? Là người ai lại không có được một chén nước, một cọng cỏ ? Những kẻ nghèo xơ, sau một bữa ăn, đem nước rửa chén mà bố thí cũng vẫn được phước; hay là đem một bạt com thí cho con kiến cũng vẫn được phước báo vô lượng; dầu cho những người cực nghèo trong thiên hạ ai lại không có một hạt cơm, hay một miếng bánh bằng bột ? Những người cực nghèo tuy không có áo mặc, nhưng đâu phải họ thiệt ở trường, nếu họ biết đem một sợi chỉ nơi áo quần bố thí cho người bị thương băng bó vết thương.

Này Thiên nam tử ! Dầu cho những kẻ bần cùng trong thiên hạ đi nữa, đâu phải họ không có cái thân, nếu họ không có vật chi bố thí, thì mỗi khi thấy có kẻ khác tu bố thí, họ đem thân đến mà hiệp lực giúp đỡ với kẻ kia.

Nếu người không có tâm bố thí thì dầu cho làm đến vị Quốc vương, cũng chưa chắc bố thí cho ai được chút gì !

Kinh Ưu Bà Tắc Giới

Doi lam kẻ ngu, giữ chặt lòng bủn xỉn chẳng bố thí, chứa vàng của vạn ức, cho là vật sở hữu của ta. Đến khi chết, mắt thấy ác quỷ, dao phong cắt thân, tuyết hơi thở. Bây giờ tùy theo lòng tham nặng nhẹ, lãnh lấy quả báo đau khổ. Đến chỗ chịu khổ mới biết ăn năn, đâu còn kịp nữa!

Kinh Bồ Tát Xử Thai

Nếu có người bần cùng, không của bố thí, khi thấy kẻ khác bố thí thì nên sanh tâm tùy hỷ; phước báo tùy hỷ ngang với phước báo kẻ tu bố thí không khác. Ấy là việc rất d tu, ai tu chẳng đặng vậy.

Kinh Nhơn Quả

Nếu Bồ tát tu thí, chỉ có lòng thương xót cũng được đầy đủ, huống là còn cho tài vật nữa. Nghĩa là Bồ tát đem lòng từ bi nghĩ việc bố thí, tuy không có tài vật, khi thấy người đến xin chẳng nỡ nói : "Không có", thương mà sa nước mắt. Bồ tát có 3 trường hợp rơi nước mắt :

1. Khi thấy người tu công đức mà rơi lệ, vì lòng kính mến.
2. Khi thấy chúng sanh đau khổ bởi không công đức mà rơi lệ, vì lòng thương xót.
3. Khi tự tu đại bố thí thương, vui nhậy nhót mà rơi lệ.

Bồ tát tu bố thí xong, chúng sanh no đủ, liền vào núi, tu thiền định dứt trừ ba độc.

Kinh Luận Đại Trượng Phu

Bảo với người xin rằng : "Người nay thật làm nhơn công đức cho ta, vì khiến ta lia lòng xan tham đều nhờ nhơn duyên người đến xin"

Kinh Ưu Bà Tác Giới

Nếu thấy có người đến xin mà mặt mày nhăn nhó, thời phải biết người ấy họ đang mở cửa nga quý.

Kinh Bồ Tát Bốn Hạnh

Xưa có người muốn sắp mở hội mời số khách đông để cúng dường sữa bò. Rồi tự nghĩ : "Nếu từ nay, cứ mỗi ngày nặn lấy sữa thì sữa sẽ nhiều không đồ chứa; mà chứa để lâu ngày sợ e sữa hư; chi bằng chứa luôn trong bụng bò, đến ngày khách đến, sẽ nặn lấy một lần cho tiện. Thế rồi liền dắt bò con đem cột riêng xa bò mẹ. Qua thời gian một tháng, mới mời khách đến, đem bò ra nặn sữa, sữa đã khô mất hết, nặn không ra một giọt !

Người muốn đợi cho giàu to mới tu đại bố thí, chớ thường ngày chẳng chịu bố thí. Đến khi muốn bố thí, thời của cải đã bị nước, lửa, giặc cướp đoạt mất hết chẳng còn một đồng mà thí ! Cũng như chứa sữa trong bụng bò.

Kinh Bách Dụ

Đức Thế Tôn bảo các Tỳ kheo rằng : Thí cho nhằm thì có năm việc :

1. Thí cho kẻ từ xa đi đến
2. Thí cho kẻ sắp đi xa.
3. Thí cho người bệnh.
4. Thí cho lúc đói kém.

5. Mới được dưa, quả mới chín, hoặc com mới, phải trước cúng cho vị tinh tấn trì giới, nhiên hậu mình mới dùng.

Đức Thế Tôn lại bảo các Tỳ kheo có năm món thí được phước báo lớn :

1. Tỗ lập vườn tược,
2. Trồng cây bên đường.
3. Tỗ tác cầu cống.
4. Đóng thuyền to.
5. Vì người sẽ đến, xây cất nhà cửa chỗ ở.

Kinh Tăng Nhứt A Hàm

Lòng thương thí một người, công đức lớn bằng đất; vì mình thí tất cả, được báo bằng hột cải. Cứu một người nguy nạn, hơn bố thí tất cả, các sao tuy có sáng, chẳng bằng sáng mặt trăng.

Luận Đại Trượng Phu

Thí kẻ bần cùng, sanh lòng thương xót; thí đáng phước điền, sanh lòng vui mến; thí bậc thân hữu sanh lòng tinh tấn.

Kinh Ưu Bà Tắc Giới

Tu bố thí được phước; tu từ tâm không oán; làm điều thiện hết ác; bỏ dục không phiền não

Kinh Trường A Hàm

Đức Phật đến trước cửa một nhà để khát thực, người vợ chủ nhà đem com để vào bình bát Ngài rồi làm l cúng.

Đức Phật dạy : Đem giống trồng một sanh mười, trồng mười sanh trăm, trồng trăm ngàn, trồng ngàn sanh vạn, và trồng vạn sanh ức; được thấy đạo lý chắc chắn.

Người chồng không tin bảo : cúng một bát com có đâu được phước nhiều như thế.

Đức Phật liền chỉ : Người có thấy cây đại thọ Nị Câu Đà kia không ? Nó cao lớn thịnh茂 đến 45 dặm. Cứ mỗi năm trái nó sinh ra chừng vài vạn hộ, hạt nó nhỏ như hạt cải. Mà đất nó có biết đâu được sức kết quả nhiều như thế ? Nhưng là đất, chớ người là thuộc loài hữu tình; do tâm vui mừng đem một bát cơm dâng lên Phật, được phước rất lớn không thể kể xiết.

Bấy giờ tâm ý đôi vợ chồng được tỏ ngộ liền chứng đạo quả Tu đà hoàn.

Kinh Tạp Thí Dụ

Thường vui tu trí huệ, mà chẳng tu bố thí, đời sau được thông minh, nghèo túng không của cải; chỉ vui tu bố thí, mà chẳng tu trí huệ đời sau được giàu to, ngu ám chẳng biết gì; thí, huệ đều song tu, đời sau giàu, trí đủ; hai món đều chẳng tu, nhiều kiếp bị nghèo, ngu!

Kinh Phân Biệt Nghiệp Báo

Nếu người lòng tham nhiều lắm, đối với đất bùn xem nặng hơn vàng ngọc; trái lại kẻ nhiều bi tâm, tuy bố thí vàng ngọc; coi nhẹ hơn cỏ cây. Nếu người lòng bủn xỉn làm nhiều rũi mắt của cải, lòng rất sâu khổ. Nếu kẻ bố thí khiến người lãnh thọ vui mừng, tự mình cũng mừng. Phởng có đồ ăn ngon, nếu chẳng đem bố thí mà để tự ăn, thời cũng chẳng cho là đồ ăn ngon; hay có đồ ăn dở mà đem bố thí rồi mới chịu ăn, trong lòng vui sướng cho là đồ rất ngon. Hoặc bố thí rồi còn dư tự ăn, ấy là bậc đại trượng phu, tâm sanh vui mừng như chứng được Niết Bàn. Những kẻ không có lòng tin, họ đâu tin nổi những lời nói trên.

Người không có lòng tin, dầu có đồ ăn dở mà kẻ đói đang đứng xin trước mặt, họ vẫn chẳng thí, huống là những vật tốt đẹp khác đâu d cho ai.

Như có hai người : một giàu to, một nghèo cùng. Nay có người hành khát đến xin, cả hai người đều ôm lòng buồn lo : kẻ giàu, lo sợ nó xin của; người nghèo lo tự bảo : ta làm sao có được ít của vật gì cho họ. Hai người như vậy. Tâm trạng lo khổ tuy đồng, mà được quả báo khác nhau, người nghèo vì lòng thương lo nghĩ, được sanh về cõi trời hưởng sự giàu vui vô tận; còn kẻ xan tham đọa vào ngạ quỷ, chịu khổ cũng khó hết.

Luật Đại Trượng Phu

Nếu bức bách gia tộc lấy của làm bố thí, người ấy chẳng được quả báo lớn. Trước chẳng hay cúng dường cha mẹ, mà lại làm khổ não vợ con, giả danh làm bố thí, thì chẳng được

gọi là nghĩa thí. Tu bố thí như vậy, vì thiếu lòng thương xót nên gọi là : Chẳng biết trả ơn.

Kinh Ưu Bà Tắc Giới

Nếu vì muốn sanh Thiên mà tu thí, hoặc cầu tiếng khen; hoặc mong trả báo, hoặc vì sợ hãi mà tu bố thí thì được quả báo chẳng được thanh tịnh.

Kinh Phân Biệt Nghiệp Báo

1. Trước nghĩ muốn cho nhiều, khi cho lại cho ít.
2. Lừa những vật xấu đem cho người, vật tốt để lại mình.
3. Đã cho xong, tâm sanh hối tiếc.

Ba việc như vậy là bất tịnh thí.

Lại có 8 việc thí xong mà chẳng được thành tựu quả báo tốt :

1. Thí rồi tìm thấy lỗi của kẻ thọ.
2. Khi thí, tâm chẳng bình đẳng.
3. Thí rồi có ý lợi dụng kẻ thọ.
4. Thí rồi vui sướng tự khen ngợi lấy.
5. Chỉ nói suông chứ chẳng cho gì cả.
6. Cho rồi, ác khẩu mắng chửi.
7. Cho rồi, cầu trả lại gấp đôi.
8. Cho rồi sanh lòng nghi.

Kẻ thí chủ như vậy, không thể gần gũi và gặp gỡ các đức Phật và các bậc Hiền Thánh.

Kinh Ưu Bà Tắc Giới

Lại có 5 món chẳng nên đem thí cho người :

1. Phi lý cầu, chẳng nên thí, vì của bất tịnh.
2. Rượu và vật độc chẳng nên thí, vì loạn chúng sanh.
3. Lưới giăng, cạm bẫy chẳng nên thí, vì hại chúng sanh.
4. Dao, cung, tên chẳng nên thí, vì giết chúng sanh.
5. Đồ âm nhạc và nữ sắc chẳng nên thí, vì hoại tịnh tâm.

Kinh Bảo Tích

Nước Xá Vệ có cô gái nghèo tên Nan Đà, thân thể cô độc sanh sống bằng lối đi xin. Bấy giờ cô thấy các vị vua chúa, quan Đại thần, trưởng giả v.v... cúng dường Phật và chư Tăng, cô tự nghĩ : ta mắc tội báo gì mà sanh vào nhà bần tiện thế này nên không thể cúng dường đáng Phước Điền. Cô tự hỏi trách lấy mình qua một ngày nọ đi xin chỉ được một đồng tiền liền đến nhà bán dầu để mua. Người bán dầu hỏi : mua một đôn số dầu rất ít dùng sao được, vì sao mua ít thế ? Nàng tỏ bày nỗi niềm và tâm nguyện của mình. Sau khi nghe, người bán dầu thương tình mà bán cho số dầu gấp đôi. Nan Đà xiết nỗi vui mừng, đem thắp đến tịnh xá Kỳ Viên dâng cúng đức Thế Tôn. Rồi nàng phát nguyện rằng : "Nay tôi xin đem một ngọn đèn mọn này cúng dường đức Phật, nguyện nhờ công đức này đời sau tôi được trí huệ sáng suốt, và được trừ dứt ngu ám cho tất cả chúng sanh". Phát nguyện xong, Phật và lui về.

Quá nửa đêm, các ngọn đèn kia đều tự tắt hết, chỉ còn một ngọn đèn này không tắt hết, chỉ còn một ngọn đèn này không tắt; ngài Mục Kiền Liên ba lần tắt nó chẳng tắt. Đức Phật thấy bảo : Này Mục Kiền Liên, ngọn đèn đây do người tín nữ đem Bồ đề mà cúng dường, dầu cho lấy nước bốn biển cả mà đổ lên nó vẫn chẳng tắt.

Kinh Hiền Ngu

H - NGƯỜI THĂM BỆNH

Đức Phật dạy : từ nay về sau, cần thăm người bệnh. Nếu ai muốn cúng dường cho ta, thì cúng dường cho người bệnh trước.

Luật Tứ Phần

Nếu là Phật tử, thấy tất cả những người tật bệnh nên cúng dường như cúng dường Phật không khác. Trong tám món phước điền, món phước điền thăm bệnh là đứng đầu. Hoặc cha mẹ, Sư Tăng, đệ tử có bệnh, người tàn tật, trăm điều trăm khổ, thời đều nuôi cho lành mạnh.

Kinh Phạm Võng

Đức Phật bảo Ưu Ba Ly : Người bệnh có 3 thứ :

1. Ứng theo bệnh được thuốc và cho đồ ăn, được hợp pháp thăm bệnh mà bị chết.

2. Ứng theo bệnh chẳng được thuốc, cho đồ ăn là hợp pháp thăm bệnh được lành sống.
3. Ứng theo bệnh được thuốc, cho đồ ăn, được hợp pháp người thăm bệnh, bệnh nhơn chắc lành sống.

Vậy nên Ưu Ba Ly ! Người bị bệnh nếu được người thăm bệnh chẳng đúng như pháp thời bệnh nhơn chết. Mà trái lại thời sống, chỉ trừ kẻ tận mạng. Cho nên cần phải thăm bệnh, việc đúng như pháp, mới khiến bệnh nhơn được yên ổn.

Kinh Tăng Kỳ

Cần thăm kẻ tật bệnh, thăm hỏi điều nguy khốn, lành dữ có trả báo, như trồng cây được trái.

Kinh Sanh Tử

Người bệnh, chẳng nghe theo lời chỉ bảo của người thăm bệnh; hoặc người thăm bệnh làm trái ý người bệnh đôi bên đều mắc lỗi.

Luật Tỳ Ni Mẫu

Nên vì người bệnh, phải dùng những nhơn duyên thí dụ khéo nói pháp nhiệm màu, tùy theo tâm nguyện của kẻ bệnh, thời được lợi ích.

Kinh Tùy Nguyện Vãng Sanh

Bình sanh thường tu thiện, sắp chết lại nghĩ ác, thời đọa vào ác đạo; mà bình sanh hay làm ác, khi đến ngày tận mạng, ăn năn nghĩ điều lành, thời liền sanh lên trời.

Luận Trí Độ

Đức Thế Tôn bảo các Ty kheo rằng : Người bị tật bệnh có năm điều cần :

1. Chọn lựa vật ăn,
2. Tùy thời mà ăn,
3. Gần gũi thầy thuốc,
4. Đừng buồn, vui giận,
5. Phải thuận theo kẻ thăm.

Kẻ nuôi bệnh cũng có 5 điều :

1. Cần phân biệt thuốc thang,
2. Ngủ sau, dậy trước, siêng năng chớ biếng nhác,
3. Ít ngủ nghỉ,

4. Dùng pháp cúng dường, đừng tham ăn uống,
5. Nên vì người bệnh nói pháp.

Kẻ bệnh và người khán hộ mà trái những điều dạy trên, thời bệnh nhơn khó lành được.

Kinh Tăng Nhứt A Hàm

Người thăm bệnh :

1. Nên biết kẻ bệnh, món gì nên ăn và chẳng nên ăn mà cho.
2. Đối với đồ đại tiểu tiện, đàm, mũi của kẻ bệnh chẳng nên nhòm góm.
3. Có lòng từ bi, chẳng vì lợi lộc mà thăm.
4. Năng sửa sang thuốc thang cho đến khi lành mạnh, hoặc mạng chung, chẳng nên nản lòng.
5. Năng vì kẻ bệnh thuyết pháp, khiến họ vui mừng.

Thế là mình đã có pháp lành tăng trưởng.

Luật Tứ Phần

Người thăm bệnh, tuy biết kẻ bệnh chắc phải chết, nhưng đừng nói ra, phải khuyên họ quy y Tam Bảo, niệm Phật Pháp Tăng, siêng tu cúng dường. Bởi vì bệnh khổ đều do đời trước gây nghiệp nhơn chẳng lành, nên bị quả báo đau khổ, nay phải bày vẽ cho họ biết sám hối. Hoặc giả họ nghe xong, lại sanh lòng giận dữ, nói ác, mắng chửi, ta nên nhẫn nại làm thinh, cũng chẳng nên bỏ họ.

Kinh Thiện Sanh

Người thăm bệnh, nên tùy theo sở học của người bệnh từ trước mà khen ngợi hay chê bai, nhưng chẳng đặng khiến họ lui mất thiện tâm đã sẵn có từ trước.

Luật Thập Tung

Đức Phật vì người bệnh sắp chết nói kệ rằng :

- Niệm Phật chánh định chắc thấy Phật,

- Sau khi lâm chung về cõi Phật;
- Chính lúc lâm chung khuyên niệm thiện.
- Thị hiện Tôn hình khiến chiêm ngưỡng.
- Lại khuyên tưởng niệm qui y Phật,
- Nhờ thế được thấy Phật quang minh.

Kinh Hoa Nghiêm

Nên xem nuôi người bệnh, cẩn thận đừng trách móc, lành rồi hãy còn thăm, vì e bệnh tái phát. Nếu thấy đã bình phục, mạnh như khi chữa bệnh, mới sanh tâm vui mừng, đừng mong trả ơn nghĩa.

Không may họ qua đời, nên vì lo tẩn táng, nói pháp để an ủi, bè bạn và thân thuộc. May mắn bệnh được lành, họ thành tâm trả ơn, mình vui lòng nhận lãnh, chuyển thí cho kẻ nghèo, nuôi bệnh được như vậy, phải biết những người ấy, là bậc đại thí chủ, thiết cầu Đạo vô thượng.

Kinh Thiện Sanh

Trong đời vị lai, nếu có các vị Quốc vương hay Bà la môn thấy các kẻ già, bệnh và phụ nữ sanh sản, trong khoảng một niệm, đủ lòng đại từ, bố thí thuốc thang, ăn uống, áo mền, khiến cho an vui; tu phước lợi như thế, rất không thể nghĩ bàn được.

Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên

Nếu có chúng sanh, thấy các người bệnh, thí cho thuốc thang, khiến hết bệnh khổ; mạng chung sanh cõi trời lục dục thọ hưởng năm món dục lạc; từ cung trời mạng chung, hoặc được sinh thân người, giàu có của cải. Hoặc thấy người bệnh, gần chết mà khát nước, nên lấy nước đường phèn, nước trái cây hay các thứ nước mát đem cho. Sau khi mạng chung được sanh cõi trời thanh lương, hưởng khoái lạc cung trời; từ cung trời mạng chung, được sanh làm thân người, thường khỏi đói khát.

Kinh Chánh Pháp Niệm Xứ

--- o0o ---

Kinh lời vàng

Tác giả: Dương tú Hạc
Dịch giả: HT Thích Trí Nghiêm

---o0o---

Chương IV

TAM BẢO

A. PHẬT BẢO

Ôn Tam Bảo là lợi lạc cho chúng sanh không thể nghĩ bàn, và không khi nào ngừng nghỉ vậy. Thân các đức Phật là chơn thiện vô lậu, vì trong thời gian vô số đại kiếp đã tu nhơn chúng quả. Những nghiệp quả trong ba cõi, đã dứt hẳn không còn. Công đức đồ sộ như quả núi vàng, tất cả chúng hữu tình làm sao biết được. Phước đức thâm sâu như biển cả, trí huệ thông suốt như hư không; ánh sáng chiếu khắp mười phương ba đời. Tất cả chúng sanh vì phiền não nghiệp chướng ngăn che, nên không hay biết, nên chìm đắm biển khổ, sống chết không cùng. Ngôi Tam Bảo ra đời là vị Đại Thuyền Sư, năng vượt qua dòng ái, thăng lên bờ bên kia. Những kẻ có trí thấy đều mến mộ vậy.

Kinh Tiểu Địa Quán

Hỡi Thiện nam tử, Thiện nữ nhơn! Sau khi Ta vào Niết Bàn, có nhiều chúng sanh mặc áo pháp phục, tham lam lợi dưỡng, giả phát đạo tâm, làm tổn hại chánh pháp, không có tâm thanh tịnh. Những kẻ như vậy, tuy ở trong chúng hội của Ta, mà cách Ta rất xa.

Nếu có trai lành gái thiện tu hạnh vô trước, tuy chưa lên địa vị Bồ tát, nhưng lòng đã vững vàng, chẳng bỏ đạo tâm, tuy xa Ta trăm ngàn vạn do tuần, mà rất gần nơi Ta vậy.

Kinh Bồ Tát Anh Lạc

Này Thiện nam tử! Trong ngôi Phật bảo có đầy đủ 6 món công đức màu nhiệm:

1. Có ruộng vô thượng đại công đức
2. Có ruộng vô thượng đại ân đức
3. Đối với trong các loại không có chân, hai chân, nhiều chân rất là tôn quý
4. Rất nổi khó gặp, như đóa hoa Ưu đàm
5. Độc nhứt xuất hiện ra giữa ngàn triệu cõi thế giới
6. Viên mãn công đức thế gian và xuất thế gian

Vì đủ 6 công đức nhiệm mầu như vậy, nên thường hay làm lợi ích cho tất cả chúng sanh. Vì lợi ích tất cả chúng sanh, cho nên ngôi Phật bảo có nghĩa là bất khả tư nghì.

Một hôm, có 500 ông Trưởng Giả hỏi đức Phật rằng: "Ngôi Phật bảo thường lợi ích cho chúng sanh, cơ sao chúng sanh trong thế gian phần nhiều chẳng thấy Phật, mà vẫn bị các khổ não."

Phật đáp: "Ví như mặt trời, tuy soi khắp thế giới mà những kẻ mù nào có thấy ánh sáng. Cũng thế, còn nhiều chúng sanh thường gây ác nghiệp mà chẳng tự giác, không biết hô trên, chẳng gần gũi Phật Pháp Tăng. Nếu có chúng sanh, biết tôn trọng Tam bảo, người ấy nghiệp chướng tiêu trừ, phước huệ thêm lớn, căn lành trọn nên, hẳn lìa sanh tử, thời được chứng quả Bồ đề."

Kinh Tâm Địa Quán

Đệ nhất Bồ tát nói: "Phật là vô thượng pháp vương, Bồ tát là tôi của Pháp bảo; duy đức Phật Thế Tôn là đáng sở tôn sở trọng vậy. Cho nên thường phải nhớ Phật."

Đệ nhị có các Bồ tát tự nói: "Đức Thế Tôn! Chúng tôi, từ nhiều kiếp đến nay, được nhờ nuôi lớn pháp thân, trí thân, đại từ bi thân và thiền định, trí huệ, vô lượng hạnh nguyện đều nhờ đức Phật tác thành. Vì muốn trả ơn, thường nguyện gần Phật; cũng như bề tôi đại thần, nhờ ơn sủng nhà vua, nên thường nhớ đến vua."

Đệ tam có các Bồ tát lại nói thế này: "Lúc ta tu nham gặp ác tri thức bài báng Bát Nhã, bị đọa ác đạo, trải qua nhiều kiếp, có tu các hạnh, nhưng chưa được ra khỏi; về sau một thuở nhờ nương gần bên thiện tri thức dạy ta tu niệm Phật tam muội. Bây giờ mới được tiêu các nghiệp chướng liền được giải thoát. Vì có được lợi ích lớn lao như thế, nên nguyện chẳng xa lìa đức Phật."

Luận Trí Độ

Như Lai vô số kiếp, cần khổ vì chúng sanh; tại sao các thế gian, chẳng trả ơn Đại sư.

Kinh Hoa Nghiem

Tu đầy đủ 10 pháp, mới thật cúng dường Như Lai:

1. Lấy pháp cúng dường
2. Lấy các hạnh cúng dường
3. Lợi ích bình đẳng tất cả chúng sanh
4. Lấy lòng từ bi tùy thuận
5. Lấy Như Lai lực
6. Tất cả pháp lành siêng tu chẳng bỏ
7. Tất cả sự nghiệp của Bồ tát chẳng bỏ
8. Như nói mà tu, như tu mà nói
9. Tu thời gian lâu, tâm chẳng mỏi chán
10. Tâm đại bồ đề thường tu chẳng bỏ

Nếu tu đủ mười pháp trên đây mới gọi là cúng dường đức Như Lai. Chớ như của báu, uống ăn, áo mặc ấy đều là chẳng phải chơn cúng dường vậy.

Kinh Hoa Nghiem

Hành giả an trụ 10 pháp thì các đức Phật vui mừng:

1. An trụ bất phóng dật
2. An trụ vô sanh nhẫn
3. An trụ đại từ
4. An trụ đại bi
5. An trụ các pháp rốt ráo
6. An trụ các hạnh
7. An trụ đại nguyện
8. An trụ phương tiện khéo léo
9. An trụ sức mạnh mẽ
10. An trụ trí huệ

Tại sao? Đức Như Lai tôn trọng Pháp như con thảo tôn trọng cha mẹ, kính thuận dung nhan, tâm chẳng chút nói. Đức Như Lai tự tu hành mà được thành Đạo; cho nên ai tu hành là cúng dường vậy.

Như Lai ra đời, vì lợi ích chúng sanh; kẻ nào không lòng từ bi, chẳng được lợi ích; kẻ chẳng tùy thuận tất cả, chẳng đặng lợi ích; kẻ chẳng tu pháp lành chẳng đặng lợi ích; kẻ

chẳng như nói mà tu, chẳng đặng lợi ích; kẻ sanh tâm mới chán, chẳng đặng lợi ích; và kẻ nào bỏ tâm đại Bồ đề, thì chẳng đặng lợi ích.

Kinh Hoa Nghiêm

B. PHÁP BẢO

Này Thiện nam tử! Như trong tất cả Phật Bảo, có vô lượng Đức Phật, Như Lai nói Pháp Bảo cũng vậy; trong tất cả Pháp Bảo có vô lượng nghĩa.

Thiện nam tử! Pháp Bảo có 4 thứ: Giáo pháp, Lý pháp, Hành pháp và Quả pháp. Pháp Bảo năng phá tất cả lao ngục sanh tử, giống như kim cang năng phá muôn vật. Pháp Bảo năng soi chúng sanh tối tăm, giống như ánh sáng mặt trời soi thế giới. Pháp Bảo năng cho chúng sanh vui mừng, giống như nhạc trời làm vui các người trời. Pháp Bảo năng khiến chúng sanh qua bờ bên kia, giống như con thuyền to bền chắc. Pháp Bảo năng phá bốn món ma chướng được Đạo Vô thượng Bồ đề, giống như mũ, áo giáp kim cang. Pháp Bảo năng khiến cắt đứt giây sanh tử thoát khỏi ràng buộc, giống như grom bén trí huệ. Pháp Bảo năng vận tải chúng sanh ra khỏi nhà lửa, giống như chiếc xe báu. Pháp Bảo năng soi phá tối tăm trong ba đường, giống như đèn sáng. Pháp Bảo khéo dẫn dụ chúng sanh đến chỗ báu, giống như vị Đạo sư dẫn đường hiểm.

Gọi là ơn Pháp Bảo chẳng khá nghĩ bàn.

Kinh Tâm Địa Quán

Ta khi mới thành đạo, quan sát gì là đáng kính đáng khen, không gì hơn bằng Pháp bảo, vì Pháp bảo năng thành lập tất cả phàm, Thánh vậy.

Kinh Bát Nhã

Các người chính thân chính ý tréo chân mà ngồi, chuyên nghĩ Pháp Bảo đừng tưởng gì khác. Vì Chánh pháp diệt trừ được các dục ái và trần lao, tâm khát ái hẳn chẳng sanh khởi khiến dục tâm không còn tham dục nữa, và xa lìa các trói buộc phiền não và tật bệnh vậy. Tự mình niệm nhớ Chánh pháp và khiến người niệm nhớ.

Kinh Tăng Nhứt A Hàm

Ta từ cây thọ vương đứng dậy đi đến vườn Lộc Giả trong thành Ba La Nại, vì các ông A Nhã, Câu Lân năm người tất cả, khi chuyển bánh xe Tứ đế cũng nói các pháp xưa nay vắng lặng, thay đổi chẳng dừng sanh diệt từng mỗi niệm. Trong thời gian ở đây và các nơi khác, vì các Tỷ kheo và các chúng Bồ tát biện bạch diễn nói pháp mười hai nhân duyên và sáu món Ba la mật, cũng nói các pháp xưa nay vắng lặng, thay đổi chẳng dừng, sanh diệt từng mỗi niệm. Nay cũng trở lại nơi đây diễn nói kinh Đại thừa Vô lượng nghĩa; cũng nói các pháp xưa nay vắng lặng, thay đổi chẳng dừng, sanh diệt từng mỗi niệm.

Này Thiên nam tử! Vậy nên trước nói, giữa nói, nay nói vẫn từ là một mà nghĩa có sai khác; vì nghĩa sai khác, nên chúng sanh hiểu cũng khác; vì hiểu khác, nên đắc pháp, đắc quả và đắc đạo cũng khác.

Kinh Vô Lượng Nghĩa

Nước, nước nào cũng đều rửa được; mà nước giếng chẳng phải nước ao, nước ao chẳng phải nước sông, nước khe rãnh chẳng phải nước biển. Như vậy đức Thế Hùng đối với pháp tự tại ra các pháp cũng như vậy. Nói trước, giữa, sau đều năng rửa trừ phiền não cho chúng sanh. Mà trước chẳng phải giữa, giữa chẳng phải sau; nói trước, giữa, sau vẫn từ tuy một mà nghĩa có sai khác.

Kinh Vô Lượng Nghĩa

Chúng sanh mà điên cuồng mờ ám bởi ba món khát ái che khuất chìm trong biển khổ; bị bốn món trái ngược nó làm cho điên đảo; với trong pháp hữu lậu vọng tưởng thấy biết; không ta thấy có ta, vô thường thấy thường, không vui thấy vui, chẳng sạch thấy sạch, bị sanh, lão, bệnh, tử đối đời, vô thường trong mỗi niệm. Bị năm món che mười món trời che khuất luân hồi trong ba cõi chịu đủ thứ sanh tử không có đầu đuôi giống như sợi giây xích. Vậy nên giáo pháp đức Như Lai tùy theo cơ nghi có ba tạng chín bộ cho đến 12 bộ kinh, chia giòng giáo hóa tùy lòng tin sâu cạn nên nói các kinh điển.

Kinh Phật Thuyết Đại Phương Tiện Bảo Ân

C. TẶNG BẢO

Người nào trọn nên các nghiệp lành, chất trực mà thuận nghĩa, không có tà nghiệp; trọn nên giới pháp, trọn nên chánh định, trọn nên trí huệ, trọn nên giải thoát và trọn nên tri

kiến, tức là ngôi Tăng Bảo vậy. Tăng là ruộng phước của đời, cho nên tự mình chuyên lo cung kính lễ thuận v.v...

Kinh Tăng Nhất A Hàm

Kê tại gia, thấy vị Sa môn, liền mở cửa đờn sẵn, nghinh rước và hỏi han, bày ghế, chiếu, tiếp hộ Kinh tạng và cúng vật thanh khiết. Ấy là 5 việc của người tại gia vậy.

Dạy dỗ tác thành lòng tin, tác thành giới hạnh, tác thành đa văn, tác thành bố thí, và tác thành cho họ trí huệ nữa, ấy là năm việc của Sa môn vậy.

Tại gia và xuất gia đều làm trọn mấy điều trên đây, thời thiện pháp chẳng đến nổi suy đồi vậy.

Kinh Thiện Sanh Tử

Phải dùng 5 việc phụng sự Sa Môn Đạo sĩ:

1. Đem thiện tâm mà xu hướng
2. Lựa lời đẹp cùng hầu chuyên
3. Đem thân nghiệp cung kính
4. Thường phải mến mộ
5. Thường phải cung kính thừa sự và hỏi thăm việc độ thế của các Ngài

Sa Môn Đạo sĩ cũng phải lấy 6 điều chú ý đối lại nhơn dân:

1. Dạy họ bố thí chẳng đặng xan tham
2. Dạy họ trì giới chẳng đặng hủy phạm
3. Dạy họ nhẫn nhục chẳng đặng giận dữ
4. Dạy họ siêng năng chẳng đặng lười biếng
5. Dạy họ nhứt tâm chẳng đặng buông ý
6. Dạy họ trí huệ chẳng đặng ngu si

Sa Môn Đạo sĩ dạy người bỏ ác làm lành, khai mở chỉ vẽ chánh đạo, ơn ấy lớn hơn ơn cha mẹ.

Kinh Lục Phương Lễ

Bồ tát có thể khiến hột giống Tam Bảo chẳng dứt mắt. Tại sao? Vì giáo hóa chúng sanh khiến phát tâm Bồ Đề, là khiến nổi luôn giống Phật Bảo; vì chúng sanh mở rộng pháp tạng, là khiến nổi luôn giống Pháp bảo; vì hộ trì giáo pháp mà chẳng trái lỗi, và khiến cho nổi luôn hột giống Tăng bảo vậy.

Lại nữa: ngợi khen đại nguyện, là nổi luôn giống Phật bảo; phân biệt diễn nói pháp nhơn duyên là nổi luôn giống Pháp bảo; siêng tu sáu pháp hòa kính là nổi luôn hột giống Tăng bảo.

Lại nữa: gieo trong đám ruộng chúng sanh hột giống Phật, là nổi luôn giống Phật; chẳng tiếc thân mạng để hộ trì Chánh pháp là nổi luôn giống Pháp; quản lý đại chúng không biết mỏi mệt là nổi luôn hột giống Tăng Bảo vậy.

Kinh Hoa Nghiêm

Nếu người nào một lòng thành khẩn quy y Phật Đà, người ấy chắc đặng vui sướng to, vì Phật tâm không ngày cũng không đêm thường nhớ nghĩ chúng sanh vậy. Nếu người nào một lòng thành khẩn quy y Pháp bảo, người ấy chắc đặng vui sướng lớn, vì sức Pháp Bảo không ngày cũng không đêm thường gia trì chúng sanh vậy. Nếu người nào một lòng thành khẩn quy y Tăng Bảo người ấy được yên ổn lớn, vì oai đức Tăng già không ngày cũng không đêm thường bảo hộ chúng sanh vậy.

Kinh Đế Thích Sở Vấn

Bấy giờ trong hội có một vị đồng tử mới bảy tuổi tên Tuyên Trạch, từ chỗ ngồi đứng dậy, chấp tay bạch Phật rằng: "Thưa Đức Thế Tôn! Tôi đã phát tâm Bồ Tát nguyện thành ngôi Pháp vương. Thưa Thế Tôn! Nhưng nay tôi lại muốn làm thân Tỳ kheo tu hành chánh đạo; vì Tỳ kheo tinh tiến tu thiền định và trí huệ, nên mau được chánh giác. Tôi từ nay tinh tiến cầu xin mau cho tôi làm Tỳ kheo tu Đạo an lạc, đến Niết Bàn trừ các mê ám, đem ánh sáng Chánh pháp soi khắp thế gian."

Đức Phật liền cho ngay đồng tử được làm Tỳ kheo và ngài nói pháp: "Tuyên Trạch! Tuy chẳng mặc áo nhuộm, mà tâm không đắm nhiễm là chơn thật Tỳ kheo vậy. Tuy chẳng cởi đồ sức hảo mà hay dứt các trói buộc là chơn Tỳ kheo vậy. Tuy chẳng thọ giới cấm, mà tâm bỏ các ác, mở cửa công đức định huệ, thật là chơn Tỳ kheo vậy.

Tự Quy y Phật, xin nguyện chúng sanh, thấu rõ đại đạo nổi thịnh giống Phật.

Tự Quy y Pháp, xin nguyện chúng sanh, sâu vào Kinh tạng trí huệ như biển.

Tự Quy y Tăng, xin nguyện chúng sanh, thống lý đại chúng, hết thầy không ngại.

Kinh Hoa Thủ

D. CỨU KHỔ – CHO VUI

Các đệ tử! Thường vui tu trì pháp thập thiện với các sanh vật, thường sanh khởi bi tâm, cứu vớt đau khổ; thường sanh khởi từ tâm cho điều vui sướng.

Kinh Bát Nhã

Đem của bố thí làm cho chúng sanh mến, đem pháp bố thí thường được thể gian kính trọng. Thí của được kẻ ngu mê, thí pháp được người trí trọng, thí của phá trừ cái nghèo cùng về của, thí pháp phá trừ cái nghèo cùng về công đức. Hai món thí này ai chẳng kính trọng. Cho của là cho vui hiện tại; cho pháp là cho vui Niết Bàn tương lai. Người có lòng bi hay thương tất cả chúng sanh, mà thương chúng sanh tức là thương mình vậy.

Luận Đại Trượng Phu

Kẻ thuyết pháp cần tu 4 hạnh:

1. Học rộng nghe nhiều, năng giữ tất cả ngôn từ chương cú
2. Quyết định khéo biết hành tướng sanh diệt của các pháp thế gian và xuất thế gian
3. Phải được thiên định và trí huệ, tùy thuận các kinh pháp mà không tranh luận
4. Chẳng thêm chẳng bớt, cứ đúng như Pháp mà nói

Luận Thập Trụ Tỳ Bà Ta

Thân tâm mình đã được giáo huấn rồi, lại đem dạy người, thời chẳng khó; nếu muốn dạy người trước phải dạy mình đã.

Kinh Phật Trị Thân

Trước trừ ác mình, sau dạy người trừ; nếu mình chẳng trừ, mà dạy người trừ, đâu có lý vậy. Vậy nên Bồ Tát trước phải tự bỏ thói, trì giới, trì túc, cần hành, tinh tấn, nhiên hậu mới giáo hóa người.

Kinh Ưu Bà Tắc Giới

Như vị Đại Thuyền Sư thường đem con thuyền vĩ đại, hạ giữa dòng chảy, chẳng đụng bên này, chẳng chạm bên kia, chẳng trụ giữa dòng, cứ thẳng tiến tới, không chút ngừng nghỉ.

Cũng thế, Bồ Tát lấy thuyền Ba la mật, ở trong dòng sanh tử, mà chẳng chán sanh tử, chẳng thủ Niết Bàn, mà cũng chẳng ở giữa dòng, là vì muốn khiến chúng sanh đạt đến bờ bên kia, nên không ngừng tay. Trong khoảng vô lượng kiếp, thường tu tinh tiến giáo hóa chúng sanh.

Kinh Hoa Nghiêm

Nếu có Tỳ kheo vì người thuyết pháp mà tự suy nghĩ: "Ta vì kẻ kia thuyết pháp, khiến họ tin kính ta, sẽ cho ta rất nhiều vật uống ăn, áo mặc, nên ta thuyết pháp", ấy là bất tịnh thuyết pháp. Trái lại Tỳ kheo vì người thuyết pháp, mục đích muốn người nghe chứng giải Phật Pháp, lia các phiền não, trừ khổ hiện tại. Và có thể khiến kẻ nghe, nghe mình thuyết pháp, như thuyết tu hành, vì khiến người nghe lãnh hội được pháp, được nghĩa, được lợi, và được yên vui. Thuyết pháp như thế gọi là thanh tịnh từ bi thuyết pháp.

Kinh Trường A Hàm

Ngài Phú Lô Na thưa Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Tôi đã được nhờ Thế Tôn giáo hóa; nay tôi muốn qua bên xứ Du Lô Na phía tây để hóa độ người bên ấy."

Đức Phật hỏi: "Người dân xứ kia tính tình hung ác, dữ tợn, tệ bạo mà hay mắng chửi. Nếu người bị họ làm dữ và mắng chửi, hủy nhục thì người làm sao?"

Thưa: "Nếu đối trước mặt tôi mà họ tệ bạo như thế thì tôi tự nghĩ: họ còn hiền lành và có trí khôn, tuy làm dữ như thế mà chẳng cầm đá đánh đập."

Phật hỏi: "Họ làm thế người còn nhẫn được, chớ phỏng họ dùng đá đánh đập thì người nghĩ sao?"

Thưa: "Nếu họ làm vậy tôi lại nghĩ rằng họ còn chút hiền lành và có trí khôn, nên chẳng dùng dao gậy."

Phật hỏi: "Nếu họ dùng tới dao gậy ngươi làm cách nào?"

Thưa: "Nếu họ làm vậy tôi tự nghĩ họ vẫn còn hiền lành và có trí khôn, tuy là đánh chém, mà chẳng giết chết."

Phật hỏi nữa: "Phỏng như họ giết chết ngươi, bây giờ ngươi sẽ tính cách nào?"

Ngài Phú Lô Na lại thưa Đức Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Quả thật họ giết chết tôi, tôi lại nghĩ rằng họ cũng còn hiền lành và có trí khôn với tấm thân hủ bại này, họ làm chút phương tiện khiến cho tôi liền được giải thoát."

Đức Phật khen ngợi: "Hay thay! Phú Lô Na ngươi đã học được pháp nhẫn nhục; ngươi nay đủ sức qua ở bên xứ Du Lô Na mà giáo hóa nhơn gian. Ngươi nên đi ngay, qua bên ấy ngươi sẽ độ những kẻ chưa được độ, an ủi những kẻ chưa được an ủi, và những kẻ chưa được Niết Bàn độ cho họ được Niết Bàn."

Kinh Tạp A Hàm

Sau khi Ta nhập diệt các đệ tử phải truyền nhau mà tu hành pháp lợi mình lợi người, thời pháp thân Như Lai thường còn chẳng mất vậy.

Kinh Di Giáo

Kẻ nói pháp, xem căn cơ của người nghe mà nói, họ nhất tâm nghe hiểu thấu vào trong nghĩa của lời nói, như khát được uống; và thấy kẻ nghe pháp buồn vui hỗn độn mới nên vì nói pháp.

Luận Trí Độ

Bồ Tát biết chỗ sở tác của chúng sanh, biết nhơn duyên, biết tâm hành, và biết ưa thích của chúng mà nói pháp. Với kẻ tham dục nhiều, nên nói pháp bất tịnh; với kẻ giận dữ nhiều, nên nói pháp đại từ; với kẻ ngu si nhiều, nên nói pháp siêng năng, quan sát các pháp; với kẻ ba môn độc đều nhiều, nên dạy khiến thành tựu pháp môn trí huệ; với kẻ ưa vui sanh tử, nói pháp ba môn khổ; với kẻ đắm chấp các thứ "có" nói pháp "không tịch"; với kẻ lười nhác, nói pháp đại tinh tấn; với kẻ ô lòng ngạo mạn nói pháp bình đẳng; với

kẻ nhiều dua dọc, nói pháp Bồ Tát tâm; với kẻ tâm tánh chất trực mà ưa vắng lặng, nên rộng vì nói các pháp khiến họ thành tựu Đạo quả.

Kinh Hoa Nghiêm

Đức Phật bảo các đệ tử rằng: Cũng như thợ vàng lấy các thứ vàng, tùy ý muốn tạo thành các thứ trang điểm: như chuỗi anh lạc, vòng, thoa, kiềng mào v.v...hình tướng tuy khác nhau nhưng chẳng ngoài vàng mà có.

Đức Như Lai cũng thế, chỉ lấy một Phật Đạo tùy thuận chúng sanh, mà phân biệt nói ra nhiều pháp. Như một thức phân biệt nói có sáu; một sắc phân biệt nói thành sáu; vì muốn giáo hóa chúng sanh nên phải phân biệt vậy.

Kinh Niết Bàn

Tại thành Tỳ Da Ly, có ông cư sĩ tên Duy Ma Cát. Ông giỏi biện tài, có thần thông trí huệ đầy đủ, phương tiện thông suốt, trọn thành đại nguyện.

Vì hiểu rõ tâm xu hướng của chúng sanh, nên có thể phân biệt căn cơ lanh chậm. Ông vì mục đích muốn độ người nên mới dùng phương tiện ăn ở trong thành, giàu có của cải vô lượng, thường giúp các dân nghèo. Ông phụng trì giới cấm mà chẳng hủy phạm; thủ chí nhẫn nhục mà chẳng giận dữ, tinh tiến mà chẳng biếng nhác; nhứt tâm thiền định mà chẳng loạn ý; dùng quyết định trí huệ mà nhiếp phục kẻ vô trí.

Tuy là người tại gia mà tu luật hạnh Sa Môn thanh tịnh. Đọc các kinh sách ngoại Đạo mà lòng chánh tín chẳng sờn; học các sách thế gian mà ưa vui Phật pháp.

Hay đạo đi bốn cửa thành để lợi ích cho chúng sanh. Vào trong giảng đường, giảng dạy Đạo pháp; vào trong học hiệu, dạy dỗ trẻ em; vào trong dân xá, chỉ rõ tội lỗi dân dục; vào trong quán rượu, dạy dùng phải lẽ.

Khi tiếp các Trưởng giả, vì nói thẳng pháp; tiếp cư sĩ khiến dứt tham đắm; nghinh tiếp vua chúa, giáo hóa nhẫn nhục, tiếp Bà La Môn, khiến trừ ngã mạn; tiếp quan Đại Thần giáo hóa chánh pháp; tiếp các Vương Tử dạy điều trung hiếu; tiếp các nội quan, diễn nói chánh pháp; tiếp xúc với thứ dân dạy nên tu phước lực...làm lợi ích chúng sanh rất nhiều.

Bấy giờ cư sĩ mới thị hiện bằng cách dùng phương tiện đau ốm; thế là quốc vương, đại thần, trưởng giả, cư sĩ...đều đến thăm bệnh. Nhon đây cư sĩ rộng vì thuyết Đại pháp cho các kẻ kia.

Bấy giờ Đức Phật hay tin Duy Ma Cật lâm bệnh, mới đòi Xá Lợi Phất đến bảo: "Người qua thăm bệnh cư sĩ?" Xá Lợi Phất thưa: "Tôi không dám đi, vì có một hôm nọ, lúc tôi đang ngồi thiền định dưới cội đại thọ trong rừng, chợt cư sĩ đến bên tôi thỉnh linh bảo: "Xá Lợi Phất! Hà tất phải ngồi thiền định nơi đây; lẽ phải ngồi thiền định cả Tam giới mà chẳng hiện thân ý; chẳng khởi diệt tận định mà hiện các oai nghi; chẳng bỏ Đạo pháp mà hiện sự việc phàm phu; đối với các kiến chấp chẳng bị lay động mà tu 37 phẩm trợ Đạo; chẳng dứt phiền não mà vào Niết Bàn. Làm được các việc như trên mới chính là ngồi yên trên Tòa mà thiền định." Thưa Thế Tôn! Sau khi nghe Ông nói tôi không thể đáp được một câu, cho nên nay tôi không dám qua thăm bệnh."

Đức Phật cho đòi các Ông: Mục Kiền Liên, Ca Diếp, Tu Bồ Đề, Phú Lô Na, Ca Chiên Diên, A Na Luật, Ưu Bà Ly, La Hầu La và A Nan là 10 vị đại đệ tử cũng đều từ thác: "bất kham" vì đều đã bị những trường hợp tương tự như Xá Lợi Phất.

Đức Phật lại cho mời Ngài Di Lặc đến, thì Di Lặc vẫn từ rằng: "Tôi cũng bất kham. Vì ngày trước, lúc tôi mới nói ba bậc bất thối chuyển thì cư sĩ Duy Ma Cật đến bảo: "Di Lặc! Tôi vừa nghe Ngài được Đức Phật thọ ký cho sẽ làm Phật. Vậy Ngài sẽ làm Phật vào đời nào? Quá khứ, vị lai hay hiện tại chăng? Xét ra quá khứ qua rồi, vị lai chưa đến, mà hiện tại thì chẳng trụ; như vậy ba đời đều tìm chẳng được. Hoặc là thọ cho vô sanh chăng? Nhưng vô sanh là chính vị, mà đã chính vị là trung ương thì đâu còn có thọ ký gì nữa? Hay là như tánh mà thọ ký chăng? Lại cũng không được, vì tất cả chúng sanh đều như tánh, cho nên khi Ngài được thọ ký thì tất cả chúng sanh cũng được thọ ký; tại sao? Vì tất cả chúng sanh là tướng Bồ Đề vậy. Nếu Ngài được Niết bàn, thì tất cả chúng sanh cũng được Niết bàn; tại sao? Vì tất cả chúng sanh rốt ráo vắng lặng là tướng Niết bàn, mà tướng ấy là bất sanh bất diệt rồi vậy." Sau khi nghe ông thuyết một hồi, tôi cũng chẳng đối đáp gì được ráo, cho nên tôi cũng bất kham."

Bấy giờ đức Phật cho đòi Ngài Văn Thù Sư Lợi đến và bảo thay Ngài đi qua thăm bệnh cư sĩ. Thì cả Đại chúng đều nghĩ rằng: Nay Văn Thù Sư Lợi cùng Duy Ma Cật gặp nhau chắc hai Đại sĩ sẽ đàm luận Đạo pháp nhiệm mầu. Thế là cả Đại chúng tùy tùng với Văn Thù mà vào Thành Tỳ Da Ly.

Thì cư sĩ đã biết trước ngài Văn Thù Sư Lợi thừa lệnh đức Phật sẽ đến thăm mình, nên ông cho những người nhà và thị giả đều lui hết; trong nhà trống trơn chẳng còn một vật gì cả, chỉ còn một chiếc giường đủ ông nằm thôi.

Cư sĩ vừa thấy ngài Văn Thù liền nói: "Văn Thù Sư Lợi! Là tướng chẳng đến mà đến, tướng chẳng thấy mà thấy!"

Ngài Văn Thù nói: "Cư sĩ! Đến rồi thì chẳng đến, đi rồi lại chẳng đi." Rồi nhập đề: "Cư sĩ! Bị bệnh chi, có dễ chịu không? Đã có thuốc chi hay để trị không? Bệnh tăng hay giảm? Đó là lời ân cần của đức Thế Tôn gửi thăm Cư sĩ." Và hỏi tiếp: "vậy chớ bệnh của Cư sĩ do đâu mà sanh?"

Đáp: "Bệnh tôi do ái mà sanh, vì tất cả chúng sanh bệnh nên tôi mới bệnh; nếu tất cả chúng sanh không bệnh thì bệnh tôi cũng lành. Xin mời Ngài xem: Bồ tát đâu chẳng phải vì chúng sanh mà vào sanh tử? Mà hề ai vào sanh tử là phải bị tật bệnh. Nhưng, nếu chúng sanh không bệnh, Bồ tát cũng không tật bệnh gì. Ví như trưởng giả có một chút con trai, mà cậu con bị bệnh, thời ông bà trưởng giả kia cũng bệnh theo. Bệnh của Bồ tát là bởi lòng từ bi mà sanh.

Kinh Duy Ma Cật

Bồ Tát thường hay tu phương tiện thắng trí mà biết được tâm của chúng sanh ưa muốn những gì, rồi tùy theo bệnh mà cho thuốc diệt trừ hết các bệnh, nghĩa là khiến chúng sanh thông suốt Phật pháp, gọi là Phương tiện ba la mật. Vì muốn khiến chúng sanh được lợi ích nên chẳng tiếc thân mạng, gọi là Thân cận ba la mật. Vì các chúng sanh nên đối với kẻ oan người thân bình đẳng nói pháp mầu nhiệm, khiến vào Phật trí, gọi là Chơn thật ba la mật ai trọn nên ba món sau đây, thì mới gọi là thành tựu Thiện xảo ba la mật (ba la mật là nghĩa: rất ráo).

Dùng sức chánh trí có thể hiểu rõ tâm hành thiện, ác của chúng sanh mà vì nói pháp tương ưng khiến vào nghĩa sâu xa mầu nhiệm. An trụ Niết bàn rốt ráo, gọi là lực Ba la mật. Dầu hy sinh thân sống vì mục đích lợi lạc chúng sanh, gọi là thân cận Ba la mật. Dem sức Diệu trí mà giáo hóa chúng sanh tà kiến, khiến dứt ác nghiệp, chúng quả Niết bàn "thường, lạc", gọi là chơn thiệt Ba la mật. Thành tựu 3 món này, mới là thành tựu trí lực Ba la mật.

Kinh Bát Nhã

Bồ tát, hoặc khi làm vị Đế vương, lâm ngự đại quốc, oai đức trùm khắp, danh lừng cả thiên hạ, những kẻ oán địch thấy qui thuận. Mỗi khi ra mệnh lệnh, căn cứ nơi chánh pháp. Lấy một chiếc lọng che khắp muôn phương, ai thấy chẳng phục; chẳng dùng hình phạt, lấy đức cảm hóa. Nhà vua, hoặc vì cầu chánh pháp mà thườ nay chưa từng có, nên phải gieo mình dưới hầm lửa dữ; hoặc vì muốn hộ trì Như lai chánh pháp, nên đem thân chịu khổ sở mà vẫn đành lòng. Hoặc lắm khi vì cầu pháp cho đến một chữ một câu mà đã hay xả thí sự giàu sang khắp cả bốn biển chẳng chút lẩn tiếc.

Kinh Hoa Nghiêm

Kinh lời vàng

Tác giả: Dương tú Hạc
Dịch giả: HT Thích Trí Nghiêm

---o0o---

PHẦN III – NHƠN QUẢ

CHƯƠNG I

MUÔN VẬT TRONG VỮ TRỤ

(Chương này hơi khó hiểu, vì đạo lý cao siêu. Lời dịch giả)

A. THẬT TƯỚNG CỦA MUÔN VẬT

Gây Quả là Nhơn, đợc Quả là Quả.

Luận Chi Quán

Thật tướng là mẹ của các đức Phật ba đời.

Kinh Bát Nhã

Này các Thiện nam tử! Bồ Tát trụ đạo mới thấy chơn nghĩa các pháp. Chơn ấy là chơn thật vậy. Mà thật nghĩa là in như hư không tức là chơn như. Chơn như là tự mình thân chứng bên trong, chớ chẳng phải dùng văn tự mà có thể phô bày đợc. Tại sao? Vì nó siêu vượt tất cả văn tự ngôn thuyết và những lời nói vô nghĩa vậy. Nó xa lìa các tướng ra vào, phân biệt, xa lìa các cảnh giới tà ma và phiền não. Tự tính yên lặng, nên không như,

và không thấm nơ, rất trong sạch màu nhiệm hơn hết. Thường trú bất động chẳng hoại diệt; nếu các đức Phật có ra đời, hoặc không ra đời nó vẫn thường trú mà chẳng biến đổi.

Nay các Bồ tát vì muốn làm lợi ích cho các Thiện nam tử, nên mới đem sức dũng mãnh tinh tiến mà chúng lấy vậy thôi; nên mới có nhiều tên gọi sai khác là: chơn như, thật tướng, nhất thể trí, nhất thể chủng trí và bất khả tư nghì v.v... Cho nên chúng ta, nhờ dùng trí huệ nghe, hoặc suy nghĩ chớ chưa được khéo chúng.

Ví như có người gặp mùa nóng bức mà đang đi giữa đồng nội; người này từ Đông đi qua Tây; lại có người khác từ Tây đi qua Đông. Người qua Tây vì khát nước rất ngặt, gặp người từ Đông qua liền hỏi thăm nước để uống. Người từ Đông qua đáp: "cách đây chẳng xa có một suối nước, tôi mới vừa uống, từ đây qua đó, giữa đường có hai đường trẽ, anh nên đi trẽ qua đường bên hữu, mà đừng đi đường bên tả, thòi anh sẽ thấy trên quả núi có đám rừng xanh biếc; trong đám rừng ấy có một suối nước mát mẽ, có thể giải khát cho anh."

Này các Thiện nam tử! Người kia bị nắng nóng và khát nước khó chịu lắm, nhưng nhờ nghe được tên nước mà có thể chữa được bệnh khát nước. Người bị khổ khát nước ấy, trong thân sẵn có nước thanh tịnh, nhiên hậu mới trừ được bệnh nóng và khát. Cũng như chỉ nghe và suy nghĩ như thế, chớ chẳng phải đã chúng được chơn như.

Này các Thiện nam tử! Đồng nội, chỉ cho sanh tử. Nóng và khát, chỉ cho vì nóng phiền não mà bị khát. Kẻ chỉ đường, chỉ cho Bồ tát Thiện tri thức. Minh tự uống, chỉ cho phương tiên khéo léo vậy.

Kinh Bảo Võ

Tâm chơn như là bản thể đại tổng tướng pháp môn của nhất pháp giới vậy. Có chỗ đã gọi là tâm tính chẳng sanh chẳng diệt, cả thấy các pháp chỉ do vọng niệm mà có sai khác. Nếu xa lìa vọng niệm thòi không có tướng sai khác của tất cả các cảnh giới. Cho nên tất cả các pháp từ hồi nào đến giờ, xa tướng nói phô, lìa tướng danh tự và xa lìa các tướng tâm duyên rốt ráo bình đẳng không có biến đổi sai khác, không thể phá hoại; duy chỉ nhất tâm, nên gọi là chơn như.

Bởi vì tất cả lời nói phô là gia danh chứ không thật, chỉ tùy theo vọng niệm, chứ chẳng khá được vậy. Mà nói là chơn như cũng không có tướng, nghĩa là cùng tột của lời nói vậy thôi, bởi vì đem lời nói để khiến trừ lời nói, mà bản thể của chơn như không thể khiến trừ được, vì tất cả pháp đều là "chơn", và cũng không thể thành lập được, vì tất cả pháp đều là "như".

Cho nên phải biết, tất cả pháp chẳng khá nói, chẳng khá nghĩ, cho nên gọi là chơn như.

Có lời hỏi: Nếu như các nghĩa vừa nói trên, thì các chúng sanh làm sao "thuận theo" mà có thể "chúng vào" được?

Đáp: Nếu biết tất cả pháp, tuy nói mà không có pháp hay nói và bị nói; tuy nghĩ mà cũng không có pháp hay nghĩ và bị nghĩ. Ấy là thuận theo, nghĩa là nếu xa lìa được vọng niệm gọi là được chúng vào.

Lại nữa: Chơn như, mà nương theo sự phân biệt do lời nói phô thì có hai nghĩa: một là như thật không, vì hay hiện thật rất ráo vậy; hai là như thật bất không, vì tự thể có đầy đủ tánh công đức vô lậu vậy.

Nói rằng: "như thật không" là từ hồi nào đến giờ, nó chẳng tương ưng với tất cả các pháp ô nhiễm nghĩa là xa lìa tướng sai khác của tất cả các pháp, bởi vì nó không có tâm niệm hư vọng vậy.

Và phải biết: tự tánh của chơn như, chẳng phải có tướng, chẳng phải không tướng, chẳng phải chẳng có tướng, chẳng phải chẳng không tướng; chẳng phải tướng có không chung lại. Chẳng phải nhất tướng, chẳng phải dị tướng; chẳng phải chẳng nhất tướng, chẳng phải chẳng dị tướng; và cho đến nói tóm tắt.

Bởi tất cả chúng sanh đem vọng tâm mỗi niệm phân biệt đều chẳng tương ưng, cho nên nói là "không". Nếu rời vọng tâm, thật không thể nói là "không" vậy.

Còn nói rằng "bất không" là vì đã hiển hiện pháp thể, thời không còn vọng tâm, tức là chơn như, thường hằng chẳng biến đổi, các pháp trong sạch đầy đủ, nên gọi là "bất không". Cũng không có tướng có thể nắm lấy được vì nó xa lìa cảnh giới tâm tướng, duy chỉ chứng được mới tương ưng mà thôi.

Luận Đại Thừa Khởi Tín

Tướng của các pháp như trò huyền thuật, không có tự tánh cũng không có tha tánh, xưa kia tự nhiên, nên nay chẳng diệt.

Kinh Duy Ma Cật

Tự tính của các pháp chẳng khá được, in như hành dâm trong chiêm bao thấy đều hư giả.

Kinh Bảo Tích

Hiểu thấu các thể gian, giả danh không có thật, chúng sanh và thể gian, như chiêm bao, ánh sáng.

Kinh Hoa Nghiêm

Rõ biết các thể gian, như ánh nắng, ánh sáng, như tiếng vang và mộng, như trò huyền và biến hóa.

Kinh Hoa Nghiêm

Đức Phật dạy ngài Đức Bôn rằng: Này Đức Bôn! Các pháp ước lược có 3 món: một là các pháp đều giả danh mà an lập, tùy theo mà khởi ra lời nói, là tướng chấp đắm của chúng sanh; hai là tất cả pháp do nhơn duyên sanh, nghĩa là do vô minh duyên sanh ra hành, cho đến duyên cuối cùng là nhóm họp một đồng đại khổ; ba là hiện ra tướng trạng tuy có sai khác, nhưng bản tính của tất cả pháp ấy thấy đều bình đẳng chơn như. Biết được bản tính của các pháp như vậy, thời quay về lại bản tính.

Ví như có người mắt bị bệnh mù lòa, dụ cho món thứ nhất; như người mù lòa ấy, thấy các tướng hiện ra sai khác hoặc xanh vàng đỏ trắng, dụ cho món thứ hai; như khi người ấy trừ được bệnh mù lòa, mắt được trong sáng, biết được bản tính, là dụ cho món thứ ba.

Kinh Giải Thâm Mật

Các pháp do nhơn duyên sanh khởi, không có tự tính, vì không có tự tính, tức là rốt ráo "không"; cái rốt ráo "không" ấy, từ hồi nào đến giờ vẫn là "không", chớ chẳng phải Phật hay người nào làm cho nó mới bị "không".

Luận Trí Độ

Các pháp chẳng phải có, cũng chẳng phải không, vì do nhơn duyên phát khởi các pháp vậy.

Kinh Duy Ma Cát

Bồ tát dùng chánh niệm mà quan sát các pháp trong thế gian đều bởi nghiệp duyên mới có, và quan sát tất cả pháp đều do nhơn duyên mà phát khởi, không có sanh cho nên không có diệt.

Kinh Hoa Nghiêm

Đức Phật dạy: Tự tính của các pháp, xưa nay vắng lặng, là tự tánh Niết bàn; vì Niết bàn nên chẳng nhận được tự tính, nên nói là không có tự tính. Vì chấp đắm các pháp là có, nên mới có tướng chúng sanh, chỉ là giả danh mà không thật có.

Lại nữa, các pháp do nhơn duyên mới được thành lập, thể thì giả dối là có; mà chơn thật thời không.

Lại nữa: bản tính của các pháp, chẳng khá nghe, không sanh cũng không diệt.

Kinh Giải Thâm Mật

Các Đức Phật Như Lai đã chứng được pháp tính, pháp ấy, pháp nào an trụ vị trí pháp này; Như Lai có ra đời hay không ra đời, pháp ấy vẫn thường trú mà chẳng biến đổi.

Kinh Lăng Già

Này các Phật tử! Tướng chơn thật của các pháp là không có tướng, vì chẳng sanh chẳng diệt; chẳng thường chẳng đoạn; chẳng một chẳng khác; chẳng đến và chẳng đi.

Kinh Phạm Võng

Tất cả chúng sanh đều "Nhu", tất cả các pháp đều "Nhu", các bậc Hiền Thánh cũng đều "Nhu", cho đến Ngài Di Lặc cũng là "Nhu" vậy.

Kinh Duy Ma Cật

Tất cả các pháp đều "Nhu", tất cả cảnh giới các Đức Phật cũng vậy, cho đến không có một pháp nào ở trong "Nhu" mà có sanh diệt; nhưng vì chúng sanh vọng phân biệt, nên mới có Phật và thế giới. Nếu hiểu thấu pháp tính thời không có Phật và thế giới.

Kinh Hoa Nghiêm

Tất cả pháp tính thường vắng lặng, không một pháp nào năng tạo tác.

Kinh Hoa Nghiêm

Pháp giới tức là Như Lai, vì đây là chơn thân Như Lai vậy.

Kinh Tối Thắng Vương

Bấy giờ Ngài Đại Trang Nghiêm Bồ tát và tám muôn các vị Đại Bồ tát vừa nói xong bài kệ khen Phật, và đồng thành thưa Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn! Cả tám muôn Bồ tát chúng tôi nay đỗi trong chánh pháp của Như Lai có điều muốn thưa hỏi, vậy chẳng biết Thế Tôn có rủ lòng thương xót mà cho phép chăng?

Đức Phật bảo Ngài Đại Trang Nghiêm và tám muôn Đại Bồ tát rằng: Hay thay! Hay thay! Các Thiện nam tử, các người khéo biết nắm thời, mặc ý các người muốn hỏi gì cứ hỏi; Như Lai chẳng còn bao lâu nữa sẽ vào Niết bàn. Sau khi ta vào Niết bàn khiến mọi chúng sanh không còn nghi ngờ gì nữa. Các người muốn hỏi điều chi, thì nên hỏi ngay.

Liên khi ấy, Ngài Đại Trang Nghiêm cùng tám muôn Bồ tát tức thì đồng thanh mà thưa Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn! Đại Bồ tát muốn được mau trọn nên quả Chánh đẳng Chánh giác cao tột, cần nên tu hành những pháp môn nào? Và những pháp môn nào có năng lực khiến các Đại Bồ tát mau chứng được quả cao tột ấy.

Đức Phật bảo Đại Trang Nghiêm Bồ tát và tám muôn Bồ tát rằng: Các Thiện nam tử! Có một pháp môn khiến Bồ tát mau chứng được quả Chánh đẳng Chánh giác cao tột; nếu Bồ tát nào học được pháp môn ấy thì chắc mau được chứng quả cao tột kia.

Các Bồ tát thưa: Bạch đức Thế Tôn! Pháp môn ấy danh tự là gì? Nghĩa nó thế nào và Bồ tát làm sao tu học?

Phật dạy: Các Thiện nam tử! Pháp môn ấy gọi là "Vô lượng nghĩa". Bồ tát muốn được tu học pháp Vô lượng nghĩa, cần phải quan sát tất cả các pháp từ xưa đến nay tính, tướng

văng lạng, không lớn không nhỏ, không sanh không diệt, chẳng trụ chẳng động, chẳng tiến chẳng thoái; in như hư không, không có hai thứ. Mà các chúng sanh luống dối quấy chấp: là đây là kia, là được là mất, rồi sanh niệm bất thiện, gây các ác nghiệp; do đó bị trôi lăn trong sáu thú chịu bao khổ sở, vô lượng ức kiếp không thể tự ra khỏi. Các Đại Bồ tát quan sát kỹ càng như thế, mới sanh lòng thương xót, phát tâm đại từ bi mà cứu vớt chúng sanh.

Lại nữa: phải quan sát sâu vào trong tất cả các pháp; pháp này tướng như thế, nên "Sanh" pháp như thế, pháp này tướng như thế, nên "Trụ" pháp như thế; pháp này tướng như thế, nên "Di" pháp như thế; pháp này tướng như thế, nên "Diệt" pháp như thế.

Pháp này tướng như thế, hay "Sanh" ác pháp; pháp này tướng như thế, hay "Sanh" thiện pháp. "Trụ, Di, Diệt" cũng đều quan sát như thế.

Bồ tát quan sát đầu đuôi của bốn tướng như thế, hiểu biết tường tận khắp cả, rồi mới lần lần quan sát kỹ càng, tất cả các pháp, từng mỗi niệm chẳng đứng dừng, mới mới luôn, vì sanh diệt; và lại quan sát: chính đang lúc sanh diệt ấy vẫn gồm đủ sanh, trụ, di, diệt đủ bốn tướng.

Quan sát như thế rồi, mới quan sát sâu vào tính dục của các căn cơ chúng sanh; vì tính dục nhiều vô lượng nên nói pháp cũng phải nhiều vô lượng; vì nói pháp nhiều vô lượng thời nghĩa cũng nhiều vô lượng; mà nghĩa nhiều vô lượng là từ "một pháp" mà sanh ra; một pháp ấy tức là vô tướng vậy. Vô tướng như thế, là vô tướng tức bất tướng, bất tướng tức vô tướng, gọi là thật tướng.

Kinh Vô Lượng Nghĩa

Đức Thế Tôn từ trong chánh định quang minh xuất định và thông thả đứng dậy rồi bảo Ngài Xá Lợi Phất rằng: Trí huệ của các đức Phật sâu thẳm không lường được, cửa trí huệ ấy khó hiểu khó vào, nên tất cả hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật không thể biết được. Ta đã từng gần gũi cúng dường các đức Phật nhiều vô số trăm ngàn vạn ức, và tu hết đạo pháp của các đức Phật nhiều vô lượng, cho nên danh tiếng mạnh mẽ tinh tấn được đồn khắp, và trọn nên pháp thẳm sâu chưa từng có, tùy theo căn cơ mà nói pháp, ý thú rất khó hiểu.

Này Xá Lợi Phất! Ta từ khi thành Phật đến nay, đã dùng các món ngon duyên, thí dụ để rộng diễn nói giáo pháp, và dùng vô số phương tiện khéo léo để dắt dẫn chúng sanh, khiến xa lìa các chấp trước, ấy là Như Lai đầy đủ phương tiện trí kiến rốt ráo vậy.

Này Xá Lợi Phất! Trí kiến của Như Lai rộng lớn sâu xa, thiên định, giải thoát vô lượng, vô ngại, và sức vô sở úy quan sát sâu vào các pháp không ngần mé, trọn nên tất cả các pháp chưa từng có.

Này Xá Lợi Phất! Như Lai hay dùng nhiều món phân biệt khéo léo mà nói pháp, lời lẽ êm dịu, để cho những kẻ nghe ưa thích. Này Xá Lợi Phất! Phật thấy đều trọn nên ngần ấy pháp chưa từng có, nhiều vô lượng vô biên. Nhưng thôi, Ta chẳng cần nói nữa. Những pháp mà Phật đã trọn nên là hiếm có và khó hiểu đệ nhất, duy Phật với Phật mới có thể cùng tột thật tướng của các pháp. Gọi là thật tướng là hành tướng các pháp như thế, tự tính như thế, bản thể như thế, năng lực như thế, tác dụng như thế, chánh chơn như thế, trợ duyên như thế, kết quả như thế, nghiệp báo như thế, và trước sau rốt ráo vẫn như thế.

Kinh Pháp Hoa

B. MUÔN VẬT SANH KHỞI

Tâm sanh diệt ấy, là vì nương Như Lai tạng nên có tâm sanh diệt; có chỗ nói: bất sanh bất diệt hòa hiệp với sanh diệt, chẳng phải một, chẳng phải khác, gọi đó là thức A lại da. Thức này có hai nghĩa hay thu nhận tất cả các pháp, và hay sanh ra tất cả các pháp. Nhưng hai nghĩa gì? Một là nghĩa giác, hai là nghĩa bất giác. Nghĩa giác, nghĩa là bản thể của tâm xa lìa tướng niệm; xa lìa tướng niệm ấy, là như cõi hư không, không chỗ nào chẳng khắp, pháp giới nhất tướng tức là Như Lai bình đẳng pháp thân vậy. Còn nghĩa bất giác ấy, là vì chẳng như thật trí chơn như pháp nhất, nên sanh khởi tâm bất giác mà có ra niệm; niệm ấy không có tư tưởng, vì chẳng lìa bản giác; giống như người mê đương vì nương theo phương hướng nên mới có mê, nếu lìa phương hướng thời không có mê. Chúng sanh cũng thế, nương nơi "giác" nên mới có "mê", nếu lìa giác tính thời không có bất giác. Vì có tâm bất giác vọng tưởng, nên mới hay biết danh nghĩa, gọi là chơn giác. Nếu lìa tâm bất giác thời không có tư tưởng của chơn giác mà khá nói.

Luận Đại Thừa Khởi Tín

Trong Phật pháp của Ta lấy tâm làm chủ, tất cả các pháp đều do tâm sanh.

Kinh Tâm Địa Quán

Tâm, như kẻ họa sĩ, có thể họa các thể gian, năm món uẩn đều sanh. Nếu người tâm hành thời khắp biết tạo các thể gian, người ấy sẽ thấy Phật, vì hiểu rõ Phật chơn thật tính vậy. Tại sao thế? Vì tâm, Phật và chúng sanh ba pháp ấy không sai khác. Nếu ai muốn biết rõ các đức Phật ba đời nên quan sát pháp giới tánh, tất cả chỉ tâm tạo.

Kinh Hoa Nghiêm

Đối tất cả pháp, tâm là kẻ dẫn đường; nếu biết được tâm là đều biết các pháp. Các món thế pháp đều do tâm tạo.

Kinh Bát Nhã

Rõ thấu ba cõi do tâm, 12 pháp môn duyên cũng như thế. Sanh tử đều do tâm gây nên, nếu dứt được tâm thời sanh tử liền hết.

Kinh Hoa Nghiêm

Nước biển gió động, sóng mồi không dừng nghỉ; khi gió cảnh thổi đến, sóng thức liền sanh ngay. Như nước biển đổi gió, như đất không sai khác, vật ngăn che có khác, tạng thức cũng như thế. Nội tâm hiện cảnh giới, lại duyên lấy nội tâm.

Kinh Mật Nghiêm

Trên núi Tuyết sơn có con ác thú, mỗi khi nó thấy trâu thì hiện hình trâu mà hại trâu ăn thịt, hay thấy ngựa dê cũng thế. Những kẻ tà đạo cũng vậy, họ đối với thức A lại da sanh lòng chấp "ta"; nương theo chỗ chấp đắm của mỗi người đều có sai khác.

Kẻ tà đạo chẳng biết đạo lý duy thức, rồi sanh ra chấp cái "ta", rồi gắng gượng phân biệt cho là có ta, hoặc cho không ta; hoặc cho là một cái ta, hay là nhiều cái ta. Còn những người tu quán hạnh đối với "thức" thanh trừ chấp ta. Hành giả tự tu tập và khuyên người khác cũng tu tập.

Kinh Mật Nghiêm

Đức Phật hỏi ngài Văn Thù rằng: Này Văn Thù Sư Lợi! Địa ngục do tự mình phân biệt mà có hay tự nhiên mà sanh ra?

Ngài Văn Thù đáp: Bạch Thế Tôn! Địa ngục mà có là do nương theo sự lường dối phân biệt của kẻ phàm phu; súc sanh hay ngựa quỷ cũng thế. Chớ như trước mắt tôi đâu có địa ngục và khô. Ví như có người chiêm bao thấy mình bị đọa địa ngục, thân đang chịu khổ

trong chảo nước sôi, buồn rầu rất đỗi, hãi sợ la to rằng: " khổ thay". Bấy giờ người nhà chẳng hiểu vì việc chi mà người ấy la khổ.

Kinh Đại Pháp Cú Đà La Ni

Tâm lấy địa ngục, lấy naga quỷ, tâm lấy súc sanh, và tâm lấy trời, người. Hễ có các hình mạo đều do tâm gây nên. Ai có thể uốn dẹp được tâm, kẻ ấy rất nhiều sức mạnh.

Ta đã phấn đấu với tâm, nhiều kiếp đến vô số, nay mới thành Phật, chỉ một mình ta ra khỏi ba cõi.

Kinh Ngã Khô Chương Cú

Ngài Thiện Hiện hỏi đức Phật rằng: Phật trước có nói: như chiêm bao, như hình tượng, như tiếng vang, như ánh sáng, như ánh nắng, như huyền thuật, như đô thành tâm hương, (giả hiện chẳng thật) như việc biến hóa. Những các pháp ấy không có thật sự, vì nó đều lấy vô tính làm tự tính. Nhưng làm sao lại được thành các pháp sai khác: nào là lành dữ, nào là hữu lậu vô lậu, nào là thế gian, xuất thế gian, nào là hữu vi vô vi?

Đức Phật đáp rằng: Này Thiện Hiện! Chúng sanh trong thế gian, chẳng biết như chiêm bao, như hình tượng, như tiếng vang, như ánh sáng, như ánh nắng, nó cũng chẳng biết như trò huyền, như đô thành tâm hương, và chẳng biết như việc biến hóa. Cho nên mới điên đảo chấp đăm, rồi do thân, ngữ, ý gây ra những hành nghiệp lành, chẳng lành, phước, chẳng phước và nghiệp bất động; cho nên mới có sai khác, chớ kỳ thật không có sai khác.

Kinh Bát Nhã

--- oOo ---

Kinh lời vàng

Tác giả: Dương tú Hạc
Dịch giả: HT Thích Trí Nghiêm

---o0o---

CHƯƠNG II CHÚNG SANH

A – VÔ THƯỜNG

Đức Phật dạy: Phật xuất hiện quý như hoa Đàm, gặp Phật sanh lòng tin là rất khó; Phật lâm Niết bàn, cúng dường đầy đủ pháp bố thí lại càng khó hơn. Bài kệ rằng:

Tất cả các thế gian, vật sống đều phải chết, thọ mạng tuy rất nhiều, rốt cuộc quyết phải hết. Lúc thịnh dần đến suy, hội hợp quyết biệt ly, hoa niên được bao lâu, thanh sắc bị bệnh cướp. Các khổ chạy vòng tròn, trôi lăn không chút nghỉ, ba cõi đều vô thường. Các cõi đâu có vui!

Kinh Niết Bàn

Ba cõi không yên, in như nhà lửa, các khổ đây nhảy rất là đáng sợ.

Kinh Pháp Hoa

Ba cõi đều là khổ, thì quốc độ nương nhờ đâu mà còn.

Kinh Nhơn Vương

Có năm vị Quốc Vương, quốc gia gần nhau việc bang giao qua lại rất là thân mật, chẳng hề gây hấn với nhau.

Vị quốc vương đàn anh tên là Phổ An. Việc trị nước của vua Phổ An rất là minh chánh, mà bốn vị kia lại theo tà đạo.

Có một hôm, năm vị mở một yến hội bảy ngày, ca hát, đàn nhạc đủ thứ vui thú dục lạc. Khi mãn hội, ai sắp về nước nấy. Bấy giờ vua Phổ An đích thân tiễn chân bốn vị kia ra trước hoàng môn và hỏi rằng: "các bạn ưa thích những lạc thú gì, nói cho ta nghe thử?" Các vua tuân tợ trình bày:

Vua thứ nhất đáp: Tôi thích mùa xuân ba tháng, cỏ hoa tươi thắm, đạo mà thường thức, thích thú biết bao.

Vua thứ hai đáp: Tôi thích được làm vua lâu dài, mỗi khi lâm triều, mặc triều phục cho oai, ngự giữa điện rồng lầu các; bá quan thần dân hầu hạ hai bên; tiếng chuông trống ngân rền, cờ xí đôi hàng rực rỡ.

Vua thứ ba đáp: Tôi thích vợ đẹp vô song, con xinh như ngọc, cùng nhau mà hưởng cảnh vui thú sang giàu.

Ông vua thứ tư đáp: Tôi muốn cha mẹ tôi được trường thọ bách niên, vợ con sum họp, anh em đông nhiều; mặc những áo đẹp, ăn những vật ngon, và cùng nhau chung hưởng vui đời cho khoái.

Đoạn bốn vua đồng thanh bảo lại: "Chúng tôi đã trình bày xong, thì Đại Vương cũng nên tỏ sở thích của mình cho anh em tôi nghe với chứ?" Phổ An thông thả góp: Những sở thích mà các bạn vừa trình bày đều chẳng phải thú vui vĩnh viễn. Riêng tôi, tôi chỉ thích cái vui: chẳng sanh, chẳng tử, chẳng khổ, chẳng não, chẳng lạnh, chẳng nóng.

Bốn vua kia lấy làm quái lạ đồng thanh khen và hỏi đôn: Hay quá. Vậy chứ ai dạy những điều ấy cho Đại vương và vị ấy hiện ở đâu?

Phổ An đáp: Đức Thế Tôn: Hiện giờ Ngài đang ngự tại Tịnh xá Kỳ Viên.

Bốn vua kia nói: Vậy chúng tôi có thể yết kiến Ngài được không?

Phổ An đáp: Được chứ, quý lắm đấy. Thế là năm nhà vua đồng đi đến Tịnh xá Kỳ Viên để ra mắt đức Phật.

Sau hội năm vua hành lễ và thưa thỉnh xong, lui về chỗ ngồi an tọa, đức Phật mới bắt đầu thuyết:

Này các Đại Vương lắng nghe! Vì người đời ngu ám không có chánh trí nên nhiều kẻ say mê vui đời mà chẳng hề biết tội phước là gì cả, cho nên bị khổ. Những khổ của đời quá nhiều, mà gọn lại chỉ còn 8 thứ: 1. Sanh, 2. Già, 3. Đau, 4. Chết, 5. Tình yêu ly biệt, 6. Cầu mong chẳng được, 7. Gặp kẻ oán ghét, 8. Rầu lo khổ não:

1. Những khổ về sanh: người chết rồi thần thức chẳng biết đi về hướng nào. Sống cái thân trung ấm với thời gian 21 ngày, gặp khi cha mẹ giao cấu liền chạy vào thai; bảy ngày ban đầu hình trạng như chất bơ lỏng; bảy ngày thứ hai như bơ đông đặc; bảy ngày thứ ba như bơ đông cứng; bảy ngày thứ tư như lát thịt mỏng. Đến bảy ngày thứ năm mới bắt đầu thành bào thai; như gió vào trong bụng mẹ mà thổi nơi thân thể, thời sáu căn mới mở khai. Nếu mẹ ăn phải một bát đồ ăn nóng, thì bào thai như bị nằm trong chảo nước sôi, hoặc uống phải một ly nước lạnh thì như nằm trong hàn băng, và lấn ép thân thể của mẹ, mẹ rất đau khổ. Đầy đủ tháng ngày, đưa con mới quay đầu xuống nơi sản môn của mẹ, như hai viên đá ép, mạng mẹ nguy hiểm, lòng cha lo sợ. Ra khỏi cửa mẹ, da thân mỏng tăng, bị phải lá cỏ đựng vào thân, như bị dao cắt hoảng hốt mà thất thanh khóc lớn.
2. Những khổ về già: chịu nhờ ơn nuôi nấng của cha mẹ, lớn to mạnh mẽ, nhưng lần lữa đã già đầu bạc, răng rụng, mắt mờ, tai điếc, và sức mạnh lui dần nhường cho suy yếu thay thế. Da dòn mặt nhăn, trâm đốt xương đau nhức, bước đi cực khổ, ngồi đứng rên hừ hừ, lòng dạ lo buồn và tinh thần dần dần tiêu giảm.
3. Những khổ về đau: Thân người do bốn đại là: đất, nước, gió, và lửa hiệp lại mà thành. Nếu một món chẳng điều hòa, thời phát sanh 101 bệnh, mà bốn đại đều không điều hòa thì 404 bệnh sanh khởi. Như địa đại chẳng điều hòa thì thân thể nặng nề; thủy đại chẳng điều hòa, thân thể phù thũng; hỏa đại chẳng điều hòa, thân thể nóng nãy; phong đại chẳng điều hòa, thân thể động chuyển. Cảm giác trâm đốt đau khổ: nên tay chân chẳng cử động theo ý muốn, khí lực mòn dần, ngồi mà đứng dậy phải nhờ người phò trợ. Miệng khô lưỡi thụt, mũi nghẹt; mắt chẳng thấy, tai chẳng nghe, những đồ như nhớp tuôn trào, rồi ngồi nằm trên ấy! Tâm thần khổ não giọng nói bi ai, buồn thảm. Bà con đến thăm nuôi ngày đêm chăm sóc chẳng chút nghỉ ngơi; món ngon vật quý ngọt thơm, khi đưa vào miệng đều biến thành vị đắng.
4. Những khổ về chết: Thân người đến lúc sắp chết, thời 404 bệnh nhứt tề phát khởi, bốn đại phân tán thần thức chẳng an, gió thổi tới như dao cắt, đau nhức toàn thân; toát mồ hôi trắng, hai tay buông xuôi. Phong đại tản đi là hết hơi thở; Hỏa đại đi theo là tấm thân lạnh ngắt như đồng!
5. Những khổ về tình yêu ly biệt: Trong ngoài gia đình: cha mẹ, anh em, vợ chồng, con cháu giòng họ yêu mến lẫn nhau; một khi bị phá hoại lưu vong, mỗi người mỗi ngã: cha đông con tây, vợ nam chồng bắc, hoặc làm tôi tớ cho người, tuyệt vọng những ngày đoàn tụ!
6. Những khổ về cầu mong chẳng được: Của mất lại cầu. Muốn quý cầu quan, muốn sang cầu giàu, khổ cực tìm cầu đủ cách. Phỏng như cầu được quan sang rõ? cũng bị mất vì lòng tham của dân cướp lấy, lại mong cầu nữa mà nào dễ được đâu!
7. Những khổ về gặp kẻ oán ghét: Con người ở trong cảnh ái dục, một việc chút xíu, cũng vẫn tranh giành, rồi do đó mà giết hại lẫn nhau, gây thành oan lớn; tuy có

tình lách mặt nhưng không nơi tránh thoát, chỉ còn nước mạnh ai nẩy mài dao, chuốt tên, giương cung, năm gậy gặp nhau giữa đường hai bên xáp lại, dao gậy đối địch, cuối cùng tất nhiên đôi bên đều bị tổn hại, chẳng ai hơn gì.

8. Những khổ về lo rầu khổ não: Người sanh ra đời, có sống lâu lắm cũng chừng trăm năm là cùng; lắm kẻ mới vào lòng mẹ vừa bị trụt thai. Nay cứ người sống đủ trăm tuổi mà luận: hết 50 năm thuộc về ban đêm, 5 năm say rượu, hoặc tật bệnh là những năm bất trí nhơn sự; 15 năm thơ ấu chẳng biết việc gì. Và qua 80 tuổi thời già ngu hết trí huệ: tai điếc mắt mù không còn biết lễ độ phép tắc gì nữa. Và giảm kiếp 20 năm nữa, cho nên chỉ còn 10 năm mà thôi.

Trong khoảng 10 năm ấy, chỉ có lo rầu là chiếm hết phần nhiều: lo rầu thời cuộc biến loạn; lo rầu thiên thời nắng hạn, lụt bão, mưa đá, mùa màng hư mất; bà con nội ngoại đau ốm nghèo khổ. Lại còn những nỗi này nữa: lo sợ của cải mất mát, người nhà và giòong họ bị bắt giam vào ngục, chẳng biết ngày nào ra khỏi, anh em vợ con đi xa... Như vậy người sống ở cõi nhơn gian chỉ có lo buồn mà phải bị già chết!

Kinh Pháp Cú Thí Dụ

Vua chết nuốt chúng sanh, suy già uổng tuổi trẻ, bệnh đến mạnh khỏe tiêu, người thế gian không biết.

Kinh Chánh Pháp Niệm Xứ

Tại thành Xá Vệ có ông trưởng giả giàu có vô song, nhưng nhà chưa có con trai. Ông lo sau khi ông qua đời của bị quan thu theo quốc pháp, nên mới phát tâm quy y Tam Bảo, thành tâm tinh tấn khấn nguyện cầu tự. Quả nhiên toại nguyện; bà phu nhơn mang thai, sanh hạ một con trai tướng mạo tuấn tú, tuổi vừa khôn lớn sớm lo cưới vợ.

Đôi bạn tân hôn yêu quý dắt nhau dạo rùng du ngoạn thưởng vui. Trong rùng có cây vô ưu trên cánh hoa nở từng đóa, phô bày cảnh nhụy màu sắc trắng hồng rất đẹp. Nàng thích quá tỏ ý với chồng muốn được thử hoa quý ấy. Chàng liền trèo lên cây để hái hoa thì không may nhánh cây tức thì bị gãy vì đòn yếu, anh sa xuống chết ngay.

Cha mẹ hay tin, tức tốc chạy đến ôm lấy xác con mà khóc ngất đi hồi lâu mới tỉnh lại; rồi than khóc liên miên tổn thương tinh thần; tình cảm như thế, ai hay mà chẳng thương lòng!

Bấy giờ vừa lúc Đức Phật và ngài A Nan vào thành khát thực, thấy việc người sa cây bị chết, Ngài bảo với trưởng giả rằng: "người có sống, chết, vật có thành, bại; thời đến mạnh tận không thể tránh được. Thế nên người đừng buồn rầu thương khóc chi nữa." Và Ngài

tiếp: "Đứa con này từ trên trời sanh xuống nhà ngươi, rồi mạng nó tận cũng từ nhà ngươi mà lên trời. Thế thì nó chẳng phải con trời, mà cũng chẳng phải con ngươi. Nó cứ tùy theo nghiệp nơn của nó mà sống chết, giống như kẻ lữ hành qua đường; chết không thể tránh khỏi, đi không thể bắt lại được."

Kinh Trưởng Giả Tử Áo Nã Tam Xứ

Đức Phật đang ngự tại tịnh xá Kỳ Viên, vì các đệ tử nói pháp. Khi ấy có con gái của Phạm Chí tuổi mới độ mười lăm nhan sắc đẹp đẽ, bản tính thông minh, cha mẹ rất yêu mến; bỗng bị đau nặng và chết luôn. In như lúa chín khô trong ruộng bị lửa đồng đốt cháy. Phạm Chí buồn rầu đến nỗi thất ý, hoảng hốt như kẻ điên cuồng, tự không giải được.

Ông nghe đồn có Đức Phật là vị Đại thánh làm thầy cả trời người, nên ông đến lễ bái và thưa đức Phật rằng: "Tôi vốn hiếm hoi ít con chỉ có chút cháu gái, nó an ủi cho gia đình tôi, nhưng chẳng may nó bị đau và chết mất; tôi thương nhớ quá đỗi, thật chẳng biết làm sao được, cúi xin đức Thế Tôn dù lòng thương xót mà dạy cho tôi bớt nỗi rầu rĩ."

Đức Phật bảo Phạm Chí rằng: Này Phạm Chí! Đời có 4 việc không thể vĩnh cửu được:

1. Hữu thường phải vô thường
2. Phú quý phải bần tiện
3. Hội hiệp phải biệt ly
4. Mạnh bạo quyết già chết

Rồi Ngài tóm tắt: Thường phải hết, cao phải thấp, hội phải ly, sống phải chết. Phạm Chí nghe xong, tâm liền khai mở, tức thì phát nguyện xin Phật làm Tỳ kheo, tự cạo râu tóc thành vị Tỳ kheo, chuyên tu pháp vô thường chứng A La Hán.

Kinh Pháp Cú Thí Dụ

Xưa có một bà già, chỉ có một cậu con trai, chẳng may bị bệnh rồi chết luôn. Bà con đem thấy chôn vào má. Bà già thương buồn quá đỗi! Và tui phạt: Ta chỉ có một mình con để nhờ lúc tuổi già, mà con nay bỏ mẹ chết đi sao! Rồi bà nằm luôn tại má con tính chết theo con bằng cách tuyệt thực đã bốn năm ngày rồi.

Đức Phật quán biết động lòng thương, liền đến gò má hỏi bà già kia rằng: "Người nằm chi đây, sao buồn thảm thế." Bà già kể lể: "Thưa Ngài, đời tôi chỉ có một chút con trai, đã lớn khôn, nay nó bỏ tôi mà chết; tôi thương nó quá, muốn chết một chỗ với nó cho rồi cái

đòi bất hạnh này." Đức Phật hỏi: "Người có muốn con người sống lại không?" "Thưa Ngài muốn lắm."

Đức Phật nói: muốn là phải. Ta vẽ cho người làm như vậy: Người đến nhà nào, từ xưa nay chẳng có người chết, xin chút lửa nhang đem về đây Ta sẽ làm phép nó sống lại cho. Bà già nghe lời làm theo. Đi đến đâu, hề gặp nhà người thì liền hỏi trước: nhà của người từ trước đến nay đã có người nào chết chưa? Thì người ta đều đáp rằng: từ trước đến nay tổ tiên tôi đã chết nhiều lớp rồi. Bà cứ như thế đi qua vài mươi nhà mà chẳng được lửa nhang.

Bà trở về chỗ Phật thưa: Tôi đi đã khắp nơi mà xin không được lửa, vì không có nhà nào mà không có người đã chết, cho nên tôi đành về không.

Đức Phật nói: Từ ngày có trời đất đến nay ai sống lại chẳng bị chết, sao người mê muội lắm vậy. Lại còn muốn chết theo con là nghĩa làm sao? Bà lão nghe nói mới tỉnh ngộ lý vô thường mà liền được vào Đạo.

Kinh Tạp Thí Dụ

Người đời hèn kém, tranh giành nhau những việc chẳng phải gấp, rồi đối với những việc kịch liệt khổ ác này mà đem thân kinh doanh mọi việc để mưu cầu tự cấp tế cho mình. Do đó mà không còn có kẻ sang người hèn, kẻ giàu người nghèo, lớn nhỏ trai gái đua lo tiền của; rốt cuộc kẻ có người không cùng nhau là khổ mà thôi. Qua cơn suy nghĩ, đến việc kinh doanh, khổ nhọc lo lắng quá nhiều, sai khiến thân tâm rộng chạy không lúc nào yên: kẻ có ruộng lo ruộng, người có nhà lo nhà, trâu ngựa lục súc, tôi tớ tiền tài, áo mặc cơm ăn vật này vật nọ, lo rồi lo nữa. Chấp chứa nghĩ lo, buồn rầu sợ hãi những tai biến phi thường: nước lửa giặc cướp, oan gai trái chủ: cháy, trôi, cướp đoạt tiêu tan. Lo khổ rộn ràng, không giờ nào rảnh, bó buộc trong lòng chẳng rời lo khổ, tâm ý bèn chắc không chút nói bỏ.

Hoặc bị mạng chết thân tiêu, bỏ đó mà đi chứ đem gì theo được! Cao sang giàu mạnh cũng vẫn bị thứ khổ này, lo sợ muôn bề, cần khổ như thế, kết nhiều nổi lạnh nóng, rồi cùng với sự đau khổ ấy mà chung ở.

Còn hạng nghèo cùng hạ liệt, thường bị quẫn bách thiếu thốn; kẻ không ruộng lo muốn có ruộng, người không nhà lo muốn có nhà, không có trâu ngựa lục súc, tôi tớ tiền của, áo com, vật kia vật nọ cũng đều lo muốn cho có đầy đủ; vừa được một món, lại thiếu thêm một món, có món này thiếu món kia, rồi nghĩ lo cho có đủ. Mới vừa đủ có, đã bị tiêu tan; như vậy lo tìm cầu lại nữa, hoặc khi chẳng đặng, thời lo nghĩ vô ích, thân tâm đều nhọc, ngồi đứng chẳng yên, lo rầu nối tiếp, cần khổ như thế kết nhiều nóng lạnh, ở chung với khổ, hay ngồi trên đống khổ, mà trọn đời chẳng biết làm lành, tu đạo tiến đức. Đến khi

mạng chung thân chết, một mình đi xa, đi không chỗ đến, vì đường thiện ác nào ai biết trước!

Kinh Vô Lượng Thọ

Nước chảy luôn chẳng đầy, lửa chứa lâu chẳng cháy, mặt trời mọc rồi lặn, trăng tròn rồi lại khuyết, kẻ tôn vinh hào quý, tránh sao khỏi vô thường.

Kinh Tội Nghiệp Báo Ứng

Giả sử thọ mạng đủ một trăm năm, bảy vật báu đầy đủ, hưởng các khoái lạc, thân chết nó đến khó tránh vô thường.

Kinh Tâm Địa Quán

Xưa có bốn anh em giòng đại Phạm Chí đều có thần thông biết sẽ chết, cùng bàn với nhau rằng: cái chết nó đến, người ta khó tránh; nhưng bọn ta tránh được bằng cách đi trốn.

Rồi một bay cao lên không trung, một vào trong biển cả, một nữa vào trong giữa núi Tu di, và ông thứ tư chạy vào trong giữa đám rất đông người tại chợ lớn mà trốn. Nhưng đến ngày chết thời bốn người đều chết cả. Vì lẽ tất cả là: Vô thường, khổ, không, vô ngã. Nếu ai biết suy nghĩ đạo lý này, thời sẽ khỏi sanh lão bệnh tử, và ưu bi khổ não mà đạt đến đạo quả Niết bàn vậy.

Kinh Xuất Diệu

Khi Đức Phật ngự tại nước Xá Vệ, trong thành có một ông già giòng Bà la môn đã 80 tuổi, nhà giàu của cải vô số. Nhưng thuộc hạng người nan hóa, chẳng biết gì đạo đức, chẳng biết lo con vô thường mà chỉ biết lo làm nhà cho đẹp: nào là nhà trước nhà sau, nào là lầu mát nhà ấm, nào là nhà đông nhà tây, hai hàng dài có chùng vài chục nóc. Nhưng chỉ có cái nhà tiền đường và hậu tẩm còn cách nhau chưa liền mỗi khi đi lên xuống thường bị mưa nắng bất tiện, nên ông đích thân ra kinh doanh và chỉ huy cho chúng bạn làm.

Bấy giờ đức Phật dùng đạo nhãn xem thấy ông già này, không còn mấy hôm nữa sẽ bị tận mạng; thế mà ông có tự biết đâu, nên cứ loay hoay nhọc sức, không ích gì cho đời sau, thật là đáng thương!

Đức Phật với A Nan hai thầy trò cùng đi đến tận nhà, vui vẻ hỏi ông rằng: "Ông lão làm gì đó, có nhọc mỏi không? Và nay còn cất nhà nữa chi thế?"

Ông đáp và giải thích: "Nhà trước để tiếp khách, nhà sau để tự ở, hai dãy đông tây thì con cháu tôi ở, và để của cải. Mùa hè nóng bức thượng lên lầu cao cho mát; mùa đông lạnh lẽo, trệt xuống nhà kín cho ấm. Ngài đã hiểu hết chưa?"

Đức Phật bảo: "Tôi nghe danh ông lão đã lâu, muốn gặp nhan đề đàm luận cho vui, nên tôi sẵn có một bài kệ khẩn yếu; kệ này có ích cho những lúc an lành hay bất hạnh, giờ đây muốn tặng, ông lão nên nghỉ tay cùng ngồi, tôi đọc nghe chừng được không?" Ông đáp: "Tôi đang bận việc lắm, nên không thể ngồi mà đàm luận được; mai mốt nếu Ngài đến thời hay biết bao. Mà bài kệ khẩn yếu thì Ngài cứ việc đọc, tôi vừa làm vừa nghe cũng được."

Đức Phật phải chịu lòng đọc kệ:

"Có con có của, ngu lo bận rộn,
Ta chẳng phải ta, con của đâu có.
Nóng sẽ hết nóng, lạnh sẽ hết lạnh,
Lắm ngu lo trước, chẳng biết tai đến.
Ngu mờ ngu mịt, tự cho là trí,
Ngu mà xưng trí, ấy là rất ngu."

Ông già bạc phước ấy khen; Ngài thuyết kệ hay thật nhưng nay bận quá, ngày mai Ngài đến, chúng ta sẽ cùng bàn luận thì hơn.

Thế là đức Phật thương hại cho ông ta rồi đi.

Đức Phật vừa đi không xa, ông già tự tay đưa cây lên cho thợ làm, chẳng may bị sẩy tay cây rơi xuống đánh vỡ đầu chết ngay tức thì! Người nhà la khóc, động cả xóm làng. Đức Phật đi chưa bao xa, thì xảy ra tai biến này.

Ngài đi đến một làng khác, vừa gặp mười người Phạm Chí họ hỏi Ngài đi đâu vậy, thì Phật đáp: Ta đi đến nhà ông già ở làng kia, với mục đích để thuyết pháp, nhưng ông không tin lời Phật, và cũng không biết tai biến vô thường, Ta vừa đi thì ông đã chết vì cây rơi đánh. Rồi Phật lại vì các ông Phạm Chí thuật lại ý nghĩa bài kệ mà Ngài vừa mới đọc cho ông già nghe khi nãy. Nghe xong các Phạm Chí vui mừng hơn hở, đều được thấy dấu vết của Đạo.

Liên đó đức Phật thuyết một bài kệ khác cho mấy ông nghe:

Ngu ám gần trí, như bầu chứa vị,
Chứa đựng tuy lâu, mà chẳng biết mùi.
Sáng suốt gần trí, như lưới nôm vị,
Đưa đến chót lưới, liền biết vị gì.
Người ngu tạo tác, vì thân chuốc họa.
Cam lòng làm ác, tự gây tội nặng.
Gây điều bất thiện, khi biết ăn năn,
Khóc rơi nước mắt, trả báo do Nhơn.

Các ông Phạm Chí được hân hạnh nghe bài kệ này nữa, lòng tin càng bền vững, vui mừng làm lễ phụng hành.

Kinh Pháp Cú Thí Dụ

Giòng sanh mạng chảy không ngừng, mau hơn nước núi chảy xuống, ngày nay tuy tồn tại, ngày mai khó bảo đảm. Thế mà cứ buông lòng làm ác. Sức mạnh chẳng ngừng như ngựa bốn chạy, làm sao ý lại mà sanh khinh mạn. Giống như ác quỷ, rình mò bắt người, bốn đại ác quỷ, thường rình bắt ta, làm sanh khởi ác ý. Ví như nhà mục sẽ sập nay mai, mạng ta cũng y như thế.

Kinh Niết Bàn

Biển Nam Hải, vụt nổi một cơn sóng dữ dội kinh khủng, đẩy ba con cá lớn vào trong chỗ nước cạn. Cá cùng bảo nhau rằng: "Chúng ta bị nguy tại đây rồi! Nhưng hiện giờ nước chưa cạn, còn chảy ra vào, cần nên ngược dòng trở về biển cả." Nhưng không may lại vừa có con thuyền chặn ngang thủy khẩu, nên cá không thể tự do chạy ra. Con thứ nhất đem tận lực vượt qua khỏi thuyền, con thứ hai may nhờ đám cỏ cũng lủi qua được. Duy con thứ ba bởi sức yếu nên bị ngư ông bắt được! Đức Phật xem thấy việc này liền nói bài kệ rằng:

Ngày nay đã qua mạng ta giảm đi
Như cá ít nước, đâu có vui gì!

Bởi vì cá lấy nước làm nhà sống, mà nước hết thời chết. Người nương mạng căn mà còn, mạng giảm thời tiêu. Mạng căn theo đêm ngày mà giảm, thân thể bởi tám khổ mà mòn; vô thường già bệnh chẳng cho người hẹn. Kia như cá khô nước đâu có vui gì!

Kinh Xuất Diệu

Mạng người sống in như dắt trâu đến lò thịt: trâu đi một bước, thì một bước đến gần chỗ chết, cũng như thể người sống qua một ngày hết như trâu nọ từng bước một đi đến lò chết, mạng sống chảy theo sau vậy.

Kinh Lục Độ Tập

Xưa có người hàng thịt nuôi một ngàn con trâu, con nào cũng béo mập to lớn. Cứ mỗi ngày giết một con đem thịt bán. Giết đã hết năm trăm con, còn lại năm trăm con; mà nó vẫn cùng nhau húc báng, nhảy nhót, kêu rống vui giỡn.

Bấy giờ Đức Thế Tôn vào làng thấy những con trâu vô tình như vậy, Ngài động lòng từ, mà ngoảnh lại sau bảo với các đệ tử rằng: Trâu này ngu si quá, bè bạn sắp phải tận mạng, mà nó vẫn cứ vui giỡn! Người cũng như vậy chứ gì? Qua một ngày rồi, mạng người giảm dần; cho nên Đạo độ thể chẳng khá chẳng suy nghĩ mà siêng năng cầu vậy.

Kinh A Dục Vương Thí Dụ

Đức Phật hỏi một vị Sa môn rằng: Mạng người sống chừng bao lâu?

Đáp: Chừng trong vài ngày. Phật nói: Người chưa biết Đạo. Ngài lại hỏi một vị khác, thời vị này đáp: Chừng trong một bữa ăn. Ngài cũng quở nữa: Người cũng chưa biết Đạo. Phật hỏi đến Vị thứ ba, Vị này đáp: Mạng sống của con người ở trong chừng một hơi thở ra vào. Đức Phật khen: Hay thay, người là kẻ biết Đạo vậy.

Kinh Tứ Thập Nhị Chương

Tất cả chúng sanh tham đắm vui đời mà chẳng lo vô thường. Ví như có người ở giữa đồng nội, bị con voi điên đuổi sợ mà chạy hoảng, thấy một giếng khô cạnh có rễ cây, người ấy nương rễ mà vào lần xuống giếng, nhưng ở dưới giếng sẵn có con độc long rất to, nó vừa há miệng trông lên, bốn phía giếng lại có thêm bốn con rắn độc dữ tợn không thể nói. Người ấy tuy chăm lòng nắm lấy rễ cây, lại còn có hai con chuột trắng đen cắn phá rễ cây.

Bấy giờ con voi điên đã đến miệng giếng, người ấy hoảng sợ không còn chỗ tránh. Nhưng trên cây đứng bên giếng có một tổ ong, cứ mỗi lát rơi xuống một giọt mật trúng ngay miệng anh, nên anh chỉ nhớ mật mà quên hết sự nguy hiểm đang xảy ra đến cho mình; và nguy hơn nữa lại còn chẳng muốn ra khỏi cái giếng nguy hiểm này.

Con voi điên là dụ vô thường của cảnh đời, giếng là dụ nhà của chúng sanh, độc long là dụ địa ngục; bốn rắn độc là dụ cho thân bốn đại; rễ cây dụ cho mạng căn người, hai con chuột đen trắng, dụ cho ngày và đêm. Mạng người ngày càng mòn dần mà chẳng chút ngừng nghỉ, kẻ tu hành phải quan sát con vô thường để xa lìa các nỗi khổ lụy.

Kinh Thí Dụ

Xưa có ba người tu Đạo cũng hỏi nhau rằng: Các anh nhờ đâu mà được Đạo? Một người đáp: Khi tôi còn ở trong nước tôi, một buổi mai tôi thấy giàn nho trái rất đẹp, quá trưa người ta đến hái hết trái và làm cho cảnh là hư hao tàn tạ. Tôi nhận thấy vậy, mới giác ngộ lẽ vô thường. Đó là duyên có tôi đắc Đạo.

Người kế đáp tiếp: Khi tôi ngồi bên bờ nước, thấy có người đàn bà đang quậy tay rửa bát, hai chiếc hoàn nơi cánh tay chạm vào nhau, do nhờn duyên hội hợp mà phát ra thành tiếng, tôi do đó mà đắc Đạo.

Người thứ ba đáp: Lúc tôi đang ngồi bên hồ sen, thấy hoa sen rất đẹp, khi quá trưa có vài chục chiếc xe đến, rồi nào là người ngựa lội xuống tắm bơi, làm hư nát tan tành bao nhiêu những đóa hoa tuyệt hảo. Tôi mới giác ngộ các pháp vô thường là như thế. Do đó tôi đắc Đạo.

Kinh Tạp Thí Dụ

Xưa có Vị Quốc vương, bỏ nước không làm vua, mà làm Sa môn, vào trong núi tinh cầu tu niệm; lấy tranh cỏ làm nhà, lấy lá cây chất đồng làm giường nằm, coi bộ đặc ý lắm, nên bỗng nhiên cười to la lớn lên rằng: khoái thay, khoái thay.

Gần bên có kẻ Đạo nhân hỏi rằng: Ngồi một mình tu trong núi, đâu có sướng gì mà la như thế?

Sa môn đáp: Khi ta còn làm vua lo sợ trăm bề; nào lo sợ các vua ở gần tới cướp nước; nào lo sợ kẻ cướp tới lấy của cải; nào lo sợ người tham lam của công; nào lo sợ bọn hạ thần đương triều lợi dụng của cải của ta mà làm phản; thì còn ai mà trị. Chớ như nay ta làm một sa môn thời còn ai tham gì với ta nữa. Thật sướng chẳng thể nói, mà chẳng nói sướng. Còn nói gì nữa.

Kinh Tạp Thí Dụ

Vua A Dục có người em ruột tên là Thiện Dung, một hôm vào trong núi săn bắn chơi, nhận thấy các ông Phạm Chí ở trần truồng tu khổ hạnh, mà chẳng được quả vị gì. Thiện Dung suy nghĩ: Các Phạm Chí này ăn sương uống gió, khí lực mòn mỏi mà hãy còn dâm dục, tội lỗi chẳng trừ, huống chi các ông Sa môn họ Thích, ăn sang mặc đẹp, ấm lạnh theo mùa, ở nhà cao, nằm giường kỹ còn thêm hương hoa thơm tho thì làm gì vô dục được.

Bấy giờ vua A Dục nghe em bàn luận như thế, ôm lòng lo lắng: Ta chỉ có một đứa em mà nó vừa sanh lòng tà kiến e sẽ đọa đày nhiều kiếp, ta nên tìm cách trừ ác niệm cho chú nó mới xong.

Vua liền vào cung, bảo các kỹ nữ mỗi đứa tự trang điểm tử tế cùng đến chỗ Thiện Dung mà đàn hát cho hay. Và vua mật bàn trước với một đại thần rằng: Trẫm có lập chút mưu, nếu khi trẫm sắc cho người giết Thiện Dung thì người liền can rằng: Xin cho qua bảy ngày rồi sẽ giết.

Phần các kỹ nữ tuân lệnh vua đến chỗ Thiện Dung đàn hát chưa được bao lâu thì nhà vua giả bất ngờ đi đến mà nộ Thiện Dung rằng: Sao người cả gan dám cùng với kỹ nữ và thế thiếp của ta chơi bời như thế này là sao? Rồi vua liền triệu tập các Đại thần mà phán rằng: Trẫm chưa già yếu gì; cũng chẳng có giặc giã chi xâm lấn biên cảnh, Trẫm từng nghe lời ngạn ngữ các bậc cổ hiền nói rằng: Hễ người có phước bốn biển quy phục; mà phước đức mỏng manh thì kẻ vây cánh phản loạn, nhưng nay ta tự xét ta chưa đến nỗi thế. Vậy mà Thiện Dung em ta dám dỗ những kẻ kỹ nữ và vợ hầu của ta mà lung chơi như thế là nghĩa làm sao?

Ta ra lệnh các người đem nó ra ngoài chợ mà giết đi cho thiên hạ biết. Có vị Đại thần đồng can rằng: Cúi xin Đại Vương tha lỗi cho lời nói mọn của kẻ hạ thần, xin Đại Vương hoãn cho sau bảy ngày rồi sẽ thi hành việc ấy cũng chẳng muộn. Nhà vua giả vờ lắng lễ nghe theo lời can, và lại còn khoan ân bảo các Đại Thần: Đem đồ phục sức của Trẫm mà mặc cho chú nó và dẫn chú nó vào trong cung kín của Trẫm, khiến bọn kỹ nữ ca hát, đàn địch cho chú nó thỏa mãn một lúc rồi sẽ hay. Rồi vua còn sắc với một Đại thần rằng: Người mặc áo giáp cho oai và cầm chiếc gươm thiết bén và đến chỗ chú nó mà bảo rằng: Tâu Vương Tử mãn hạn bảy ngày bắt đầu từ nay thì Vương tử phải bị giết vì theo lệnh của Hoàng Thượng đã phán quyết, vậy nên Vương Tử nỗ lực mở tung năm căn mà hưởng năm món dục lạc cho khoái thích kéo uống, bằng nay chẳng tận hưởng cho khoái để đến khi sắp chết có ăn năn cũng vô ích.

Qua một ngày vua sai kẻ Tôi ấy đến bảo cho Thiện Dung biết chỉ còn sáu ngày nữa là hết hạn. Cứ tuần tự như vậy cho đến còn một ngày là mãn hạn. Vị Đại thần ấy đến bảo: Thưa Vương Tử đã hết sáu ngày rồi, sáng mai đây Ngài phải đến pháp trường mà chịu chết, vậy phải ráng sức mà hưởng cho khoái kéo uống.

Sáng ngày thứ bảy, vua đích thân đến chỗ Thiện Dung giả lời hỏi: Sao? Mấy hôm qua tâm ý của Hiền đệ được tự do hưởng khoái lạc có sung sướng không?

Đáp: Tâu Vương huynh, thật em chẳng thấy chẳng nghe gì cả, thì có đâu mà sung sướng. Vua lại hỏi nữa: Em mặc đồ sức phục của anh vào ở trong cung điện của anh, và cùng với bọn kỹ nữ của anh mà hưởng vui, và lại ăn những món ăn hảo hạng. Mà nói chẳng thấy chẳng nghe, chẳng vui sướng gì hết; sao dám nói khi với anh như thế?

Đáp: Người đáng chết tuy là mạng căn chưa dứt, nhưng với người đã chết chẳng khác mấy, thì còn lòng dạ nào mà hưởng vui sướng gì nữa.

Nhà vua mới nói rõ dụng ý: Theo thiên ý của anh thì Hiền đệ chỉ lo rầu cho cái thân một đời, mà hãy còn khổ đến như thế. Khi nghe thân sắp chết, hiện đang ở trong cảnh ngũ dục mà chẳng vui, hưởng chi các vị Sa Môn lo nghĩ nỗi khổ não trong ba đời: một khi thân này chết rồi lại thụ một thân khác, cứ như thế trải qua ngàn vạn ức kiếp nhiều thân chịu khổ, thật là cái khổ vô lượng không sao nói cùng. Vì các Ngài nghĩ việc cay đắng này, mới xuất gia tu đạo để tìm phương pháp vô vi độ thế; nếu các Ngài chẳng tinh tiến tu trì thì sẽ chịu khổ trải qua nhiều kiếp, nhiều đời. Hiền đệ có hiểu không?

Bấy giờ Thiện Dung Vương tử mới sáng mắt, đến trước vua mà thưa rằng: Em nghe những lời Vương Huynh dạy mới được tỉnh ngộ: sanh, già, đau, chết thật là đáng sợ; lo buồn khổ não trôi lăn chẳng dừng. Cúi xin Đại Vương, cho tôi xuất gia cầu đạo cần thận mà tu trì. Nhà vua hoan hỷ: Phải lắm, nhằm lúc, nhằm lúc.

Thế là Thiện Dung tử giã vương cung xuất gia mà làm Sa Môn tinh tấn tu Đạo, chứng quả A La Hán.

Đức Phật bảo các đệ tử: Các Đức Phật chỉ nói nửa bài kệ rằng:

Các hạnh vô thường
Là pháp sanh diệt
Dứt xong sanh diệt
Yên lặng là vui.

Kinh Câu Ly Lao ngục

B. THÂN NGƯỜI

Đức Phật kể chuyện với các Tỳ kheo rằng: Ngày xưa xa có một vị Ngũ thông Tỳ kheo tên là Tinh Tấn Lực, ngồi dưới gốc cây trong núi yên lặng mà tu Đạo, cũng chính nơi đây và lúc này có bốn con cầm thú, nương ở xung quanh là: chim cáp, chim quạ, con rắn và con nai. Có một đêm chúng nó tự hỏi với nhau rằng cái khổ trong đời, thứ nào nặng hơn?

Chim quạ nhọn mồm có ý kiến trước: Đói khát là khổ hơn hết: những khi đói khát, thân ốm, mắt mờ, lòng dạ chẳng yên, cũng vì thế lắm khi thân sa vào cạm lưới, chẳng tránh mũi nhọn. Chúng ta tán thân thất mạng đâu chẳng bởi vì đói khát.

Chim cáp: Dâm dục là khổ hơn hết: mỗi khi sắc dục bức bách thì không chỗ nào là không nghĩ tới. Cũng như đó rồi bị nguy thân thiệt mạng. Nó báo hại hơn cả, theo ý tôi.

Đến lượt rắn độc: Riêng tôi thì giận dữ là khổ hơn hết: một khi nổi giận là chẳng kể gì kẻ thân người sơ, và lắm khi làm hại mình, hại người nữa là khác.

Cuối cùng là con nai: Tôi cho sự kinh hãi là khổ hơn hết: tôi ở trong rừng lòng thường lo hồi hộp run sợ, những kẻ thợ săn, chó săn, lang sói, chợt nghe có tiếng đò?g phảng phất, thôi thì tuông chạy, bán sống bán chết, ruột gan run sợ, bỏ cả mẹ con, lắm khi bị sa hầm sụp hố, nguy hiểm đến tính mạng nữa là khác. Sau khi nghe chúng bàn luận, Tỳ kheo đĩnh chánh rằng: Những điều các người vừa nói đó là chỉ là thứ khổ ngọn ngành chứ chưa xét đến cái khổ cội gốc. Nỗi khổ trong thiên hạ không gì bằng cái thân. Thân là cái món đồ để đựng mọi thứ khổ, cho nên ta bỏ tục xuất gia tu Đạo, chính vì muốn tiêu diệt ý tưởng xằng xiên, chẳng tham đắm thân tứ đại giả dối, mục đích là dứt nguồn đau khổ vậy.

Kinh Pháp Cú

Cho rằng thứ khổ cũ là thật khổ, mà thứ khổ mới là vui, như người gánh nặng trở vai.

Kinh Tọa Thiền Tam Muội

Quan sát tám thân do cha mẹ sanh giống như thổi một mảy bụi trần vào giữa thái hư không mùi phùng hoặc còn hoặc mất; lại cũng như biển cả đại dương yên lặng, chợt nổi lên một bong bóng trôi nổi lênh dênh sanh hay diệt cũng chẳng từ đâu mà có.

Kinh Lăng Nghiêm

Thân này như bọt, chẳng đặng còn lâu; thân này như huyễn do điên đảo khởi; thân này như mộng từ vọng thấy sanh; thân này như bóng bởi nghiệp duyên hiện.

Kinh Duy Ma

Ngày xưa có một người con ông Trưởng giả, vợ chồng mới cưới rất yêu kính nhau. Chồng bảo vợ: Em vào trong nhà bếp lấy rượu ra đây cùng uống cho vui. Người vợ vào vừa giờ nắp lu, chợt thấy bóng mình hiện ở trong lu, liền cho là người khác đã ẩn tọt bao giờ, nổi tam bành lục tặc, trở ra sân si với chồng rằng: Anh đã chứa dẫu đàn bà trong lu còn cưới tôi về làm chi nữa?

Chồng tức quá vào xem lại thấy bóng mình, nổi sân chạy ra nạt vợ rằng: Mày dẫu trai trong đó mà đổ thừa cho tao dẫu gái? Thế là hai đứa sân si ẩu đả kịch liệt, thôi thì đánh nhau dữ dội la khóc om sòm, đàng nào cũng cho mình là phải. Giây lát có Thầy Tỳ kheo đi ngang qua nghe được nguyên do việc xảy ra đấm đánh, đến mà xem thử mới biết là đánh lộn bóng, mà bùi ngùi tự than rằng: Người đời quá ngu cho cái giả là thật. Rồi tự đấm ngực xung phong mà rằng: Ta sẽ vì các người mà bắt người trong lu ra cho; rồi Ngài lấy một cục đá to đập lu vỡ, rượu chảy linh láng, con người bóng trong lu cũng mất biến. Giải quyết cái bóng xong, đôi vợ chồng ôm lòng hổ trên.

Bấy giờ Thầy Tỳ kheo vì nói pháp, khiến cho đắc Đạo. Đức Phật lấy thí dụ: thấy bóng đánh lộn là bởi người đời chẳng biết cái "khổ không" của năm uẩn và bốn đại mà phải bị khổ sanh tử chẳng lúc nào dứt vậy.

Kinh Tạp Thí Dụ

Xưa có ngôi nhà hoang trong truyền nhà ấy thường có con ác quỷ, mọi người đều chẳng ai dám đến ở hay ngủ.

Bây giờ có một thanh niên tự xưng mình to gan và bảo với người ta rằng: "Tôi dám vào trong nhà hoang ấy mà ngủ một đêm cho bà con biết mặt." Tức thì anh vào ngủ thật.

Lát sau lại có một chàng nữa ở xóm khác, thường ngày tự cho mình là gan dạ và mạnh bạo hơn ai hết, cũng nghe người ta nói trong nhà hoang có quỷ, anh liền vác dùi đến và xô cửa vào mà đánh.

Thì anh chàng vào trước tưởng là quỷ thật ở ngoài đánh vào mình, nên anh giữ cửa rất chặt, phòng thủ cẩn thận, chẳng cho quỷ ngoài tiến vào. Thì anh ở ngoài lại quả quyết trong nhà đã sẵn có quỷ thật, nên dùng tận lực đánh vào...

Thế là trong đánh ra, ngoài đánh vào rất là kịch liệt, cho đến khi trời sáng mới nhìn nhau biết chẳng có quỷ quái gì cả.

Mọi người trong đời cũng như vậy. Do non duyên mà tạm gặp nhau, thật chẳng có cái ta, nhưng các chúng sanh nào có biết! Rồi ngang cháp có ta, mới cưỡng sanh ra trang tưng.

Kinh Bách Dụ

Vua Di Lan hỏi ngài Na Tiên Tỳ Kheo rằng: Sa môn có tự yêu tấm thân mình không?

Na Tiên đáp: Là Sa môn chẳng còn tự yêu thân nữa.

Vua nói: Nếu chẳng tự yêu thân sao còn ở nhà ấm, ăn thức ngon, và tự muốn bảo vệ lấy nó?

Na Tiên gạn lại: Nhà vua đã từng vào trận chiến chứ?

Vua đáp: Có. Tôi đã có vào trận chiến.

Na Tiên hỏi: Khi vào trận đã có bị thương chưa?

Vua đáp: Đã có bị thương, vì mũi dao và tên nó chọt.

Na Tiên hỏi: Rồi làm sao cho vết thương?

Vua đáp: Tôi liền lấy thuốc và vải băng bó.

Na Tiên hỏi: Vì yêu vết thương mà băng bó hay sao?

Vua đáp: Chẳng phải yêu vết thương.

Na Tiên hỏi: Chẳng phải yêu mà chăm sóc làm chi?

Vua đáp: Muốn nó mau lành.

Ngài Na Tiên thuyết: Các vị Sa môn cũng thế. Các Ngài chẳng phải yêu vì cái thân, nên việc ăn mặc cũng chẳng phải vì ăn sang mặc đẹp, mà chỉ dùng để chi độ cho thân thể đặng phụng hành đạo pháp của đức Phật mà thôi, cho nên trong kinh nói: thân người có 9 lỗ là 9 chỗ thúy hôi bất tịnh.

Vua Di lan khen: Hay quá, Ngài nói hay quá!

Kinh Na Tiên Tỳ Kheo

Đức Phật dạy các đệ tử: Mọi kẻ phàm phu ăn cơm mặc áo, dùng đồ nằm là muốn cho thân tâm vui sướng. Bồ tát, nếu khi phải dùng áo chẳng vì thân, mà chỉ vì pháp, cho nên

chẳng kiêu mạn, mà phải thấp xuống; chẳng vì trang sức, chẳng vì xấu hổ, mà chỉ vì che lạnh nóng, gió độc mà thôi. Với việc ăn cũng thế, tâm chẳng tham đắm, chẳng vì kiêu mạn, chẳng vì thân lực... ăn với mặc như nhau.

Kinh Niết Bàn

Đức Phật dạy ngài Văn Thù rằng: Vì chúng sanh không có sức từ bi, ôm lòng sát hại, cho nên phải cấm dứt ăn thịt; nếu chẳng ôm lòng sát hại, có lòng đại từ bi, vì muốn giáo hóa tất cả chúng sanh, thì không có tội lỗi.

Kinh Văn Thù Sư Lợi Vấn

Đức Phật bảo các Tỳ kheo rằng: Chỗ đại địa này biến thành biển cả; bây giờ có con rùa mù sống lâu vô lượng qua trăm ngàn năm nó mới ngóc đầu lên một lần. Tại biển cả có một cây nổi lên đên, khi đông khi tây, vì bị sóng dập gió dồi liên tiếp; mà trong thân cây chỉ có một cái lỗ. Thế thì khi rùa mù ngóc đầu tìm cây và chui đầu vào cây chừng có dễ gặp không?

Ngài A Nan trả lời rằng: Bạch Đức Thế Tôn! Khó mà gặp được, bởi lẽ rùa thì rùa mù, biển đông hải mênh mông, cây lại cây nổi, trôi theo chiều sóng gió đẩy đưa, đông tây bốn hướng nào có đình đậu nơi nào. Cho nên chắc chắn khó mà gặp được.

Phật dạy: Rùa mù, cây trôi tuy khó gặp, nhưng còn có hy vọng; chớ đến như kẻ phạm phu ngu si trôi nổi trong năm thú mà tái sanh được thân người, mới thật là khó hơn rùa gặp cây gặp mây. Vậy nên các người chính ngày nay phải tinh tiến tìm mọi phương tiện phát khởi tâm muốn học đạo càng tăng cao mới được.

Kinh Tạp A Hàm

C. TÂM NGƯỜI

Tâm và vật bị có của tâm, bản tính vắng lặng, chẳng thấy nghe gì được cả. Tâm như trò huyền, do chúng sanh so đo chấp trước nên khởi ra vọng tưởng mà chịu mọi nỗi khổ vui. Công dụng của tâm như nước chảy, sanh diệt từng niệm một mà chẳng chút dừng. Tâm như gió mạnh trong một giây lát rất ngắn, hoa khắp mọi nơi. Nó cũng như đèn đuốc khi các duyên hòa hợp thời phát ra công dụng; như chớp sáng diện khí, chẳng đứng giây lát; nó xấu lấu như con khỉ đột chuyen trên cây ngũ dục.

Lại cái tâm khéo léo như chàng họa sĩ, vẽ đủ màu sắc, đủ hình tượng. Và ngược lại nó vụng về mộc mạc như những kẻ đầy tớ, bị bọn phiên não sai sử như chong chóng.

Rồi nó cũng hung dữ như kẻ giặc cướp mà cướp hết các của công đức. Nó nơ nhớp như bầy heo nái, ưa ăn các thứ tạp uế thậm tệ; và nó say đắm cũng như bầy ong mật trít trát trên những đóa hoa có khí vị.

Nhưng bản tính nó vẫn là phi khứ phi lai, nó giống như hư không chẳng hạn. Và bản tánh nó tuyệt nhiên không có những tướng sai biệt như: lớn nhỏ, khổ, vui hay là thượng, trung, hạ gì cả. Nhưng nó là thường trụ bất biến rất là thù thắng vậy.

Kinh Tâm Địa Quán

Tâm trôi theo cảnh giới, như đá nam châm hút sắt vậy.

Kinh Lăng Nghiêm

Các vị Bồ tát có đức tin tưởng phi thường: tin các pháp do Nhơn Duyên Hòa Hiệp mà sanh; tin không có tướng ta, tướng người, tướng chúng sanh, tướng kẻ trường thọ; tin không có kẻ tạo tác, kẻ lãnh lấy; tin không có cái ta và những vật bị có của cái ta. Với thế gian chẳng sợ hãi, chăm tu tinh tiến chỉ mong cầu thấu rõ cái tâm. Tâm là thế nào? Tham dục, sân nhuế, ngu si chẳng? Hay hiện tại, quá khứ, vị lai chẳng? Xét ra vị lai chưa đến, quá khứ đã khứ đã qua mất rồi, hiện tại chuyển biến luôn chẳng đứng yên. Tâm này chẳng ở trong, chẳng ở ngoài và cũng chẳng ở chặn giữa. Nó không sắc không hình cho đến không thể thấy nghe được; nó chỉ là nương Nhơn Duyên điên đảo và vọng tưởng mà sanh ra các tướng sai biệt ấy thôi.

Này Thiên nam tử! Vọng tâm ấy như trò huyền, do nhớ tưởng phân biệt mà sanh khởi các món nghiệp Nhơn; nó cũng giống như dòng nước chảy, sanh diệt chẳng chút ngừng; như lửa trên đèn có các duyên hòa hiệp mới phát hiện; như điện khí một sát na cũng chẳng dừng; như hư không chỉ vì bị khách trần phiên não làm ngăn ngại; như con vượn chuyền nhảy mọi cảnh giới; như họa sĩ tự do vẽ vời mà không nhất định; như kẻ oan gia gây mọi điều khổ não; như con voi cuồng phá hoại tất cả căn lành. Nó còn như cá tham mỗi nuốt câu; với nguy mà tưởng là an; như trong cảnh chiêm bao, với trong cảnh không "ta" mà sanh lòng tưởng có cái ta; như con ruồi xanh, với món nơ nhớp mà cho là thơm ngon.

Kinh Bảo Vũ

Trong cảnh chiêm bao, thật không có việc lành mà cho là lành, việc không đáng giận dữ mà giận dữ nổi lên, việc không đáng sợ mà run sợ. Chúng sanh ở trong ba cõi cũng như thế ấy. Vì cái mê vô minh nó còn ngủ trong lòng, cho nên chẳng đáng sân mà sân, chẳng đáng buồn mà buồn.

Phải biết rằng ngoài tâm chẳng có cảnh chi sai khác, chỉ có chút mê tĩnh mà vọng thấy nhiễm cảnh mà thôi. Cho đến ngoài tâm không có tướng địa ngục, khi mà ác nghiệp thành tựu thời mới thấy có chịu khổ vậy thôi.

Luận Trí Độ

Đức Phật dạy đại chúng: Cảnh chẳng phải khổ mà cho là khổ, ngược lại cảnh khổ mà cho là vui. Lạc là cảnh giới Như Lai mà kẻ nào chẳng biết là điên đảo số một.

Trong vô thường mà cho là thường, ngược lại thường cho là vô thường. Thường là cảnh giới Như Lai mà kẻ nào chẳng biết là điên đảo số hai.

Trong chơn ngã mà cho là vô ngã, ngược lại trong vô ngã cho là ngã. Ngã là Phật tính mà kẻ nào hiểu trái lẽ là điên đảo số ba.

Trong bất tịnh mà cho là tịnh, ngược lại trong tịnh cho là bất tịnh. Tịnh cũng là Phật tính, vậy là điên đảo số bốn.

Kinh Niết Bàn

Có một người mê, chỉ đông là tây, chỉ tây là đông, nam bắc cũng thế, người đời mê muội cũng giống như thế. Đời có ba hạng người: một cuồng, hai si, ba bị bệnh gió. Những người này, tay cầm chiếc gương, ý muốn chém đông mà lại chém tây, muốn chém nam mà lại chém bắc.

Người bài bác chánh pháp cũng giống như vậy: cho chánh pháp là tà pháp, ngược lại cho tà pháp là chánh pháp; cho pháp thường trú là vô thường, mà cho pháp vô thường là thường trú; cho lạc pháp là khổ, mà cho khổ pháp là lạc; cho bất tịnh là tịnh, mà cho tịnh là bất tịnh. Cho vậy như thế là kẻ đã bị mất tánh bình thường. Cho nên ta dùng mọi phương tiện: với chỗ tối tăm soi ánh sáng rực rỡ; vì muốn đất dẫn ra, nên mở thông cửa ngõ; vì kẻ ngu si mở ánh sáng trí huệ; vì kẻ lạc đường, chỉ cho biết nẻo chánh đạo; vì muốn độ cho qua, ban cho cầu, thuyền.

Muốn khiến cho tất cả chúng sanh đem lòng từ bi mà đối đãi lẫn nhau, như cha mẹ anh em chị em vậy.

Kinh Thập Trụ

Ngài Văn Thù Bồ tát thưa với đức Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, vì sao gọi là tâm địa? Xin Thế Tôn vì các chúng sanh diễn nói đề: với kẻ chưa lìa khổ khiến lìa; chưa phát tâm Bồ đề khiến phát, và chưa chứng được quả Bồ đề khiến chứng.

Đức Phật khen: Văn Thù! Ngươi là mẹ đẻ trí huệ thật, vì muốn dắt dẫn những kẻ mới phát tâm Bồ đề mà hỏi nghĩa này, Ta sẽ vì chúng sanh mà nói: Tâm địa là Pháp rất thù thắng của mười phương Như Lai; là pháp đốn ngộ của tất cả phàm phu; là nơi điện ngọc để hưởng vui pháp lạc; là kho tàng bảo ngọc tặng vật lợi ích cho chúng sanh; là nguồn gốc sanh công đức của chư Phật. Và còn công năng tiêu trừ ác nghiệp cho tất cả chúng sanh; độ qua hiểm nạn sanh tử, làm im sóng mòi nơi biển khổ; làm cạn khô biển lão bệnh tử; đem đuốc đại trí soi sáng trên con đường dài sanh tử tối tăm. Mà nó cũng là pháp vô thượng, và ngọn cờ thù thắng nhất của chư Phật vậy; giống như bậc Đại thánh quốc vương tùy thời trị nước mới được đại thái bình an vui, tất nhiên kẻ nào trái lệnh là bị giết.

Ba cõi đều lấy tâm làm chủ. Kẻ nào hay quán sát tâm là có thể chứng được cứu cánh Niết bàn, mà chẳng quán được bị trầm luân khổ ải.

Tâm như chôn đại địa hay sanh trường ngũ cốc, nghĩa là hay sanh quả vị Bồ tát và Phật, cho nên gọi là tam giới duy tâm. Do đó nên gọi tâm là địa. Hễ ai gần gũi bạn lành nghe Pháp môn tâm địa, đúng như lý mà quán sát, đúng như pháp mà tu hành là có thể chứng được đạo quả vô thượng chánh đẳng chánh giác vậy.

Kinh Tâm Địa Quán

Ta thấy chúng sanh đều ở trong cảnh phiền não tham dục, sân nhuế và ngu si v.v... đầy đủ Phật trí, Phật nhãn, Phật thân đồ sộ chẳng lay động. Thiệt nam tử! Tất cả chúng sanh tuy ở trong phiền não mà thường đâu có ô nhiễm Như Lai tạng, đức tướng đầy đủ như Ta không khác. Ví như Chơn kim sa vào trong bất tịnh, chìm ngấm chẳng nổi, trải qua nhiều năm chẳng ai hay biết mà chắt chơn kim kia không hề hư hoại, duy người có thiên nhãn mới thấy biết nơi ấy có hòn chơn kim báu quý vô giá.

Chúng sanh vốn sẵn có Phật tánh chứ chẳng phải từ nơi nào khác đem đến. Thí như có người trong chiếc áo đang mặc sẵn có viên ngọc như ý mà tự chẳng hay biết gì cả. Lại như bảo vật nã? sẵn trong kho tàng của mình mà chẳng tự biết để đến nỗi phải bôn tẩu tìm cầu từng miếng ăn nuôi sống hằng ngày.

Kinh Thủ Lăng Nghiêm

Tất cả chúng sanh quyết định sẽ được tâm Đại trí, cho nên Ta nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh.

Kinh Niết Bàn

Tâm tánh của tất cả chúng sanh vốn thanh tịnh, các phiền não không thể làm ô uế được, in như hư không, không khi nào bị thứ gì làm nhơ bẩn.

Kinh Đại Tập

Cái thanh tịnh của tâm tánh giống như mặt trăng nằm dưới đáy nước.

Kinh Bảo Tích

Tâm mà xa lìa được những đục vẩn, thời ta nói tâm ấy là Phật đó.

Kinh Nhập Lăng Già

Bồ tát ngoài việc giác ngộ tự tâm thì chẳng còn ngộ gì nữa. Tại sao thế? Vì giác ngộ tự tâm tức là đã giác ngộ tâm của tất cả chúng sanh vậy. Nếu tâm mình được thanh tịnh thì tất cả tâm của chúng sanh cũng đều được thanh tịnh; vì thể tánh của tâm mình tức là thể tánh của tâm tất cả chúng sanh vậy. Cho nên tự tâm mình xa lìa như bản: tham, sân, si thời tâm của tất cả chúng sanh cũng đều được xa lìa như bản: tham, sân, si vậy. Được như thế mới gọi là kẻ nhất thể trí giác.

Kinh Đại Trang Nghiêm Pháp Môn

Này Bảo Tích: "Vì Bồ tát muốn nhiều ích chúng sanh nên mới nói tịnh pháp, vì nói tịnh pháp nên trí huệ tịnh, trí huệ tịnh nên tâm mới tịnh; vì tâm tịnh nên tất cả công đức được tịnh, vì công đức tịnh nên cõi nước mới được thanh tịnh vậy."

Cho nên muốn được cõi nước thanh tịnh, thời trước phải tịnh tâm; do tâm tịnh nên Phật độ cũng thanh tịnh theo.

Bấy giờ ngài Xá Lợi Phất sanh lòng nghi thưa với Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn! Nếu Bồ tát tâm tịnh thời cõi Phật cũng tịnh như lời Thế Tôn vừa dạy. Thế thì khi Thế Tôn còn là địa vị Bồ tát tâm ý chẳng tịnh hay sao mà cõi Ta bà đây bất tịnh như thế này?

Đức Phật dạy: Này Xá Lợi Phất! Kia mặt trời mặt trăng có thanh tịnh sáng chói không? Mà sao những kẻ mù chẳng thấy; vậy thì lỗi do mặt trời trăng hay lỗi bởi kẻ mù?

Xá Lợi Phất thưa: Chẳng phải mặt trời trăng chẳng cho người thấy, mà lỗi do người mù không thể thấy được.

Phật kết: Thế thì cõi Ta bà này tuy là thanh tịnh mà bọn các người chẳng thấy đó thôi, là vì con mắt trí tuệ của các người chưa mở được.

Kinh Duy Ma

D. TỘI ÁC

Tâm là nguồn tội ác, hình là rừng ác tội.

Kinh Bát Đại Nhân Giác

Cái tâm nó lanh lẹ nhẹ nhàng động chuyển, khó nắm bắt, khó điều phục; nó xông chạy lung tung như con voi đại ác; nó thoát qua mau chóng từng mỗi niệm như chớp sáng điện khí; nó nhảy vọt rộn ràng chẳng đứng yên như con vượn khi. A? là cội gốc của tất cả các điều tội ác vậy.

Kinh Niết Bàn

Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý là mụ làm mai mối cho kẻ giặc vào cướp đoạt của báu nhà mình.

Kinh Lăng Nghiêm

Nước hay hiện bóng, nếu đem đổ vào vò, rồi lấy vải bịt miệng vò lại, mới lấy lửa đốt cho thật nóng, nước trong vò sôi vọt. Chúng sanh đem mặt đến soi vào, chắc chẳng thấy bóng hình gì cả. Cũng giống như thế, nơi tâm vốn sẵn có ba món độc, nó sôi vọt ở trong, rồi năm món ngăn che là: tham dục, giận dữ, ngu ngù, loạn động và nghi ngờ, nó bịt che bên ngoài thì làm sao mà thấy được Đạo.

Kinh Tứ Thập Nhị Chương

Nữ? sắc là cùm xiềng gông tròng của thế gian, với kẻ phàm phu say sưa đắm đuối, không thể tự thoát được.

Kinh Nhứt Minh Bồ Tát

Phật dạy: Người mà chạy theo tình dục, tìm cầu thanh danh, khi thanh danh vừa ló mùi, thì cái thân đã chết mất rồi vậy. Lo tham thanh danh thế gian mà chẳng học Đạo, uổng công nhọc sức như trầm hương đốt lửa, thiên hạ chưa kịp nghe ngửi mùi thơm, mà nén hương đã tiêu thành tro mất rồi, là vì lửa làm nguy hiểm cho thân ở sát một bên sau lưng vậy.

Kinh Tứ Thập Nhị Chương

Bị các nỗi khổ là bởi lòng tham dục làm gốc, nếu dứt tham dục, thì khổ không nương vào đâu mà tồn tại.

Kinh Pháp Hoa

Giận dữ là cội gốc làm mất các pháp lành, là nơn đọa ác đạo, là kẻ oan gia của pháp vui, là đưa giặc cướp của lòng lành vậy.

Luận Trí Độ

Tâm thân như đất, lòng lành như lúa, lòng ác như cỏ. Cỏ bản chẳng trừ, lúa chẳng thành gạo. Người chẳng trừ ác, thì chẳng đặng Đạo. Người mạ giận dữ, là đất sanh cỏ. Lòng

lành như điện, nó đến thì sáng, nó đi thì tối. Tà niệm như mây che chẳng thấy trời; đã khởi lòng ác làm gì thấy Đạo.

Kinh Tam Huệ

Tội lỗi rất lớn đối với đạo pháp chính là giận dữ. Các Bồ tát đến với các Bồ tát khác, nêu khởi lòng giận dữ, tức là đã mở xong trăm vạn cửa ngăn che. Đã có chỗ gọi: ngăn che chẳng cho thấy đạo Bồ đề, ngăn che chẳng cho nghe chánh pháp, ngăn che cho sanh về thế giới bất tịnh, ngăn che cho sanh về các ác thú, ngăn che bị nhiều tật bệnh, ngăn che bị nhiều hủy báng, ngăn che ôm lòng mất chánh niệm, ngăn che thiếu khuyết trí huệ, ngăn che gần ác tri thức, ngăn che ưa học tiểu thừa pháp, ngăn che chẳng đặng tin kính kẻ đại oai đức, ngăn che chẳng muốn cùng ở với người chánh kiến, và ngăn che chẳng đặng trừ sạch các nghiệp tội lỗi.

Kinh Hoa Nghiêm

Lòng giận dữ độc hại hơn lửa dữ, thường phải đề phòng chớ cho nổi lên. Kẻ giặc cướp của công đức, chẳng ai bằng giận dữ.

Kinh Di Giáo

Một niệm khởi lửa giận, có thể đốt cháy gốc lành nhiều vô lượng kiếp.

Kinh Đại Nhứt

Thà sanh khởi trăm ngàn lòng tham, chớ khởi một cơn giận dữ; vì cái mà làm tổn hại lòng đại từ chẳng gì hơn bằng giận dữ.

Kinh Quyết Định Tì Ni

Kẻ phạm phu bị trăm món dục trói buộc, nghĩa là thân lẫn tâm bị ma ba tuần tự do dẫn đi như bọn thợ săn bắt được con khỉ, rồi trói lại thay nhau gánh đem về nhà.

Kinh Niết Bàn

Xưa có con rắn, đầu đuôi tranh hơn với nhau. Cái đầu bảo: ta có tai nghe, mắt thấy, miệng ăn, khi đi tất nhiên ta đi trước, còn người đầu có những tài ấy mà hơn ta được, cho nên ta chắc chắn hơn người vậy. Đuôi cãi lại: tuy vậy mà nếu ta chẳng cho người đi thì người không thể đi được. Rồi nó đem đuôi quấn vào cây ba vòng, nằm luôn ba ngày chẳng buông thả, cái đầu muốn đi kiếm ăn mà chẳng đi được, đói gần huyệt hơi. Tính bề không xong, bắt đắc dĩ mà bảo rằng: thôi ta thua, người hơn ta nên thả thân ra.

Cái đuôi mới chịu thả thân. Đầu bảo: người đã hơn ta, người phải đi trước. Cái đuôi thẳng trận sung sướng vút vất đi trước, thì chẳng bao lâu bị sa xuống hầm lửa mà chết thui mắt.

Đức Phật dạy: cái thí dụ này, ví cho những chúng sanh ngu muội, tranh chấp hơn ngã rồi đôi bên đều sanh giận dữ mà cùng nhau đọa vào tam đồ ác đạo vậy.

Kinh Tạp Thí Dụ

Những chúng sanh tự buông lung tham năm món dục nên mới hiện thành cảnh giới bất tịnh. Tại sao? Vì chúng sanh ngu si mê hoặc, bị nữ sắc làm mờ ám tâm trí mà phải chìm đắm, như chiếc áo trắng dễ ăn màu nhuộm. Như con trùng nằm trong đồng phân, cho phân là ngon; như kẻ phạm tội bị nhiều hình ngục xiềng trói; như đũa mù dặt đũa đuôi dễ bị sa hầm sụp hố. Tồn hại căn lành, mất các pháp bảo, xa lìa giới hương, thương hại huệ mạng. Những chúng sanh như thế là vì ngu si, nên bị tham dục làm mù quáng mê mờ, còn bị nó sai khiến đủ thứ như đũa đầy tớ là khác.

Kinh Hoa Nghiêm

Thí như con sư tử khi bị đánh bắn, thì nó tìm kẻ ác hại mà trả thù. Lại như con chó đại cũng bị đánh đập mà chẳng biết tìm trả thù. Sư tử dụ cho người trí, biết tìm gốc mà diệt trừ phiền não. Chó đại dụ cho ngoại đạo lấy năm thứ lửa mà đốt thân, chẳng biết bản tâm vậy.

Những kẻ phạm phu phần nhiều mê mờ chơn đạo, chẳng biết quan sát thân tâm vô ngã, chỉ chuyên tập khổ hạnh cho là Đạo, rồi cũng vọng hành như ngoại đạo tà pháp lầm chấp trái với chơn đạo, chỉ gây nên ác pháp mà thôi.

Luận Đại Trang Nghiêm Kinh

Kẻ ngu không được cho đêm là dài, người biếng nhác cho đạo là xa. Đứa ngu ở trong sanh tử mới lâu dài thật.

Kinh Pháp Cú

Người ngu si luống uổng đêm dài, giống như gỗ đá chạm trở thành tượng, hình tuy giống người mà đâu có hiểu biết.

Kinh Bảo Tích

Phật dạy: Người ngu trong đời, chỉ thấy người ta ác mà chẳng biết mình ác, rồi cũng chỉ thấy cái lành của mình, mà chẳng thấy điều lành của người. Còn thêm nữa: tự cho mình là trí mà thiên hạ đều ngu; mình ở trong chỗ sáng, thiên hạ ở chỗ tối. Như thế thật quá u mê muội mà chẳng tự biết.

Những kẻ ngu si chỉ thấy kiêu ngạo của người, mà chẳng tự biết cái kiêu ngạo nơi mình. Hễ kẻ nào tự biết mình lỗi là kẻ ấy có thể cùng bàn luận điều lành với họ được. Mà kẻ nào chỉ thấy cái hay của mình, thời không thể nói chuyện phải với họ được.

Kinh Pháp Luật Tam Muội

Nếu học hỏi được chút ít mà đã đem khoe khoan với người, ấy là kẻ mù cầm đuốc soi đường cho người ta mà tự mình chẳng thấy gì cả.

Kinh Pháp Cú

Đứa ngu phụng sự kẻ mình trí trọn đời, mà tự mình chẳng biết được chút chơn chánh đạo pháp gì cả. In như ăn rồi uống rượu cả ngày mà chẳng biết mận lạt gì hết.

Kẻ trí phụng sự bậc Thánh hiền trong giây lát thì liền nhận rõ được chơn pháp. In như chót lưỡi chạm đến vật ăn liền biết cay ngọt.

Người trí tìm được một câu diễn ra thành trăm ý nghĩa. Mà đứa ngu tụng một ngàn bài chẳng hiểu nghĩa một câu. Tự biết mình là người ngu trong giới người ngu thì sẽ được điều lành. Mà người ngu tự xưng mình là kẻ trí, ấy là đứa ngu chánh tông trong bọn người ngu vậy.

Kinh Xuất Diệu

E. NGHIỆP BÁO

Tất cả chúng sanh đồng nương bốn đại mà thành, cho nên không có cái ta, và những vật sở hữu của cái ta. Nhưng, thăng hoặc có kẻ chịu khổ, có kẻ hưởng vui, và có tốt xấu, có quả báo hiện tại, quả báo hậu lai là tại sao?

Thời mới đáp như sau: tùy theo hành nghiệp của mỗi một chúng sanh mà cảm quả báo sai khác như thế. Chớ chẳng phải ai tạo tác cho, in như một hạt giống nằm dưới ruộng mọc lên những cây lúa; như nhà huyền thuật hiện ra các hình sắc, như loài chim nở ra khỏi vỏ là có tiếng kêu.

Kinh Hoa Nghiêm

Ví như cát trong biển cả, nhiều không thể tính biết được; cũng như người tạo tác thiện ác họa phúc, trước sau gây nên, nhiều không thể kể xiết. Nhưng đến khi mạng tận, thời làm ác phải sanh về chỗ khổ, mà làm lành sẽ sanh về chỗ vui; vì lành hay dữ đã điều có dự định nơi chỗ sẵn sàng trước vậy.

Kinh Bột

Vua Di Lan hỏi ngài Na Tiên: Người trong đời ai cũng có tứ chi đầy đủ: đầu mặt mắt tai và thân thể... nhưng sao có người sống lâu, có kẻ chết yểu, cho đến nhiều bệnh ít bệnh nghèo giàu cao thấp đẹp đẽ xấu xí; lại có người được người ta tin cậy, có người bị người ta nghi ngờ, có kẻ thông minh, có kẻ ngu muội. Tại sao có sự bất đồng như thế, thưa ngài?

Ngài Na Tiên đáp: ví như trái cây của các thứ cây, thứ cay, chua, thứ đắng, ngọt. Ngài hỏi lại nhà vua nó sai khác như thế, tại sao, tâu đại vương?

Vua đáp: vì trồng nhiều thứ cây khác nhau.

Ngài nói: cũng giống như người trồng cây kia. Bởi hành động tạo tác của mỗi người sai khác chẳng đồng, chẳng ai giống ai, cho nên mới có quả báo sai biệt như Đại Vương vừa kể trên. Và còn thêm nữa: ai cũng có cái miệng mà sao có kẻ nói ra tiếng, mà có người lại câm! Cho nên kinh Phật dạy: giàu sang, nghèo hèn, xấu tốt là đều do sự tạo tác của đời trước mà có, thời thiện ác tùy theo tự thân hình mà có được vậy.

Kinh Na Tiên Tỳ Kheo

Ta thường thấy: kẻ yêu nghiệp mà được hưởng phước, còn người hiền lành lại bị tai họa, sở dĩ có trái ngược như thế là vì quả báo thiện ác chưa đến ngày chín; chớ quả báo thiện ác đến ngày chín, thời kẻ ác phải chịu khổ, mà người thiện được hưởng vui.

Kìa như đánh người bị người đánh lại; gây oán với người bị người oán lại, cho đến mắng chửi hay sân nộ với họ, thời bị họ phản ứng như thường.

Vì người đời không nghe biết Chánh pháp nên chưa hiểu lý nhân quả của ba đời ấy thôi. Mạng sống ta đây có được là bao! Mà gây ác làm chi, đừng khinh thường ác nhỏ cho là ít lỗi; giọt nước tuy ít chứa dồn đầy thùng; tội nhiều đầy nhầy cũng do chứa từ ít mà thành. Cũng chớ coi thường chút lành cho là không phước, một giọt nước tuy ít mà chứa dồn đầy lu. Phước đức đến khi đầy đủ cũng nhờ chứa dồn từng mảy mún mà thành.

Kinh Pháp Cú

Cha làm chẳng lành, con chẳng thay chịu; con làm chẳng lành cha cũng chẳng chịu thay. Làm lành tự hưởng phước, làm dữ tự chịu uon.

Kinh Nê Hoàn

Người làm thiện ác có bốn kẻ chứng biết: một trời, hai đất, ba người gần, bốn ý của ta.

Kinh Mạ Ý

Nếu ta làm nghiệp lành vì sức mạnh tự nhiên mà được hưởng nghiệp báo tốt, dầu cho có sức mạnh của nhà vua viện trợ đi nữa cũng chẳng bằng sức mạnh của nghiệp.

Luận Đại Trang Nghiêm Kinh

Ngài Ma Ha Nam bạch Phật rằng: Những lúc tôi gặp phải xe, ngựa, voi điên và người đánh lộn là khi ấy tôi mất tâm niệm Phật, không may lâm nạn bị chết thì sẽ sanh về cõi nào?

Đức Phật dạy: Lúc ấy không may thời người vẫn được sanh về cõi lành, chứ chẳng sanh về ác thú đâu, người đừng lo sợ. Ví như cái cây thường ngày nó nghiêng về hướng đông, nếu mà nó bị gãy thì quyết định nó ngã về hướng đông. Người lành cũng như thế, nếu khi thân chết nhờ sức hun đúc ý thức lành đã nhiều ngày từ trước như kính tin trì giới, học hỏi, bố thí và trí huệ chắc được lợi ích mà sanh lên trời.

Luận Tà Trí

Muốn biết nhơn đời trước, cứ xem hưởng thọ quả ngày nay, muốn biết quả đời sau, cứ xem gây nhơn ngày nay.

Kinh Nhân Quả

Đức Phật dạy các đệ tử rằng: Đời có 4 hạng người:

1. Trước khổ sau vui
2. Trước vui sau khổ
3. Trước sau đều khổ
4. Trước sau đều vui

Hạng người thứ nhất là sanh vào trong gia tộc ti tiện sát nhơn mà biết thọ giáo tu pháp lành, ăn năn sám hối cải ác tu thiện. Hạng người thứ hai là sanh vào trong giòng hào tộc, vua chúa mà chẳng biết thụ giáo tu thiện gì cả, sẽ phải sanh vào ác thú. Hạng người thứ ba là sanh vào trong nhà nghèo hèn mà cũng chẳng biết tu phước làm thiện gì cả cũng sẽ sanh vào ác thú. Và hạng người thứ tư là sanh vào nhà giàu sang mà biết tu thiện là hạng người sẽ được sanh lên trời.

Kinh Tăng Nhứt A Hàm

F. LUÂN HỒI

Một hôm Đức Phật ngự tại vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc nước Xá Vệ, Ngài bảo các Tỷ kheo rằng: Nay Ta sẽ thuyết minh pháp sanh tử nhơn duyên các người hãy khéo nghe nghĩ nhớ mà tu trì. Các Tỷ kheo thưa: Bạch Đức Thế Tôn! Chúng con xin thọ giáo.

Đức Phật nói: Pháp nhơn duyên là: Vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục xú, lục xú duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên

thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão bệnh tử, ưu bi khổ não. Chẳng khác kể xiết.

Như vậy là thành tựu cái thân năm ấm.

Gọi cái chi là vô minh? Là chẳng biết: Khô, Tập, Diệt, Đạo.

Gọi cái chi là hành? Ba món hành vi của thân miệng và ý.

Gọi cái chi là thức? Là tai mắt mũi lưỡi thân ý sáu món.

Gọi cái chi là danh sắc? Là tư tưởng phân biệt gọi là danh; bốn đại nương nhau gọi là sắc. Danh sắc khác nhau.

Gọi các chi là sáu chỗ? Là mắt tai mũi lưỡi thân ý sáu căn.

Gọi cái chi là xúc? Là thức nương căn chạm biết cảnh, ba món này hòa hợp lại gọi là xúc.

Gọi cái chi là thọ? Là đối với cảnh cảm nhận khổ hay vui.

Gọi cái chi là ái? Là khởi dục ái, hữu ái, vô ái mà ưa đắm cái thân.

Gọi cái chi là thủ? Là quá ưa đắm, nắm lấy chặt chẳng buông rời.

Gọi các chi là hữu? Là thọ sanh về cõi dục, sắc, vô sắc ba cõi.

Gọi các chi là sanh? Là cảm nghiệp báo, sanh cái thân năm ấm.

Gọi cái chi là lão? Là răng rụng, đầu bạc, sức yếu, mạng giảm suy.

Gọi cái chi là tử? Là biến đổi vô thường, xa kẻ thân, mạng sống đoạn diệt.

Các Tỳ kheo nên biết ấy là pháp sanh tử nhơn duyên.

Kinh Tăng Nhứt A Hàm

Gọi là 12 nhơn duyên là: phiền não, nghiệp và khổ, ba món này thay đổi mà làm nhơn làm duyên lẫn nhau mãi mãi vậy.

Bắt đầu là vô minh, ái, và thủ là phiền não. Hành, hữu là nghiệp. Còn bảy món kia là thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, sanh, lão tử là khổ. Do phiền não sanh nghiệp, nhơn

nghiệp sanh khổ, nhơn khổ sanh phiền não. Ba món phiền não, nghiệp và khổ này thay nhau sanh luôn chẳng dừng như bánh xe chạy tròn.

Luận Thập Nhị Nhơn Duyên

Vua Lăng Già hỏi Phật rằng: Thưa Đức Thế Tôn! Chúng sanh chết rồi, trong khi chưa sanh thân sau, thời thần thức ở chỗ nào?

Phật đáp: Đại Vương, như hạt giống sanh mộng, hạt giống diệt trước, rồi sau sanh mộng, hay là mộng sanh rồi mà sau hạt giống mới diệt, hoặc là khi hạt giống diệt mà mộng sanh?

Nhà vua đáp: Khi hạt giống diệt là mộng mới sanh.

Phật nói: Sanh diệt đồng thời không có cái nào trước sau. Tức là khi thức trước diệt cũng tức là khi thức sau sanh.

Kinh Lăng Già

Có người Bà La môn tên là Thân Giao nghe nói lý vô ngã, nghĩ rằng: Nếu mà vô ngã, vậy thì cái gì đến đời sau?

Ngài Kiều Thi Ca trả lời: Tùy theo các hành nghiệp phiền não đời quá khứ mà được thân hiện tại này; với đời hiện tại này lại gây nên các hành nghiệp nữa, mà được thân đời vị lai. Ví như hạt giống nhờ các trợ duyên hòa hợp mà mộng sanh; hạt giống này nó sanh mộng cần các trợ duyên, cái mộng nó thêm lớn hạt giống cần phải diệt; vì hạt giống diệt nên vô thường, vì mộng sanh nên chẳng đoạn. Do đó nên Phật nói lãnh thọ thân cũng giống như vậy. Tuy là vô ngã mà nghiệp báo chẳng sai mất.

Bà La Môn lại hỏi: Tôi nghe lý vô ngã được hiểu phần nào nhưng hãy còn chút nghi này nữa. Nếu là vô ngã thì những việc làm đã qua mà sao nghĩ nhớ mà chẳng quên?

Đáp: Vì có niệm giác nó tương ưng với tâm, nhớ nghĩ những việc cả ba đời mà chẳng quên mất.

Lại hỏi nữa: Nếu vô ngã thì quá khứ đã diệt, hiện tại tâm sanh, sanh diệt đã khác; làm sao giữ nhớ chẳng quên?

Đáp: Mọi loài thọ sanh lấy thức làm hạt giống, cho nên khi vào trong đám ruộng mẫu thai, nhờ nước ái thủy mà thấm nhuần, thân cây mới được sống; in như hạt đào theo loài

mà sanh. Thân đời này gây nghiệp; có năng lực cảm thành thân đời sau; nhưng chẳng phải thân đời này mà sanh ra thân đời sau được. Nó chỉ nương nghiệp như duyên mà lãnh chịu thân sau vậy thôi. Sanh diệt tuy khác mà nối nhau chẳng dứt.

Như đây, Ngài Kiều Thi Ca thuyết thêm cho rõ: Vô minh duyên hành, hành duyên thức cho đến duyên sanh, lão, tử ưu bi khổ não.

Ngược lại: Vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt, cho đến lão tử diệt rồi ưu bi khổ não cũng diệt theo. Bởi vì nó theo các duyên mà có, chứ đâu có chủ tể!

Kinh Đại Trang Nghiêm

Vua Di Lan hỏi ngài Na tiên: Thưa Tôn giả! Thân tâm hiện tại với thân tâm vị lai là đồng hay chẳng?

Ngài Na Tiên đáp: Chẳng phải vậy, thân tâm hiện tại làm nghiệp lành dữ, vì nghiệp ấy mà sanh ra thân tâm khác.

Nhà vua nói: Vậy thời cái thân tâm mới sanh chẳng cùng với ác nghiệp biệt ly sao?

Ngài đáp: Nếu thân tâm chẳng sanh thời không có. Nhưng thân tâm quyết định có sanh, nên ác nghiệp không thể xa lìa được. Ví như có người cầm đèn lửa treo lên nóc nhà mình, lọt bằng rơm, đốm lửa rớt, nhà bị cháy, và ngọn lửa dữ lan dần cháy đến cả làng.

Bấy giờ người làng mới bắt được kẻ gây hỏa hoạn mà trách rằng: Sao người đốt làng ta, vì có chi? Kẻ ấy đáp: Ta chẳng phải đốt làng người, không may đốm lửa rơi trên nóc nhà ta mà thôi. Cái lửa ở trên cây đèn với lửa cháy nhà khác biệt vậy. Đó là lời đáp có chắc đúng vậy chẳng?

Nhà vua đáp: Không phải, lửa cháy làng mà có là bắt đầu từ lửa cây đèn.

Ngài nói: Phải. Thật như vậy. Sanh thân tâm đời trước cũng với thân tâm sanh sau là hai vật sai khác; nhưng thân tâm sẽ sanh sau đây là cái kết quả của đời hiện tại vậy, cho nên cùng với ác nghiệp chẳng rời nhau được.

Kinh Na Tiên Tỳ Kheo

Hết thầy chúng sanh từ hồi nào đến giờ lắm nhiều điên đảo, lầm nhận bốn đại là tướng của tự thân, và sáu món trần duyên ảnh là tướng của tự tâm; in như người bị bệnh mắt

lầm thấy hoa đóm giữa không trung, và mặt trăng thứ hai. Mà giữa không đâu có hoa, vì bệnh mà lầm thấy vậy. Cho nên bị sanh tử trôi lăn gọi đó là vô minh.

Kinh Viên Giác

Vua nước Ma La Đà hỏi đức Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn: Tất cả chúng sanh vì sao gây nghiệp?

Đức Phật đáp: Vì nó nương ngã kiến rồi sanh điên đảo phân biệt. Điên đảo phân biệt chính là mê lầm, bởi mê nên gây nghiệp, rồi vì nghiệp mà chẳng được giải thoát.

Vua hỏi: Vậy thời các ngã kiến ấy do đâu mà có?

Đức Phật đáp: Lấy vô minh làm cội gốc mà có.

Vua hỏi: Vô minh lấy cái gì làm cội gốc?

Đức Phật đáp: Do ý nghĩ trái lý làm gốc.

Vua hỏi: Ý nghĩ trái lý lấy gì làm gốc?

Phật đáp: Do lòng bất bình đẳng làm gốc.

Vua hỏi: Lòng bất bình đẳng là cái chi?

Phật đáp: Từ hồi nào đến giờ, thật chẳng biết đúng nghĩa "nhu" gọi là lòng bất bình đẳng.

Nhà vua hỏi thêm: Kính bạch Đức Thế Tôn! Cái nghĩa ấy như thế nào?

Phật đáp: Nghĩa là "Thật bất như tri" là với "không" chấp là "có". Nếu đối tất cả pháp ly trần ly kiến mà nói đúng như thế, là lời nói chơn thật vậy.

Kinh Pháp Tập

Nghĩ nhớ thân ta nên sanh khởi thân nghiệp, nghĩ nhớ lời ta nên khởi khẩu nghiệp; nghĩ nhớ ý ta nên sanh ý nghiệp. Rồi sanh khởi nào là: tham lam, giận dữ, lừa dối, tán loạn, phạm giới và ác tâm, phá hoại sáu món Ba la mật đa. Những người như thế chẳng gọi là Bồ Tát được.

Kinh Bát Nhã

G. CÔNG HẠNH VÀ TỪNG BƯỚC GIẢI THOÁT

Căn lành có ba thứ: một căn lành phước phần, hai căn lành giải thoát, ba căn lành đạt phần.

Phước phần là người hay tu nghiệp hơn người, trời sanh về cõi người thì được giòng giàu sang hoặc vua chúa, sanh về cõi trời thì làm vị Đế Thích, Phạm Vương.

Giải thoát phần là hay tu hơn giải thoát, quyết định chẳng trở lui mà đến Niết Bàn.

Đạt phần là hay tu hơn, từ noãn pháp đến thế đệ nhất pháp.

Người bố thí có một nắm cơm mà có thể được món căn lành giải thoát phần, lại có người cứ giáp năm năm mở một Đại hội bố thí mà chẳng được phần giải thoát. Hoặc có người trì trai giới trong một ngày, có thể được phần giải thoát, mà người trì trai giới trọn đời chẳng được giải thoát. Hoặc có người tụng một bài kệ mà được phần giải thoát, lại có người lâu thông văn nghĩa Tam Tạng mà chẳng được món căn lành của phần giải thoát. Tại sao có sự trái ngược như thế? Nếu tu được các công hạnh như trên mà đem tâm dũng mạnh hồi hướng về Niết Bàn giải thoát thì hằng lìa sanh tử, nếu chẳng đem hồi hướng như thế thì có bố thí trì giới và tu học cho đến trọn đời cũng chẳng được giải thoát gì cả.

Luận Bà Ta

Giới, Định, Huệ, là con đường giải thoát. Giới là nghĩa oai nghi. Định là nghĩa bất loạn. Huệ là nghĩa trí giác, và giải thoát là nghĩa lìa trói buộc.

Lại nữa giới: diệt trừ ác nghiệp. Định: diệt trừ trói buộc. Huệ: diệt trừ kiến sử. Và còn ba món thiện sai biệt nữa: Giới là sơ thiện. Định là trung thiện. Huệ là hậu thiện. Tại sao giới là sơ thiện? Vì người có tinh tấn mới trì giới chẳng lui, bởi chẳng lui nên mới được mừng vui, và nhờ tâm vui mới được định nên gọi là sơ thiện. Rồi nhờ Định mà đối với tất cả pháp thấy biết đúng "Như thật" nên gọi là trung thiện. Còn Huệ mà gọi là Hậu thiện là đã thấy biết đúng như thật. Thời chẳng mê, do chẳng mê nên lìa dục; mà lìa dục là giải thoát chớ còn gì nữa.

Luận Giải Thoát Đạo

Giới là thêm bước của tất cả pháp lành, mà cũng là cội gốc nữa. In như đất là chỗ sinh trưởng của tất cả cỏ cây muôn loài.

Kinh Niết Bàn

Giới là gốc chánh thuận giải thoát, nên gọi là giải thoát giới bốn. Nhờ giới mới được sanh các thiền định và trí huệ diệt khổ, vậy nên các Tỷ kheo phải trì tịnh giới, đừng để thiếu khuyết. Nếu ai năng trì tịnh giới thì được pháp lành; bằng không tịnh giới, các thiện công đức không thể sanh được. Vậy nên phải biết giới là chỗ yên ổn công đức thứ nhất vậy.

Kinh Di Giáo

Năm giới là:

1. Chăng sát sanh
2. Chăng cho chằng lấy
3. Chăng tà dâm
4. Chăng nói dối
5. Chăng uống rượu. Nếu ai thường tu trì năm giới là được quả báo sanh về cõi người cõi trời.
6. Kinh Trung A Hàm

Tám giới là năm giới trước và thêm ba giới nữa là:

1. Ăn chằng quá trưa
2. Chăng ngồi nằm tòa cao giường rộng
3. Chăng nhảy múa, đánh nhạc và thoa dầu thơm vào thân. Nên gọi là bát quan trai giới pháp của các Tỷ kheo Hiền Thánh vậy.

Kinh Tăng Nhứt A Hàm

Mười pháp lành là: Thân có 3: chằng sát, trộm, tà dâm. Khẩu có 4: chằng nói dối, hai lưỡi, ác khẩu và nói thêu dệt. Ý có 3: chằng khởi tham dục, giận dữ và tà kiến.

Kinh Hải Long Vương

Mười món trọng cấm giới là:

1. Chớ vì vui sát sanh
2. Chớ cướp trộm của người
3. Chớ cùng với đàn bà mà hành dâm
4. Chớ cố ý nói dối
5. Chớ mua hay bán rượu
6. Chớ nói dối của tứ chúng
7. Chớ tự khen mình mà chê người
8. Chớ lẫn pháp với kẻ cầu pháp mà còn hủy báng nữa
9. Chớ chịu lời can rỗi lại giận dữ khước lui mà chẳng tự ăn năn
10. Chớ bài báng Tam Bảo

Tỳ kheo phạm phải 10 giới này bị tội rất nặng.

Kinh Phạm Võng

Hỡi các Tỳ kheo: Nếu ai nhiếp tâm thời tâm có định. Vì tâm có định mới có thể biết được pháp sanh diệt của muôn vật. Vậy nên các người thường phải tinh tấn tu tập các định. Nếu ai được định thời tâm chẳng tán loạn; in như con nhà nông tiếc nước, khéo trị bò cỡi. Các người cũng nên tiếc nước trí huệ, khéo tu các thiền định, chớ để lọt mất đi uống lấm.

Kinh Di Giao

Nhập định tu hành tuy có nhiều món, nhưng ai muốn vào chỉ có hai cửa này là dễ hơn, một là bất tịnh quán, hai là trì tức niệm.

Tu quán bất tịnh, chính vì trừ lòng tham dục, mà đối trị tham dục có hai phương pháp: một quán thân mình; hai quán thân người. Những kẻ sáng trí, quán thân mình từ dưới chân lên đầu quan sát cùng khắp khiến tâm ón nhàm. Còn kẻ tối trí, phiền não quá mạnh, khó mà uốn dẹp được, phải nhờ sức bên ngoài mới đối trị nổi, thời cần quán thân kẻ khác. Khi quán thân người, phải khởi lòng từ trước đã. Rồi đi đến chỗ thân người chết nằm, do thấy tướng thân chết mà nghĩ đến tướng mình: nghĩ rằng tướng kia đã vậy thì tướng mình cũng sẽ như thế.

Tiếp theo cứ nương thân kia mà làm 8 pháp quán tướng để đối trị 4 thứ tham dục: Vì trị mê tham dục hình dung nhan sắc tướng người thời phải quán tướng xanh bầm và đen đỏ nơi thân chết; vì trị mê tham dục tướng mạo nơi người, thời phải quán tướng thân năm vóc rã rời và bị cầm thú giành ăn; vì trị mê về da lông, thời quán tướng thịt xương tan nát; vì trị mê ăn mặc xinh đẹp thời quán tướng thân sinh chương hôi thúi. Rồi sau quán từng đốt xương nơi thân ấy. A? là tu bất tịnh quán vậy.

Phương pháp trì tức niệm là nghĩ nhớ hơi thở ra vào, chính vì để đối trị tư tưởng tán loạn. Chuyên tu pháp này có 6 thứ là: đếm hơi, tùy ý, ngừng hơi, quán hơi, chuyển và định hơi vậy:

1. Đếm hơi: Đếm hơi thở ra vào, để phòng tâm chớ cho tụ hoặc tán cảnh khác. Phạm đếm hơi, trước phải bắt đầu từ hơi hít vào, vì con người khi mới sanh trước hít hơi thở vào; rồi khi chết hơi thở cuối cùng là thở ra. Thở ra mà chẳng hít vào là chết. Dùng phương pháp quan sát ngôi sanh tử như vậy, rồi tưởng đến con vô thường lần lần mới có thể tu tập.
2. Tùy ý: Theo dõi hơi thở ra vào, chuyên tâm ghi nhớ nó ra vào dài hay ngắn.
3. Chỉ tức: Theo dõi hơi thở ra vào mà chuyên nhớ nó dừng đậu ở chỗ nào, khi nó dừng đậu ở chỗ nào, chẳng hạn như ta muốn nó dừng đậu ở chỗ sống mũi, hoặc giữa chầng lông mày, hoặc dưới ngón chân tùy ý mà an trụ thời tâm đắc các chỗ ấy.
4. Quán tức: Quán hơi thở ở trong thân như sợi dây chỉ luồn trong lòng hột chuối vậy.
5. Chuyển tức: Quán cả vật chất lẫn tinh thần nghĩa là bốn món đại chủng tạo sắc: "tức là đất, nước, gió, lửa" và tâm vương cùng tâm sở đều quán cả.
6. Tịnh tức: Từ địa vị thế đệ nhứt thăng tiến mãi cho tới kiến đạo tận trí v.v... gọi là tịnh tức. Tu hai pháp quán này là tâm được định.

Luận Cu Xá

Đức Phật dạy: Này các Tỳ kheo! Kẻ giác ngộ là hiểu bốn đạo lý Tứ đế đúng như sự thật.

Biết Khổ đế đúng như sự thật, là biết 8 món khổ: sanh, già, đau, chết, xa lìa kẻ ân ái, gặp gỡ kẻ oán thù, cầu muốn chẳng được và năm ấm bức bách.

Biết Khổ Tập đế: đúng như sự thật, là biết tâm ái trước hiện tại rồi phải chịu lấy thân và lòng tham dục ở vị lai, là vì có thân và dục nên tìm lấy các món khổ quả.

Biết Khổ Diệt đế là biết ái, dục và các món khổ quả khiến dứt hẳn không còn gốc sanh tử nữa.

Biết Khổ Đạo đế là biết tám món Chánh đạo.

Này các Tỳ kheo! Cần phải biết 4 món Khổ, Tập, Diệt rồi mới tu 8 món Chánh đạo của Đạo đế là chứng được Đạo quả vậy.

Kinh Trung A Hàm

Tám món Chánh đạo là:

1. Thấy biết chơn chánh
2. Suy nghĩ chơn chánh
3. Nói lời chơn chánh
4. Nghề nghiệp chơn chánh
5. Lối sống chơn chánh
6. Tinh tiến chơn chánh
7. Nghĩ nhớ chơn chánh
8. Thiên định chơn chánh

Thấy biết chơn chánh là tinh tu bồ thí, lễ kính sa môn, đạo nhơn, cúng dường Phật, và hiếu thuận cha mẹ, tu mọi pháp lành đời sau được phước.

Suy nghĩ chơn chánh là nghĩ nhớ đến Đạo, chẳng giận dữ, tu nhẫn nhục chẳng lán nhau.

Nói lời chơn chánh là chẳng phạm lỗi nói dối thêu dệt, ác khẩu, hai lưỡi.

Nghề nghiệp chánh, là chẳng trộm cướp, chẳng sát sanh, chẳng mãi dâm.

Lối sống chánh, là đối với uống ăn giường nằm v.v... chẳng tham, xa lìa phi pháp.

Tinh tiến chánh, là tu hạnh tinh tiến.

Nghĩ nhớ chánh là ý chẳng nghĩ bậy.

Thiên định chánh, là giữ gìn ý thức đừng cho phạm lỗi vậy.

Kinh Bát Chánh Đạo

Dùng trí huệ quan sát nguyên do của sanh tử: bởi "sanh" có già chết, sanh làm trợ duyên cho "già chết"; sanh bởi "hữu" mà khởi, hữu làm trợ duyên cho sanh; hữu bởi "thủ" mà khởi, thủ làm trợ duyên cho hữu; thủ bởi "ái" mà khởi, ái làm trợ duyên cho thủ; ái bởi "thọ" mà khởi, thọ làm trợ duyên cho ái; thọ bởi "xúc" mà khởi, xúc làm trợ duyên cho thọ; xúc bởi "lục xứ" mà khởi, lục xứ làm trợ duyên cho xúc; lục xứ bởi "danh sắc" mà khởi, danh sắc làm trợ duyên cho lục xứ; danh sắc bởi "thức" mà khởi, thức làm trợ duyên cho danh sắc; thức bởi "hành" mà khởi, hành làm trợ duyên cho thức; hành bởi "si" mà khởi, si làm trợ duyên cho hành.

Bởi vì duyên "si" mới có "hành" duyên hành mới có "thức" duyên thức mới có "danh sắc" duyên danh sắc mới có "lục xứ", duyên lục xứ mới có "xúc" duyên xúc mới có "thọ"

duyên thọ mới có "ái" duyên ái mới có "thủ" duyên thủ mới có "hữu" duyên hữu mới có "sanh", và duyên sanh mới có "lão tử", và "ưu bi khổ não" vậy.

Lại cũng dùng trí huệ mà quan sát: không có "sanh" thời không có "lão tử", không có "hữu" thời không có sanh, không có "thủ" thời không có hữu, không có "ái" thời không có thủ, không có "thọ" thời không có ái, không có "xúc" thời không có thọ, không có "lục xứ" thời không có xúc, không có "danh sắc" thời không có lục xứ, không có "thức" thời không có danh sắc, không có "hành" thời không có thức, và không có "si" thời không có hành.

Vậy nên "si" diệt thời "hành" diệt, hành diệt thời "thức" diệt, thời "danh sắc" diệt, danh sắc diệt thời "lục xứ" diệt, lục xứ diệt thời "xúc" diệt, xúc diệt thời "thọ" diệt, thọ diệt thời "ái" diệt, ái diệt thời "thủ" diệt, thủ diệt thời "hữu" diệt, hữu diệt thời "sanh" diệt, sanh diệt thời lão tử và ưu bi khổ não cũng diệt hết.

Chính lúc Bồ tát suy nghĩ và quan sát như thế, thời phát sanh ra nào là: trí kiến, pháp nhãn, giác ngộ, sáng tỏ, thông suốt, trí huệ và chứng đạo.

Bồ tát dùng trí quan sát 12 nhơn duyên bằng cách: thuận đi và nghịch về, (thuật ngữ lưu chuyển "đi" và hoàn diệt "về") đúng như thật mà hiểu biết và đúng như thật mà thấy biết xong, tức thì chứng được quả chánh đẳng chánh giác cao tột.

Kinh Trường A Hàm

Nếu hành giả chuyên tu "chỉ" thời tâm chìm lặn, hoặc sanh trở nhác, chẳng ưa các việc lành, xa lìa lòng đại từ, vậy nên cần phải tu "quán" nữa. Hành giả tu quán: cần phải quan sát các pháp hữu vi trong thế gian, chẳng đặng dừng lâu, giây lát biết hoại, vì tất cả hành nghiệp của tâm sanh diệt từng mỗi niệm, cho nên bị khổ, nên quán các pháp đã nghĩ niệm thời quá khứ mường tượng như chiêm bao, nên quán các pháp đang nghĩ niệm hiện tại như điện chớp nhoáng; nên quán các pháp nghĩ niệm ở vị lai như mây bồng nhiên sanh khởi, và nên quán tất cả thân thể người thế gian thấy đều bất tịnh không chút đáng ưa. Và nên nghĩ như vậy: Tất cả chúng sanh từ hồi nào đến giờ, bởi vô minh xông ướp thành thói quen, nên khiến tâm sanh diệt tất cả thân lẫn tâm thời quá khứ đã bị nhiều khổ não hiện tại đang có khốn ngặt không lường; còn khổ ở vị lai cũng không ngăn mé, khó bỏ khó rời mà nào hay biết! Những chúng sanh như thế rất là đáng thương. Suy nghĩ như vậy, liền nên mạnh mẽ lập đại thệ nguyện: nguyện cho tâm ta, xa lìa phân biệt, khắp cùng mười phương tu hành tất cả các công đức lành; tận cùng vị lai dùng vô lượng phương tiện cứu vớt tất cả chúng sanh khổ não, khiến cho chúng được vui Niết Bàn đệ nhất nghĩa.

Vì đã thành lập thệ nguyện như thế nên với tất cả thời, tất cả xứ có bấy nhiêu điều lành, tùy sức kham năng của mình, chẳng bỏ tu học, tâm không trở nhác. Duy trừ lúc tọa thiền

chuyên tu niệm về "chỉ" mà thôi, kỳ dư tất cả thời, thầy đều quan sát việc nên làm, việc chẳng nên làm...

Luận Đại Thừa Khởi Tín

Những khi đi, đứng, ngồi nằm và đứng dậy cần nên "chỉ quán" cùng tu một lúc đã có chỗ dạy: tuy nghĩ, tự tánh các pháp chẳng sanh mà lại liền nghĩ: Nhơn duyên hòa hiệp thời nghiệp lành dữ quả báo khổ vui v.v... chẳng mất chẳng hư vậy. Tuy nghĩ nhơn duyên lành dữ nghiệp báo mà cũng liền nghĩ tánh nó chẳng khá được. Nếu tu "chỉ" thời đối trị phàm phu tham đắm thế gian và có thể bỏ kiến chấp của bực nhị thừa khiếp sợ. Nếu tu "quán" thời đối trị bực nhị thừa chẳng phát khởi lòng đại bi là bởi vì tâm yếu ớt và xa lìa phàm phu chẳng tu căn lành. Vì những nghĩa ấy nên "chỉ quán" hai món chẳng bỏ rời nhau. Nếu "chỉ quán" chẳng cùng tu một lúc thời không thể nào vào được Đạo Bồ đề.

Luận Đại Thừa Khởi Tín

Này các Tỳ kheo! Người có trí huệ thì không tham đắm, nên cần tự tĩnh đừng để mất chánh niệm, là ở trong pháp Ta được Đạo quả giải thoát. Nếu bỏ mất trí huệ đã chẳng phải người Đạo lại phi kẻ tục, chẳng biết gọi tên chi cho trúng. Kẻ thật có trí huệ tức là con thuyền bền chắc vượt qua biển lão bệnh tử; mà cũng là ngọn đèn sáng vĩ đại soi chỗ tối vô minh; lại cũng chính là vị thuốc hay chữa lành mọi chứng bệnh; rồi nó cũng là cái búa bén hạ các cây phiền não.

Vậy nên các người phải lấy ba món huệ là: văn, tư, tu mà tự lợi ích. Nếu người chỉ có ánh sáng trí huệ, tuy chưa có thiên nhãn, nhưng cũng là kẻ minh kiến vậy.

Kinh Di Giáo

Vì sao gọi văn, tư, tu là ba huệ? Văn huệ là khi nghe được pháp, tâm thường vui mến chẳng nhàm mỏi vậy. Tư huệ là với tất cả pháp "hữu vi" đúng như thật tướng mà nghĩ nhớ quan sát nhận biết: vô thường, khổ, không, vô ngã biết nó sanh diệt từng mỗi niệm. Chẳng bao lâu bị bại diệt mà sanh lòng nhàm lìa, mới quyết lấy Phật trí huệ vậy. Tu huệ là thật ly dục, vì dục là pháp bất thiện, rồi mới lần lữa chứng vào Đạo vậy.

Luận Phát Bồ Đề Tâm

Có bốn pháp làm nhơn gần cho Đại Niết Bàn:

1. Gần gũi bạn lành
2. Chuyên tâm nghe pháp
3. Chuyên niệm suy nghĩ
4. Đúng như pháp tu hành. Vì nếu chỉ nghe suông thì chẳng được Đại Niết Bàn, nên phải có tu tập mới được Đại Niết Bàn. Thí như người bệnh tuy được Thầy thuốc nói cho nghe tên món thuốc, nhưng bệnh chưa thể lành, muốn bệnh lành trước phải uống thuốc.

Kinh Niết Bàn

Đức Phật bảo Ngài Đại Huệ: Này Đại Huệ! Bồ Tát phải khéo léo quán sát hai tướng vô ngã: thường gọi người là tướng không ta và pháp tướng không ta. Người tướng không ta là uẩn, xứ, giới nó là cái ta và những sự vật bị có của cái ta. Do vô minh ái nghiệp sanh khởi, mắt tai các thức mà lấy tướng sắc v.v... thành chấp trước. Thân thể và thế giới đều là vật bị hiển hiện của tạng tâm, nối nhau từng giây lát rất ngắn, biến hoại chẳng dừng như giòng nước chảy, như hột giống chuyển mình sanh mộng, như ngọn đèn mãi sanh diệt, như đám mây bay lơ lửng, nó nhảy động chẳng yên như con khi, nó thích ăn đồ dơ như loại ruồi lẳng, nó chẳng biết nhàm đủ như lửa dữ, vì bởi tập khí nên ở trong các loài trôi lăn chẳng dứt như bánh xe lấy nước. Nhưng có những oai nghi động tịnh nơi thân, giống như thầy chết được cử động là nhờ sức thần chú; cũng như người gỗ nhờ máy mà cử động. Nếu ai biết rõ được các tướng ấy là đã được vô ngã trí.

Đại Huệ! Pháp vô ngã trí là biết đúng như sự thật, phân biệt uẩn, xứ, giới là tánh vọng chấp mà có. Bồ tát biết các món ấy không có cái ta và vật bị có của cái ta, chỉ bởi chất chứa dây nghiệp ái rồi trôi buộc lẫn nhau mà thay nhau sanh khởi, vì là nhơn duyên sanh, nên biết nó vô ngã là không có kẻ năng tác.

Này Đại Huệ! Uẩn xứ, giới v.v... lia đồng tướng, dị tướng. Phàm phu ngu si phân biệt bậy bạ cho là có thật, mà các bậc Thánh chẳng cho là có. Quán sát tất các pháp như vậy, thời gọi là Bồ tát được pháp vô ngã trí. Sau khi được trí ấy, mới biết cảnh giới không thật có, tu hạnh tịch tịnh, chẳng bao lâu chứng được bậc Sơ hoan hỉ địa, rồi lần lữa tiến tới chúng đến pháp vân địa.

Kinh Lăng Già

Bồ tát ở chỗ các đức Phật nghe pháp, thọ trì, gần Thiện tri thức phụng sự chẳng mỏi, thường ưa nghe pháp, tâm không nhàm đủ, theo pháp đã nghe đúng lý mà suy nghĩ.

Kinh Hoa Nghiêm

Khi mà Đạo trí đến, in như mặt trời mọc, các chỗ tối chẳng biết được.

Kinh A Xà Thế Vương

Đức Phật nói: Này Xá Lợi Phất! Thân tâm Như Lai đã được công đức khó tu khó chứng, cũng khó ngộ vào. Trí hiểu biết tự tại đối với ngoại cảnh, chẳng vọng chấp tốt xấu mà sanh lòng ưa ghét. Lúc ý thức duyên các pháp, cùng với thắng trí tương ưng rõ biết cảnh sở quán, được yên lặng cao thượng. Thân tâm của Như Lai, nhờ định trí mà thành tựu vậy. Khi ý thức duyên các pháp, cùng với thân không khác, lia phân biệt phải quấy. Trí ấn của Như Lai chẳng phải chỉ riêng có Ta mới có chứng được, mà tất cả chúng sanh nào có tâm đại thừa, cầu mong chẳng nhàm chán thời được thiền định cao tột; đem sức thắng định này mà mong cầu Phật tri ấn, thì đạt được thể vô sở đắc. Phạm phu đến khi chết, chỉ thấy việc thân này, mà chẳng thấy việc đời sau. Kẻ có thể thấy quả báo đời sau, chẳng phải cảnh giới phạm phu.

Luận Đại Trang Nghiêm Kinh

Có người Bà la môn tên là Thân Giao nói với ngài Kiều Thi Ca rằng: Phật nói trong tất cả pháp, đều không có cái ta sao?

Kiều Thi Ca đáp: Ta thấy trong Phật pháp, sanh tử không ngăn mé, vì tất cả pháp vô ngã, nếu ai chấp có ngã, thời không thể được đạo quả giải thoát. Nếu biết vô ngã thì không tham dục, liền được giải thoát.

Bấy giờ Thân Giao lý luận với Kiều Thi Ca rằng: Có kẻ bị trói mới có mở trói, mà Ngài nói không có ngã, tức không ai bị trói, thời ai được giải thoát!

Kiều Thi Ca đáp: Tuy vô ngã, không trói mở, nhưng có thứ phiền não nó che khuất, nên bị trói buộc; dứt thứ phiền não ấy thời được giải thoát.

(Từ đây trở đi được giải thoát từng bậc).

Kinh Đại Trang Nghiêm

Thập thiện về bậc thượng, dùng trí huệ tu hành, nhưng còn sợ hãi ba cõi, vì tâm lượng còn hẹp yếu và thiếu tâm đại bi, chỉ nghe tiếng thuyết pháp của kẻ khác mà được rõ biết, nên gọi là Thanh văn thừa.

Kinh Hoa Nghiêm

Thanh Văn có bậc hữu học và vô học hữu học là ba quả: Tu đà hoàn, Tư đà hàm và A na hàm; vô học là quả A la hán.

Luận Bà Ta

Quả Tu đà hoàn còn trải qua 8 muôn kiếp; Tư đà hàm 6 muôn kiếp; A na hàm 4 muôn kiếp; và quả A la hán 2 muôn kiếp, mới chứng được quả vô thượng chánh đẳng chánh giác. Tức quả Phật vậy.

Kinh Niết Bàn

Tịnh tu thượng phẩm thập thiện, chẳng nhờ kẻ khác dạy, chỉ tự giác ngộ lấy mình, những đại bi phương tiện chưa đủ, chỉ hiểu rõ pháp nhưn duyên thâm sâu, nên gọi là Duyên giác thừa.

Kinh Hoa Nghiêm

Hỏi: Kẻ tu pháp quán sanh diệt 12 nhưn duyên, lấy cái gì làm phương tiện?

Đáp: Kẻ ấy mùa xuân thấy cỏ cây xinh đẹp như ngọc lưu ly; thấy dòng sông chảy sanh bọt nước nổi lên đênh mà trôi đến bờ; nhận thấy các ngoại vật này quán là "sanh".

Lại đi vào trong làng xóm, nhận thấy kẻ trai người gái cùng nhau múa hát giỡn cười, rồi quán các kẻ này đều cũng là "sanh".

Sang qua mùa thu thấy cỏ cây đều bị phong sương làm điêu tàn; thấy dòng nước khô cạn, không còn chảy nữa; nhận thấy các ngoại vật này mới khởi ra quán "diệt".

Rồi cũng trở vào làng xóm, thấy trai gái ngã lãn ra chết, những kẻ còn sống xúm lại khóc kẻ om sòm. Thấy vậy rồi quán "diệt".

Kẻ tu hành thấy các thương như thể rồi mới quán thân mình và suy nghĩ rằng: trai gái trẻ già đều bị vô thường chết mất, không một ai tránh khỏi được.

Luận Bà Ta

Duyên giác thừa còn trải qua 10 ngàn kiếp, mới chứng được quả vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Kinh Niết Bàn

Tịnh tu thập thiện thượng phẩm, tâm rộng lớn vô lượng, đầy đủ lòng thương xót, dùng phương tiện phát khởi đại nguyện, chẳng bỏ một chút sanh, cầu đại trí chư Phật, trải qua các địa vị Bồ tát, tu các món Ba la mật. Có thể mới thành tựu hạnh rộng lớn của Bồ tát.

Kinh Hoa Nghiêm

--- o0o ---

Kinh lời vàng

Tác giả: Dương tú Hạc
Dịch giả: HT Thích Trí Nghiêm

---o0o---

CHƯƠNG III

PHẬT ĐÀ

A.TỪ BI

Rõ biết tất cả các pháp sanh diệt, rồi những pháp đáng tu phải tu, đáng diệt phải diệt hết mới gọi là Phật. Phật khi còn tại thế, như hoa sen sanh trong bùn mà chẳng dính bùn, ở

đòi mà chẳng nhiệm đòi, phá tất cả phiền não, rớt ráo lia ngăn mé sanh tử mới được gọi là Phật vậy.

Kinh Trương A Hàm

Giác ngộ gọi là Phật.

Kinh Đại Nhứt

Ví như người nhận biết có giấc, thời kẻ giấc không làm gì được. Các vị Đại Bồ tát, năng giác ngộ tất cả phiền não nhiều vô lượng. Đã giác ngộ thì khiến các phiền não kia, không thể làm gì được. Cho nên gọi là Phật.

Kinh Niết Bàn

Nay trong ba cõi này, đều là vật sở hữu của Ta. Trong ấy có bấy nhiêu chúng sanh, đều là con Ta. Mà ngày nay cõi này lắm hoạn nạn, duy một mình Ta, có thể cứu được mà thôi.

Kinh Pháp Hoa

Ví như người có bảy đứa con, có một đứa bị bệnh sự lo lắng của cha mẹ chẳng phải bất bình đẳng, nhưng tâm niệm của cha mẹ phải nghiêng nặng về đứa con bị đau. Đức Như Lai đối với các chúng sanh, tuy chẳng phải bất bình đẳng, nhưng kẻ có tội, lòng thương phải nặng hơn.

Kinh Niết Bàn

Đức Phật gọi ngài Xá Lợi Phất: Này Xá Lợi Phất! Tại sao tâm Như Lai chẳng khá nghĩ bàn! Vì lòng đại bi của Như Lai thường chẳng bỏ tất cả chúng sanh, khiến cho thành thực nên thường thương xót; vậy nên tâm đại bi của Như Lai không có hạn lượng, chẳng khá nghĩ bàn vậy.

Này Xá Lợi Phất! Tự tánh bồ đề sáng suốt, nên Ta thành tựu chánh giác. Tự tánh sáng suốt ấy là không bị ô nhiễm như hư không, hư không biến khắp các nơi chỗ mà vẫn bình

đăng, cho nên sáng suốt vậy. Như lai vì muốn khiến chúng sanh giác ngộ tự tánh Bồ đề sáng suốt của mình, nên khởi lòng đại bi.

Này Xá Lợi Phất! Bồ đề không có ra vào, cho nên Ta thành tựu chánh giác. Không ra vào ấy là không có hình tướng, nên chẳng ra cũng chẳng vào, vì bình đẳng không có sai khác kia đây, Như Lai muốn khiến chúng sanh biết như thế, nên mới chuyển khởi tâm đại bi.

Này Xá Lợi Phất! Như Lai muốn khiến những kẻ ngu phu dị sanh hiểu biết chơn lý, nên khởi đại bi.

Kinh Đại Thừa Bồ Tát Chánh Pháp

Tâm Phật là tâm đại từ bi vậy. Đem lòng từ vô duyên, mà nhiếp hóa chúng sanh.

Kinh Quán Vô Lượng Thọ

Đại từ đại bi gọi là Phật tánh. Từ tức Như Lai, Như Lai tức từ.

Kinh Niết Bàn

Ta ở trong vô lượng kiếp làm ông Đại thí chủ, giúp khắp các kẻ nghèo khổ, mới thệ nguyện thành quả chánh giác.

Kinh Vô Lượng Thọ

Này Thiên nam tử! Bạc trí giả nhận thấy tất cả chúng sanh chìm đắm trong biển cả sanh tử phiền não, vì cứu vớt, nên sanh lòng thương.

Lại thấy chúng sanh, mê nơi đường tà mà không ai chỉ dẫn, nên sanh lòng thương. Lại thấy chúng sanh, nằm trên đồng bùn năm dục mà chẳng biết tránh, hãy còn buông lung, nên sanh lòng thương.

Lại thấy chúng sanh, thường bị của cải vợ con trói buộc, mà chẳng bỏ rời, nên sanh lòng thương. Lại thấy chúng sanh, thân, miệng, ý gây nghiệp chẳng lành, chịu nhiều quả khổ, hãy còn vui đắm, nên sanh lòng thương.

Lại thấy chúng sanh, khao khát tìm cầu năm món dục lạc, như kẻ khát nước, uống nhầm nước mặn, nên sanh lòng thương. Lại thấy chúng sanh, tuy muốn cầu sướng, mà chẳng tạo nghiệp vui; tuy chẳng ưa khổ, lại thích tạo nhơn ác; muốn hưởng vui cõi trời, mà chẳng tu đầy đủ giới hạnh, nên sanh lòng thương. Lại thấy chúng sanh, đối với cái không phải ta và không phải của cái bị có của cái ta mà sanh ý tưởng ta và của ta, nên sanh lòng thương.

Lại thấy chúng sanh sợ sanh, già chết mà lại gây tạo nghiệp sanh, già chết nên sanh lòng thương. Lại thấy chúng sanh, ở chỗ tối tăm, mà chẳng biết thấp đèn trí huệ cho sáng tỏ, nên sanh lòng thương.

Lại thấy chúng sanh, bị lửa phiền não đốt cháy, mà chẳng biết tìm nước chánh định để tưới cho tắt, nên sanh lòng thương. Lại thấy chúng sanh, vì vui năm dục, chẳng cầu dứt đi, như kẻ đói ăn cơm độc, nên sanh lòng thương.

Lại thấy chúng sanh gặp Phật ra đời, nghe pháp cam lồ, mà chẳng chịu tu trì, nên sanh lòng thương. Lại thấy chúng sanh, tìm bạn tà ác, trọn chẳng nghe theo lời dạy của Thiện tri thức, nên sanh lòng thương. Lại thấy chúng sanh, có nhiều của cải, chẳng tu bố thí, nên sanh lòng thương. Lại thấy chúng sanh, làm ruộng làm nghề, buôn ngược bán xuôi, mọi điều khổ sở, nên sanh lòng thương. Lại thấy chúng sanh, cha mẹ, anh em, vợ con, tôi tớ, bà con giòng họ, chẳng thương mến nhau, nên sanh lòng thương.

Kinh Ưu Bà Tác Giới

B. TRÍ TUỆ

Tâm, ý thức của Như Lai rất khó lường, in như hư không làm chỗ nương cho tất cả. Trí của Như Lai làm chỗ nương cho trí thế gian và xuất thế gian. Ví như pháp giới thanh tịnh thường làm chỗ nương dựa giải thoát cho Thanh văn, Duyên giác, và Bồ tát. Ví như nước biển cả chảy thấm nhuần khắp đất bốn thiên hạ. Trí của Như Lai trong sạch sáng suốt, bình đẳng không hai, không có phân biệt. Nhưng chỉ tùy theo chỗ sai khác tâm hành của chúng sanh, nên chỗ được trí huệ đều chẳng đồng vậy.

Kinh Hoa Nghiêm

Đức Như Lai thành quả chánh giác với tất cả nghĩa: không còn quan sát pháp bình đẳng, không còn chỗ nghi hoặc; không hình, không tướng, không đi cũng không đứng, không lường không ngăn, lia hai bên, trụ trung đạo, vượt ra ngoài tất cả văn tự ngữ ngôn; mà biết tất cả bản tánh ưa muốn, tâm nghĩ, chỗ làm và những phiền não tập nhiễm của chúng sanh; với trong một niệm biết hết tất cả các pháp trong ba đời, in như biển cả, có bấy

nhiều thân sắc hình tượng của chúng sanh trong bốn thiên hạ đều có thể ẩn hiện trong biển ấy vậy.

Kinh Hoa Nghiêm

Cõi nước trong sạch ở phương đông có Đức Phật hiệu Nhựt Nguyệt Quang. Vị Phạm Thiên Tư Ích bái hào quang của Đức Phật, rồi đến chỗ Phật mà thưa rằng: Bạch Đức Thế Tôn! Tôi nay muốn đến thế giới Ta bà để lễ bái Đức Phật Thích Ca Mâu Ni và cúng dường thân cận?

Phật Nhựt Nguyệt Quang bằng lòng và bảo: Cõi Ta bà hiện nay đang tập hội rất đông Bồ tát, người nên dùng 10 pháp mà đến cõi kia:

1. Với việc chê khen, tâm chớ thêm bớt
2. Nghe được thiện ác, tâm đừng phân biệt
3. Với kẻ ngu kẻ trí đều đem lòng thương mà giao tiếp
4. Với ba bậc chúng sanh thượng, trung, hạ, ý thường bình đẳng
5. Việc cúng dường không nên hai lòng
6. Họ có khuyết điểm, đừng chấp chỗ lỗi
7. Với các Thừa chỉ thấy Nhất thừa
8. Nghe tên ba ác đạo, đừng sợ hãi
9. Thấy các Bồ tát nên tưởng đó là Như Lai
10. Đức Phật bên ấy, xuất hiện nhằm đời năm món đục vẫn, nên tưởng là hiếm có

Người, nên lấy mười pháp này mà qua bên ấy.

Ngài Phạm Thiên Tư Ích thưa: Tôi nay xin đi, nhờ Phật biết cho và hộ niệm.

Kinh Phạm Thiên Tư Ích Sở Vấn

Huệ sáng chói không lường, thân như núi Chơn Kim, sắc vàng màu chói sáng, khắp soi các thế giới, theo vật hiện màu sắc, vậy nên cúi đầu lễ.

Luận Thập Trụ Tì Bà Ta

Thí như mặt trời xuất hiện cõi Diêm Phù Đề, trước chiếu núi Tu di và các núi cao cả, thứ chiếu núi Bắc Sơn, thứ nữa chiếu gò cao, nhiên hậu mới chiếu tất cả đại địa. Nhưng mặt

trời không có quan niệm sai biệt chiếu chỗ này trước nơi nọ sau, mà bởi chốn đại địa có cao thấp, nên mới có sự chiếu soi trước sau sai khác.

Đức Như Lai thuyết pháp cũng giống như thế. Đã trọn nên bánh xe trí huệ vô lượng pháp giới, thường phóng ra trí huệ chói sáng không ngăn ngại, trước chiếu các Bồ Tát là bậc Đại sơn vương, thứ chiếu Duyên Giác, thứ nữa chiếu Thanh Văn và sau cùng mới chiếu soi những chúng sanh có căn lành quyết định, tùy theo tâm lượng, mà hiện trí rộng lớn; nhiên hậu mới chiếu soi khắp tất cả chúng sanh cho đến những kẻ tu tà định cũng đều soi tới.

Nhưng đại trí Nhựt Quang của Như Lai chẳng bao giờ nghĩ sai khác như vậy, chỉ phóng yển sáng bình đẳng chiếu soi khắp cả, không có ngăn ngại; mà vì tâm trí chúng sanh có cao thấp, nên sự chiếu soi mới có trước sau sai khác vậy thôi.

Kinh Hoa Nghiêm

Ví như mặt, trời mọc sáng soi mà kẻ mù chẳng từng thấy, vì không mắt từ trong bụng mẹ, tuy không thấy, nhưng họ vẫn được hưởng lợi ích ánh sáng của mặt trời. Trí quang cũng như vậy. Những chúng sanh mù không tin, không hiểu, phá giới, sống lối sống tà mạng, vì không có con mắt tin, chẳng thấy vầng huệ nhựt của các đức Phật; nhưng cũng được trí nhựt của các đức Phật làm lợi ích cho. Tại sao? Vì các Phật Như Lai dùng sức thành tựu khiến chúng sanh có bấy nhiêu khổ nơi thân và phiền não nơi tâm, cùng những nhơn khổ vị lai đều tiêu dứt mà được căn lành vậy.

Kinh Hoa Nghiêm

Đức Phật:

1. Có chúng sanh chuyên tâm nhớ nghĩ, thời hiện trước mặt
2. Có chúng sanh, thân tâm điều thuận, vì hiện nói pháp
3. Có chúng sanh, hay sanh tịnh trí, quyết được căn lành vô lượng
4. Có chúng sanh, hay vào ngôi pháp, đều khiến hiện chứng hiểu rõ
5. Có chúng sanh, thời giáo hóa không biết nhàm mỏi
6. Đạo nước các đức Phật qua lại không ngại
7. Vì lòng đại bi, nên chẳng bỏ một chúng sanh nào
8. Hiện thân biến hóa, hằng chẳng dứt bật
9. Thân thông tự tại, chưa từng ngừng nghĩ
10. An trụ pháp giới mà năng quan sát

Kinh Hoa Nghiêm

C. CỨU TẾ

Đức Phật năng lấy pháp tự trừ mê, cũng khiến người trừ mê; tự được thiên định, cũng khiến người được thiên định; tự qua bờ bên kia, cũng khiến người qua bờ bên kia; tự giải thoát, cũng khiến người được giải thoát; và tự được diệt độ, cũng khiến người được diệt độ.

Kinh Trường A Hàm

Đức Phật hỏi ông thầy tập voi về phương pháp điều phục con voi có mấy thứ?

Thầy tập voi đáp: Thưa Ngài có 3 thứ là:

1. Lấy móc sắt móc nơi miệng, rồi xỏ dây cột dắt
2. Giảm ăn thường khiến nó đói ốm
3. Lấy gậy đánh cho thật đau

Nhờ cái móc móc miệng, mới chế được cái miệng dữ; nhờ chẳng cho ăn nhiều mới chế được cái thân hung bạo; nhờ đánh đập, mới chế phục được cái tâm hung hăng.

Đức Phật bảo với ông thầy voi rằng: Ta cũng có 3 pháp như vậy, để mà điều phục mọi chúng sanh, và cũng tự điều phục mình nữa, khiến cho được đạo vô vi:

1. Lấy tâm chí thành mà chế ngự lỗi nơi miệng
2. Lấy lòng trong lành, mà chế phục cái thân cương cứng
3. Lấy trí huệ diệt ngu si

Ai mà đủ ba món này, thời độ được mọi người xa lìa ba ác đạo.

Kinh Pháp Cú Thí Dụ

Đức Phật bảo Phạm thiên Tư Ích: Này Tư Ích! Nếu ai hay biết Phật dùng năm sức mà nói pháp, thì kẻ ấy mới có thể làm Phật sự.

Tư Ích thưa: Bạch Thế Tôn! Phật dùng năm món sức là thứ gì?

Phật dạy: 1. Lời nói, 2. Tùy nghi, 3. Phương tiện, 4. Pháp môn, 5. Đại bi.

1. Lời nói: Là nói các pháp ba đời quá khứ, vị lai và hiện tại; nói pháp thể gian và xuất thể gian; nói pháp có tội không tội; nói pháp hữu lậu vô lậu; nói pháp hữu vi vô vi; nói pháp sanh tử Niết bàn. Nhưng các pháp ấy không thể nói mà phải nói. Nếu khi biết như thế, tuy có tất cả lời nói, mà với các pháp ấy không tham đắm, vì không tham đắm nên tài biện luận không bị ngăn ngại, vì các lời nói ấy chẳng phá hoại được pháp tánh của các pháp, là vì lời nói chẳng phải pháp tánh vậy.
2. Tùy nghi: Là câu pháp nói tịnh pháp mà tịnh pháp nói câu pháp; vì kẻ chấp trước nơi lời nói, nên thật ngữ nói hư vọng; vì kẻ ngạo mạn quá nặng, nên hư vọng nói thật ngữ; vì muốn diệt các chấp điên đảo phiền não nên nói có Niết bàn; vì muốn diệt cái chấp các pháp bất sanh, bất diệt và vô thường, nên nói không có Niết bàn; tùy theo pháp thể gian, nói có chúng sanh; tùy theo pháp xuất thể gian, nói không có chúng sanh.
3. Phương tiện: Phật vì chúng sanh nói bố thí được đại phước, trì giới được lên trời, nhẫn nhục được quả báo thân tốt đẹp tinh tấn được các công đức, thiền định được pháp vui, trí huệ được bỏ các phiền não, đa văn được thêm lớn trí huệ, tu tập thiện hưởng phước người trời; từ bi hủy xả, được làm Phạm thiên; thiền định được như thật trí huệ; trí huệ được đạo quả; bậc "học" được bậc vô học, bậc Phật mới được vô thượng trí huệ; Niết bàn diệt tất cả phiền não. Nhưng Như Lai vô ngã tướng, vô nhơn tướng, vô chúng sanh và vô thọ giả các tướng. Cũng không bố thí cùng tham lam, không trì giới cùng phá giới, không nhẫn nhục cùng giận dữ; không tinh tấn cùng biếng lười, không thiền định cùng tán loạn, không trí huệ và quả trí huệ. Không có tất cả các tướng mà thường nói pháp, là đều vì tất cả chúng sanh mới phương tiện mà nói pháp vậy.
4. Pháp môn: Là mắt tai mũi lưỡi thân ý sáu căn, với sắc thanh hương vị xúc pháp sáu cảnh, đều là cửa giải thoát. Tại sao thế? Vì là sáu căn sáu cảnh kỳ thiết là: không, vô ngã, vô ngã sở, không, vô tướng, vô tác, vô sanh, vô diệt, vô sở lai, vô sở khứ, vô thối, vô khởi, là vì pháp tánh thanh tịnh mà Ta phương tiện dùng văn tự để chỉ vẽ mà thôi.
5. Đại bi: Là Phật dùng 32 đại bi cứu độ chúng sanh:
 1. Tất cả các pháp vô ngã mà chúng sanh chẳng tin chẳng biết, Ta nơi ấy mà sanh khởi lòng đại bi
 2. Tất cả chúng sanh, thật không mà tin có, khởi đại bi
 3. Tất cả pháp, không thọ mạng mà tin có, khởi đại bi
 4. Tất cả pháp, không tướng người mà tin có, khởi đại bi
 5. Tất cả pháp, không bị có mà tin có, khởi đại bi
 6. Tất cả pháp, không trụ mà tin có, khởi đại bi
 7. Tất cả pháp, không chỗ về mà tin có, khởi đại bi
 8. Tất cả pháp, không phải vật bị có của ta mà tin có, khởi đại bi
 9. Tất cả pháp, không sở thuộc về ai mà tin có, khởi đại bi
 10. Tất cả pháp, không có tướng khá lấy mà tin có, khởi đại bi
 11. Tất cả pháp, không sanh mà tin có, khởi đại bi
 12. Tất cả pháp, chẳng thối sanh mà tin có, khởi đại bi
 13. Tất cả pháp, không dơ mà chấp dơ, nên khởi đại bi

14. Tất cả pháp, lìa nhiễm mà cho có nhiễm, khởi đại bi
15. Tất cả pháp, lìa sân mà cho có sân, khởi đại bi
16. Tất cả pháp, lìa si mà cho có si, khởi đại bi
17. Tất cả pháp không chỗ đến, mà tin có đến, nên khởi đại bi
18. Tất cả pháp không chỗ đi, mà tin có đi, khởi đại bi
19. Tất cả pháp không khởi, mà tin có khởi, khởi đại bi
20. Tất cả pháp không hí luận mà tin có, khởi đại bi
21. Tất cả pháp vô tướng mà tin có, khởi đại bi
22. Tất cả pháp vô tác mà tin có, khởi đại bi
23. Thế gian thường khởi giận dữ, tranh dành, khởi đại bi
24. Thế gian khởi niệm tà kiến, làm tà hạnh, khởi đại bi
25. Thế gian tham ăn không nhàm, cướp giựt lẫn nhau, khởi đại bi
26. Chúng sanh đối với sản nghiệp vợ con v.v... mền chấp chắc cứng, nên khởi lòng đại bi
27. Chúng sanh tham đắm với cái thân, nên khởi đại bi
28. Chúng sanh ưa đối gạc, làm tà mạng, nên khởi đại bi
29. Chúng sanh vui ở nhà bất tịnh, nên khởi đại bi
30. Chúng sanh lười biếng tu hạnh chánh giải thoát, khởi đại bi
31. Chúng sanh bỏ trí huệ cao tốt, mà cầu mong trí huệ Thanh văn, Duyên giác, nên khởi đại bi
32. Tất cả pháp không diệt, mà tin có diệt, nên khởi đại bi

Nếu có Bồ tát nào sanh khởi lòng đại bi như thế là đáng Đại Phước Điền vậy.

Kinh Phạm Thiên Tư Ích Sở Vấn

Phật dùng một âm diễn nói pháp, tùy các loài chúng sanh đều được hiểu.

Kinh Duy Ma

Tiếng Như Lai màu nhiệm, vang dội nghe mười phương.

Luận Trí Độ

Có lời hỏi: Pháp mà đức Phật đã chứng chỉ có một, nhưng có chi lại hiện cõi nước vô lượng, giáo hóa chúng sanh vô lượng, diễn tiếng nói vô lượng và hiện thân vô lượng vậy?

Đáp: Ví như tánh đất chỉ có một, chúng sanh ở rải rác, đất không nghĩ là đồng hay là khác. Lại như tánh lửa cũng chỉ có một, mà hay đốt mọi vật, lửa không phân biệt chi hết. Và như nước ở biển cả chỉ có một, mà hiện ngàn vạn hình sóng mòi, nước không phân biệt. Lại cũng như tánh gió chỉ có một mà thổi tất cả vật, gió cũng không có nghĩ thổi riêng từng vật nào. Và như vàng thái dương không bị mây mù, thì soi khắp mười phương mà tánh chói sáng chẳng sai khác.

Pháp của các đức Phật cũng in như vậy.

Kinh Hoa Nghiêm

D. PHÁP THÂN

Phật nói: Từ nay về sau, các đệ tử Ta truyền nhau hành đạo, tức là pháp thân Như Lai thường còn ở đời mà chẳng mất vậy.

Kinh Di Giáo

Pháp thân là bất động, bất sanh, bất hý luận, bất phân biệt, yên lặng vậy. Chẳng khá thấy, chẳng khá nghe, chẳng khá ngửi, chẳng khá nếm, chẳng khá sờ, in như thấy các bóng trong gương, tùy theo tâm chúng sanh, mọi sức tin hiểu, mà thị hiện các thân sai khác.

Kinh Phật Cảnh Giới

Trí Như Lai sâu thâm, khắp chuyển nói pháp giới, dẫn đường sáng cho đời, đồng pháp thân các Phật, tùy theo ý chúng sanh, cho thấy các hình sắc, một cõi một Phật thân, hóa làm vô lượng Phật.

Kinh Hoa Nghiêm

Ngài Đại Huệ Bồ Tát lại thưa với đức Phật rằng: Thưa Thế Tôn! Vì sao Như Lai có mật ý đối với đại chúng mà xưng lời như vậy: "Ta là tất cả các đức Phật đời quá khứ."

Đức Phật đáp: Này Đại Huệ! Vì Như Lai nương 4 món bình đẳng nên có mật ý với trong đại chúng mà nói lời như thế. Là 4 món gì? Gọi là: 1. Tự bình đẳng, 2. Ngữ bình đẳng, 3. Thân bình đẳng, 4. Pháp bình đẳng.

1. Tự bình đẳng là: Ta gọi là Phật, tất cả các đức Như Lai khác cũng gọi là Phật, tên Phật không sai khác, ấy là tự bình đẳng.
2. Ngữ bình đẳng là: khởi lên các lời bằng tiếng phạm âm, tất cả các Như Lai cũng nói tiếng ấy, vì tánh của tiếng phạm âm chẳng thêm chẳng bớt, không có sai khác, ấy là ngữ bình đẳng.
3. Thân bình đẳng là: pháp thân sắc tướng và các món tùy hình hảo của Ta cùng với các đức Phật khác thầy đều đồng, không có sai biệt, ấy là thân bình đẳng.
4. Pháp bình đẳng là: Ta cùng các đức Phật khác đều đồng nói được 37 món bồ đề phận pháp, ấy là pháp bình đẳng.

Do đó cho nên Như Lai đối giữa đại chúng mà nói lời như thế.

Kinh Nhập Lăng Già

Thân Phật dày nhầy trong pháp giới.

Khắp hiện trước mặt mọi chúng sanh.

Theo duyên cảm đến thầy đều khắp.

Mà thường ngồi tòa các Bồ tát.

Kinh Hoa Nghiêm

Pháp thân Như Lai với pháp thân Bồ tát bản thể tuy không khác, mà với công đức oai lực thời chẳng đồng. Tất cả pháp tánh tướng bình đẳng, bản thể đồng nhất: Phạm Thánh, mê ngộ, nhiễm tịnh, nhơn quả khứ lai, tiến thoái, đều đồng một tướng vậy. Nhưng như ngọc ma ni chưa được mài dũa lau chùi thời chưa có ánh sáng vẻ vang. Pháp thân của Bồ Tát cũng như viên ngọc ma ni chưa dũa lau, cho nên không thể nói là đồng với Pháp thân Như Lai được.

Kinh Hoa Nghiêm

Đức Phật bảo Ngài Ca Diếp rằng: Thân Như Lai là thân thường trú, cái thân cứng như kim cương không thể phá hoại được. Hễ ai có nhơn duyên hay hộ trì Chánh pháp, thời thành tựu được thân kim cương này. Ta nhiều đời về trước, nhờ nhơn duyên hộ pháp, mới được trọn nên thân kim cương thường trú chẳng khá hoại này.

Kinh Niết Bàn

Ngài Di Lặc Bồ Tát hỏi Phật rằng: Khi Phật ở thành Tì Gia mà thành đạo dưới gốc cây Bồ đề, cho đến nay chưa bao lâu, mà được vô số Phật, Bồ tát đã nhiều kiếp tu hành đến nay kính lễ Thế Tôn, in như ông già trăm tuổi bảo một kẻ thanh niên hơn hai mươi tuổi rằng: "Người là cha ta vậy". Cha mà nhỏ tuổi hơn con, cả người đời chẳng ai tin nổi. Xin Phật vì người đời sau mà giải thích cho điều nghi này.

Bấy giờ đức Thế Tôn bảo cả chúng Đại Bồ tát rằng: Từ khi Ta thành Phật đến nay đã 500 vạn ức số mây trần, cũng đã trải qua trăm ngàn vạn ức thời gian số kiếp. Từ ấy đến nay ta thường ở thế gian này thuyết pháp giáo hóa, và còn ở trăm ngàn vạn ức thế giới khác nữa, mà diu dắt lợi ích cho chúng sanh.

Này các Bồ Tát! Ta ở trong ngàn ấy thời gian, làm các món Phật sự, và lại nói rằng nhập Niết Bàn như thế, đều là dùng phương tiện vậy thôi. Các Bồ Tát! Ta tiếp người ứng theo tri thức của họ mà nói ra danh tự chẳng đồng, tuổi tác lớn nhỏ; lại có lúc nói nhập Niết Bàn, có lúc chẳng nhập Niết Bàn. Như Lai với chúng sanh nào ưa tiểu pháp, thời Ta nói Ta xuất gia từ nhỏ, rồi chúng được quả vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Nhưng kỳ thật Ta thành Phật đến nay đã lâu lắm rồi, chỉ dùng phương tiện giáo hóa chúng sanh khiến vào Phật Đạo nên mới nói như vậy thôi.

Này các Bồ Tát! Như Lai diễn nói kinh điển đều nhằm mục đích độ thoát chúng sanh. Tuy là hoặc nói thân mình, hoặc nói thân người, hoặc hiện việc mình, hoặc hiện việc người; đã nói ra đều là chân thật, chẳng hư.

Tại sao thế? Tại vì Như Lai thật biết thấy toàn tướng ba cõi không có sanh tử, hoặc vào hay ra, không có kẻ tại thế hay diệt độ, chẳng thật cũng chẳng hư, chẳng đồng cũng chẳng dị, chẳng phải giống như cái thấy biết ba cõi của phàm phu.

Như Lai thấy biết rõ ràng, không có lầm lẫn. Bởi chúng sanh có nhiều lòng tham muốn, nhiều món phân biệt, cho nên phải nói nhiều như duyên, nhiều phương pháp, để khiến tu các điều lành. Như vậy Ta từ khi thành Phật đến nay, đã rất lâu xa, sống lâu vô lượng thường trú chẳng diệt; mà lại nói rằng "Diệt" là vì muốn giáo hóa chúng sanh vậy. Thế thì tại sao mà chẳng nói Như Lai thường trú bất diệt? Bởi những người bạc đức, chẳng trông căn lành, nếu nói thế họ càng bần cùng hạ tiện, tham lam ngũ dục mà bị đọa vào vọng kiến, cho nên phải phương tiện bảo rằng: "Các Đức Phật ra đời khó gặp, qua trăm vạn kiếp mới có Phật ra đời, mà còn có người chẳng thấy Phật". Chúng sanh nghe lời nói này, thời nhất định sẽ nghĩ là khó gặp, mới sanh lòng khao khát trong gặp Phật, muốn trồng các căn lành, vậy nên Như Lai chẳng diệt mà bảo rằng "diệt độ" vậy.

Kinh Pháp Hoa

Pháp thân Như Lai phi lai, phi khứ, vì thật tánh của các pháp chẳng lay động vậy. Chơn như là Như Lai, pháp giới là Như Lai, pháp tánh là Như Lai, tánh không hư vọng là Như Lai, tánh không biếng nhác là Như Lai, tánh bình đẳng là Như Lai, tánh ly sanh là Như Lai, thật tánh là Như Lai, trụ tánh là Như Lai, thật tế là Như Lai, cõi hư không là Như Lai, cõi chẳng nghĩ bàn là Như Lai, tánh vô sanh là Như Lai, tánh vô diệt là Như Lai, tánh như thật là Như Lai, tánh xa lìa là Như Lai, tánh vắng lặng là Như Lai, không tánh là Như Lai, vì là không đến không đi vậy.

Kinh Đại Bát Nhã

Đức Phật gọi Ngài Ca Diếp: Này Ca Diếp! Phật tánh thăm sâu khó thấy khó vào. Ví như có một trăm kẻ mù, vì muốn chữa mắt, mới rủ nhau đến một danh sư. Vị thầy thuốc lấy con dao bằng vàng cắt màng trong con mắt; rồi ông đưa một ngón tay hỏi bọn kẻ mù thấy không? Đáp: chưa thấy được. Ông lại đưa hai ba ngón, bọn kẻ mù mới thấy lờ mờ. Cũng như có vô lượng Bồ Tát, đầy đủ các món Ba la mật, tuy chứng đến Thập trụ, mà Như Lai chưa nói Phật tánh nên chẳng hay thấy được Phật tánh, Thập Trụ Bồ Tát hãy còn chẳng thấy hưởng hồ nhị thừa. Và đến khi Như Lai đã nói Phật tánh, mới thấy chút ít vậy.

Ví như có người đi ngoài đồng nội, khát mà tìm nước, vừa có con hạc trắng ở trong đám cây rừng rậm, kẻ khát kia vì mê muối, nên không thể phân biệt được, cho con hạc là nước, và khi đến nơi xem kỹ mới biết là con hạc trắng.

Kinh Niết Bàn

Đức Phật dạy: Các Đệ tử ví như có một nhà vua, phán quan Đại thần đem một con voi bảo bọn người mù sờ coi. Bọn mù mỗi người chỉ sờ được một chỗ thôi. Nhà vua hỏi bọn mù hình voi ra sao? Kẻ sờ được cặp ngà thì tâu: hình nó như hai bắp chuối; kẻ sờ nhằm hai tai thì tâu: hình nó giống như cái quạt mo, kẻ sờ nơi đầu thì tâu: không phải như chuối, mo, mà như cục đá; kẻ sờ trúng cái vòi thì trả lời giống như khúc chày; kẻ sờ phải chân nói voi giống như chiếc cối; có kẻ bộ cao con nên sờ đến trên lưng thì tâu: con voi giống như chiếc giường nằm, kẻ lùn sờ nơi bụng thì tâu: như cái lu; và kẻ sờ nhằm cái đuôi thì tâu: cái hình con voi chỉ giống như một đùm giấy chớ chẳng giống gì khác.

Bọn người mù đã tâu, tuy chẳng nói hết được toàn thân con voi, nhưng ngoài cái mà họ đã nói thì không có voi. Tất cả pháp, tại sắc bất tại thọ, đều là Phật tánh vậy.

Kinh Niết Bàn

Ở trong một mảy trần thấy đủ các thể giới chúng sanh nghe điều này phát cuồng tâm mê loạn.

Kinh Hoa Nghiêm

Đức Di Lạc Bồ tát bảo Ngài Diệu Cát Tường rằng: "Tôi không thể cúng dường Đức Như Lai được. Tại sao thế? Vì Như Lai Chơn Như, không có hai tướng, Chơn Như là Như Lai vậy".

Ngài Diệu Cát Tường hỏi: Sao Ngài biết không có hai tướng? Ngài Di Lạc đáp: Vì sanh khởi tâm phân biệt sai khác rồi cho: đây là phiên não, kia là xuất thế gian, nên có hai tướng. Nếu liễu đạt được nhưt tánh tất cả mọi pháp như thế cả thời không có hai tướng.

Đối với hai tướng, nếu chẳng bị tùy theo thức nó chuyển biến khởi các tướng phân biệt thời không có hai tướng.

Kinh Thân Thông Cảnh Giới

Cảnh giới các Đức Phật Thế Tôn không thể so sánh được, vì cảnh giới bất khả tư nghì. Có chỗ đã gọi: Tất cả các đức Phật ngồi xếp bằng trên chân một chỗ mà biển đầy khắp mười phương vô lượng thế giới. Tất cả các Đức Phật nói nghĩa một câu đều có thể mở bày, tất cả Phật pháp. Tất cả các Đức Phật phóng một ánh hào quang đều có thể soi khắp tất cả thế giới. Tất cả các Đức Phật với trong một thân, đều có thể thị hiện tất cả các thân. Tất cả các Đức Phật với trong một chỗ, đều có thể thị hiện tất cả thế giới. Tất cả các Đức Phật với trong một trí, đều có thể thấu rõ tất cả các pháp. Tất cả các Đức Phật với trong một niệm, đều có thể trụ mười phương thế giới. Tất cả các Đức Phật với trong một niệm, đều có thể hiển hiện vô lượng oai đức của Như Lai. Tất cả các Đức Phật với trong một niệm, khắp duyên ba đời Phật và chúng sanh mà tâm không lộn xộn. Và tất cả các Đức Phật với trong một niệm, cùng với các Đức Phật quá khứ, hiện tại vị lai thể một không hai vậy.

Kinh Hoa Nghiêm

Bồ tát biết tất cả cảnh giới trong thế gian là cảnh giới của Như Lai. Tất cả cảnh giới ba đời, tất cả cõi cảnh giới, tất cả pháp cảnh giới, tất cả chúng sanh cảnh giới, cõi chơn thật không sai khác cảnh giới, pháp giới không ngăn ngại cảnh giới, thật tế không ngăn mé

cảnh giới, hư không không hạn lượng cảnh giới, cảnh giới không có cảnh giới là Như Lai cảnh giới. Cảnh giới của thế gian nhiều vô lượng thì cảnh giới của Như Lai cũng nhiều vô lượng.

Kinh Hoa Nghiêm

Người đời buông lung say mê trong năm món dục, vọng tưởng xằng bậy mà gây tội khổ. Vậy nên siêng năng tu hành chẳng buông lung, phụng hành Phật pháp, lập đại thế nguyện, năng độ kẻ mê ấy là Phật cảnh giới. Thấy kẻ mê lầm lạc đường Chánh Đạo, tập thành các tà hạnh đọa vào các thú, ở lâu trong chốn rất tối tăm; vì những kẻ ấy hiện ra đèn trí huệ khiến thấy Phật pháp, là Phật cảnh giới.

Nước biển trong ba cõi sâu rộng mênh mông không bờ đáy; các chúng sanh nổi chìm trong đó, dùng phương tiện tạo thành con thuyền Chánh pháp để độ qua, là Phật cảnh giới vậy.

Kinh Hoa Nghiêm

Cảnh giới các Đức Phật chẳng khá nghĩ bàn, tất cả chúng sanh suy lường cảnh giới Phật, thời tâm phát cuồng loạn.

Kinh Bát Nhã

E. NIẾT BÀN

Đức Phật bảo đại chúng rằng: Niết bàn là giải thoát. Niết Bàn chẳng phải sắc mà Nhị thừa giải thoát vậy; sắc ấy là giải thoát của các Đức Phật. Giải thoát mà khi nào xa lìa tất cả ràng buộc, không còn sanh, không còn hòa hiệp là chẳng phải chơn giải thoát.

Chơn giải thoát tức Như Lai, vì tính thanh tịnh vậy. Như Lai với giải thoát không hai. Chơn giải thoát là như hư không; chơn giải thoát là vô vi; chơn giải thoát là vô bệnh, chơn giải thoát là yên lặng; chơn giải thoát là yên ổn; chơn giải thoát là không có bè bạn; chơn giải thoát là không lo sợ; chơn giải thoát là không buồn vui; chơn giải thoát là không hư hoại; chơn giải thoát là không ép bức; chơn giải thoát là không động pháp; chơn giải thoát là hiếm có; chơn giải thoát là chẳng khá lường; chơn giải thoát là tối thượng; chơn giải thoát là vô thượng; chơn giải thoát là hằng thường; chơn giải thoát là kiên thiết; chơn giải thoát là vô biên; chơn giải thoát là sâu thăm; chơn giải thoát là chẳng khá thấy; chơn giải thoát là chẳng khá lấy; chơn giải thoát là thanh tịnh; chơn giải thoát là

một vị; chơn giải thoát là vắng lặng; chơn giải thoát là bình đẳng; chơn giải thoát là biết đủ; chơn giải thoát là lặng thình.

Kinh Niết Bàn

Có lời hỏi Đức Phật vào Niết bàn có phải cũng vô thường hay không?

Lời đáp: Niết bàn chẳng phải vô thường mà là thường trú vậy. Tại sao thế? Vì Thế gian có 5 nhơn:

1. Sanh nhơn: nghiệp phiền não và các hạt giống cỏ cây v.v...
2. Hòa hiệp nhơn: là thiện với thiện tâm hòa hiệp, bất thiện với bất thiện tâm hòa hiệp, vô ký với vô ký tâm hòa hiệp vậy.
3. Trụ nhơn: là vì ở dưới có trụ cột nên cái nhà chẳng bị sụp đổ
4. Tăng trưởng nhơn: như nhờ nhơn duyên mặc áo, ăn uống v.v... nên khiến chúng sanh thêm lớn thân mạng; còn ngoại cảnh như các hạt giống chẳng bị lửa đốt, chẳng bị chim ăn mà được sanh trưởng vậy.
5. Viễn nhơn: Như nhờ quốc vương, nên không có kẻ trộm cướp; cũng như mộng giống nương nhờ đất nước gió lửa v.v... mà được sanh lớn

Nhưng bản thể Niết Bàn chẳng phải do năm nhơn này mà tạo thành, cho nên không thể là vô thường được.

Lại còn có hai nhơn nữa: thứ nhất là liễu nhơn: như đèn đuốc soi vào trong chỗ tối: thứ hai là tác nhơn: như thợ sứ làm thành đồ sứ vậy. Nhưng Niết Bàn chẳng phải nhờ tác nhơn tạo thành, mà chỉ nhờ liễu nhơn được hiển hiện vậy thôi. Cho nên liễu nhơn cũng gọi là 37 món đạo phẩm và lục độ vậy.

Kinh Niết Bàn

Đức Phật bảo Ngài Ca Diếp: Này Ca Diếp! Các Thanh văn và phàm phu, nghe nói Tam thừa không sai khác mà sanh lòng nghi. Nhưng Tam thừa thành tựu được Đạo quả, đồng là một Phật tánh, cho nên không có sai khác. Các chúng sanh đời sau xa mới biết tất cả Tam Thừa đồng một Phật tánh; như trừ bỏ được các quặng bẩn trong vàng mới thành vàng ròng: chúng sanh đến bực hết phiền não, mới biết là Tam Thừa đồng một Phật tánh. Nếu nói rằng Thanh Văn như Xá Lợi Phất được tiểu Niết Bàn, Duyên Giác được trung Niết Bàn, Bồ tát được đại Niết bàn ấy, là có lỗi. Tuy khai thị ra có Tam thừa đấy, nhưng khi biết Như Lai Bí mật Tạng thời các vị A La Hán cũng đều được đại Niết bàn. Cho nên đại Niết bàn là vui rớt rạo vậy, chớ đâu có sai khác.

Kinh Niết Bàn

Đức Phật bảo Tư Ích rằng: Ta chẳng bị sanh tử mà cũng chẳng được Niết bàn gì ráo.

Bấy giờ có 500 vị Tỳ kheo vừa nghe lời ấy đều từ chỗ ngồi đứng dậy một lượt mà thưa Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn! Như vậy thì bọn chúng tôi luống tu phạm hạnh, nếu không có Niết bàn thời tu Đạo cầu trí huệ làm chi?

Ngài Tư Ích Phạm Thiên thay Phật mà giải thích cho các Tỳ kheo rằng: Ví như có người si sợ hư không, bỏ hư không mà chạy, thì chạy đến chỗ nào cũng đều gặp hư không. Trái lại có một người tìm hư không rông chạy đông tây mà rằng: "Tôi tìm hư không". Người này chỉ biết cái tên hư không mà chẳng biết hư không là chi cả. Cũng thế kẻ cầu Niết Bàn, hằng qua lại trong Niết Bàn mà chẳng biết Niết bàn là chi, còn cho đó là phiền não; cũng bởi chỉ biết danh tự Niết Bàn mà chẳng biết bản thể Niết Bàn vậy.

Kinh Phạm Thiên Tư Ích Sở Vấn

Đức Phật bảo Ngài Đại Huệ rằng: Nay Đại Huệ: Vô tánh thừa là hạng xiển đề vậy. Hạng này có hai thứ: một là vì bỏ tất cả căn lành; hai là phát khởi tâm nguyện thương tất cả chúng sanh, tận cùng tất cả cõi chúng sanh ấy vậy.

Thế nào là bỏ tất cả căn lành? Nghĩa là bài báng Bồ Tát Tạng rằng: "Thuyết này chẳng phải thuận với giải thoát". Chính khi thốt ra lời ấy căn lành đều bị đứt mất, thời không thể vào Niết Bàn được.

Còn thế nào là phát nguyện thương chúng sanh tận cùng các cõi chúng sanh? Trả lời: Nghĩa là lấy bản nguyện và phương tiện của Bồ tát khiến tất cả chúng sanh đều vào Niết Bàn. Nếu còn một chúng sanh chưa vào Niết Bàn, thì Ta cũng chưa vào Niết Bàn. Đây cũng là thuộc một hạng xiển đề.

Ngài Đại Huệ hỏi rằng: Bạch Đức Thế Tôn! Tại sao kia rốt ráo chẳng vào Niết Bàn.

Đức Phật đáp: Một hạng Bồ Tát xiển đề kia biết xưa nay vẫn là Niết Bàn, cho nên rốt ráo chẳng vào Niết Bàn. Tại sao? Vì hạng xiển đề bỏ căn lành còn nhờ oai lực của Phật, hoặc có khi phát tâm Bồ đề, sanh căn lành mà chứng Niết Bàn. Ấy là Phật không bỏ tất cả chúng sanh vậy.

Kinh Nhập Lăng Già

Ngài Duy Ma Cật hỏi ngài Văn Thù Sư Lợi rằng: Thưa Văn Thù Sư Lợi! Thứ gì gọi là hột giống Như Lai?

Ngài Văn Thù Sư Lợi đáp: Nay Duy Ma Cật! Ba món độc tham, sân, và si, bốn món thấy điên đảo, năm món uẩn, sáu món nhập, bảy chỗ thức, tám món tà pháp, chín chỗ não hại, và mười điều ác cùng tất cả phiền não đều là hột giống Phật vậy.

Ở trong bùn phiền não mà sanh được hoa sen thanh tịnh. Có chúng sanh, Phật pháp mới hưng khởi. Nếu chăng vào trong bể cả phiền não, thời có đâu được viên ngọc nhất thể trí.

Kinh Duy Ma Cật

Tâm chúng sanh là Niết Bàn vậy, vì bản tánh thường thanh tịnh, như hư không chẳng khác.

Kinh Tâm Dịch Nhập Lăng Già

Tâm thể của chúng sanh, từ hồi nào đến giờ chẳng sanh chẳng diệt, tự tánh thanh tịnh.

Tâm ấy gọi là Như Lai tạng. Đã có chỗ gọi: đầy đủ vô lượng vô biên bất khả tư nghì, nghiệp thanh tịnh vô lượng vậy.

Kinh Chiêm Sát

Vì muốn Viên giác được thành tựu, nên Bồ Tát chẳng cùng pháp trời buộc mà cũng chẳng cần mở trí; sanh tử cũng chẳng nhàm. Niết Bàn cũng chẳng ưa; tri giới chẳng kính, phá giới cũng chẳng ghét, tu lâu chẳng trọng, mới học cũng chẳng khinh. Tại sao lạ thế? Vì tất cả là Viên giác vậy. Vì như hiểu rõ cảnh ánh sáng trước mặt, ánh sáng ấy trọn đầy mà không ghét ưa, vì thể của ánh sáng không hai vậy.

Không tu không thành tựu, Viên giác khắp soi vắng lặng không hai vậy. Chẳng tức cũng chẳng ly, không trí cũng không mở, tại sao?

Vì chúng sanh đã thành Phật từ xưa nay rồi. Cho nên sanh tử với Niết Bàn chẳng khác gì giấc mộng khi hôm. Vì sanh tử với Niết Bàn cho là giấc mộng khi hôm, nên không khởi không diệt, không đi cũng không đến.

Kinh Viên Giác

Tất cả chúng ngại, tức là rốt ráo Viên giác vậy. Được mất đâu chẳng phải là giải thoát; thành bại đâu chẳng phải là Niết Bàn; trí ngu đâu chẳng phải là Bát nhã. Pháp trợn nên của Bồ tát và ngoại đạo đồng một bản thể bồ đề vậy. Cảnh giới vô minh và chơn như không khác. Ba học giới, định, huệ, ba độc tham, sân, si đều là hạnh tốt vậy. Chúng sanh và quốc độ đồng là một pháp tánh vậy. Địa ngục và thiên đàng, đều là tịnh độ. Hữu tánh và vô tánh, đều thành Phật đạo. Tất cả phiền não, rốt ráo giải thoát. Giác tánh màu nhiệm cao tột, khắp cả mười phương xuất sanh Như Lai và tất cả pháp, mà thể tánh bình đẳng.

Kinh Viên Giác

Đức Phật bảo ông Phạm Chí tên Tu Bạt Đà La ở ngoài rừng Sa la rằng: Này Tu Bạt Đà La! Cõi phi tướng phi tướng, đều gọi là tướng, mà Niết Bàn là vô tướng vậy. Uất Đâu Lam Phất là bậc thầy của người, có tiếng là lợi căn thông minh, mà chẳng biết quả trách cõi phi tướng cho nên chịu ác thân, hưởng là các người. Nếu chẳng dứt tất cả nhơn hữu lậu, thời không thể thấy được thật tướng; vì thật tướng là tướng vô tướng. Vô tướng ấy là tất cả pháp không có tự tướng, không có tha tướng, và không có tướng chung tự tha. Không có pháp tướng, không có phi pháp tướng; không có hữu tướng, không có vô tướng; không có nhơn tướng, không có quả tướng. Mới gọi đó là tướng chơn thật, mới gọi đó là pháp giới, gọi đó là trí rốt ráo, gọi đó là đệ nhất nghĩa đế, và gọi đó là đệ nhất nghĩa không.

Kinh Niết Bàn

Đức Phật bảo ông Thiên Địa Đại Vương rằng: Này Đại vương! Tất cả pháp đều là Phật pháp vậy.

Thiên Địa hỏi Phật rằng: Nếu tất cả pháp đều là Phật pháp, thời tất cả chúng sanh cũng là Phật pháp?

Phật đáp: Nếu chẳng đem tâm vọng tướng điên đảo, thời tất cả chúng sanh đều là Phật pháp. Này Đại vương! Nếu như thật mà thấy chúng sanh là bình đẳng chơn như thật tế, mà thật tế ấy là pháp giới vậy. Mà pháp giới không thể chỉ rõ được, nên mới giả danh là thật tế. Cho nên tùy theo thể tục mới có ngôn thuyết để nói phô cho rõ vậy thôi.

Kinh Bảo Tích

Kinh lời vàng

Tác giả: Dương tú Hạc
Dịch giả: HT Thích Trí Nghiêm

---o0o---

Phụ lục

26 Điều Duyên khởi

Sau đây dịch giả trích dịch 26 lời phụ lục duyên khởi của "Phật giáo Thánh kinh" do Huỳnh Mạnh Lâm trước tác: Ông là người đã từng trợ biên quyển kinh này với ba Dương Tú Hạc:

Nay tôi có mấy điều ý kiến về phương diện vĩ đại của quyển kinh này, xin liệt kê như sau:

1. Biên tập lấy những đoạn dễ hiểu, nghĩa lý rõ ràng tinh yếu của ba tạng: Kinh, Luật, Luận
2. Tuyệt nhiên chẳng thêm bớt một câu nào theo ý kiến riêng của mình
3. Quyển kinh này là mở đầu cho việc làm mà xưa nay chưa từng có
4. Có thể khiến cho những ai có ý chí muốn nghiên cứu Phật học, để học Phật, chỉ đọc quyển kinh này có thể rút ngắn khỏi phải mất thời gian 10 năm nghiên cứu
5. Chẳng có một phần, một chương hay một bài nào mà giáo lý chẳng thích hợp việc nhu cầu thiết yếu cho Đời và Đạo
6. Các vị Nguyên thủ mà được Kinh này. Thời khiến họ có thể càng phát huy thêm việc trị nước an dân cho đại cuộc quốc gia.
7. Những bậc phụ tá Công thần mà được Kinh này, thời khiến họ có thể trung can thêm với Tổ quốc, mà phục vụ đắc lực cho quốc gia dân tộc
8. Là người con mà được Kinh này, thời hiểu đạo chẳng đến nỗi suy vong
9. Kẻ làm cha mà được Kinh này, thời khiến họ có thể phát huy thêm lòng từ ái
10. Người làm mẹ mà được Kinh này, thời khiến họ có thể mở rộng thêm lòng thương bao la
11. Kẻ giàu sang mà được Kinh này, thời khiến họ có thể càng giàu sang thêm
12. Người nghèo cùng mà được Kinh này, thời khiến họ có thể diệt trừ hột giống nghèo hèn

13. Kẻ hiền lành mà được Kinh này, thời khiến họ có thể từ chỗ lành mà đi đến chỗ lành
14. Kẻ ác mà được Kinh này, thời khiến họ có thể chữa lỗi làm lành tức khắc
15. Kẻ nam nhi mà được Kinh này, thời khiến họ có thể dứt trừ lòng tà dâm, quay về chánh đạo
16. Kẻ nữ nhi mà được Kinh này, thời khiến họ có thể trọn vẹn nhiệm vụ giúp chồng dạy con
17. Những người đã tin Phật pháp mà được Kinh này, thời khiến họ có thể phát lòng đại dũng mãnh tinh tiến
18. Những người chẳng tin Phật pháp mà được Kinh này, thời khiến họ có thể phát sanh lòng Chánh tín tức thì
19. Người tu hành được Kinh này, thời khiến họ chẳng đến nỗi sai đường lạc lối
20. Các thầy Kinh sư mà được Kinh này, thời rất có tài biện luận, không bị ngăn ngại
21. Các thầy Luật sư mà được Kinh này, thời Luật hạnh càng thêm trang nghiêm
22. Những người tu pháp môn niệm Phật mà được Kinh này thời khiến họ mau vào cảnh giới niệm Phật chánh định
23. Những kẻ tu thiền định mà được Kinh này, thời khiến họ mau chứng được Bản thể Chơn như Thật tướng
24. Những kẻ học Mật Tông mà được Kinh này, thời khiến họ được dung hòa Mật giáo và Hiển giáo
25. Kẻ hoa niên mà được Kinh này, thời khiến họ mau thành gia lập nghiệp
26. Những người già cả mà được Kinh này, thời càng thêm phước thọ

Tóm lại, tuy nhiên Phật Pháp sâu rộng mênh mông như bể cả, nếu ai thật lòng có thể đối với những lúc đi, đứng, ngồi, nằm mà chăm lòng tinh cứu, rồi nương theo giáo pháp mà tu trì, thời nhất định có thể khiến họ được vui sướng là hiểu rõ chơn nghĩa Phật Pháp dễ như thể chẻ tre. Là có những điều này xin thưa rõ:

Phật Pháp chẳng những chẳng mê tín mà là phá trừ mê tín nữa là khác.

Phật Pháp chẳng những chẳng tiêu cực mà chính là tích cực nữa là khác.

Phật Pháp chẳng những chẳng tránh trốn cuộc đời hiện thật, mà chánh xác quên mình cứu người là khác.

Phật Pháp chẳng dạy người bỏ đời mà còn dạy người phát nguyện vào đời độ sanh nữa là khác.

Viết tại Đài Bắc ngày 14 tháng 3 năm Đinh Dậu, Năm Dân Quốc thứ 46 (1957).

Ngửa mong Đức Phật Thế Tôn,
Khấp vì Thế gian ra đời;
Xin ngài rủ lòng thương xót,
Quyết khiến tôi được thấy hình,
Rủ lòng che hộ cho tôi,
Khiến giống Pháp ngày thêm lớn;
Đời này và các đời sau,
Xin Phật thường nhiếp thọ cho.

Kinh Thắng Mạng

Cúi xin các Phật thường gia hộ,
Hay dứt tất cả tâm điên đảo.
Nguyện tôi sớm ngộ nguồn chơn tánh,
Mau chứng Như Lai Đạo Vô thượng.

Kinh Tâm Địa Quán

Nguyện đem công đức này,
Hương về khắp tất cả
Chúng tôi và chúng sanh
Đều trọn nên Phật đạo.

Kinh Pháp Hoa

--- o0o ---